

Lê Thị Tuyết Nhung

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174648 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/12/2006, thay đổi lần gần nhất ngày 24/4/2024; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/12/2006, thay đổi lần gần nhất ngày 15/4/2024)



Capital Insight
Client Innovation

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 312/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09 tháng 01 năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

Trụ sở chính : Tầng 15, tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (024) 3248 4820

Website : <https://www.tvsvn/>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: LÊ THỊ TUYẾT NHUNG

Chức vụ: Trưởng phòng lưu ký

Số điện thoại: (024) 3248 4820



DANH MỤC HỒ SƠ

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

1. Giấy đăng ký chào bán
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên và bản thay đổi gần nhất;
3. Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán lần đầu và bản thay đổi gần nhất.
4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCD**”) thông qua phương án chào bán và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng các quy định liên quan;
5. Tờ trình **ĐHĐCD** và phương án chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ;
6. Quyết định của Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) thông qua triển khai các nội dung chi tiết về Phương án chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ;
7. Quyết định của **HĐQT** thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ;
8. Bản cáo bạch;
9. Điều lệ của Công ty;
10. Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 và Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất Quý I/2025
11. Văn bản cam kết triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán và cam kết đáp ứng quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán;
12. Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
THIÊN VIỆT

Số: 55-25/TVS-CV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2025

GIẤY ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Cổ phiếu: TVS (Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt)

Kính gửi: – ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC.
– SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH (HSX).

SAO Y BẢN CHÍNH

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

1. Tên tổ chức đăng ký phát hành: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt
2. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Harec, 4 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
3. Điện thoại : (024) 3248 4820 Fax: (024) 324 84821
4. Mã chứng khoán : TVS
5. Vốn điều lệ : 1.669.952.740.000 đồng (Một ngàn sáu trăm sáu mươi chín tỷ chín trăm năm mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi ngàn đồng)
6. Nơi mở tài khoản : Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long
Số hiệu tài khoản : 2200088665
7. Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103014996 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/12/2006, thay đổi lần gần nhất ngày 05/07/2024.
 - Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/12/2006, thay đổi lần gần nhất ngày 25/6/2024.
 - Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán
Chi tiết: Môi giới chứng khoán - Tự danh chứng khoán - Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán - Bảo lãnh phát hành - Lưu ký chứng khoán
Mã ngành: 6612
 - Sản phẩm/dịch vụ chính: Chứng khoán
8. Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):
Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/12/2006, thay đổi lần gần nhất ngày 05/07/2024.
9. Tổ chức phát hành thuộc ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc phát hành:
Không



10. Tổ chức phát hành thuộc trường hợp cơ cấu lại (trường hợp hợp nhất) trong giai đoạn từ thời điểm bắt đầu kỳ kế toán của năm thứ hai liền trước năm đăng ký chào bán đến thời điểm đăng ký chào bán: Không.
11. Tổ chức phát hành thuộc trường hợp cơ cấu lại (sáp nhập, mua lại doanh nghiệp, bán tài sản), trường hợp tách công ty (với tổng giá trị tài sản các công ty được tách từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên của công ty trước khi tách) trong giai đoạn từ thời điểm bắt đầu kỳ kế toán của năm liền trước năm đăng ký chào bán đến thời điểm đăng ký chào bán: Không.

II. THÔNG TIN VỀ CỔ PHIẾU CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

1. Cổ phiếu phổ thông
 - Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 166.995.274 cổ phiếu.
 - Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 166.995.274 cổ phiếu.
 - Tổng giá trị cổ phiếu đang lưu hành (tính theo mệnh giá): 1.669.952.740.000 đồng (*Một ngàn sáu trăm sáu mươi chín tỷ chín trăm năm mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi ngàn đồng.*)
 - Đặc điểm (nêu rõ các đặc điểm hoặc các quyền kèm theo): Không có
 - Tổng số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
 - Đợt mua lại cổ phiếu gần nhất: Không có
2. Cổ phiếu ưu đãi: Không có

III. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU: Chào bán cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, phân bổ cho các hoạt động trên cơ sở phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN:

1. Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công Ty Cổ Phần Chứng khoán Thiên Việt
2. Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
3. Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 đồng/cổ phiếu.
4. Giá chào bán cao nhất dự kiến : 10.000 đồng/cổ phiếu.
5. Giá chào bán thấp nhất dự kiến : 10.000 đồng/cổ phiếu.
6. Số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán: 33.399.054 cổ phiếu.
7. Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký chào bán thêm trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 1:5
8. Tỷ lệ thực hiện quyền (trường hợp chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ): 100:20 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền mua, cổ đông sở hữu 100 quyền mua được mua 20 cổ phần mới).
9. Tổng giá trị vốn huy động dự kiến: 333.990.540.000 đồng.
10. Tỷ lệ chào bán thành công (trường hợp chào bán để thực hiện dự án): Không có
11. Thời gian dự kiến chào bán: Quý II/2025 và/hoặc Quý III/2025, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
12. Phương thức phân phối (thông qua tổ chức bảo lãnh phát hành, đại lý phát hành hay đấu giá,...): Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua. Cụ thể tại

ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền mua, cổ đông sở hữu 100 quyền mua được mua 20 cổ phần mới.

V. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phần ra công chúng sẽ được sử dụng để bổ sung toàn bộ cho hoạt động đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của công ty.

Cụ thể:

- Bổ sung cho hoạt động đầu tư hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi: 260.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tỷ đồng)
- Phần còn lại 73.990.540.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi ba tỷ chín trăm chín mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn) sẽ được giữ lại và phân bổ theo tình hình hoạt động kinh doanh của công ty vào từng thời kỳ nhưng vẫn đảm bảo trong phạm vi phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua, đảm bảo lợi ích tốt nhất cho công ty và cổ đông. HĐQT sẽ báo cáo về tình hình sử dụng vốn tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên gần nhất.

VI. CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức tư vấn: Không có
2. Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH PwC Việt Nam
3. Tổ chức bảo lãnh phát hành (nếu có): Không có
4. Bên liên quan khác (nếu có): Không có

VII. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Chúng tôi xin đảm bảo rằng những thông tin trong hồ sơ này là đầy đủ và đúng sự thật, không phải là thông tin giả hoặc thiếu có thể làm cho người mua cổ phiếu chịu thiệt hại.
2. Chúng tôi cam kết:
 - Nghiên cứu đầy đủ và thực hiện nghiêm chỉnh các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 - Không có bất kỳ tuyên bố chính thức nào về việc chào bán chứng khoán trên các phương tiện thông tin đại chúng trước khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.
 - Lựa chọn ngân hàng mở tài khoản phong tỏa không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành.
 - Sử dụng vốn huy động đúng mục đích đã nêu trong Bản cáo bạch.
 - Chịu mọi hình thức xử lý nếu vi phạm các cam kết nêu trên.


VIII. TÀI LIỆU KÈM THEO


1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên và bản thay đổi gần nhất;
2. Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán lần đầu và bản thay đổi gần nhất.



3. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thông qua phương án chào bán và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng các quy định liên quan;
4. Tờ trình ĐHĐCĐ và phương án chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ;
5. Quyết định của Hội đồng quản trị (“HĐQT”) thông qua triển khai các nội dung chi tiết về Phương án chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ;
6. Quyết định của HĐQT thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ;
7. Bản cáo bạch;
8. Điều lệ của Công ty;
9. Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 và Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất Quý I/2025
10. Văn bản cam kết triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán và cam kết đáp ứng quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán;
11. Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa.

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT




NGUYỄN THANH THẢO
Tổng giám đốc

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY CỔ PHẦN
Số: 0103014996**

Đăng ký lần đầu, ngày 13 tháng 12 năm 2006

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT**
Tên giao dịch: **THIEN VIET SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**
Tên viết tắt: **TVSC., JSC**
2. Địa chỉ trụ sở chính: **Số 535 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội**
Điện thoại: **0903505090** Fax:
Email: Website:
3. Ngành, nghề kinh doanh:
- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành;
- Lưu ký chứng khoán.
4. Vốn điều lệ: **43.000.000.000 đồng (Bốn mươi ba tỷ đồng VN)**
5. Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần
1	CÔNG TY TÀI CHÍNH ĐẦU KHÍ Đại diện: NGUYỄN TIẾN DŨNG	Số 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.	430.000
2	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VMF VIỆT NAM Đại diện: LÊ HUY HOÀNG	Số 10, phố Chu Văn An, phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Hà Nội.	387.000
3	NGUYỄN TRUNG HẢI		3.010.000
4	ĐẶNG THỊ KIM YẾN		473.000

6. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: **Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Họ và tên: **NGUYỄN TRUNG HÀ**

Giới tính: (Nam)

Sinh ngày: Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Chữ ký:

7. Tên, địa chỉ chi nhánh: —

8. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện: —

Trưởng phòng đăng ký kinh doanh

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: **4546401** Quyển số: **SCT/BS**

Ngày: 20-08-2025

Người thực hiện chứng thực

Đặng Minh Tuấn



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Thùy

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0102114648

Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 12 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 05 tháng 07 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN VIET SECURITIES JOINT STOCK COMPANY .

Tên công ty viết tắt: TVSC., JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tầng 15, tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.32484820

Fax:

Email: *info@tvs.vn*

Website:

3. Vốn điều lệ: 1.669.952.740.000 đồng.

Bằng chữ: Một nghìn sáu trăm sáu mươi chín tỷ chín trăm năm mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 166.995.274

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN TRUNG HÀ

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày:

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

* Họ và tên: NGUYỄN THANH THẢO

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày:

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú:

Địa chỉ liên lạc:

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 4546301 Quyền số: SCT/BS

Ngày: 20-08-2025

Người thực hiện chứng thực

TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Văn Tình



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Thủy

Số: **36** /UBCK-GPHĐKD

Hà Nội, ngày **25** tháng **12** năm 2006

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Nghị định số 144/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 161/2004/QĐ-TTg ngày 07 tháng 09 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Xét hồ sơ xin cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ngày 10 tháng 07 năm 2006;

Theo đề nghị của Trưởng ban Quản lý Kinh doanh Chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

- Tên giao dịch: THIEN VIET SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
- Trụ sở chính đặt tại: Số 535 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **0103014996** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 12 năm 2006
- Vốn điều lệ: **43.000.000.000** (bốn mươi ba tỷ) đồng .

Điều 2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt được thực hiện các loại hình kinh doanh sau đây:

1. Môi giới chứng khoán
2. Tự doanh chứng khoán
3. Bảo lãnh phát hành chứng khoán
4. Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán



5. Lưu ký chứng khoán.

Điều 3. Trong quá trình hoạt động, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về chứng khoán và thị trường chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ của Công ty.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt phải khai trương hoạt động. Sau thời hạn trên, nếu Công ty không khai trương hoạt động, Giấy phép này mặc nhiên hết hiệu lực.

Điều 5. Giấy phép này được lập thành hai (02) bản gốc: một (01) bản cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt, một (01) bản đăng ký tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CHỦ TỊCH



Vũ Bằng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 4546601 Quyển số: SCT/BS

Ngày: 20-08-2025

Người thực hiện chứng thực



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Thùy



BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48 /GPĐC - UBCK

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2024

GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH
Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động công ty chứng khoán;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 36/UBCK-GPHĐKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt;

Căn cứ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Kinh doanh Chứng khoán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 36/UBCK-GPHĐKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần Chứng khoán Thiên Việt với nội dung như sau:

Vốn điều lệ: 1.669.952.740.000 đồng (một nghìn sáu trăm sáu mươi chín tỷ chín trăm năm mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Điều 2. Giấy phép điều chỉnh này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 36/UBCK-GPKD ngày 25 tháng 12 năm 2006 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt.

Các nội dung quy định tại điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt phải được sửa đổi theo quy định tại Giấy phép điều chỉnh này.

Điều 3. Giấy phép điều chỉnh được lập thành hai (02) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt; 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước./

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Văn Thu

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: **4546501** - SCT/BS

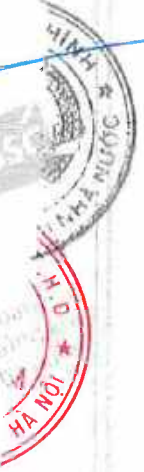
Ngày: 20-08-2025

Người thực hiện chứng thực



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Thủy



CTCP CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
THIEN VIET SECURITIES JSC.

Số/No.: 06022025/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày/date 06 tháng/month 02 năm/year 2025

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
RESOLUTION OF EXTRAORDINARY GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS OF
THIEN VIET SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

SAO Y BẢN CHÍNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG/ GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019;
The Securities Law No. 54/2019/QH14 dated 26/11/2019;
- Luật Doanh nghiệp, số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
The Enterprise Law No. 59/2020/QH14 dated 17/6/2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt;
The Charter of Thien Viet Securities Joint Stock Company;
- Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày 06/02/2025;
The vote counting minutes of collecting shareholders' written opinion dated 06 February 2025;

QUYẾT NGHỊ/ RESOLVED THAT

Điều/Article 1. Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua để tăng vốn điều lệ của công ty như sau/ To approve the Offering of shares to existing shareholders through the exercise of purchase rights to increase the company's charter capital as follows:

A. Phương án chào bán/ Offering Plan:

1. Tên cổ phiếu/ Name of share	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt Thien Viet Securities JSC. Share
2. Loại cổ phiếu/ Type of share	Cổ phần phổ thông Ordinary shares
3. Mệnh giá cổ phiếu/ Face value	10.000 đồng/cổ phiếu (VND/share)
4. Đối tượng chào bán/ Eligible buyer	Cổ đông hiện hữu/ Existing shareholders
5. Vốn điều lệ trước khi chào bán/ Charter capital before offering	1.669.952.740.000 đồng (VND)

6. Số lượng cổ phiếu trước thời điểm chào bán/ <i>Number of outstanding shares before offering</i>	166.995.274 cổ phiếu/ <i>shares</i>
7. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán thêm/ <i>Number of expected offering shares</i>	33.399.054 cổ phiếu/ <i>shares</i>
8. Tỷ lệ thực hiện quyền/ <i>Ratio of rights execution</i>	100:20 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền mua, cổ đông sở hữu 100 quyền mua được mua 20 cổ phần mới/ <i>On the record date, each shareholder will receive one purchase right for every share they own. A shareholder holding 100 purchase rights will be entitled to buy 20 new shares</i>)
9. Giá chào bán/ <i>Offering price</i>	10.000 đồng/cổ phiếu (VND/share)
10. Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ/ <i>Execution of fractional shares</i>	<p>Số cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ/ <i>The number of shares each shareholder is entitled to purchase will be rounded down to the nearest whole number, fractional shares (if any) will be omitted.</i></p> <p>Ví dụ: Cổ đông A đang sở hữu 118 cổ phiếu, sẽ được hưởng 118 quyền mua, số cổ phiếu mới cổ đông A nhận được là: $118 \times 20/100 = 23,6$ cổ phiếu; theo nguyên tắc làm tròn trên, số cổ phiếu mới mà cổ đông A được quyền mua là 23 cổ phiếu, số cổ phiếu lẻ thập phân phát sinh là 0,6 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.</p> <p><i>Ex: Shareholder A is owing 118 shares will receive 118 purchase rights, the number of new shares he is entitled to purchase is: $118 \times 20/100 = 23.6$ shares. Based on the above round down rule, Shareholder A will be entitled to the right of getting 23 new shares and 0.6 share will be omitted.</i></p>
11. Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết/ <i>Handling for undistributed shares</i>	<p>Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu (gồm số cổ phần còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua và số cổ phần còn dư chưa được phát hành do các nguyên nhân khác) sẽ được HĐQT chào bán cho các nhà đầu tư khác (bao gồm nhưng không giới hạn ở các cổ đông hiện hữu khác và các nhà đầu tư khác đáp ứng tiêu chí do HĐQT quyết định) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc chấm dứt đợt chào bán theo quyết định của HĐQT.</p> <p><i>The remaining shares not fully distributed to existing shareholders (including shares left over due to shareholders not exercising their purchase rights, and shares remaining undistributed for other reasons) will be offered by the Board of Directors to other investors (including but not limited to other existing shareholders and other</i></p>

	<i>investor selected by the Board of Directors) at a price not lower than the offering price for existing shareholders or will be subject to the termination of the offering as decided by the Board of Directors.</i>
12. Hạn chế chuyển nhượng/ <i>Transfer restrictions</i>	<p>Cổ phần chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.</p> <p>Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phần đang trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phần. Số lượng cổ phần mua thêm từ quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.</p> <p>Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi được chào bán cho nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng một (1) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định.</p> <p><i>The new shares will not be subject to transfer restrictions.</i></p> <p><i>Existing shareholders still within the restricted period are eligible to receive subscription rights, and the resulting new shares will also be exempt from transfer restrictions.</i></p> <p><i>The remaining undistributed shares allocated to existing shareholders, when offered to other shareholders or investors, will be subject to a one-year transfer restriction starting from the completion date of the offering, in accordance with applicable laws.</i></p>
13. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu/ <i>Minimum successful ratio</i>	Không áp dụng/ <i>N/A</i>
14. Thời gian dự kiến phát hành/ <i>Timing</i>	Năm 2025 hoặc thời hạn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị/ <i>In 2025 or another timing approved by the Board of Directors</i>
15. Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài/ <i>Plan to ensure the issuance of shares complies with regulations on foreign ownership limits</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại TVS là 49%. - Tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện tại là 22,12% - HĐQT phối hợp với VSDC trong việc đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài khi thực hiện phân phối lại số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua được HĐQT phân phối lại cho các nhà đầu tư khác. - <i>The maximum foreign ownership ratio at TVS is 49%.</i> - <i>The current foreign ownership ratio is 22.12%.</i> - <i>The Board of Directors coordinates with VSDC to ensure compliance with the foreign ownership ratio when redistributing shares not registered for purchase or not paid for by shareholders, as redistributed by the Board of Directors to other investors.</i>
16. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán/ <i>Plan on capital use from the offering</i>	Số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để bổ sung toàn bộ cho hoạt động đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của công ty/ <i>Proceeds from the offering shall be fully utilized to supplement the Company's investments in stocks, bonds, fund certificates, deposit contracts, and certificates of deposit.</i>
17. Vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ/ <i>Charter Capital and amendment</i>	Thông qua tăng vốn điều lệ và sửa đổi Điều lệ với số vốn điều lệ tăng thêm tùy thuộc vào số lượng cổ phiếu phát hành thành công./ <i>Approving the chartered capital increase and charter amendment based on the number of shares issued successfully.</i>

0149
G TY
HÃN
KHO
VIỆ
TP

18. Lưu ký/ <i>Depository</i>	Thực hiện đăng ký lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thành công/ <i>Depository registration at Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) for all new shares</i>
19. Niêm yết/ <i>Listing</i>	Niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thành công/ <i>Listing at Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) for all new shares</i>

B. Ủy quyền HĐQT/ *Authorizing BoD to implement:*

Thông qua ủy quyền cho HĐQT quyết định vấn đề sau/ *Authorizing the BoD to make the following decisions:*

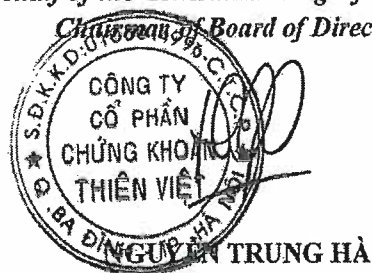
- Quyết định thời gian thực hiện cụ thể/ *Specific execution period;*
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài/ *To approve the plan to ensure the issuance of shares complies with regulations on foreign ownership limits;*
- Quyết định chi tiết nội dung của phương án chào bán và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế phương án chào bán và phương án sử dụng vốn nếu xét thấy cần thiết căn cứ trên nhu cầu hoạt động của Công ty hoặc yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cân đối và sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, lợi ích của các cổ đông trên nguyên tắc giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ đợt chào bán theo quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi thực hiện điều chỉnh phương án sử dụng vốn, HĐQT sẽ báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp gần nhất/ *To decide on the detailed plan for offering plan and detailed plan for using the proceeds from the offering, and adjust or replace the plans if deemed necessary based on the Company's operational needs or requirements of the State authorities; allocate and utilize the funds in line with the Company's business activities to ensure effective use of capital and the interests of shareholders, adhering to the principle that changes in value must not exceed 50% of the proceeds from the offering as stipulated by current regulations. After adjusting the plan for using the funds, the Board of Directors will report to the General Meeting of Shareholders at the nearest meeting.*
- Quyết định điều chỉnh thủ tục hồ sơ của phương án phát hành cho phù hợp với yêu cầu của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Kế hoạch và Đầu tư (nếu có) và/hoặc cho mục đích tuân thủ pháp luật/ *Amendment of procedures and application for the issuance plan in accordance with DPI, State Securities Commission's requirement (if any) and/or legal regulation;*
- Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ, sửa đổi điều lệ Công ty về nội dung tăng vốn điều lệ theo số lượng cổ phần phát hành thành công và các thủ tục đăng ký kinh doanh / *Authorizing the BoD to process charter capital increase, amend Company's Charter accordingly and implement business registration procedures.*
- Thực hiện các công việc cần thiết để số lượng cổ phiếu phát hành thành công được đăng ký lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) / *To perform necessary tasks to do depository registration at Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) and listing at Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) for all new shares.*
- Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc chào bán, phát hành, đăng ký, lưu ký để đảm bảo việc chào bán và niêm yết bổ sung thực hiện thành công/ *Decide on all other matters related to the offering, issuance, depository registration to ensure the successful implementation of the offering and additional listing.*

- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số các công việc cụ thể nêu trên/ *The BoD may re-authorize the CEO to be in charge of one or some of the above mentioned tasks*

Điều/Article 2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức triển khai Nghị quyết này./ *The Board of Directors and the General Director are responsible for executing this resolution.*

Điều/Article 3. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký./ *This resolution takes effect from the signing date.*

T/M Đại hội đồng cổ đông
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
On behalf of the General Meeting Of Shareholders
Chairman of Board of Directors



Hà Nội, ngày/date 06 tháng/month 02 năm/year 2025

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN
VOTE COUNTING MINUTES OF SHAREHOLDERS' VOTES BY WRITTEN BALLOT

Căn cứ / Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/6/2020;
Law on Enterprise No. 59/2020/QH14 dated June 17th, 2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được thông qua ngày 26/11/2019;
Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26th, 2019;
- Điều lệ Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt;
Charter of Thien Viet Securities JSC.;
- Phiếu lấy ý kiến do cổ đông gửi về Công ty.
The written ballots sent by shareholders.

Hôm nay, vào 15h00 ngày 06 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt ("Công ty" hoặc "TVS"), Tầng 15, tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội, những người có tên sau đây, đã tổ chức việc kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản như sau:

Today, at 15:00, 06 February 2025, at the head office of Thien Viet Securities JSC. ("Company" or "TVS"), 15th Floor, Harec Building, No.4 Lang Ha, Thanh Cong Ward, Ba Dinh District, Ha Noi, the following people, have organized the vote counting of shareholders' votes by written ballot as follows:

1. Thành phần tham gia kiểm phiếu / Participants of vote counting:

- Ông Nguyễn Trung Hà - Chủ tịch HĐQT - Trưởng ban kiểm phiếu
Mr. Nguyen Trung Ha – Chairman of the BoD - Head of vote counting committee
- Bà Trần Thị Hồng Nhung – Thành viên Ban Kiểm soát - Giám sát kiểm phiếu
Mrs. Tran Thi Hong Nhung - member of Supervisory Board - Supervisor
- Bà Bùi Thị Trang – Nhân viên pháp chế - Thư ký, người kiểm phiếu
Ms. Bui Thi Trang – Legal Officer – Secretary, vote counter

2. Thông tin Công ty/Company profile

- Tên Công ty: Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt
Company name: Thien Viet Securities Joint Stock Company
- Mã số doanh nghiệp / Enterprise code: 0102114648
- Trụ sở chính: Tầng 15, tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Head office: 15th Floor, Harec Building, No.4 Lang Ha, Thanh Cong Ward, Ba Dinh District, Ha Noi
- Điện thoại/ Telephone: 024 3248 4820



- Website: www.tvs.vn
- Số Giấy phép thành lập và hoạt động: 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/12/2006
License for establishment and operation No. 36/UBCK-GPHĐKD issued by the State Securities Committee dated December 25th, 2006

3. Nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản/ The contents of obtaining shareholders' votes by written ballot

- Mục đích lấy ý kiến / Purpose for collecting opinion: Thông qua việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua để tăng vốn điều lệ của công ty/ To approve the Offering of shares to existing shareholders through the exercise of purchase rights to increase the company's charter capital
- Vấn đề lấy ý kiến / Matter for collecting opinion: Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua để tăng vốn điều lệ của công ty/ To approve the Offering of shares to existing shareholders through the exercise of purchase rights to increase the company's charter capital
- Chi tiết vấn đề cần lấy ý kiến theo nội dung Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố thông tin trên website của TVS tại mục <https://www.tvs.vn/quan-he-co-dong> ngày 07/01/2025.

Details regarding the collection of opinions are provided in the Proposal and Draft Resolution of the General Meeting of Shareholders, published on the TVS website (<https://www.tvs.vn/quan-he-co-dong>) on January 7, 2025.

4. Kết quả kiểm phiếu / Result of voting

Stt/ No.	Nội dung/ Contents	Số phiếu lấy ý kiến/ Number of ballots	Số phiếu có quyền biểu quyết tương ứng/ Equivalent voting shares	Tỷ lệ %/ Tổng số phiếu có quyền biểu quyết/ Ratio (%)/ total voting shares
1.	Tổng số phiếu gửi đi Total sending ballots	2882	166.995.274	100,00%
2.	Tổng số phiếu thu về Total received ballots	31	121.128.068	72,53%
2.1.	Số phiếu biểu quyết hợp lệ Valid votes	31	121.128.068	72,53%
2.2.	Số phiếu biểu quyết không hợp lệ Invalid votes	0	0	0%

Thống kê theo phương thức biểu quyết/ Result of voting methods:

Stt/ No.	Nội dung/ Contents	Số phiếu lấy ý kiến/ Number of ballots	Số phiếu có quyền biểu quyết tương ứng/ Equivalent voting shares	Tỷ lệ %/ Tổng số phiếu có quyền biểu quyết/ Ratio (%)/ total voting shares
1	Gửi trực tiếp/ Gửi thư Direct or by post	23	93.738.337	56,13%

2	Gửi qua thư điện tử <i>Email</i>	8	27.389.731	16,4%
3	Khác <i>Others</i>	0	0	0

Kết quả biểu quyết/ Result of voting

S T/ N o.	Nội dung biểu quyết/ <i>Contents for voting</i>	Tán thành/ <i>Agree</i>			Không tán thành/ <i>Disagree</i>			Không có ý kiến/ <i>Abstain</i>		
		Số phiếu biểu quyết/ <i>Number of votes</i>	Tỷ lệ %// Tổng số phiếu có quyền biểu quyết/ <i>Ratio (%)/ total total voting shares</i>	Tỷ lệ %// Tổng số phiếu biểu quyết thu về/ <i>Ratio (%)/ total receive d voting shares</i>	Số phiếu biểu quyết/ <i>Number of votes</i>	Tỷ lệ %// Tổng số phiếu có quyền biểu quyết/ <i>Ratio (%)/ total total voting shares</i>	Tỷ lệ %// Tổng số phiếu biểu quyết thu về/ <i>Ratio (%)/ total receive d voting shares</i>	Số phiếu biểu quyết / <i>Num ber of votes</i>	Tỷ lệ %// Tổng số phiếu có quyền biểu quyết/ <i>Ratio (%)/ total total voting shares</i>	Tỷ lệ %// Tổng số phiếu biểu quyết thu về/ <i>Ratio (%)/ total receive d voting shares</i>
1	Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua để tăng vốn điều lệ của công ty/ <i>To approve the Offering of shares to existing shareholders through the exercise of purchase rights to increase the company's charter capital</i>	113.997.56 8	68,26%	94,11 %	7.130.500	4,27%	5,89%	0	0%	0%

5. Các vấn đề được thông qua / Matters to be approved

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt và quy định của Luật doanh nghiệp, Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt đã thông qua vấn đề sau: Thông qua Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua để tăng vốn điều lệ của công ty.

Based on the TVS' Charter and the Law on enterprise, the General Meeting of Shareholders of TVS has approved the following contents of obtaining shareholders' votes by written ballots: To approve the Offering of shares to existing shareholders through the exercise of purchase rights to increase the company's charter capital.

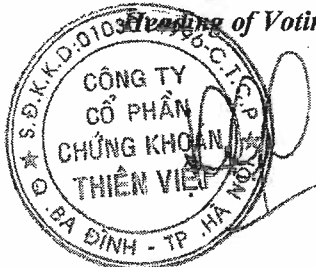
Việc kiểm phiếu được kết thúc lúc 16:00 cùng ngày. Ban kiểm phiếu cam kết về tính trung thực và chính xác của việc kiểm phiếu trên.

The vote-counting procedure ended at 16:00 on the same date. The voting committee commits to carry out the vote-counting honestly and accurately.

CHỮ KÝ CỦA BAN KIỂM PHIẾU/ SIGNATURE OF VOTING COMMITTEE

Trưởng ban kiểm phiếu

Chairman of Voting Committee



Nguyễn Trung Hà

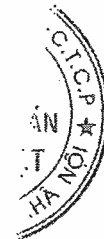
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị/ Chairman of The Board of Directors

Người Giám Sát Kiểm Phiếu/ Supervisor of The Vote Counting

Trần Thị Hồng Nhung

Thành viên Ban kiểm soát TVS

Member of TVS's Supervisory Board



Người Kiểm Phiếu/ Vote Counting Person

BÙI THỊ TRANG



Capital Insight
Client Innovation

Hà Nội, ngày/date 07 tháng/month 01 năm/year 2025

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG

V/v: Chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua để tăng vốn điều lệ của công ty

EXTRAORDINARY GENERAL MEETING OF SHAREHOLDERS PROPOSAL

Re: Offering of shares to existing shareholders through the exercise of purchase rights to increase the company's charter capital

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020/The Enterprise Law No. 59/2020/QH14 dated 17/6/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội khóa 14 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019/The Securities Law No. 54/2019/QH14 dated 26/11/2019;
- Điều lệ Công Ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt (TVS)/ The Charter of Thiên Viet Securities Joint Stock Company;

Hội đồng quản trị ("HĐQT") Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt kính đề nghị ĐHCĐ xem xét thông qua Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua để tăng vốn điều lệ của công ty như sau/ The Board of Directors ("BoD") of Thiên Viet Securities Joint Stock Company ("TVS") would like to propose the Offering of shares to existing shareholders through the exercise of purchase rights to increase the company's charter capital as follows:

A. Phương án chào bán/ Offering Plan:

1. Tên cổ phiếu/ Name of share	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt Thiên Viet Securities JSC. Share
2. Loại cổ phiếu/ Type of share	Cổ phần phổ thông Ordinary shares
3. Mệnh giá cổ phiếu/ Face value	10.000 đồng/cổ phiếu (VND/share)
4. Đối tượng chào bán/ Eligible buyer	Cổ đông hiện hữu/ Existing shareholders
5. Vốn điều lệ trước khi chào bán/ Charter capital before offering	1.669.952.740.000 đồng (VND)
6. Số lượng cổ phiếu trước thời điểm chào bán/ Number of outstanding shares before offering	166.995.274 cổ phiếu/ shares
7. Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán thêm/ Number of expected offering shares	33.399.054 cổ phiếu/ shares
8. Tỷ lệ thực hiện quyền/ Ratio of rights execution	100:20 (tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phần được hưởng 01 quyền mua, cổ đông sở hữu 100 quyền mua được mua 20 cổ phần mới/ On the record



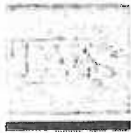
Capital Insight
Client Innovation

	<i>date, each shareholder will receive one purchase right for every share they own. A shareholder holding 100 purchase rights will be entitled to buy 20 new shares)</i>
9. Giá chào bán/ <i>Offering price</i>	10.000 đồng/cổ phiếu (VND/share)
10. Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ/ <i>Execution of fractional shares</i>	<p>Số cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ/ <i>The number of shares each shareholder is entitled to purchase will be rounded down to the nearest whole number, fractional shares (if any) will be omitted.</i></p> <p>Ví dụ: Cổ đông A đang sở hữu 118 cổ phiếu, sẽ được hưởng 118 quyền mua, số cổ phiếu mới cổ đông A nhận được là: $118 \times 20/100 = 23,6$ cổ phiếu; theo nguyên tắc làm tròn trên, số cổ phiếu mới mà cổ đông A được quyền mua là 23 cổ phiếu, số cổ phiếu lẻ thập phân phát sinh là 0,6 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ. <i>Ex: Shareholder A is owing 118 shares will receive 118 purchase rights, the number of new shares he is entitled to purchase is: $118 \times 20/100 = 23.6$ shares. Based on the above round down rule, Shareholder A will be entitled to the right of getting 23 new shares and 0.6 share will be omitted.</i></p>
11. Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết/ <i>Handling for undistributed shares</i>	<p>Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu (gồm số cổ phần còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua và số cổ phần còn dư chưa được phát hành do các nguyên nhân khác) sẽ được HĐQT chào bán cho các nhà đầu tư khác (bao gồm nhưng không giới hạn ở các cổ đông hiện hữu khác và các nhà đầu tư khác đáp ứng tiêu chí do HĐQT quyết định) với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc chấm dứt đợt chào bán theo quyết định của HĐQT. <i>The remaining shares not fully distributed to existing shareholders (including shares left over due to shareholders not exercising their purchase rights, and shares remaining undistributed for other reasons) will be offered by the Board of Directors to other investors (including but not limited to other existing shareholders and other investor selected by the Board of Directors) at a price not lower than the offering price for existing shareholders or will be subject to the termination of the offering as decided by the Board of Directors.</i></p>
12. Hạn chế chuyển nhượng/ <i>Transfer restrictions</i>	<p>Cổ phần chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng.</p> <p>Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phần đang trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phần. Số lượng cổ phần mua thêm từ quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng.</p> <p>Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi được chào bán cho nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng một (1) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định.</p>



Capital Insight
Client Innovation

	<p><i>The new shares will not be subject to transfer restrictions.</i></p> <p><i>Existing shareholders still within the restricted period are eligible to receive subscription rights, and the resulting new shares will also be exempt from transfer restrictions.</i></p> <p><i>The remaining undistributed shares allocated to existing shareholders, when offered to other shareholders or investors, will be subject to a one-year transfer restriction starting from the completion date of the offering, in accordance with applicable laws.</i></p>
13. Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu/ <i>Minimum successful ratio</i>	Không áp dụng/ <i>N/A</i>
14. Thời gian dự kiến phát hành/ <i>Timing</i>	Năm 2025 hoặc thời hạn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị/ <i>In 2025 or another timing approved by the Board of Directors</i>
15. Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài/ <i>Plan to ensure the issuance of shares complies with regulations on foreign ownership limits</i>	<ul style="list-style-type: none">- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại TVS là 49%.- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện tại là 22,12%- HĐQT phối hợp với VSDC trong việc đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài khi thực hiện phân phối lại số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua được HĐQT phân phối lại cho các nhà đầu tư khác.- <i>The maximum foreign ownership ratio at TVS is 49%.</i>- <i>The current foreign ownership ratio is 22.12%.</i>- <i>The Board of Directors coordinates with VSDC to ensure compliance with the foreign ownership ratio when redistributing shares not registered for purchase or not paid for by shareholders, as redistributed by the Board of Directors to other investors.</i>
16. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán/ <i>Plan on capital use from the offering</i>	Số tiền thu được từ đợt chào bán được sử dụng để bổ sung toàn bộ cho hoạt động đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của công ty/ <i>Proceeds from the offering shall be fully utilized to supplement the Company's investments in stocks, bonds, fund certificates, deposit contracts, and certificates of deposit.</i>
17. Vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ/ <i>Charter Capital and amendment</i>	Thông qua tăng vốn điều lệ và sửa đổi Điều lệ với số vốn điều lệ tăng thêm tùy thuộc vào số lượng cổ phiếu phát hành thành công/ <i>Approving the chartered capital increase and charter amendment based on the number of shares issued successfully.</i>
18. Lưu ký/ <i>Depository</i>	Thực hiện đăng ký lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) toàn bộ số lượng cổ phiếu phát hành thành công/ <i>Depository registration at Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) for all new shares</i>
19. Niêm yết/ <i>Listing</i>	Niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh



B. Ủy quyền HĐQT/ *Authorizing BoD to implement:*

Thông qua ủy quyền cho HĐQT quyết định vấn đề sau/ *Authorizing the BoD to make the following decisions:*

- Quyết định thời gian thực hiện cụ thể/ *Specific execution period;*
- Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài/ *To approve the plan to ensure the issuance of shares complies with regulations on foreign ownership limits;*
- Quyết định chi tiết nội dung của phương án chào bán và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế phương án chào bán và phương án sử dụng vốn nếu xét thấy cần thiết căn cứ trên nhu cầu hoạt động của Công ty hoặc yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cân đối và sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, lợi ích của các cổ đông trên nguyên tắc giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ đợt chào bán theo quy định của pháp luật hiện hành. Sau khi thực hiện điều chỉnh phương án sử dụng vốn, HĐQT sẽ báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp gần nhất/ *To decide on the detailed plan for offering plan and detailed plan for using the proceeds from the offering, and adjust or replace the plans if deemed necessary based on the Company's operational needs or requirements of the State authorities; allocate and utilize the funds in line with the Company's business activities to ensure effective use of capital and the interests of shareholders, adhering to the principle that changes in value must not exceed 50% of the proceeds from the offering as stipulated by current regulations. After adjusting the plan for using the funds, the Board of Directors will report to the General Meeting of Shareholders at the nearest meeting.*
- Quyết định điều chỉnh thủ tục hồ sơ của phương án phát hành cho phù hợp với yêu cầu của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Kế hoạch và Đầu tư (nếu có) và/hoặc cho mục đích tuân thủ pháp luật/ *Amendment of procedures and application for the issuance plan in accordance with DPI, State Securities Commission's requirement (if any) and/or legal regulation;*
- Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục tăng vốn điều lệ, sửa đổi điều lệ Công ty về nội dung tăng vốn điều lệ theo số lượng cổ phần phát hành thành công và các thủ tục đăng ký kinh doanh / *Authorizing the BoD to process charter capital increase, amend Company's Charter accordingly and implement business of registration procedure.*
- Thực hiện các công việc cần thiết để số lượng cổ phiếu phát hành thành công được đăng ký lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) và niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) / *To perform necessary tasks to do depository registration at Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) and listing at Ho Chi Minh City Stock Exchange (HOSE) for all new shares.*
- Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc chào bán, phát hành, đăng ký, lưu ký để đảm bảo việc chào bán và niêm yết bổ sung thực hiện thành công/ *Decide on all other matters related to the offering, issuance, depository registration to ensure the successful implementation of the offering and additional listing.*
- Tùy từng trường hợp cụ thể, Hội đồng Quản trị được ủy quyền cho Tổng Giám đốc để thực hiện một hoặc một số các công việc cụ thể nêu trên/ *The BoD may re-authorize the CEO to be in charge of one or some of the above mentioned tasks*

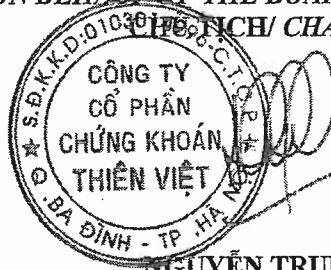


Capital Insight
Client Innovation

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

The BoD would like to submit this proposal to the AGM for your respective approval.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHIEF/ CHAIRMAN



NGUYỄN TRUNG HÀ



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
THIÊN VIỆT
THIEN VIET SECURITIES JSC
Số/ No.: 18042025-01/NQ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày/date 18 tháng/month 4 năm/year 2025

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
RESOLUTION OF THE BOARD OF DIRECTORS**

"V/v: Thông qua triển khai các nội dung chi tiết về Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua để tăng vốn điều lệ"

"Re: Approval of the implementation of detailed contents of the Plan for offering shares to existing shareholders by the method of exercising the right to purchase to increase charter capital"

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
THE BOARD OF DIRECTORS
THIEN VIET SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành/ Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and guiding documents;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành/ Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 and guiding documents;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty")/ Charter of Thien Viet Securities Joint Stock Company ("Company");
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") số 06022025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/02/2025 của Công ty/ Resolution of the General Meeting of Shareholders ("GMS") No. 06022025/NQ-DHDCD dated February 06, 2025 of the Company;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty ("HĐQT") số 18042025/BB-HĐQT ngày 18/4/2025/ Minutes of the meeting of the Board of Directors of the Company ("BOD") No. 18042025/BB-HDQT dated 18 April 2025;

QUYẾT ĐỊNH/ DECIDES

Điều 1/ Article 1: Thông qua các nội dung chi tiết về Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua để tăng vốn điều lệ, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06022025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/02/2025, cụ thể như sau/ To approve the detailed contents of the Plan to offer shares to existing shareholders by the method of exercising the right to purchase to increase charter capital, according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 06022025/NQ-DHDCD dated February 06, 2025, specifically as follows:

1. Phương án chào bán/ Offering plan



Tên cổ phiếu/ <i>Name of share</i>	Cổ phiếu Công Ty Cổ Phần Chứng khoán Thiên Việt <i>Thien Viet Securities JSC. Share</i>
Loại cổ phiếu/ <i>Type of share</i>	Cổ phiếu phổ thông <i>Ordinary shares</i>
Mã cổ phiếu/ <i>Ticker</i>	TVS
Mệnh giá/ <i>Face value</i>	10.000 đồng/cổ phiếu (<i>VND/share</i>)
Số lượng cổ phiếu (dự kiến) chào bán thêm/ <i>Number of expected offering shares</i>	33.399.054 cổ phiếu/ <i>shares</i>
Tổng giá trị cổ phiếu (dự kiến) chào bán thêm theo mệnh giá/ <i>Total expected value of offering shares offered at par value</i>	333.990.540.000 đồng/ <i>VND</i>
Tỷ lệ thực hiện quyền/ <i>Ratio of rights execution</i>	100:20 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua/ <i>Each shareholder will receive one purchase right for every share they own.</i> Mỗi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông nắm giữ 100 cổ phiếu sẽ được hưởng 100 quyền mua, mỗi 100 quyền mua được mua 20 cổ phiếu chào bán thêm/ <i>On the record date, each shareholder holding 100 shares will be entitled to 100 purchase rights, each 100 purchase rights will be entitled to purchase 20 additional shares.</i> Xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu không được phân phối hết đảm bảo quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP/ <i>Handling of odd shares arising and shares that are not fully distributed to ensure the provisions of Article 42 of Decree no. 155/2020/ND-CP.</i>
Đối tượng chào bán/ <i>Eligible buyer</i>	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm được lập bởi Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam/ <i>Existing shareholders that are named in the list of shareholders of the Company on the record date to exercise the right to purchase follow-on offered shares made by the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation</i>
Phương thức chào bán/ <i>Offering method</i>	Chào bán theo phương thức thực hiện quyền <i>Offering by the method of exercising rights</i>
Giá chào bán/ <i>Offering price</i>	10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu <i>10,000 (ten thousand) VND/share</i>
Nguyên tắc xác định giá chào bán/ <i>Principles for</i>	- Căn cứ giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 được kiểm toán là 14,665 đồng/cổ phiếu/ <i>Pursuant</i>

determining the offering price	<p>to the book value per share of the Company according to the audited 2024 Consolidated Financial Statements, it is 14.665 VND/share.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu của Công ty theo Báo cáo tài chính riêng năm 2024 được kiểm toán là 12,870 đồng/cổ phiếu/ Pursuant to the book value per share of the Company according to the audited 2024 Separate Financial Statements, it is 12.870 VND/share. - Căn cứ giá thị trường giao dịch bình quân cổ phiếu TVS 30 (ba mươi) phiên gần nhất (từ ngày 20/02/2025 đến ngày 02/04/2025) là 19,902 đồng/cổ phiếu/ Pursuant to the average trading market price of TVS shares in the latest 30 (thirty) sessions (from February 20, 2025 to April 02, 2025) being 19.902 VND/share. - Căn cứ theo tình hình thị trường chung và các yếu tố khác ảnh hưởng đến sự thành công của đợt chào bán đồng thời tạo điều kiện cho cổ đông hiện hữu có thể tiếp tục tham gia đóng góp vào quá trình phát triển của Công ty, giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 10,000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu/ Pursuant to the general market situation and other factors affecting the success of the offering and at the same time creating conditions for existing shareholders to continue to contribute to the development of the Company, the offering price for existing shareholders is 10.000 (ten thousand) VND/share.
Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu của đợt chào bán/ Minimum successful ratio of the offering	- Không áp dụng/ N/A
Phương án xử lý trong trường hợp chào bán không thu đủ số tiền huy động dự kiến/ Handling plan in case the offering does not collect the expected mobilized amount	- Hội đồng quản trị ("HĐQT") sẽ xem xét bổ sung sử dụng linh hoạt các nguồn vốn khác của Công ty hoặc huy động từ các nguồn hợp lệ khác nhằm bù đắp phần vốn còn thiếu để thực hiện mục đích sử dụng vốn đã được thông qua/ The Board of Directors ("BOD") will consider supplementing the flexible use of other capital sources of the Company or mobilizing from other valid sources to make up for the lack of capital to execute the approved plan on capital use.
Phương án đảm bảo đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài/ Plan to ensure the issuance of shares complies with regulations on foreign ownership limits	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49% theo quy định của pháp luật/ The maximum foreign ownership ratio is 49% according to the provisions of law. - Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại thời điểm chốt danh sách cổ đông gần nhất ngày 24/03/2025 là 21,71%/ The foreign ownership ratio on the latest record date on March 24, 2025 is 21.71%. - HĐQT phối hợp với VSDC trong việc đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài khi thực hiện phân phối lại số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp tiền mua được HĐQT phân phối lại cho các nhà đầu tư khác/ The Board of Directors coordinates with VSDC to ensure compliance

	<i>with the foreign ownership ratio when redistributing shares not registered for purchase or not paid for by shareholders.</i>
Chuyển nhượng quyền mua/ <i>Transfer of the right to purchase</i>	Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho bên khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho bên thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng/ <i>Existing shareholders named in the list on the record date to exercise the right to purchase shares for follow-on offering have the right to transfer the right to purchase their shares to another party within the prescribed time and may only transfer once (the transferee is not allowed to transfer to a third party). The transferor and the transferee shall negotiate the transfer price, pay the money themselves and be responsible for fulfilling the obligations as prescribed related to the transfer.</i>
Phương án xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ (nếu có)/ <i>Handling of fractional shares (if any)</i>	- Số cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ/ <i>The number of shares each shareholder is entitled to purchase will be rounded down to the nearest whole number, fractional shares (if any) will be omitted.</i>
Phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết/ <i>Handling for undistributed shares</i>	- Số cổ phiếu dư ra do làm tròn, số cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua và số cổ phiếu do cổ đông có đăng ký mua nhưng không nộp hoặc nộp không đủ tiền trong thời gian quy định thì ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT phân phối cho cổ đông hiện hữu và các đối tượng khác có nhu cầu mua, đảm bảo việc phân phối cổ phiếu này đáp ứng tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định. ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT lên phương án phân phối số lượng cổ phiếu này cho các đối tượng nêu trên với nguyên tắc giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu/ <i>The number of shares surplus due to rounding, the number of remaining shares that shareholders do not register to purchase and the number of shares that shareholders have registered to purchase but do not pay or pay insufficient money within the prescribed time, the General Meeting of Shareholders shall authorize the Board of Directors to distribute to existing shareholders and other subjects wishing to purchase, ensure that the distribution of these shares meets the maximum ownership ratio of foreign investors as prescribed. The General Meeting of Shareholders authorizes the Board of Directors to plan the distribution of this number of shares to the above-mentioned subjects on the principle that the selling price is not lower than the offering price to existing shareholders.</i>

	<ul style="list-style-type: none"> - Trong trường hợp, HĐQT không phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số lượng còn dư không chào bán hết sẽ được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán/ <i>In case the Board of Directors does not distribute all of these shares, the remaining number that is not fully offered for sale will be canceled and the Board of Directors will issue a decision to end the offering.</i> - Khi xử lý cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết do cổ đông không đăng ký mua hoặc có đăng ký mua nhưng không nộp hoặc nộp không đủ tiền, Công ty cam kết tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán/ <i>When handling the remaining shares that have not been fully distributed due to shareholders not registering to purchase or registering to purchase but not paying or paying insufficient money, the Company commits to comply with the provisions of Article 42 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 detailing the implementation of a number of articles of the Securities Law.</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu của một nhà đầu tư/ <i>Minimum number of shares registered for purchase by an investor</i>	- 1 (một) cổ phiếu/ <i>1 (one) share</i>
Hạn chế chuyển nhượng/ <i>Transfer restrictions</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ phần chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng/ <i>The new shares will not be subject to transfer restrictions.</i> - Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phần đang trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận quyền mua cổ phần. Số lượng cổ phần mua thêm từ quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng/ <i>Existing shareholders still within the restricted period are eligible to receive subscription rights, and the resulting new shares will also be exempt from transfer restrictions</i> - Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi được chào bán cho Nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020/ <i>The remaining undistributed shares allocated to existing shareholders, when offered to other Investors, will be subject to a one-year transfer restriction starting from the ending date of the offering, in accordance with the provisions of Clause 2, Article 42 of Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020.</i>
Điều kiện hủy bỏ đợt chào bán/ <i>Conditions for cancellation of the offering</i>	- Không áp dụng/ <i>N/A.</i>

Thời gian dự kiến chào bán/ <i>Estimated time of offering</i>	- Quý II/2025 và/hoặc Quý III/2025, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ <i>Quarter II/2025 and/or Quarter III/2025, after approval by the State Securities Commission.</i>
Đăng ký, Lưu ký và Niêm yết cổ phiếu chào bán thêm/ <i>Registration, Depository and Listing of Follow-on Offering Shares</i>	- Cổ phiếu chào bán thêm sẽ được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết bổ sung tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hồ Chí Minh (HOSE) theo quy định/ <i>The follow-on offering shares will be registered and deposited centrally at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and registered for additional listing at the Ho Chi Minh Stock Exchange (HOSE) as prescribed.</i>

2. Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán ra công chúng/ *Plan to use the proceeds from the public offering:*

2.1. Tổng số tiền dự kiến thu được tính theo giá chào bán (chưa bao gồm phí chào bán, nếu có) là: 333.990.540.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi ba tỷ chín trăm chín mươi triệu năm trăm bốn mươi ngàn)/ *The total expected amount calculated according to the offering price (excluding the offering fee, if any) is: 333,990,540,000 VND (In words: Three hundred and thirty-three billion nine hundred and ninety million five hundred and forty thousand).*

2.2. Phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán ra công chúng/ *Plan to use the proceeds from the public offering:*

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu sẽ được sử dụng để bổ sung toàn bộ cho hoạt động đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của công ty/ *The expected proceeds from the public offering of shares to existing shareholders will be used to fully supplement the company's investment in stocks, bonds, fund certificates, deposit contracts, and certificates of deposit.*

Điều 2/ Article 2: Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc Tổng giám đốc quyết định các công việc và ký các hồ sơ, văn bản, tài liệu có liên quan, bao gồm nhưng không giới hạn/ *The Board of Directors shall authorize the Chairman of the Board of Directors and/or the General Director to decide on the affairs and sign relevant dossiers, documents and paperwork, including but not limited to:*

1. Quyết định cụ thể thời gian thực hiện chào bán, phát hành/ *Decide on the specific time of offering and issuance;*
2. Quyết định tài khoản phong tỏa để nhận tiền mua cổ phiếu từ đợt chào bán/ *Decide on an escrow account to receive money of shares purchases from the offering;*
3. Quyết định Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông và thực hiện thủ tục chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua/ *Decide on the record date and carry out the procedures for closing the list of shareholders to issue shares to increase share capital from the owner's equity, offer additional shares to existing shareholders by the method of exercising the right to buy;*
4. Thực hiện thủ tục phân phối cổ phiếu chào bán, phát hành theo các phương án chào bán, phát hành/ *Carry out procedures for distributing shares offered and issued according to the offering and issuance plans;*

5. Sửa đổi Điều lệ Công ty tăng vốn điều lệ và thực hiện các công việc, thủ tục pháp lý cần thiết để thay đổi vốn điều lệ trong Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần thực tế chào bán, phát hành thành công/ *Amending the Company's Charter to increase the charter capital and carrying out necessary legal tasks and procedures to change the charter capital in the Establishment and Operation License, the Enterprise Registration Certificate corresponding to the total par value of the shares actually offered and issued;*
6. Triển khai thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết cũng như ký các hồ sơ, văn bản, tài liệu có liên quan theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền để hoàn tất đợt phát hành, chào bán cổ phiếu, đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng công ty lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và niêm yết chứng khoán bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phần đã chào bán, phát hành của Công ty theo đúng quy định của pháp luật/ *Carry out necessary legal procedures as well as sign relevant dossiers, documents and paperwork in accordance with law and at the request of competent agencies to complete the issuance, offering of shares, registration and depository of additional securities at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and listing of additional securities at the Ho Chi Minh City Stock Exchange for the entire number of shares offered and issued by the Company in accordance with the provisions of law;*
7. Quyết định tỷ lệ phân bổ đối với toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán/ *Decide on the allocation ratio for the entire amount of proceeds from the offering;*
8. Quyết định tất cả các vấn đề khác liên quan đến việc chào bán, phát hành cổ phiếu, đăng ký, lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu/ *Decide on all other matters related to the offering and issuance of shares, registration, additional depository and registration for additional listing of shares;*
9. Thực hiện xử lý cổ phiếu lẻ, phần lẻ vốn cổ phần, cổ phiếu mà cổ đông từ chối mua/ *Handle odd shares, fractional share capital, shares that shareholders refuse to purchase;*
10. Quyết định phương án sử dụng vốn cụ thể và chủ động điều chỉnh về việc sử dụng nguồn vốn thu được, thời điểm giải ngân nguồn vốn, mục đích sử dụng vốn trong trường hợp cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty/ *Decide on specific plans for the use of capital and proactively adjust the use of the collected capital, the time of disbursement of capital sources, and the purpose of using capital in case of necessity and in accordance with the actual situation of the Company;*
11. Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh nội dung các tài liệu có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật/ *Decide on the amendment, supplementation and adjustment of the contents of relevant documents in accordance with the provisions of law;*
12. Các nội dung ủy quyền khác được nêu cụ thể tại Nghị quyết này/ *Other authorization contents specified in this Resolution.*

Điều 3/ Article 3: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này/ *Members of the Board of Directors, the Board of General Directors and relevant departments of the Company shall be responsible for the implementation of this Resolution.*

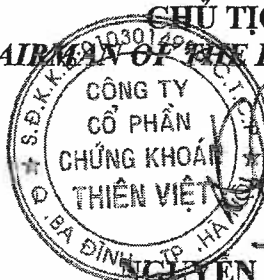
Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký/ This Resolution takes effect from the date of signing.

Nơi nhận/ Recipient:

- Như Điều 3/ As Article 3;
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/
State Securities Commission;
- Lưu: Công ty/ Archive: Company.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS**

**CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**



NGUYỄN TRUNG HÀ





Capital Market
Client Services

CÔNG TY CỔ
PHẦN CHỨNG
KHOẢN THIÊN VIỆT

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG
KHOẢN THIÊN VIỆT
DN: OID.2.5.2342.19200300.100.1.1+MST:
010219846, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG
KHOẢN THIÊN VIỆT, S-Hà Nội, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025.06.04 15:26:32
Fax: PhantomPDF Version: 9.4.1

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOẢN THIÊN VIỆT
THIEN VIET SECURITIES JSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence- Freedom- Happiness

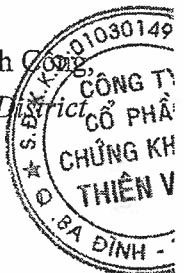
Số.: 26/2025/CBTT
No.: 26/2025/CBTT

Hà Nội, ngày 04 tháng 06 năm 2025
Hanoi, day 04 month 06 year 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi / To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước / *The State Securities Commission*
Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam / *Vietnam Stock Exchange*
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh / *Ho Chi Minh Stock Exchange*
Sở Giao dịch Chứng khoán HN/ *Ha Noi Stock Exchange*

- Tên tổ chức/ Name of Organization: Công ty Cổ Phần Chứng Khoản Thiên Việt (TVS)/ *Thien Viet Securities Joint Stock Company (TVS)*
 - Mã chứng khoán/Securities code: TVS
 - Địa chỉ trụ sở chính/ Head office address: Tầng 15, Tòa nhà Harec, Số 4 Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội/ *15th Floor, Harec Building, 4 Lang Ha, Thanh Cong Ward, Ba Dinh District, Hanoi*
 - Điện thoại/ Telephone: 024 3248 4820 Fax: 024 3248 4821
 - Email: congbothongtin@tvs.vn



- Nội dung thông tin công bố/ *Information to be disclosed:*

Nghị quyết HĐQT số 03062025-01/NQ-HĐQT bổ sung phương án chi tiết phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua để tăng vốn điều lệ / *Resolution of BOD No. 03062025-01/NQ-HĐQT supplemented the detailed plan to allocate the proceeds from the offer of shares to existing shareholders by the method of exercising the right to purchase to increase charter capital.*
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 04/06/2024 tại đường dẫn <https://www.tvs.vn/vi/quan-he-co-dong/> / *This information was published on the Company's website on June 4th, 2025: <https://www.tvs.vn/en/investor-relation>*



Client's logo
Client's information

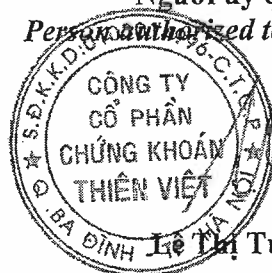
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người ủy quyền CBTT

Person authorized to disclose information



Lê Thị Tuyết Nhung



CTCP CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
THIEN VIET SECURITIES JSC

Số/ No.: 03062025-01/NQ-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày/date 03 tháng/month 6 năm/year 2025

SAO Y BẢN CHÍNH

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
RESOLUTION OF THE BOARD OF DIRECTORS

"V/v: Bổ sung phương án chi tiết phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua để tăng vốn điều lệ"

"Re: Supplement the detailed plan to allocate the proceeds from the offer of shares to existing shareholders by the method of exercising the right to purchase to increase charter capital"

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
THE BOARD OF DIRECTORS
THIEN VIET SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành/ Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and guiding documents;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành/ Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 and guiding documents;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty")/ Charter of Thien Viet Securities Joint Stock Company ("Company");
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") số 06022025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/02/2025 của Công ty/ Resolution of the General Meeting of Shareholders ("GMS") No. 06022025/NQ-DHDCD dated February 06, 2025 of the Company;
- Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty ("HĐQT") số 18042025-01/NQ-HĐQT ngày 18/04/2025 của Công ty/ Resolution of the Board of Directors of the Company ("BOD") No. 18042025-01/NQ-HĐQT dated April 18, 2025;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty số 03062025/BB-HĐQT ngày 03/6/2025/ Minutes of the meeting of the Board of Directors of the Company No. 03062025/BB-HĐQT dated 03 June 2025;

QUYẾT ĐỊNH/ DECIDES

Điều 1: Thông qua các nội dung chi tiết về Phương án phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua để tăng vốn điều lệ, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06022025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/02/2025 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 18042025-01/NQ-HĐQT ngày 18/04/2025, cụ thể như sau

Article 1: To approve the detailed contents of the Plan to use the proceeds from the offer of shares to existing shareholders by the method of exercising the right to purchase to increase charter capital,

according to the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 06022025/NQ-DHDCD dated February 06, 2025, and the Resolution of the Board of Directors No. 18042025-01/NQ-HĐQT dated April 18, 2025, specifically as follows:

1.1. Tổng số tiền dự kiến thu được tính theo giá chào bán (chưa bao gồm phí chào bán, nếu có) là: **333.990.540.000 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi ba tỷ chín trăm chín mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn)

The total expected amount calculated according to the offering price (excluding the offering fee, if any) is: 333,990,540,000 VND (In words: Three hundred and thirty-three billion nine hundred and ninety million five hundred and forty thousand).

1.2. Phương án chi tiết phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán ra công chúng

Detailed plan to allocate the proceeds from the public offering:

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được phân bổ cho các hoạt động của công ty như sau:

The expected proceeds from the public offering of shares to existing shareholders will be allocated to the company's activities as follows:

- Bổ sung cho hoạt động đầu tư hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi: 260.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tỷ đồng)

Supplement to investment in deposit contracts and certificates of deposit: 260,000,000,000 VND (In words: Two hundred and sixty billion dong);

- Phần còn lại 73.990.540.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi ba tỷ chín trăm chín mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn) sẽ được giữ lại và phân bổ theo tình hình hoạt động kinh doanh của công ty vào từng thời kỳ nhưng vẫn đảm bảo trong phạm vi phương án đã được ĐHDCĐ thông qua, đảm bảo lợi ích tốt nhất cho công ty và cổ đông. HĐQT sẽ báo cáo về tình hình sử dụng vốn tại kỳ họp ĐHDCĐ thường niên gần nhất

The remaining amount of VND 73,990,540,000 (in words: seventy-three billion nine hundred ninety million five hundred forty thousand dong) will be retained and allocated based on the Company's business performance from time to time, while still ensuring compliance with the plan approved by the General Meeting of Shareholders and safeguarding the best interests of the Company and its shareholders. The Board of Directors shall report on the use of capital at the nearest Annual General Meeting of Shareholders.

Điều 2: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các bộ phận có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này

Article 2: Members of the Board of Directors, the Board of General Directors and relevant departments of the Company shall be responsible for the implementation of this Resolution.

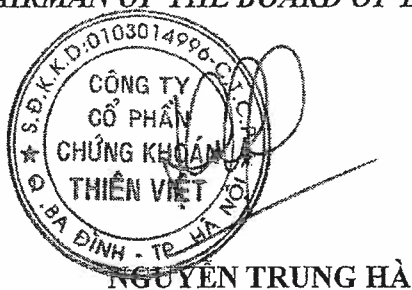
10301
CÔNG
CỔ P.
HỮNG K
THIÊN
ĐÌNH -

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký/ This Resolution takes effect from the date of signing.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

Nơi nhận/ Recipient:

- Như Điều 2/ As Article 2;
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/
State Securities Commission;
- Lưu: Công ty/ Archive:
Company.



**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
THIÊN VIỆT
THIEN VIET SECURITIES JSC**

Số/ No.: 18042025-02/NQ-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom – Happiness**

Hà Nội, ngày/date 18 tháng/month 4 năm/year 2025

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
RESOLUTION OF THE BOARD OF DIRECTORS**

SAO Y BẢN CHÍNH

"V/v: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua để tăng vốn điều lệ"

"Re: Approval of the registration dossier for offering shares to existing shareholders by the method of exercising the right to purchase to increase charter capital"

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
THE BOARD OF DIRECTORS
THIEN VIET SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**

Căn cứ/ Pursuant to:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành/
Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated 17/06/2020 and guiding documents;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành/
Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated 26/11/2019 and guiding documents;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty")/ Charter of Thien Viet Securities Joint Stock Company ("Company");
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") số 06022025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/02/2025 của Công ty/ Resolution of the General Meeting of Shareholders ("GMS") No. 06022025/NQ-ĐHĐCĐ dated February 06, 2025 of the Company;
- Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty ("HĐQT") số 15042025/BB-HĐQT ngày 15/4/2025/ Minutes of the meeting of the Board of Directors of the Company ("BOD") No. 15042025/BB-HĐQT dated 15 April 2025;

QUYẾT ĐỊNH/ DECIDES

Điều 1/ Article 1: Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua để tăng vốn điều lệ/ To approve the dossier of registration for offering shares to existing shareholders by the method of exercising the right to purchase to increase charter capital.

HĐQT thống nhất thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua để tăng vốn điều lệ trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước (“UBCK”) theo đúng quy định của pháp luật, cụ thể như sau/ *The Board of Directors unanimously approves the dossier of registration for offering shares to existing shareholders by the method of exercising the right to purchase to increase charter capital and submits it to the State Securities Commission (“SSC”) in accordance with the provisions of law, specifically as follows:*

1. Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu/ *Registration for follow-on public offering of shares to existing shareholders.*
2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) số 06022025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/02/2025 thông qua phương án chào bán và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng các quy định liên quan/ *Resolution of the General Meeting of Shareholders (“GMS”) No. 06022025/NQ-DHDHCD date 06/02/2025 approving the plan for offering and using the proceeds from the offering; the plan to ensure that the issuance of shares meets relevant regulations.*
3. Tờ trình ĐHĐCĐ về phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu/ *Proposal to the GMS and the plan for follow-on public offering of shares to existing shareholders.*
4. Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua triển khai các nội dung chi tiết về Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua để tăng vốn điều lệ/ *The Resolution of the Board of Directors approving the implementation of detailed contents of the Plan for offering shares to existing shareholders by the method of exercising the right to purchase to increase charter capital.*
5. Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua để tăng vốn điều lệ/ *Resolution of the Board of Directors approving the dossier of registration for offering shares to existing shareholders by the method of exercising the right to purchase to increase charter capital.*
6. Bản cáo bạch chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng/ *The prospectus about the follow-on public offering of shares.*
7. Điều lệ công ty và các Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị cập nhật Điều lệ Công ty/ *The Company's Charter and the Decisions of the Chairman of the Board of Directors to update the Company's Charter.*
8. Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất đã kiểm toán năm 2022, 2023 và 2024/ *Audited Separate and Consolidated Financial Statements for 2022, 2023 and 2024.*
9. Văn bản cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích; cam kết triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán và cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán/ *The written commitment stating that the Company is not in the case of being examined for*

01
C
H
T
/01

penal liability or convicted of one of the crimes of infringing upon the economic management order but has not yet had its criminal record expunged; and commits to register stock trading on the securities trading system and commits to meet the provisions of point e, clause 1, Article 15 of the Law on Securities.

10. Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu từ đợt chào bán/ *The bank's written confirmation of opening an escrow account to receive money of shares purchases from the offering.*
11. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên và bản thay đổi gần nhất/ *Copy of the first issuance version and the latest amendment version of the Enterprise Registration Certificate.*
12. Bản sao Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán lần đầu và bản thay đổi gần nhất/ *Copy of the first issuance version and the latest amendment version of the Securities Trading License.*
13. Các tài liệu khác được trình bày trong hồ sơ chào bán, phát hành hoặc có liên quan đến đợt chào bán, phát hành hoặc các tài liệu giải trình, bổ sung khác (nếu có) theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước/ *Other documents presented in the dossier of offering, issuance or related to the offering, issuance or other explanatory and supplementary documents (if any) at the request of the State management agency.*

Điều 2/ Article 2: HĐQT đồng ý giao cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc bao gồm nhưng không giới hạn/ *The Board of Directors agrees to assign the Chairman of the Board of Directors and/or the General Director including but not limited to:*

- Toàn quyền quyết định và chỉ đạo triển khai việc nộp hồ sơ xin phép UBCK thông qua Phương án chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo đúng phương án đã được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06022025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/02/2025/ *The full authority to decide and direct the implementation of the application for permission of the SSC to approve the plan for follow-on public offering of shares to existing shareholders to increase charter capital in accordance with the plan approved in the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 06022025/NQ-ĐHĐCĐ dated February 06, 2025 ;*
- Thực hiện các công việc cần thiết để bổ sung và chỉnh sửa (nếu có) các nội dung, tài liệu liên quan nhằm hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu của UBCK (nếu có) trong quá trình thẩm định hồ sơ, đồng thời báo cáo kết quả với HĐQT Công ty sau khi kết thúc đợt chào bán/ *To perform necessary work to supplement and amend (if any) relevant contents and documents in order to complete the dossier at the request of the SSC (if any) in the process of appraisal of the dossier, and at the same time report the results to the Board of Directors of the Company after the end of the offering;;*
- Lập hồ sơ đăng ký giao dịch bổ sung trên Sở Giao Dịch Chứng khoán và đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (VSDC) sau khi kết thúc đợt chào bán/ *To prepare additional trading registration dossiers submitted to the Stock Exchange and register, deposit additional securities at*

the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (VSDC) after the end of the offering;

- Thực hiện các thủ tục thay đổi vốn điều lệ, xin cấp sửa đổi Giấy phép thành lập với UBCK và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư sau khi kết thúc đợt chào bán/ *To carry out procedures for adjusting charter capital, applying for amendment of the incorporation certificate with SSC and Enterprise Registration Certificate with Department of Planning and Investment after the end of the offering;*
- Thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty liên quan đến việc thay đổi mức vốn điều lệ của Công ty sau khi hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu theo kết quả thực tế hợp lệ của đợt chào bán và sẽ báo cáo cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất/ *To amend and supplement the Company's Charter related to the adjustment in the Company's charter capital after the completion of the share offering according to the actual and valid results of the offering and will report to the General Meeting of Shareholders at the soonest meeting.*

Ngoài những nội dung ủy quyền trên đây, trong quá trình nộp hồ sơ xin phép UBCK thông qua Phương án chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc toàn quyền thực hiện các công việc khác liên quan đến đợt chào bán theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước và/hoặc phù hợp với hoàn cảnh thực tế sao cho việc thực hiện phương án chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ hợp pháp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và Công ty/ *In addition to the above authorization contents, in the process of submitting the dossier to apply for permission from the SSC to approve the Plan for follow-on public offering to existing shareholders to increase charter capital, the Chairman of the Board of Directors and/or the General Director has full authority to perform other tasks related to the offering at the request of the State management agency and/or appropriate with the actual circumstances so that the implementation of the plan for follow-on public offering to existing shareholders to increase charter capital is legal and in accordance with regulations, ensuring the rights of shareholders and the Company.*

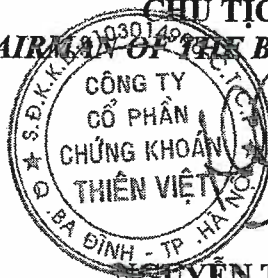
Điều 3/ Article 3: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, các bộ phận có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này/ *Members of the Board of Directors, the Board of General Directors and relevant departments of the Company shall be responsible for implementing this Resolution.*

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký/ This Resolution takes effect from the date of signing.

Nơi nhận/ Recipient:

- Như Điều 3/ As Article 3;
- Ủy ban chứng khoán nhà nước/
State Securities Commission;
- Lưu Thư ký Công ty/ Archived by the
Company Secretary.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHỦ TỊCH HĐQT
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**



NGUYỄN TRUNG HÀ



BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102114648 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/12/2006, thay đổi lần gần nhất ngày 05/07/2024; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/12/2006, thay đổi lần gần nhất ngày 25/06/2024)



Capital Insight
Client Innovation

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày tháng..... năm)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ...tháng năm 2025, tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

Trụ sở chính : Tầng 15, tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (024) 3248 4820

Website : <https://www.tvs.vn/>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: **LÊ THỊ TUYẾT NHUNG**

Chức vụ: Trưởng phòng lưu ký

Số điện thoại: (024) 3248 4820



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103014996 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/12/2006, thay đổi lần gần nhất ngày 05/07/2024; Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/12/2006, thay đổi lần gần nhất ngày 25/6/2024)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên Cổ Phiếu	Cổ Phiếu Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt
Loại Cổ Phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Mã Cổ Phiếu	TVS
Mệnh giá	10.000 (mười nghìn) đồng/Cổ Phiếu
Giá chào bán Chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	33.399.054 Cổ phiếu
Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	333.990.540.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi ba tỷ chín trăm chín mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)

Địa chỉ: Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (+84 28) 3823 0796

TỔ CHỨC TƯ VẤN: không có



DANH MỤC HÌNH VÀ BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: GDP 2024 đạt 7,09% YoY	9
Biểu đồ 2. Dịch vụ đóng vai trò chính (chiếm 49,46%) cho tăng trưởng của năm 2024, tăng 7,38% YoY	9
Biểu đồ 3. Xuất nhập khẩu tiếp tục hồi phục trong 2024 tăng 15,4% YoY	10
Biểu đồ 4. Tỷ lệ giải ngân đầu tư công 2024 thấp hơn 4,33% YoY	11
Biểu đồ 5. CPI 2024 đạt 3,63% YoY	12
Biểu đồ 6. Áp lực tăng của giá thịt lợn & giá dịch vụ nhóm Y tế khiến CPI tăng	12
Biểu đồ 7. Giá bán lẻ điện tăng 7.5% trong năm 2023	13
Biểu đồ 8. EVN sẽ đề xuất tăng giá bán lẻ điện do chênh lệch giá điện vẫn ở mức lớn	13
Biểu đồ 9. Lãi suất liên ngân hàng qua đêm tiếp tục duy trì ở mức dưới thấp	14
Biểu đồ 10. Lãi suất huy động giảm mạnh so với đầu năm 2023	14
Biểu đồ 11. Tỷ giá USD/VND tăng mạnh trong năm 2023 và tăng nhẹ trong 2024	15
Biểu đồ 12. Khác biệt chính sách tiền tệ của Mỹ và VN nới rộng khoảng cách lãi suất USD và VND	15
Biểu đồ 13. Lãi suất điều hành được duy trì ở mức thấp kể từ năm 2023	56
Biểu đồ 14. Lãi suất huy động giảm mạnh so với thời điểm đầu năm	56
Biểu đồ 15.... giúp cho thanh khoản TTCK Việt Nam tăng mạnh kể từ đầu Q2/23	56
Biểu đồ 16. Tỷ lệ nhà đầu tư trên tổng số dân của Việt Nam vẫn ở mức thấp so với các quốc gia lân cận	57
Biểu đồ 17. Số lượng hộ gia đình có thu nhập khả dụng trên 5.000 USD/năm đang gia tăng ở Việt Nam	57



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Thông tin công ty con/công ty liên kết/công ty con gián tiếp của Tổ chức Phát hành	31
Bảng 2. Các mốc thời gian tăng vốn điều lệ tiếp theo của Tổ chức Phát hành.....	35
Bảng 3. Cơ cấu cổ đông của TVS tại ngày 30/05/2025.....	37
Bảng 4. Thông tin về cổ đông nước ngoài đến ngày 30/05/2025	38
Bảng 5. Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất các năm 2023, 2024 và bán niên 2025	41
Bảng 6. Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất các năm 2023, 2024 và bán niên 2025	42
Bảng 7. Nguyên giá tài sản (hợp nhất) các năm 2023, 2024 và bán niên 2025	43
Bảng 8. Nguyên giá tài sản (riêng) các năm 2023, 2024 và bán niên 2025	43
Bảng 9. Giá trị còn lại của tài sản (hợp nhất) các năm 2023, 2024 và bán niên 2025	43
Bảng 10. Giá trị còn lại của tài sản (riêng) các năm 2023, 2024 và bán niên 2025.....	44
Bảng 11. Kết quả kinh doanh hợp nhất.....	44
Bảng 12. Các hợp đồng lớn của Tổ chức Phát hành đã ký kết từ 2022 đến nay	48
Bảng 13. Thông tin nhà cung cấp lớn của Tổ chức Phát hành đã ký kết từ 2022 đến nay	50
Bảng 14. Thông tin một số khoản vay ngắn hạn của TCTD của Tổ chức Phát hành đã ký kết từ 2022 đến nay	52
Bảng 15. Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE) của các CTCK niêm yết (Đơn vị: %).....	54
Bảng 16. Kết quả kinh doanh hợp nhất.....	65
Bảng 17. Kết quả kinh doanh của công ty mẹ	65
Bảng 18. Vốn điều lệ và vốn kinh doanh hợp nhất.....	68
Bảng 19. Vốn điều lệ và vốn kinh doanh của Công ty mẹ.....	68
Bảng 20. Lương, thu nhập bình quân của người lao động của người lao động Công ty mẹ	70
Bảng 21. Các khoản phải thu hợp nhất	70
Bảng 22. Các khoản phải thu của công ty mẹ.....	71
Bảng 23. Các khoản phải trả hợp nhất	71
Bảng 24. Các khoản phải trả của công ty mẹ.....	72
Bảng 25. Các khoản vay và nợ tài chính hợp nhất.....	73
Bảng 26. Các khoản vay và nợ tài chính Công ty mẹ.....	73
Bảng 27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước hợp nhất	74
Bảng 28. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty mẹ	74
Bảng 29. Số dư các quỹ hợp nhất	75
Bảng 30. Số dư các quỹ Công ty mẹ.....	75
Bảng 31. Các chỉ số tài chính chủ yếu của Công ty.....	76
Bảng 32. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025	79
Bảng 33. Danh sách cổ đông lớn nắm giữ trên 5% Vốn điều lệ của Tổ chức Phát hành	82
Bảng 34. Danh sách thành viên HĐQT của Công ty	86
Bảng 35. Danh sách Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng của Công ty	95
Bảng 36. Tổng thu nhập của Ban Kiểm soát, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc nhận được từ Tổ chức Phát hành	101



DANH MỤC HÌNH VÀ BIỂU ĐỒ	3
DANH MỤC BẢNG BIỂU	4
1. Tổ chức Phát hành	8
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành/Tổ chức bảo lãnh phát hành chính, Tổ chức tư vấn	8
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	8
1. Rủi ro về kinh tế.....	8
1.1. Tăng trưởng kinh tế.....	8
1.2. Lạm phát.....	11
1.3. Lãi suất.....	13
1.4. Tỷ giá.....	14
2. Rủi ro về luật pháp	15
3. Rủi ro đặc thù.....	16
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	17
5. Rủi ro pha loãng.....	18
6. Rủi ro quản trị công ty	19
7. Rủi ro khác	20
II. CÁC KHÁI NIỆM	21
III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	22
1. Thông tin chung về Tổ chức Phát hành	22
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức Phát hành	22
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát hành	25
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức Phát hành.....	26
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức Phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức Phát hành, những công ty mà Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối	30
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức Phát hành.....	35
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	37
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	38
10. Hoạt động kinh doanh	38
11. Chính sách đối với người lao động	62
12. Chính sách cổ tức	64
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	64
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức Phát hành:	64



15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức Phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức Phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán 64

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức Phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích..... 64

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH 65

1. Kết quả hoạt động kinh doanh 65

2. Tình hình tài chính 68

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức Phát hành..... 77

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm 79

5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận..... 79

V. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG 82

1. Thông tin về cổ đông sáng lập..... 82

2. Thông tin về cổ đông lớn 82

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng..... 86

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN..... 102

1. Loại Cổ phiếu 102

2. Mệnh giá Cổ phiếu 102

3. Tổng số lượng Cổ phiếu chào bán 102

4. Tổng giá trị Cổ phiếu chào bán theo mệnh giá 102

5. Giá chào bán dự kiến 102

6. Phương pháp tính giá 102

7. Phương thức phân phối: Chào bán thêm cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua..... 102

8. Đăng ký mua cổ phiếu 105

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu..... 105

10. Phương thức thực hiện quyền..... 106

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu 106

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu 107

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành.... 107

14. Hủy bỏ đợt chào bán..... 107

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài..... 107



16.	Các loại thuế có liên quan	107
17.	Thông tin về các cam kết	108
18.	Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán trong cùng đợt.....	109
VII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	109
VIII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	109
IX.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....	110
X.	CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	110
XI.	NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	110
XII.	PHỤ LỤC.....	112
1.	Phụ lục I.....	112
2.	Phụ lục II	112
3.	Phụ lục III.....	112
4.	Phụ lục IV	112



NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức Phát hành

Ông: Nguyễn Trung Hà	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà: Nguyễn Thanh Thảo	Chức vụ: Tổng giám đốc
Ông: Đỗ Minh Tiến	Chức vụ: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành/Tổ chức bảo lãnh phát hành chính, Tổ chức tư vấn

Không có

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Tăng trưởng kinh tế

Đây là yếu tố vĩ mô quan trọng nhất, ảnh hưởng đến tăng trưởng của các ngành nghề trong nền kinh tế, đặc biệt đối với lĩnh vực dịch vụ tài chính. Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng mạnh, tuy nhiên vẫn chứa đựng những rủi ro gắn liền với nền kinh tế mới nổi. Tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ chi phối hoạt động mua bán trái phiếu, cổ phiếu, cho vay ký quỹ, sản phẩm chứng khoán phái sinh trên thị trường, từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của TVS.

Tăng trưởng kinh tế tốt sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng xã hội, gia tăng sản xuất công nghiệp và doanh nghiệp có thể mở rộng thị trường của mình. Trong năm 2023, tăng trưởng GDP bình quân đạt mức 5,05 YoY, trong đó tăng trưởng GDP Q4/2023 đạt mức 6,72% YoY - mức cao nhất kể từ đầu năm. Các ngành đóng góp chính vào mức tăng trưởng trong Q4/2023 là Dịch vụ và Công nghiệp & xây dựng. Hoạt động xây dựng cơ sở hạ tầng được Chính phủ tập trung triển khai kể từ đầu năm, đồng thời các nhóm ngành dịch vụ có sự cải thiện so với thời điểm đầu năm.

Mặc dù tăng trưởng kinh tế trong các quý gần đây đều cải thiện đáng kể, tuy nhiên tăng trưởng GDP cả năm 2023 vẫn thấp hơn mục tiêu đầu năm của Chính phủ (6,5% YoY). Đối với năm 2024, các cấu phần chính của nền kinh tế như lạm phát, xuất nhập khẩu, bán lẻ, v.v. đều có sự phục hồi đáng kể, đóng góp vào tăng trưởng GDP. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2024 ước tính tăng 7,55% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn quý IV các năm 2017, 2018 trong giai đoạn 2011-2024, duy trì xu hướng quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 5,98%, quý II tăng 7,25%, quý III tăng 7,43%).

Tính chung năm 2024, GDP ước tính tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%.



Biểu đồ 1: GDP 2024 đạt 7,09% YoY

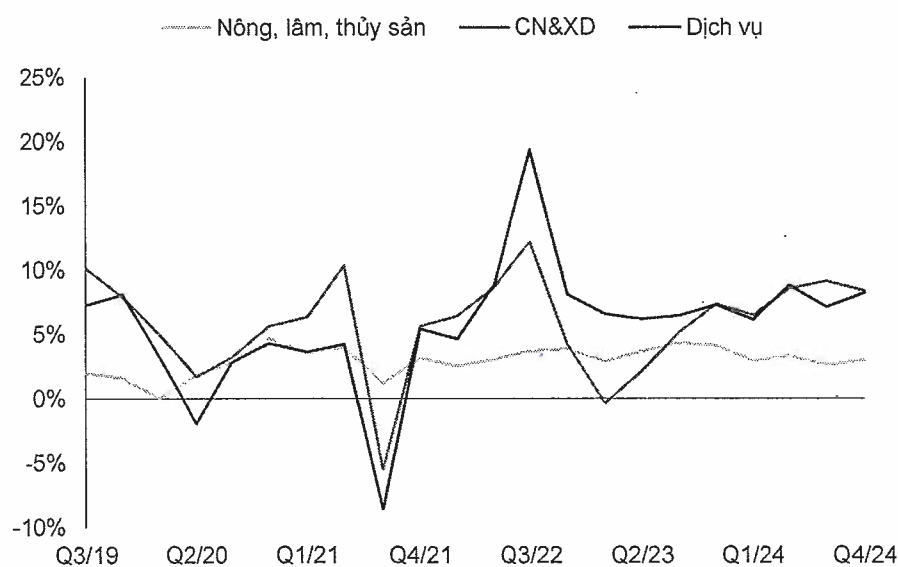
Tăng trưởng GDP theo Quý từ Q3/19-nay [%YoY]



Nguồn: Fiinpro, TVS Research

Biểu đồ 2. Dịch vụ đóng vai trò chính (chiếm 49,46%) cho tăng trưởng của năm 2024, tăng 7,38% YoY

Tăng trưởng GDP theo ngành từ Q3/19-nay [%YoY]



Nguồn: Fiinpro, TVS Research

Xuất khẩu hàng hóa là điểm sáng của nền kinh tế trong bối cảnh tăng trưởng thương mại thế giới được cải thiện. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 12/2024 đạt 35,53 tỷ USD, tăng 5,3% so với tháng trước và tăng 12,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong quý IV/2024, kim ngạch xuất khẩu đạt 105,9 tỷ



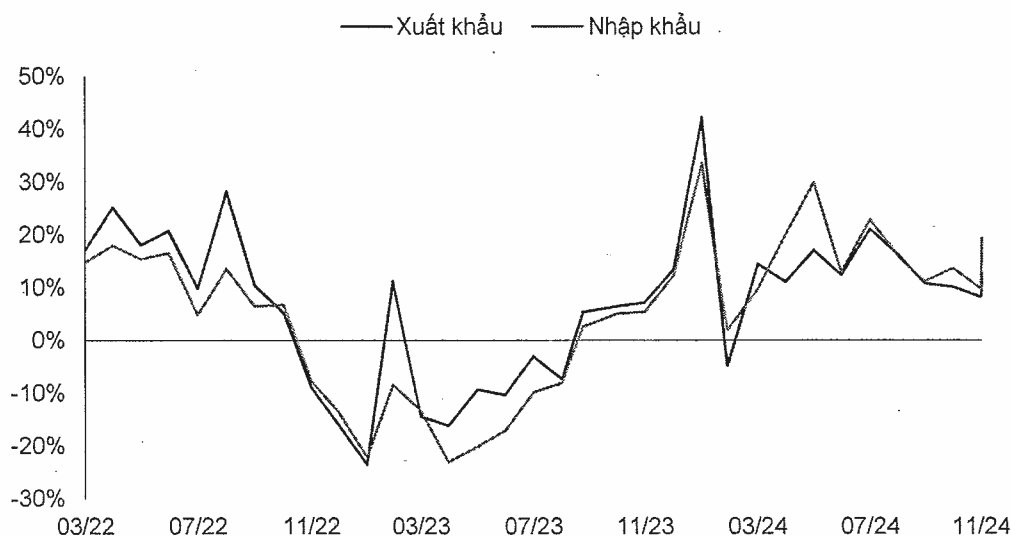
USD, tăng 11,5% so với cùng kỳ năm trước và giảm 2,5% so với quý III năm 2024. Tính chung cả năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 405,53 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm trước. Khu vực kinh tế trong nước tiếp tục là điểm sáng của hoạt động xuất nhập khẩu, duy trì tăng trưởng ổn định với tốc độ tăng cao hơn nhiều so với tốc độ tăng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Cán cân thương mại hàng hóa tháng Mười Hai ước tính xuất siêu 0,52 tỷ USD.

Trong kịch bản nền kinh tế thế giới phục hồi và lạm phát toàn cầu được kiểm soát, chúng tôi kỳ vọng xuất khẩu và nhập khẩu sẽ phục hồi lần lượt 9% YoY và 11% YoY so với nền của năm 2024.

Thực tế năm 2024, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt 786,29 tỷ USD (+15,4% YoY), trong đó giá trị xuất khẩu đạt gần 405,53 tỷ USD (+14,3% YoY) trong khi giá trị nhập khẩu đạt 380,76 tỷ USD (+16,7% YoY). Nhóm hàng đóng góp chính cho sự tăng trưởng là Điện tử, máy tính & linh kiện (+26,6% YoY), Điện thoại & linh kiện (+2,9% YoY) và Máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (+21% YoY). Cán cân thương mại ghi nhận thặng dư 24,77 tỷ USD. Kết quả này cho thấy nhiều dấu hiệu xuất khẩu phục hồi sau thời gian khó khăn, đặc biệt đối với các mặt hàng có giá trị lớn.

Biểu đồ 3. Xuất nhập khẩu tiếp tục hồi phục trong 2024 tăng 15,4% YoY

Tăng trưởng XNK theo tháng từ T3/2022-nay [% YoY]

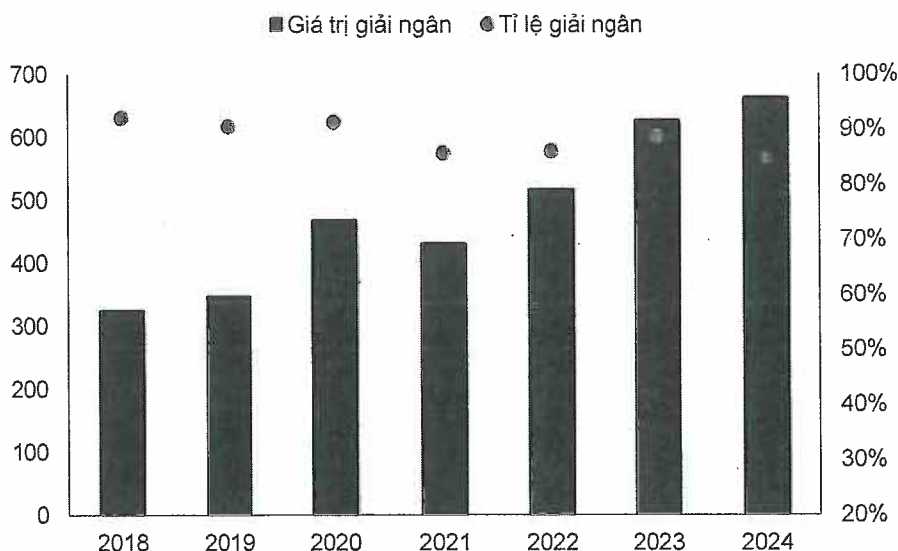


Nguồn: GSO, TVS Research



Biểu đồ 4. Tỷ lệ giải ngân đầu tư công 2024 thấp hơn 4,33% YoY

Vốn đầu tư công giải ngân [nghìn tỷ VND] & tỷ lệ giải ngân/KH [%]



Nguồn: GSO, TVS Research

Giải ngân đầu tư công được Chính phủ xác định là mũi nhọn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế chính trong năm 2024 trong bối cảnh xuất nhập khẩu không tích cực và nhu cầu tiêu dùng trong nước vẫn ở mức yếu. Do vậy, ngay từ đầu năm, Chính phủ đã đẩy mạnh công tác xây dựng cơ sở hạ tầng, giải ngân vốn đầu tư công, điển hình như khởi công một số dự án lớn như dự án Đường vành đai 4 Hà Nội (Tổng mức đầu tư “TMDT”: 85.800 tỷ VND), sân bay quốc tế Long Thành (TMDT: hơn 110.000 tỷ VND, v.v.).

Lũy kế cả năm 2024, vốn đầu tư công đã giải ngân đạt 661,294 tỷ VND (+5,75% YoY), tương đương 84,62% kế hoạch năm. Về cơ cấu thực hiện, trong 12 tháng của năm 2024, có 16/46 bộ, cơ quan trung ương và 37 địa phương có tỷ lệ ước giải ngân so với tổng kế hoạch đạt trên mức bình quân chung của cả nước. Trong đó, một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương có tỷ lệ giải ngân tốt như Đài truyền hình Việt Nam (100%), Ngân hàng Chính sách xã hội (100%), Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật (98,22%), Văn phòng Trung ương Đảng (93,65%), Đài tiếng nói Việt Nam (88,34%), Ngân hàng Nhà nước (84,83%), Bộ Giao thông vận tải (83,3%), Bộ Công an (81,88%); Bắc Kạn (91,32%), Bình Định (91,19%), Nghệ An (90,59%), Vĩnh Phúc (90,54%), Hòa Bình (89,47%), Hà Nam (89,25%).

1.2. Lạm phát

Trong giai đoạn 5 năm gần đây, lạm phát của Việt Nam thường dao động quanh mức 2,8 – 3,2% YoY (ngoại trừ năm 2021 ở mức thấp 1,8% YoY), cho thấy lạm phát được duy trì khá ổn định và luôn thấp hơn mục tiêu đề ra của Chính phủ.

Trong năm 2023, thị trường hàng hóa thế giới tiếp tục có nhiều biến động và chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố kinh tế, chính trị, xã hội. Tuy nhiên, lạm phát toàn cầu đã có xu hướng giảm dần, sau thời gian các nước đồng loạt tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát cùng với giá năng lượng giảm. Dù vậy, so với

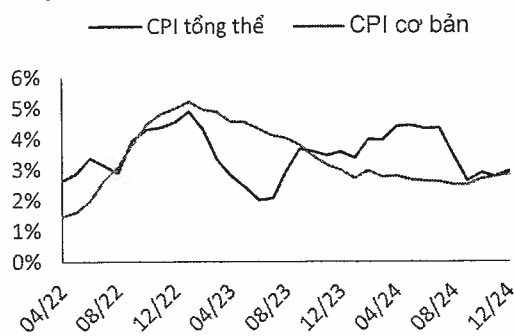


mục tiêu dài hạn, mức lạm phát hiện tại vẫn mở mức cao đối với nhiều quốc gia. Trong bối cảnh đó, Việt Nam tiếp tục thuộc nhóm các nước kiểm soát tốt lạm phát khi CPI tăng trưởng trung bình 3,26% YoY và thấp hơn mục tiêu của Chính phủ ở mức 4,5%. Giá nông sản và giá lợn hơi tăng trong Q1/2023 đã kéo chỉ số nhóm Hàng ăn & Dịch vụ ăn uống +3,5% YoY (so với mức tăng 2,6% YoY của năm 2022). Ngoài ra, các nhóm chính sách công như Y tế & Giáo dục cũng điều chỉnh các chính sách giá mới trong nửa cuối năm 2023.

Trong năm 2024, CPI cơ bản tăng 3,64% YoY thấp hơn mức tăng CPI bình quân chung (3,63%), chủ yếu do giá lương thực, thực phẩm, điện sinh hoạt, dịch vụ giáo dục, dịch vụ y tế là yếu tố tác động làm tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

Biểu đồ 5. CPI 2024 đạt 3,63% YoY

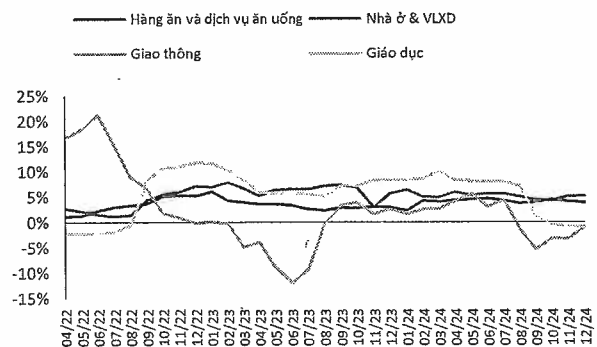
CPI cơ bản và CPI tổng thể theo tháng từ T4/22-nay [%YoY]



Nguồn: Fiinpro, TVS Research

Biểu đồ 6. Áp lực tăng của giá thịt lợn & giá dịch vụ nhóm Y tế khiến CPI tăng

CPI theo nhóm ngành từ T4/22 đến nay [% YoY]



Nguồn: Fiinpro, TVS Research

Chúng tôi cho rằng lạm phát năm nay sẽ dao động quanh mức 3,8 – 4,5% YoY, bám sát mục tiêu của Chính phủ trong năm 2025 (4.0 – 4.5% YoY).

Một số yếu tố có thể tác động lên lạm phát trong năm 2025 bao gồm:

Ảnh hưởng tiêu cực – Xung đột quân sự

- Xung đột quân sự ở một số quốc gia leo thang căng thẳng, diễn biến khó lường, có nguy cơ lan rộng. Cạnh tranh thương mại giữa các nước lớn ngày càng gay gắt. Cùng với đó, hiện tượng thời tiết cực đoan tác động nghiêm trọng tới kinh tế - xã hội toàn cầu. Điều này có thể tạo nên sự đứt gãy chuỗi cung ứng, làm gia tăng chi phí vận tải, tác động đến biến động giá các mặt hàng chiến lược trên thế giới, gây ra các rủi ro về an ninh năng lượng, an ninh lương thực...

Ảnh hưởng tiêu cực – Chính sách thuế của Mỹ



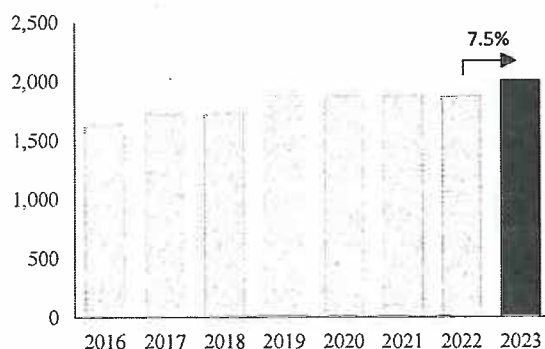
- Các chính sách thuế trong nhiệm kỳ của Tổng thống đắc cử Mỹ Donald Trump có khả năng rất khắc nghiệt, dẫn đến các phản ứng trả đũa từ các quốc gia. Bảo hộ thương mại và rào cản thương mại gia tăng sẽ làm trầm trọng thêm căng thẳng thương mại và phá vỡ chuỗi cung ứng toàn cầu - điều này có thể gây ra một đợt lạm phát mới, đồng thời làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu và tỷ lệ thất nghiệp có nguy cơ tăng cao trở lại.
- Ở trong nước, chi phí nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất có thể tăng lên theo giá thế giới và chịu tác động từ biến động tỷ giá, ảnh hưởng đến chi phí, giá thành sản phẩm, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên và tạo áp lực lên lạm phát.

Ảnh hưởng tiêu cực – Giá điện, Y tế và Giáo dục

- Theo các chuyên gia, việc tiếp tục thực hiện lộ trình thị trường đối với các dịch vụ do Nhà nước quản lý như giá điện, học phí, giá dịch vụ y tế theo hướng tính đúng, tính đủ các yếu tố, chi phí sẽ tác động làm tăng chỉ số giá tiêu dùng năm 2025. Các gói kích cầu, hạ mặt bằng lãi suất cho vay, mở rộng tín dụng, đẩy mạnh đầu tư công giúp tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nhưng cũng có thể tạo sức ép lên mặt bằng giá nếu nguồn cung tiền không được kiểm soát hợp lý...

Biểu đồ 7. Giá bán lẻ điện tăng 7.5% trong năm 2023

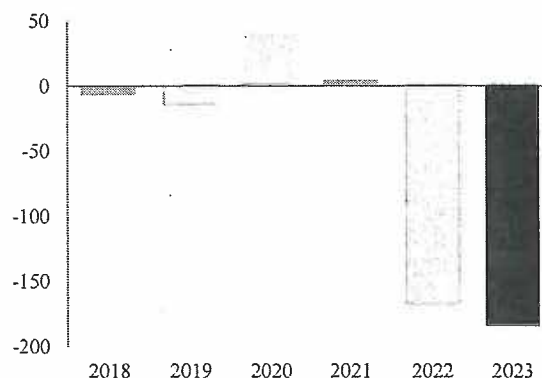
Giá điện bán lẻ trung bình tại thời điểm cuối năm [VND/kWh]



Nguồn: EVN, TVS Research tổng hợp

Biểu đồ 8. EVN sẽ đề xuất tăng giá bán lẻ điện do chênh lệch giá điện vẫn ở mức lớn

CL giá bán lẻ (*) và giá thành SX điện trung bình [VND/kWh]



Nguồn: EVN, TVS Research tổng hợp

(*) được tính theo bình quân giá quyền trong năm dương lịch

1.3. Lãi suất

Tính tới tháng 3 năm 2024, lãi suất huy động trung bình bốn ngân hàng thương mại nhà nước ghi nhận mức giảm nhẹ đối với kỳ hạn 12 tháng, xuống 4,7%/năm. Biến động lãi suất có ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí vốn vay của tất cả các doanh nghiệp, trong đó có TVS. Đồng thời, môi trường lãi suất cao cũng khiến cho thanh khoản trên thị trường chứng khoán giảm sút đáng kể, ảnh hưởng trực tiếp đến các công ty chứng khoán, trong đó có TVS.

Trong năm 2023, chính sách tiền tệ luôn được Ngân hàng Nhà nước (NHNN) duy trì theo hướng nới lỏng nhằm thúc đẩy giải ngân tín dụng, hỗ trợ nền kinh tế. Các mức lãi suất điều hành đã giảm về mức

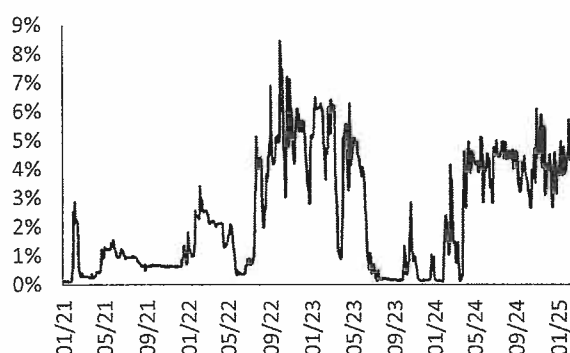


tương đương hoặc cao hơn không quá 50 bps so với đầu T9/2022, sau 04 lần hạ lãi suất của NHNN. Đồng thời, mặt bằng lãi suất huy động của thị trường cũng giảm tương ứng nhằm thu hút các doanh nghiệp vay vốn. Lãi suất trên thị trường liên ngân hàng cũng giảm mạnh về mức tương đương với giai đoạn tiền tệ nới lỏng 2020-2021, thể hiện thanh khoản trên thị trường tương đối dồi dào.

Xu hướng giảm lãi suất huy động tiếp tục diễn ra tại một số ngân hàng trong T12/2023. Chúng tôi kỳ vọng lãi suất huy động sẽ duy trì ở mức hiện tại trong năm 2024 do nhu cầu tín dụng sẽ khó đột biến. Lãi suất cho vay vì thế sẽ có dư địa giảm thêm.

Biểu đồ 9. Lãi suất liên ngân hàng qua đêm tiếp tục duy trì ở mức dưới thấp

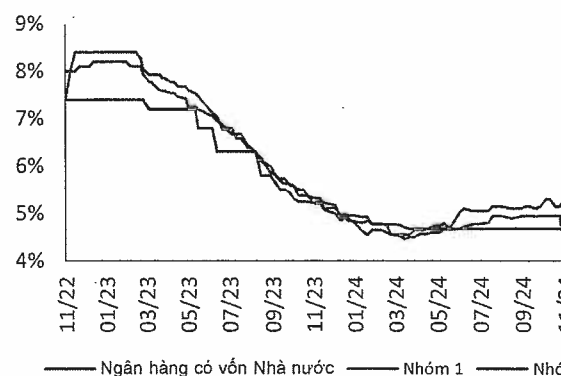
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm [%/năm]



Nguồn: Fiinpro, TVS Research

Biểu đồ 10. Lãi suất huy động giảm mạnh so với đầu năm 2023

Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12T của các ngân hàng [%/năm]



Ghi chú: SOCB: Agribank, BID, CTG, VCB; Nhóm 1: ACB, MBB, CTB, VPB; Nhóm 2: các NHTM khác

Nguồn: Website các ngân hàng, TVS Research

Năm 2025, khả năng lãi suất huy động sẽ duy trì đi ngang với sự hỗ trợ đến từ nỗ lực thúc đẩy tín dụng trong năm 2025 của NHNN cùng với định hướng “tiếp tục bám sát diễn biến thị trường trong nước và quốc tế, sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng cung ứng tín dụng cho nền kinh tế và kịp thời có giải pháp điều hành chính sách tiền tệ phù hợp”.

1.4. Tỷ giá

Rủi ro về tỷ giá hối đoái trên thị trường có thể tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của TVS trong trường hợp TVS có các khoản vay bằng ngoại tệ. Ngoài ra, biến động về tỷ giá cũng ảnh hưởng trực tiếp đến áp lực nợ nước ngoài và ảnh hưởng đến nhà đầu tư nước ngoài, gián tiếp ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán. Do vậy, biến động về tỷ giá luôn được TVS theo dõi và cập nhật thường xuyên nhằm có những hành động kịp thời.

Trong năm 2024, tỷ giá USD/VND đã có sự tăng nhẹ, đặc biệt trong giai đoạn giữa năm 2024. Áp lực tỷ giá USD/VND đến từ các yếu tố như (i) chỉ số DXY có xu hướng mạnh lên và tăng lên mức cao

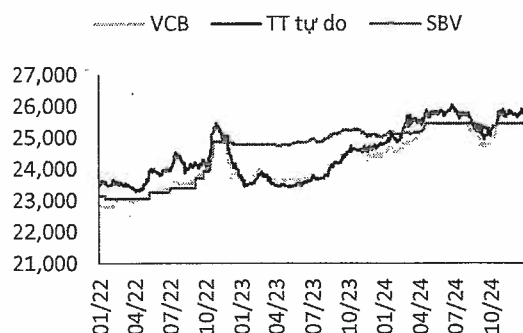


nhất trong năm 2024 khiến cho gia tăng đầu cơ tỷ giá nhằm tận dụng chênh lệch về lãi suất USD và VND và (ii) Chính phủ Mỹ đẩy mạnh phát hành Trái Phiếu chính phủ, đưa mức lợi suất Trái Phiếu chính phủ Mỹ vượt mức 5%.

Tuy nhiên, áp lực tỷ giá phần nào hạ nhiệt sau giai đoạn tăng mạnh mẽ và duy trì ổn định trong Q4/2024 nhờ các chính sách can thiệp kịp thời của NHNN như hút tiền qua nghiệp vụ thị trường mở (OMO) và các yếu tố quốc tế thuận lợi hơn cho tỷ giá. Nhờ đó, tỷ giá USD/VND đã duy trì mức nền giá trong khoảng 25.000-25.500 VND/USD trong giai đoạn Q4/2024.

Biểu đồ 11. Tỷ giá USD/VND tăng mạnh trong năm 2023 và tăng nhẹ trong 2024

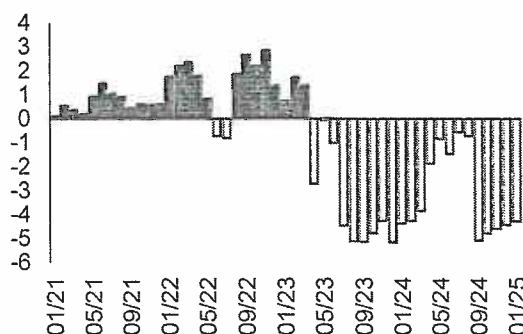
Tỷ giá USD/VND [VND]



Nguồn: NHNN, TVS Research

Biểu đồ 12. Khác biệt chính sách tiền tệ của Mỹ và VN nói rộng khoảng cách lãi suất USD và VND

Khoảng cách giữa lãi suất ON và lãi suất của FED [%]



Nguồn: NHNN, TVS Research

Tỷ giá USD/VND liên ngân hàng trong tháng 2024 tăng nhẹ lên mức 25.450, đánh dấu mức tăng 1,7% so với đầu năm trước các số liệu tăng trưởng mạnh của kinh tế Mỹ và nhu cầu tích trữ ngoại tệ để bảo hiểm rủi ro thị trường. Tuy nhiên, tỷ giá có thể hạ nhiệt và dao động ở khoảng 25.300 – 25.700 trong năm 2025 với thặng dư thương mại tích cực cùng dòng vốn FDI và du lịch phục hồi mạnh mẽ tại Việt Nam.

2. Rủi ro về luật pháp

Là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần đại chúng, niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nên TVS chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh từ pháp luật trong quá trình hoạt động, TVS luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của mình. Cán bộ và nhân viên pháp chế thường xuyên được yêu cầu tham gia các hội thảo về pháp lý và góp ý kiến đầy đủ về các dự thảo văn bản pháp luật khi được yêu cầu. Đồng thời TVS cũng tham khảo và thuê các đơn vị tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.



3. Rủi ro đặc thù

TVS nhận diện các rủi ro chính ảnh hưởng lớn tới hoạt động kinh doanh như sau:

3.1. Rủi ro thị trường

TVS đầu tư hơn 50% vào cổ phiếu niêm yết, tiền gửi và cho vay ký quỹ, chịu ảnh hưởng của các rủi ro thị trường như lãi suất, giá cổ phiếu, chính sách tiền tệ, vĩ mô, địa chính trị, dịch bệnh, thảm họa tự nhiên, chiến tranh và quy định pháp lý. Biến động bất ngờ có thể làm giảm doanh thu và lợi nhuận. TVS giảm thiểu rủi ro bằng cách đầu tư vào cổ phiếu có nền tảng tốt, có hội đồng đầu tư giám sát và Phòng Quản trị Rủi ro theo dõi thông qua báo cáo hàng ngày, hàng tuần và hàng tháng.

Với đầu tư tiền gửi và cho vay ký quỹ, TVS quản lý rủi ro tín dụng bằng cách phân tích chất lượng tài sản và xếp hạng tín dụng khách hàng. TVS thiết lập hạn mức vay thấu chi với nhiều ngân hàng để duy trì thanh khoản và linh hoạt vốn, tránh rủi ro tín dụng.

Trong 17 năm hoạt động, TVS không có khoản tiền gửi nào bị mất khả năng thanh toán. Công ty đánh giá rủi ro giá cổ phiếu và các yếu tố ảnh hưởng định kỳ để điều chỉnh hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

Năm vừa qua, TVS kiểm soát rủi ro thị trường và kết quả kinh doanh theo đúng mục tiêu, duy trì tỷ lệ tiền và giá trị đầu tư phù hợp, chỉ đầu tư vào các công ty có tiềm năng phát triển ổn định. Công ty quản lý chặt chẽ các khoản đầu tư sau giải ngân, phân công nhân viên chuyên trách thẩm doanh nghiệp thường xuyên và làm việc trực tiếp với lãnh đạo để hiểu rõ chiến lược và kế hoạch hoạt động.

3.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh từ việc các khách hàng, đối tác của Công ty không thực hiện các nghĩa vụ nợ đã cam kết, dẫn tới tổn thất cho Công ty. Rủi ro này phát sinh trong lĩnh vực tiền gửi với các định chế tài chính ngân hàng hay hoạt động cho vay đầu tư với nhóm khách hàng lớn.

Năm vừa qua, TVS đã chủ động nhận diện và quản trị rủi ro về lãi suất, tỷ giá và cung-cầu tiền nhằm tối ưu hóa lợi nhuận.

Nghiệp vụ đầu tư cổ phiếu:

Danh mục đầu tư chịu tác động từ các yếu tố nội tại, kinh tế và quốc tế. Biến động bất ngờ như chiến tranh, dịch bệnh có thể làm giảm giá cổ phiếu, ảnh hưởng tiêu cực đến kinh doanh. TVS thận trọng lập danh mục cho vay, chấm điểm cổ phiếu dựa trên thanh khoản, biến động giá và tình hình tài chính. Cổ phiếu làm tài sản bảo đảm được đánh giá lại hàng tháng, giám sát dư nợ và rủi ro hàng ngày để kịp thời quản trị.

Hoạt động đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi:

TVS thận trọng giao dịch với các Tổ chức Tài chính dựa trên xếp hạng tín nhiệm và đánh giá định kỳ. Quy chế đầu tư quy định hạn mức, danh mục, cơ cấu đầu tư và nguyên tắc quản trị rủi ro.



Cho vay giao dịch ký quỹ:

TVS cho vay dựa trên tài sản đảm bảo là cổ phiếu khách hàng sở hữu, giám sát chặt chẽ trạng thái tài khoản giao dịch hàng ngày, tuân thủ đúng theo các quy định và hướng dẫn về giao dịch ký quỹ chứng khoán theo Quyết định số 87/QĐ-UBCK về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán ngày 25/01/2017.

Hoạt động đầu tư trái phiếu:

Hoạt động đầu tư trái phiếu gắn liền với rủi ro tổ chức phát hành trái phiếu mất khả năng thanh toán khi đến hạn, hoặc tổ chức phát hành phát sinh yếu tố làm trái phiếu có nguy cơ mất thanh khoản. Để hạn chế các rủi ro này, TVS đã ban hành Quy chế đầu tư và quy trình đầu tư. Thực tế triển khai, TVS đánh giá chi tiết các khía cạnh của một đề xuất đầu tư trái phiếu tương tự như thẩm định tín dụng trước khi thực hiện đầu tư. TVS thẩm định rất kỹ càng và chỉ đầu tư trái phiếu của các tổ chức phát hành uy tín và có tài sản đảm bảo hợp lý.

3.3. Rủi ro pháp lý

Đây là loại rủi ro nhạy cảm mà hầu hết các doanh nghiệp tại Việt Nam đều phải đối mặt, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán. TVS đã từng phải giải trình đối với một số hoạt động, sản phẩm mới khi hệ thống pháp luật chưa bắt kịp được với sự phát triển của thị trường. Để hạn chế loại rủi ro pháp lý này, TVS đã thành lập các bộ phận Quản trị rủi ro, Kiểm soát nội bộ, Pháp chế với vai trò tư vấn pháp lý cho các khối kinh doanh, tham gia kiểm soát việc đưa ra các sản phẩm kinh doanh mới và giám sát việc tuân thủ pháp luật của các bộ phận. TVS cũng luôn theo dõi các quy định pháp luật mới và cập nhật tương ứng vào các quy trình, chính sách của công ty cũng như đảm bảo hoạt động tuân thủ. TVS luôn đề cao việc đào tạo ý thức tuân thủ pháp luật trong toàn hệ thống và chú trọng tinh thần thượng tôn pháp luật.

3.4. Rủi ro hoạt động

- Rủi ro lỗi hạ tầng viễn thông và nhà cung cấp thứ ba: Lỗi hệ thống có thể do đường truyền giữa TVS và các Sở giao dịch chứng khoán không ổn định, ảnh hưởng đến việc truyền lệnh lên hệ thống ghi nhận lệnh; hệ thống báo cáo bị lỗi làm thiếu thông tin và ảnh hưởng đến việc cảnh báo rủi ro. Do đó, công ty thường xuyên kiểm tra hệ thống công nghệ thông tin liên quan nhằm đảm bảo tính ổn định, thông suốt ở mức cao nhất.
- Rủi ro do biến động thị trường làm giá trị các khoản đầu tư tài chính của TVS có thể bị tăng, giảm liên tục.

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro của đợt chào bán

Mục tiêu của đợt chào bán cổ phiếu này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, phân bổ cho các hoạt động trên cơ sở phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



Đợt chào bán diễn ra trong thời điểm nền kinh tế và thị trường chứng khoán có nhiều biến động, do đó khó tránh khỏi những rủi ro liên quan đến thị trường chứng khoán. Trong trường hợp thị trường không thuận lợi và cổ phiếu không được chào bán hết như dự kiến, tùy thuộc vào tình hình thị trường tại thời điểm chào bán, HĐQT sẽ quyết định tiếp tục chào bán phần còn lại (bao gồm số cổ phiếu phát sinh do làm tròn, số cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền mua) cho các Nhà đầu tư khác với giá chào bán không thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi được chào bán cho Nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020. Trong trường hợp hết thời gian phân phối theo quy định của pháp luật (bao gồm thời gian gia hạn nếu có) mà cổ phiếu vẫn chưa được phân phối hết thì số cổ phiếu chưa phân phối hết này được hủy và HĐQT quyết định kết thúc đợt chào bán.

4.2. Rủi ro sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Tổ chức Phát hành dự kiến sử dụng số tiền được để bổ sung toàn bộ cho hoạt động đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của Công ty. Do vậy, việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cũng đi kèm với những rủi ro chung gắn liền với các hoạt động này.

Việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ phụ thuộc nhiều vào việc Tổ chức Phát hành có thể hoàn tất chào bán đúng thời gian như dự kiến. Vì vậy, trong trường hợp vì các lý do khách quan mà việc chào bán bị kéo dài, Tổ chức Phát hành có thể sẽ không thể sử dụng vốn thu được đúng như kế hoạch dự kiến. Nguồn vốn phân bổ có thể được luân chuyển linh động trong các hoạt động nêu trên của Tổ chức Phát hành để đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Tổ chức Phát hành trong từng thời kỳ. Tùy vào số vốn thực tế thu được từ đợt chào bán, HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT/ Tổng giám đốc quyết định/ lập phương án sử dụng vốn cụ thể và quyết định cụ thể việc phân bổ sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán Cổ Phiếu và/hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức Phát hành tại thời điểm thực hiện phát hành Cổ Phiếu và phù hợp với kế hoạch phát triển chung của Tổ chức Phát hành. Tổ chức Phát hành sẽ luôn nỗ lực để phối hợp cùng các đơn vị có liên quan để đảm bảo tiến độ hoàn tất việc chào bán như dự kiến, tuy nhiên nếu trường hợp như được nêu trên xảy ra, Tổ chức Phát hành cam kết sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin đến nhà đầu tư và các trách nhiệm có liên quan khác.

5. Rủi ro pha loãng

Lượng cổ phiếu dự kiến chào bán thêm cổ đông hiện hữu và lượng cổ phần dự kiến phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn sở hữu đợt này sẽ dẫn đến tổng số cổ phiếu lưu hành dự kiến của Công ty tăng lên 20% (trong đó số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm là 33.399.054 cổ phiếu). Điều này dẫn đến cổ phiếu của Công ty bị pha loãng như sau:

5.1. Rủi ro pha loãng giá thị trường cổ phiếu

Giá cổ phiếu của TVS sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật khi thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu, Giá pha loãng khi có cổ phiếu mới phát hành được xác định theo công thức sau:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I}$$

- Trong đó:
 - o P: là giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng
 - o P_{t-1} : là giá thị trường của cổ phiếu trước khi bị pha loãng
 - o I_R : tỷ lệ vốn tăng
 - o P_r : là giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán
 - o I: tỷ lệ vốn tăng khi chào bán và phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Tham khảo:
 - o P_{t-1} : Giá sử, giá cổ phiếu TVS trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 21.400 đồng/cổ phiếu
 - o P_r : Giá cổ phiếu sẽ bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán mới là 10.000 đồng/cổ phiếu
 - o I_R : Tỷ lệ vốn tăng khi chào bán và phát hành cho cổ đông hiện hữu là 20%
 - o P: Giá tham chiếu cổ phiếu TVS trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới để tăng vốn là:

$$P = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_r)}{1 + I} = \frac{21.400 + (20\% \times 10.000)}{1 + 20\%} = 19.500 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

5.2. Rủi ro pha loãng EPS

EPS = Lợi nhuận sau thuế/ Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân

EPS năm 2024 theo số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán của Công ty là 1.686 đồng/cổ phiếu. Sau khi phát hành, chỉ số EPS có thể bị pha loãng do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chưa tạo ra ngay doanh thu và lợi nhuận cho Công ty.

5.3. Rủi ro pha loãng giá trị sổ sách (BV)

BV = Nguồn VCSH thuộc về cổ đông/(Tổng số lượng cổ phiếu đã phát hành – Cổ phiếu quỹ)

Tại thời điểm 31/12/2024, giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty theo Báo cáo tài chính hợp nhất là 14.665 đồng/cổ phiếu. Sau khi phát hành, chỉ số BV có thể bị pha loãng.

5.4. Rủi ro pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của Cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

Các rủi ro từ việc pha loãng cổ phiếu nêu trên không phải không bao giờ cũng xảy ra và mức độ rủi ro phụ thuộc vào tình hình thị trường cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, những rủi ro này cũng sẽ có những tác động trực tiếp cũng như gián tiếp đến lợi ích của nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu của Công ty, vì vậy nhà đầu tư cần có những đánh giá cân trọng về vấn đề nêu trên.

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty là những nguy cơ có thể ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động và thành công của một doanh nghiệp do sự quản lý kém hoặc thiếu hiệu quả từ ban lãnh đạo. Những rủi ro này bao gồm:



- Thiếu minh bạch và trung thực: Thiếu minh bạch trong các hoạt động quản lý và tài chính có thể dẫn đến việc thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin, gây mất niềm tin từ các cổ đông và đối tác.
- Quyết định kém hiệu quả: Quyết định thiếu căn cứ hoặc không dựa trên dữ liệu có thể dẫn đến những hậu quả tiêu cực, như lãng phí nguồn lực, thất thoát tài sản hoặc thua lỗ.
- Xung đột lợi ích: Khi các thành viên trong ban lãnh đạo có lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích của công ty, điều này có thể dẫn đến việc ra quyết định không công bằng hoặc thiên vị.
- Thiếu trách nhiệm và giám sát: Việc không có hệ thống kiểm tra và giám sát hiệu quả có thể dẫn đến việc các nhân viên và quản lý không tuân thủ quy định và quy trình, gây ra các sai phạm nghiêm trọng.
- Thiếu khả năng ứng phó với khủng hoảng: Ban lãnh đạo không chuẩn bị và không có kế hoạch dự phòng cho các tình huống khủng hoảng có thể làm tăng mức độ nghiêm trọng của các sự cố, ảnh hưởng xấu đến hoạt động và danh tiếng của công ty.
- Không tuân thủ pháp luật và quy định: Sự thiếu tuân thủ các quy định pháp luật và các tiêu chuẩn đạo đức có thể dẫn đến các vụ kiện tụng, phạt tiền và làm giảm uy tín của công ty.

Nhằm giảm thiểu các rủi ro này, công ty đã xây dựng một hệ thống quản trị công ty mạnh mẽ và hiệu quả, bao gồm việc: 1. Thiết lập các chính sách minh bạch, quy trình kiểm tra và giám sát chặt chẽ, và xây dựng một nền văn hóa doanh nghiệp dựa trên đạo đức và trách nhiệm và các quy định pháp luật. 2. Xây dựng các phòng ban chức năng với các nhân sự đầy đủ năng lực theo thông lệ quốc tế.

7. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro trên, công ty có thể phải đối mặt với một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh, ảnh hưởng của biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh,...

CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO CỔ PHIẾU.

(Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống)



II. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

BCTC:	Báo cáo tài chính
BKS:	Ban kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CCCD	Căn cước công dân
GCNĐKDN	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
CTCP	Công ty cổ phần
Điều lệ	Điều lệ Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
HNX	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
HSX	Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
QTRR	Quản trị rủi ro
SGDCK	Sở giao dịch chứng khoán
Sở KHĐT	Sở Kế hoạch và đầu tư
TCTD	Tổ chức tín dụng
TGD	Tổng giám đốc
Thuế GTGT	Thuế giá trị gia tăng
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TTCK	Thị trường chứng khoán
UBCKNN	Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
TVS/Công ty	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt
VSDC	Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam


Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản cáo bạch nhưng không được giải thích/ định nghĩa trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích/ định nghĩa trong các mục khác của Bản cáo bạch.

(Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống)



III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức Phát hành

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
Tên công ty bằng tiếng nước ngoài : THIEN VIET SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt : TVSC., JSC
Logo : 

Trụ sở chính : Tầng 15, tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại : (024) 3248 4820
Website : <https://www.tvs.vn/>
GCNĐKDN : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (mã số doanh nghiệp) số 0103014996 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư cấp lần đầu ngày 13/12/2006, thay đổi lần thứ 7 ngày 05/07/2024.
Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán : 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 12 năm 2006 và sửa đổi bổ sung qua các thời kỳ
Ngày giao dịch đầu tiên : 15/01/2015
Vốn điều lệ tại ngày 10/07/2024 : 1.669.952.740.000 (Một nghìn sáu trăm sáu mươi chín tỷ chín trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng
Ngành nghề kinh doanh chính : - Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Giao dịch ký quỹ chứng khoán.
Người đại diện theo pháp luật : - Ông Nguyễn Trung Hà – Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Bà Nguyễn Thanh Thảo – Tổng giám đốc
Mã cổ phiếu : TVS
Sàn niêm yết : HSX

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức Phát hành

- Năm 2006 • Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt được thành lập với vốn điều lệ ban đầu 43 tỷ đồng.
- Năm 2007 • Công ty tăng vốn điều lệ từ 43 tỷ lên 430 tỷ đồng.
• Công ty thành lập chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.
• Công ty được chấp nhận là thành viên giao dịch của TTGDCK Hà Nội.
• Công ty được chứng nhận là thành viên đầu thầu của TTGDCK Hà Nội.



- Công ty được công nhận tư cách thành viên TTGDCK TPHCM.
- Công ty được chấp thuận là thành viên lưu ký của TTLKCK.
- Chi nhánh Công ty được chấp thuận hoạt động lưu ký.
- Năm 2009 • Công ty chuyển địa điểm Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh của Công ty từ 147 – 149 Võ Văn Tần, quận 3, TP. Hồ Chí Minh về địa chỉ 63 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- Năm 2010 • Công ty được chấp thuận làm thành viên giao dịch trực tuyến SGDCK TPHCM.
- Công ty được chấp thuận tham gia giao dịch trực tuyến SGDCK HN.
- TVS trở thành ngân hàng đầu tư đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam nhận được vốn đầu tư từ IFC, thành viên của Ngân hàng Thế giới (World Bank).
- Năm 2011 • TVS giành được giải thưởng Thương vụ của Năm của tạp chí The Asset cho thương vụ Diana - Unicharm, với tư cách là nhà tư vấn độc quyền cho bên bán.
- Năm 2012 • Công ty thay đổi địa chỉ trụ sở từ địa chỉ 535 Kim Mã, Hà Nội đến địa chỉ mới là Toà nhà TĐL, 22 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Năm 2015 • Cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán: TVS) chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM, đánh dấu một bước phát triển mới của TVS.
- Công ty Quản lý quỹ Thiên Việt (TVAM) ra đời sau khi TVS mua thành công 99,2% cổ phần Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán An Phúc.
- Công ty tăng vốn điều lệ lên 476.438.880.000 đồng.
- Năm 2016 • TVAM đã huy động thành công và niêm yết trên sàn HOSE một Quỹ đóng mới, Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt – “TVGF” với tổng giá trị 150 tỷ.
- Công ty tăng vốn điều lệ lên 534.295.060.000 đồng.
- Năm 2017 • Công ty tăng vốn điều lệ lên 578.710.410.000 đồng.
- Năm 2018 • Công ty tăng vốn điều lệ lên 635.023.750.000 đồng.
- TVAM ra mắt Quỹ tăng trưởng Thiên Việt 2 (TVGF2) với tổng giá trị 170 tỷ đồng.
- Năm 2019 • Công ty tăng vốn điều lệ lên 801.247.000.000 đồng.
- Năm 2020 • Công ty tăng vốn điều lệ lên 982.351.740.000 đồng.
- TVS tăng tỷ lệ sở hữu tại TVAM đến 99.8% và tăng vốn điều lệ của TVAM lên 125 tỷ đồng.
- Năm 2021 • Công ty tăng vốn điều lệ lên 1.070.751.840.000 đồng.
- Một trong những công ty TVS đầu tư là MoMo đạt mức định giá 2 tỷ USD.
- TVAM ra mắt Quỹ đầu tư tăng trưởng Thiên Việt 3 (TVGF3) với tổng giá trị 199 tỷ đồng.
- Công ty thay đổi địa chỉ trụ sở từ Toà nhà TĐL, 22 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội đến địa chỉ mới là Tầng 15, tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Năm 2022 • Tổng tài sản công ty đạt 9.460 tỷ đồng và vốn điều lệ hơn 1.071 tỷ đồng.
- TVAM ra mắt Quỹ tăng trưởng Thiên Việt 4 (TVGF4) với tổng giá trị 201 tỷ đồng.
- Năm 2023 • Công ty tăng vốn điều lệ lên 1.513.146.720.000 đồng.
- TVAM ra mắt Quỹ tăng trưởng Thiên Việt 5 (TVGF5) với tổng giá trị 173 tỷ đồng.



- Năm 2024
- Công ty tăng vốn điều lệ lên 1.518.146.720.000 đồng.
 - Công ty tăng vốn điều lệ lên 1.669.952.740.000 đồng.

Định hướng phát triển của Công ty:

Vững vàng kiềng 3 chân: Ngân hàng đầu tư, hoạt động đầu tư và dịch vụ quản lý quỹ

Ngay từ khi thành lập, TVS đã tập trung chủ yếu nguồn lực cho hai mảng kinh doanh trụ cột là ngân hàng đầu tư và hoạt động đầu tư nhằm duy trì lợi nhuận bền vững cho cổ đông.

Đến nay, TVS đã tư vấn thành công 33 thương vụ huy động vốn và mua bán sáp nhập với tổng giá trị khoảng 900 triệu USD. Đội ngũ chuyên gia tư vấn của TVS có đủ năng lực để trình bày về Doanh nghiệp theo “ngôn ngữ” của nhà đầu tư, sao cho họ hiểu được toàn cảnh môi trường cạnh tranh trong ngành mà Doanh nghiệp đang hoạt động, chiến lược của Doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh đó, cũng như cách tổ chức hoạt động để Doanh nghiệp có thể thành công trong chiến lược cạnh tranh mà mình đặt ra. Ngoài ra, mạng lưới Nhà đầu tư danh tiếng, có tiềm lực tài chính mạnh rộng khắp mà TVS xây dựng được trong nhiều năm qua nhờ vào uy tín của mình, vốn am hiểu các tập quán đầu tư quốc tế, cũng như khả năng tìm ra giải pháp hài hòa cho cả Doanh nghiệp lẫn Nhà đầu tư. Thành quả lớn nhất mà TVS đạt được chính là sự hài lòng, tin tưởng mà khách hàng dành cho Công ty thể hiện qua việc hầu như tất cả khách hàng của TVS hiện nay đã sử dụng dịch vụ IB của TVS cho ít nhất 2 thương vụ huy động vốn, M&A liên tiếp của họ.

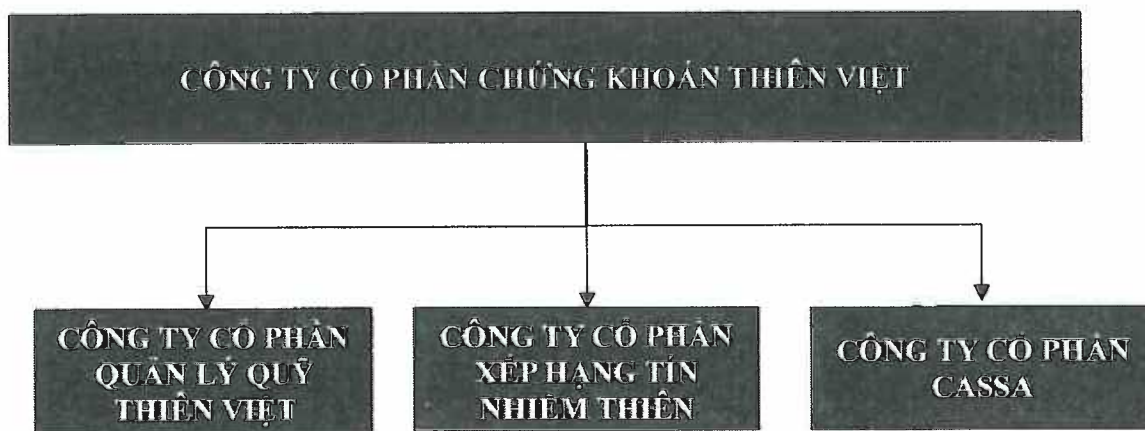
Đối với hoạt động đầu tư, Hội đồng quản trị của TVS có phương châm: “Tìm kiếm lợi nhuận thay vì phòng tránh thua lỗ”, tất nhiên rủi ro sẽ cao hơn. Tuy nhiên, chúng tôi đã cân bằng bởi chiến lược tập trung đầu tư dựa trên các giá trị nền tảng có thể định lượng được của các DN hoạt động hiệu quả, thay vì đầu tư theo thị trường. Hiện nay, TVS thông qua TVAM đang quản lý hơn 1.000 tỷ vốn đầu tư bao gồm vốn đầu tư của TVS, Quỹ FUCTVGF1, Quỹ FUCTVGF2 và quản lý danh mục cho khách hàng. Mô hình CTCK + Công ty Quản lý Quỹ là một trong những mô hình hiệu quả và khá phổ biến trên thị trường tài chính hiện nay. Mô hình này giúp đa dạng hóa các loại hình dịch vụ của TVS nhằm tạo sự khác biệt với các công ty chứng khoán khác.

Ngày 25/12/2023, đánh dấu chặng đường 17 năm thành lập và phát triển của TVS, 17 năm TVS đã luôn kiên trì với định hướng này trong suốt các giai đoạn thăng trầm của thị trường tài chính. Kết quả hoạt động trong năm 5 gần đây rất tốt với tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu trung bình đạt 14,7%/năm, duy trì cổ tức ổn định ở mức cao trung bình đạt 18,4% cho cổ đông.

Trong tương lai, TVS vẫn tiếp tục theo đuổi định hướng này với kiềng 3 chân ở 3 mảng Ngân hàng đầu tư, hoạt động đầu tư và dịch vụ quản lý quỹ thay vì đi tìm kiếm thị phần ở mảng môi giới mà TVS chưa có lợi thế cạnh tranh khác biệt.

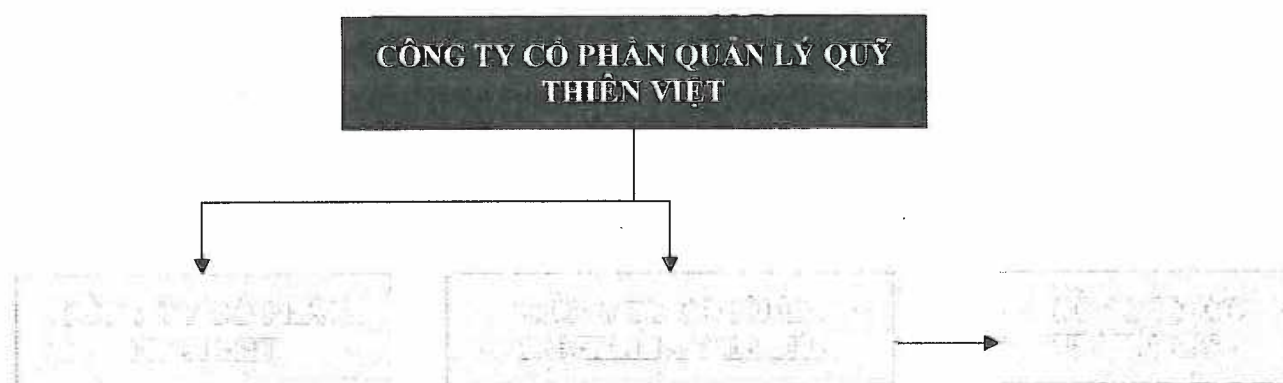


3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát hành



Tại thời điểm 30/06/2025, Công ty có 1 công ty con là CTCP Quản Lý Quỹ Thiên Việt (TVAM) và 2 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Xếp hạng tín nhiệm Thiên Minh và Công ty Cổ phần CASSA với tỷ lệ sở hữu được thể hiện trong sơ đồ trên.

Ngoài ra tại thời điểm 30/06/2025, Công ty có 1 bên liên quan là công ty con của TVAM và 1 bên liên quan là công ty liên kết của TVAM được thể hiện trong sơ đồ sau:

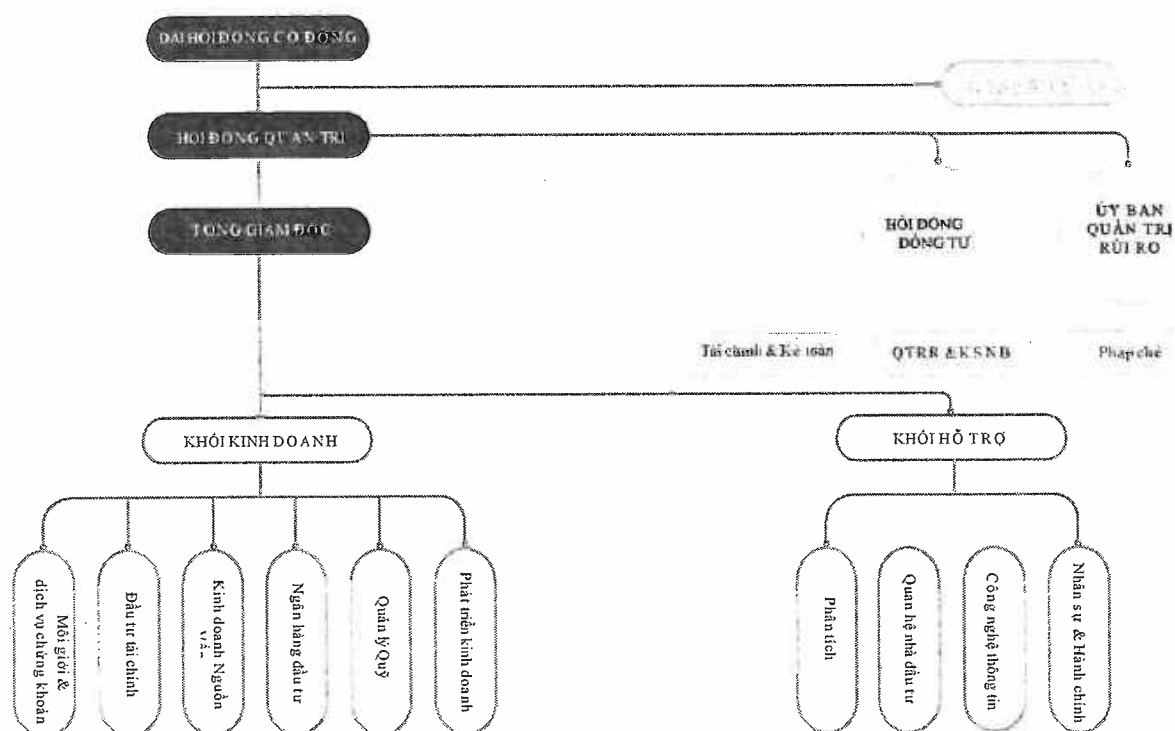


Tại ngày 30/06/2025, TVS sở hữu 1,18% cổ phần tại Công ty cổ phần Camellia Wealth.

Các thông tin chi tiết khác về nhóm công ty con và công ty con gián tiếp được trình bày tại **Bảng 2, mục 5.3** dưới đây.



4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức Phát hành



4.1. Cơ cấu bộ máy quản lý

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 5 năm. Ban Kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm chủ yếu như sau:

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị (HDQT), Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HDQT; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HDQT lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông.



Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty. Hội đồng quản trị có 7 thành viên trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên độc lập. Nhiệm kỳ hoạt động của Hội đồng quản trị là 5 năm và nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 5 năm.

Hội đồng Đầu tư

Hội Đồng Đầu Tư là một cơ quan tiêu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị bao gồm 5 thành viên do Hội Đồng Quản Trị bầu, bổ nhiệm hoặc bãi miễn. Hội Đồng Đầu Tư có quyền quyết định tất cả các vấn đề đầu tư, kinh doanh, quản lý và sử dụng tài sản của Công ty thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị; quyết định ban hành các quy định áp dụng đối với toàn Công ty trong lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Đầu Tư.

Ủy ban Quản trị rủi ro

- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của Quy chế, quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành. Qua đó, Ủy ban QTRR đưa ra các khuyến nghị, đề xuất với HĐQT về việc điều chỉnh, thay đổi chính sách.
- Tư vấn và giám sát Bộ phận QTRR vận hành Khung quản trị rủi ro.
- Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của hoạt động trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng từ thị trường, nền kinh tế.
- Tham mưu cho HĐQT trong việc quyết định các phương án xử lý rủi ro trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc (TGD) do HĐQT bổ nhiệm, có nhiệm vụ tổ chức điều hành và quản lý mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua. TGD chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Hỗ trợ cho TGD là Giám đốc và các Giám đốc điều hành phụ trách các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.

4.2. Chức năng và nhiệm vụ các Khối nghiệp vụ

a. Khối Kinh doanh

Bộ phận Môi giới và dịch vụ chứng khoán

- Mở tài khoản giao dịch.
- Môi giới: Cổ phiếu, trái phiếu, phái sinh, chứng chỉ quỹ.



- Tư vấn & quản lý tài khoản.
- Quản lý giao dịch tiền.
- Lưu ký.
- Phân phối chứng chỉ quỹ.
- Báo giá và quản lý sổ cổ đông cho cổ phiếu OTC.
- Quản lý ủy thác.
- Đại lý đấu giá IPO.
- Cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán cho nhà đầu tư

Bộ phận Đầu tư tài chính

- Đầu tư Cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết;
- Đầu tư Trái phiếu.
- Đầu tư Chứng chỉ quỹ.
- Đầu tư Chứng khoán phái sinh.

Bộ phận Kinh doanh nguồn vốn

- Kinh doanh nguồn vốn bao gồm các hoạt động giao dịch tiền tệ, đầu tư vốn thông qua các Hợp đồng tiền gửi, Hợp đồng tiền vay, Ủy thác, Bán mua trái phiếu, Kinh doanh giấy tờ có giá lãi suất cố định và các loại giao dịch được cơ cấu đặc biệt khác.
- Dịch vụ liên quan đến trái phiếu bao gồm Môi giới, Hỗ trợ hiện thực hóa các nhu cầu mua bán của Nhà đầu tư thông qua phương thức đấu thầu.
- Phát triển và triển khai kinh doanh các sản phẩm phái sinh, cấu trúc, ... để đáp ứng các nhu cầu của nhà đầu tư có tổ chức và khách hàng cá nhân.

Bộ phận Phát triển kinh doanh

- Phối hợp xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty;
- Xác định các mục tiêu phát triển kinh doanh và xây dựng mạng lưới quan hệ;
- Duy trì, phát triển và thúc đẩy các mối quan hệ khách hàng của công ty;
- Thường xuyên theo dõi và cập nhật xu hướng thị trường.

Bộ phận Ngân hàng đầu tư

- Tư vấn Tài chính doanh nghiệp: Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, Tư vấn niêm yết cổ phiếu trên TTCK, Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp, Tư vấn thoái vốn doanh nghiệp.
- Tư vấn Mua bán & Sáp nhập doanh nghiệp (M&A) và chiến lược.
- Tư vấn Huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước: Tư vấn phát hành chứng khoán.
- Các ngành tư vấn chính: Tiêu dùng, Công nghệ, Dịch vụ tài chính, Bảo hiểm, Chăm sóc sức khỏe, Giáo dục, Cơ sở hạ tầng & Vận tải và Truyền thông & Giải trí.

b. Khối hỗ trợ

Bộ phận phân tích

- Báo cáo vĩ mô.
- Báo cáo chiến lược thị trường.
- Báo cáo phân tích ngành.
- Báo cáo phân tích cổ phiếu.
- Báo cáo tư vấn định giá cổ phiếu.



- Báo cáo phân tích kỹ thuật.

Bộ phận Quan hệ nhà đầu tư

- Xây dựng kế hoạch quan hệ nhà đầu tư bao gồm chiến lược, mục tiêu, ngân sách và chiến thuật;
- Phát triển và duy trì mối quan hệ tốt với các nhà đầu tư hiện tại và tiềm năng;
- Quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của các kênh mạng xã hội với nội dung được tối ưu hóa;
- Chịu trách nhiệm nội dung: thông cáo báo chí, bản tin,...;
- Đảm bảo việc thực hiện các kế hoạch, diễn biến, ảnh hưởng đến giá trị cổ phiếu và mối quan hệ với cổ đông/nhà đầu tư;

Bộ phận Công nghệ Thông tin (IT)

- Quản lý phần cứng máy tính
- Quản trị hệ thống
- Bảo vệ an toàn hệ thống, an ninh mạng
- Phát triển ứng dụng
- Quản lý hệ thống thông tin liên lạc
- Tổ chức đào tạo và hướng dẫn, hỗ trợ cho người sử dụng

Bộ phận Hành chính – nhân sự

- Hành chính
 - Quản trị hành chính;
 - Công tác văn thư;
 - Công tác thư ký và trợ lý
- Nhân sự
 - Xây dựng chiến lược và hoạch định nguồn nhân lực
 - Xây dựng thương hiệu nhà tuyển dụng
 - Tuyển dụng, thu hút nhân tài
 - Đào tạo và phát triển
 - Lương, thưởng và đãi ngộ
 - Gắn kết nhân viên
 - Quan hệ lao động

c. Tài chính Kế toán

- Tài chính
 - Hoạch định chiến lược tài chính;
 - Quản lý tình hình sử dụng vốn, tài sản của Công ty;
 - Quản lý và phân tích doanh thu và chi phí của Công ty, tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác quản lý và điều hành;
- Kế toán
 - Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán, quy trình lưu chuyển chứng từ kế toán, đảm bảo ghi chép, phản ánh, phân loại, tổng hợp kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh;
 - Theo dõi chặt chẽ tình hình hình thành, biến động, hiện có các tài sản, các nguồn vốn và kết quả hoạt động kinh doanh;
 - Lập và nộp đúng hạn báo cáo tài chính, báo cáo thuế và các báo cáo có liên quan khác;
 - Thực hiện bảo quản và lưu trữ chứng từ kế toán của toàn Công ty theo Quy định của nhà nước và của Công ty.



d. Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ (QTRR&KSNB)

Quản trị rủi ro và Kiểm soát nội bộ là bộ phận trực thuộc TGD có chức năng và nhiệm vụ chính sau:

- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;
- Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
- Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
- Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
- Tách biệt tài sản của khách hàng;
- Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
- Thường xuyên theo dõi, đánh giá và đo lường các rủi ro của công ty. Rà soát, điều chỉnh các mô hình định giá và hệ thống đánh giá các công cụ tài chính được sử dụng bởi các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh;
- Đề xuất các chiến lược, chính sách và thủ tục quản trị rủi ro doanh nghiệp phù hợp với các mục tiêu chiến lược chung của TVS trình cho TGD xem xét;
- Đề xuất hạn mức rủi ro cho các bộ phận nghiệp vụ. Đánh giá mức độ rủi ro và trạng thái tập trung rủi ro, thiệt hại thực tế phát sinh và thiệt hại được dự báo bởi bộ phận quản trị rủi ro;
- Theo dõi để đảm bảo việc thực hiện trên thực tế các chính sách quản trị rủi ro, hạn mức rủi ro, quy trình xử lý rủi ro mà HĐQT phê duyệt. Trưởng bộ phận quản trị rủi ro thực hiện theo dõi, đánh giá hàng ngày trạng thái rủi ro của công ty chứng khoán;
- Giúp TGD trong việc tối đa hóa nhận thức rủi ro và đào tạo nhận thức rủi ro tại TVS; Phối hợp với Phòng nhân sự để thiết kế các chương trình đào tạo phù hợp cho nhân viên TVS nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng quản trị rủi ro.
- Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc (Giám đốc) giao.

e. Pháp chế

- Tư vấn pháp luật cho Công ty, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ và giảm thiểu rủi ro về mặt pháp lý.
- Thẩm định về mặt pháp lý trong các hoạt động của Công ty.
- Soạn thảo, xây dựng, sửa đổi các văn kiện điều lệ, quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty; Văn bản, thoả thuận, hợp đồng trong hoạt động thương mại với các đối tác.
- Đưa ra các giải pháp về mặt pháp lý cho các tranh chấp, khiếu nại phát sinh từ các hợp đồng, các quan hệ kinh tế, lao động, dân sự, ... giữa Công ty với đối tác hoặc bên thứ ba.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức Phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức Phát hành, những công ty mà Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1. Công ty mẹ của TVS



Không có

5.2. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với TVS

Không có

5.3. Công ty con của TVS và Công ty mà TVS nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

Bảng 1. Thông tin công ty con/công ty liên kết/công ty con gián tiếp của Tổ chức Phát hành

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

Stt	Tên Công ty	Năm thành lập	Số GCNDKDN	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025		Công ty con sở hữu trực tiếp (nếu có)
						Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	
1	CTCP Quản lý quỹ Thiên Việt	26/12/2006	4103005793	Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh	Thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán tại Việt Nam, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư và ủy thác đầu tư.	99,84%	99,84%	99,84%	99,84%	99,84%	99,84%	
2	CTCP Xếp hạng tín nhiệm Thiên Minh (*)	14/08/2020	0109307286	Lầu 12, Tòa nhà Harec, 4 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành Phố Hà Nội	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết : dịch vụ xếp hạng tín nhiệm với doanh nghiệp, tổ chức; Xếp hạng tín nhiệm đối với công cụ nợ	0%	0%	0%	0%	14%	14%	

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

Stt	Tên Công ty	Năm thành lập	Số GCNDKDN	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025		Công ty con sở hữu trực tiếp (nếu có)
						Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	
3	Công ty Cổ phần CASSA (**)	10/06/2025	0111083604	Tầng 15, tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu. Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	0%	0%	0%	0%	4.5%	15%	
4	Công ty cổ phần Finsight	20/08/2020	0316449345	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu	8,32%	99,69%	0%	48,69%	0%	48,69%	



Stt	Tên Công ty	Năm thành lập	Số GCNDKDN	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	31/12/2023		31/12/2024		30/06/2025		Công ty con sở hữu trực tiếp (nếu có)
						Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	
5	Công ty cổ phần Camellia Wealth	19/01/2023	0317657066	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh	Hoạt động tư vấn quản lý	15%	99,5%	1,18%	99,67%	1,18%	99,67%	

(*) Trong năm 2025, Công ty phân loại CTCP Xếp hạng tín nhiệm Thiên Minh ("TMR") thành công ty liên kết. Trước đó, Công ty phân loại TMR là tài sản tài chính AFS. Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết của TVS tại TMR thực tế không thay đổi.

(**) Trong năm 2025, Công ty hoàn tất mua cổ phần phổ thông tương đương 4.5% Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần CASSA.



6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức Phát hành

6.1. Thời điểm thành lập

TVS được thành lập vào năm 2006, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014996 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư cấp lần đầu ngày 13/12/2006 và Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25/12/2006 với vốn điều lệ ban đầu là 43 tỷ đồng. Đến nay, TVS có vốn điều lệ là 1.669.952.740.000 đồng theo Giấy phép số 48/GPĐC-UBCK ngày 25/6/2024.

6.2. Các mốc thời gian tăng vốn điều lệ tiếp theo của Tổ chức Phát hành

Bảng 2. Các mốc thời gian tăng vốn điều lệ tiếp theo của Tổ chức Phát hành

Lần	Thời điểm tăng vốn	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau tăng vốn (đồng)	Phương thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý, đơn vị cấp
1.	24/08/2007	43.000.000.000	86.000.000.000	Phát hành riêng lẻ	UBCKNN (Giấy phép số 67/UBCK-GP ngày 24/8/2007)
2.	05/12/2007	344.000.000.000	430.000.000.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu	UBCKNN (Giấy phép số 92/UBCK-GPĐCCTCK ngày 05/12/2007)
3.	27/08/2015	46.438.880.000	476.438.880.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức	UBCKNN (Giấy phép số 38/GPĐC-UBCK ngày 27/8/2015)
4.	05/09/2016	43.566.180.000	520.005.060.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	UBCKNN (Giấy phép số 32/GPĐC-UBCK ngày 05/9/2016)
5.	12/12/2016	14.290.000.000	534.295.060.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	UBCKNN (Giấy phép số 44/GPĐC-UBCK ngày 12/12/2016)
6.	29/08/2017	44.415.350.000	578.710.410.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ	UBCKNN (Giấy phép số 42/GPĐC-

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT



Lần	Thời điểm tăng vốn	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau tăng vốn (đồng)	Phương thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý, đơn vị cấp
				nguồn vốn chủ sở hữu	UBCK ngày 29/8/2017)
7.	29/08/2018	56.313.340.000	635.023.750.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	UBCKNN (Giấy phép số 67/GPĐC-UBCK ngày 29/8/2018)
8.	19/07/2019	149.223.250.000	784.247.000.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	UBCKNN (Giấy phép số 43/GPĐC-UBCK ngày 19/7/2019)
9.	27/09/2019	17.000.000.000	801.247.000.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	UBCKNN (Giấy phép số 57/GPĐC-UBCK ngày 27/9/2019)
10.	05/05/2020	100.000.000.000	901.247.000.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng	UBCKNN (Giấy phép số 19/GPĐC-UBCK ngày 05/5/2020)
11.	27/11/2020	81.104.740.000	982.351.740.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	UBCKNN (Giấy phép số 77/GPĐC-UBCK ngày 27/11/2020)
12.	15/12/2021	88.400.100.000	1.070.751.840.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	UBCKNN (Giấy phép số 114/GPĐC-UBCK ngày 15/12/2021)
13.	10/02/2023	21.000.000.000	1.091.751.840.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	UBCKNN (Giấy phép số 14/GPĐC-UBCK ngày 15/12/2021)
14.	07/07/2023	421.394.880.000	1.513.146.720.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu	UBCKNN (Giấy phép số 56/GPĐC-

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT



Lần	Thời điểm tăng vốn	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau tăng vốn (đồng)	Phương thức tăng vốn	Căn cứ pháp lý, đơn vị cấp
				tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	UBCK ngày 07/7/2023)
15.	15/04/2024	5.000.000.000	1.518.146.720.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động	UBCKNN (Giấy phép số 23/GPĐC-UBCK ngày 15/4/2024)
16.	10/07/2024	181.806.020.000	1.669.952.740.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	UBCKNN (Giấy phép số 48/GPĐC-UBCK ngày 25/6/2024)

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Không có.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 166.995.274 cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 166.995.274 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

Bảng 3. Cơ cấu cổ đông của TVS tại ngày 30/05/2025

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (% VĐL)
I	Cổ đông trong nước	2.711	130.206.001	77,97
1	Tổ chức	15	235.933	0,14%
2	Cá nhân	2.696	129.970.068	77,83%
II	Cổ đông nước ngoài	92	36.789.273	22,03%
1	Tổ chức	29	32.056.556	19,20%
2	Cá nhân	63	4.732.717	2,83%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0
	Tổng cộng	2.803	166.995.27	100%

Nguồn: VSDC, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

8.2. Cổ phiếu ưu đãi: không có

8.3. Các loại chứng khoán khác: không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty theo quy định pháp luật: 49%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành: Áp dụng theo điều 7.5 Điều lệ Công ty cổ phần Chứng khoán Thiên Việt: 49%
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty tại thời điểm ngày 30/05/2025 do VSDC công bố (bao gồm cả cá nhân và tổ chức) là: 22.03%

Bảng 4. Thông tin về cổ đông nước ngoài đến ngày 30/05/2025

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổ chức	29	32.056.556	19,20%
Cá nhân	63	4.732.717	2,83%
Tổng cộng	92	36.789.273	22,03%

Nguồn: VSDC, Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Các sản phẩm dịch vụ chính

Là một công ty chứng khoán đa năng được thực hiện tất cả các nghiệp vụ một công ty chứng khoán được cung cấp tại Việt Nam. Hoạt động nghiệp vụ Công ty được cấp phép bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chia thành 06 mảng sản phẩm dịch vụ chính là:

- Môi giới chứng khoán và dịch vụ chứng khoán
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán (Ngân hàng đầu tư)
- Tự doanh chứng khoán
- Quản lý quỹ (TVAM)
- Nguồn vốn và kinh doanh tài chính
- Phân tích

a. Hoạt động Môi giới chứng khoán và dịch vụ chứng khoán

TVS tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về kiểm soát mua khi cung cấp dịch vụ hỗ trợ tài chính cho khách hàng. TVS triển khai ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin tiên tiến trong dịch vụ môi giới chứng khoán với hệ thống phần mềm hiện đại cung cấp nhiều tiện ích cho nhà đầu tư với giao



diện đơn giản và có tính bảo mật cao giúp nhà đầu tư chủ động thực hiện các giao dịch chứng khoán trực tuyến.

Các dịch vụ hỗ trợ tạo nên giá trị gia tăng bao gồm:

Môi giới chứng khoán:

- Dịch vụ đối với chứng khoán niêm yết: mở tài khoản giao dịch trực tuyến, tài khoản lưu ký chứng khoán, hỗ trợ thực hiện giao dịch chứng khoán (thỏa thuận, lô chẵn, lô lẻ đối với cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết và chưa niêm yết,...); Dịch vụ giao dịch ký quỹ; các công cụ hỗ trợ, cảnh báo: các khuyến nghị đầu tư, cảnh báo chứng khoán, cung cấp các bản tin, khuyến nghị tới khách hàng,...; đấu giá dưới nhiều hình thức khác nhau, cung cấp thông tin bảng giá, giá chứng khoán và các dịch khác theo nhu cầu của khách hàng và trong phạm vi hoạt động của TVS
- Dịch vụ đối với chứng khoán phái sinh: mở tài khoản giao dịch, thực hiện lệnh mua bán chứng khoán, chuyển tiền chứng khoán và các dịch vụ khác.
- Các kênh/công cụ giao dịch chứng khoán: giao dịch trực tiếp tại sàn, giao dịch qua môi giới, giao dịch qua hệ thống tổng đài có ghi âm, giao dịch qua điện thoại, website, ứng dụng,..

Lưu ký chứng khoán:

- Dịch vụ lưu ký chứng khoán: bao gồm gửi, rút chứng khoán, lưu ký và tái lưu ký chứng khoán, thực hiện quyền, chuyển khoản, tất toán chứng khoán; biểu, tặng, cho, thừa kế, chuyển quyền sở hữu chứng khoán, phong tỏa và giải tỏa chứng khoán.
- Dịch vụ quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán: theo dõi và quản lý chuyển nhượng, thực hiện quyền cho cổ đông, trái chủ, báo cáo việc quản lý chứng khoán, chuyển nhượng chứng khoán và người sở hữu chứng khoán....

TVS đã tuân thủ quy định quản lý tiền của khách hàng theo đúng quy định tại Điều 17, Thông tư số 121/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.

b. Hoạt động Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán (Ngân hàng đầu tư)

Các dịch vụ Ngân hàng đầu tư của TVS bao gồm: Huy động vốn, M&A, Tái cơ cấu và Thoái vốn đầu tư. Thế mạnh TVS có được đội ngũ chuyên gia tư vấn chuyên môn cao, nhiều kinh nghiệm, am hiểu thị trường vốn quốc tế và “khẩu vị” của nhà đầu tư lẫn môi trường kinh doanh và văn hóa trong nước là yếu tố then chốt làm nên thành công cho bộ phận IB của TVS. Yếu tố tiếp theo là mạng lưới nhà đầu tư danh tiếng, có tiềm lực tài chính mạnh rộng khắp mà TVS xây dựng được trong nhiều năm qua nhờ vào uy tín của mình, vốn am hiểu các tập quán đầu tư quốc tế, cũng như khả năng tìm ra giải pháp hài hòa cho cả DN lẫn nhà đầu tư.

Dịch vụ Ngân hàng đầu tư của TVS được cung cấp riêng biệt cho từng thương vụ cụ thể, cân nhắc đến chiến lược đặc thù của khách hàng và thông thường được bắt đầu bằng việc khảo sát cẩn trọng mô hình kinh doanh, qui mô hoạt động, cơ cấu vốn, nhu cầu phát triển và tình hình tài chính tổng thể của mỗi khách hàng. Với mỗi giai đoạn phát triển của doanh nghiệp khách hàng, TVS sẽ điều chỉnh và đưa ra dịch vụ Ngân hàng đầu tư và tư vấn tài chính phù hợp.

Thương vụ M&A giữa Diana và Unicharm (Nhật Bản) mà TVS là tư vấn độc quyền cho bên bán được tạp chí The Asset trao giải thưởng “Thương vụ tốt nhất năm 2011” tại Việt Nam.



Tính đến nay, TVS đã thực hiện thành công 33 thương vụ, tổng giá trị khoảng 900 triệu USD ở Việt Nam.

Một số thương vụ nổi bật TVS đã thực hiện:

- Tư vấn cho Công ty Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII) huy động 40 triệu USD Trái Phiếu chuyển đổi từ Goldman Sachs Investment Partners, quỹ đầu tư được quản lý bởi Goldman Sachs;
- Tư vấn cho cổ đông Công ty Diana bán 95% cổ phần cho Tập đoàn Unicharm - Nhật Bản (thương vụ Diana - Unicharm với giá trị chuyển nhượng được công bố 184 triệu USD giành giải thưởng của The Asset Triple A Awards là “Thương Vụ Tốt Nhất Năm 2011 tại Việt Nam”);
- Tư vấn cho cổ đông trong nước chuyển nhượng 49% cổ phần tại Công ty Cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức cho Công ty Manila Water Inc. - Philippines với tổng giá trị chuyển nhượng trên 40 triệu USD; và
- Tư vấn cho Công ty CP dịch vụ trực tuyến (MoMo) nhận đầu tư 28 triệu USD từ Standard Chartered Private Equity (SCPE) và Ngân hàng Đầu tư Toàn cầu Goldman Sachs.

c. Hoạt động tự doanh

TVS thực hiện chính sách sử dụng vốn thận trọng để đầu tư vào chứng khoán gồm cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu OTC, Trái Phiếu chính phủ, Trái Phiếu doanh nghiệp, tiền gửi và các giấy tờ có giá. TVS không đầu tư trực tiếp vào bất động sản, vàng, ngoại tệ và các hàng hoá khác.

Chiến lược đầu tư TVS là tập trung đầu tư dựa trên các giá trị nền tảng có thể định lượng được của các DN hoạt động hiệu quả, thay vì đầu tư theo thị trường. Danh mục đầu tư của TVS là các khoản đầu tư dài hạn mang tính chiến lược.

d. Quản lý quỹ (TVAM)

TVS hiện đang nắm giữ 12.480.000 cổ phần tương đương 99,84% vốn tại Công ty con là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt (TVAM). TVAM cung cấp dịch vụ:

- Quản lý các quỹ huy động trong và ngoài nước
- Quản lý danh mục đầu tư

e. Nguồn vốn và kinh doanh tài chính

Hoạt động kinh doanh nguồn vốn của TVS luôn được đánh giá cao trong top đầu thị trường. Kinh doanh nguồn vốn bao gồm các hoạt động giao dịch đầu tư vốn thông qua các Hợp đồng tiền gửi, kinh doanh Trái Phiếu và các giao dịch tài chính khác. Nhờ đánh giá đúng và kịp thời xu hướng vận động của lãi suất, TVS đã duy trì tỷ trọng cao ở các hoạt động kinh doanh nguồn vốn kỳ hạn dài nhằm đạt tối đa hóa lợi nhuận. Ngoài tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, TVS từng bước đẩy mạnh hoạt động kinh doanh Trái Phiếu chính phủ và doanh nghiệp từ các định chế tài chính khác.

f. Hoạt động phân tích

Mục tiêu của TVS là đứng trong các công ty nghiên cứu và phân tích hàng đầu tại Việt Nam. Công ty sẽ từng bước xây dựng và củng cố các nguồn lực thích hợp để tạo ra các sản phẩm phân tích có chất

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT



lượng, mang tính thường xuyên và chuyên sâu với khả năng bao quát khoảng 30-50 cổ phiếu có tính thanh khoản cao nhất mà chiếm tới hơn 70% tổng giá trị vốn hoá thị trường.

Các sản phẩm của Phân tích bao gồm:

- Báo cáo chiến lược đầu tư;
- Báo cáo kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, thị trường ngoại hối;
- Báo cáo phân tích ngành, doanh nghiệp; và
- Bản tin thị trường định kỳ hàng ngày, tuần, tháng,...

10.1.2. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

TVS hoạt động trong lĩnh vực Chứng khoán (bao gồm các mảng như Môi giới khách hàng cá nhân & tổ chức, ngân hàng đầu tư, tự doanh, quản lý tài sản, v.v.). Các hoạt động này được thực hiện hoạt động trong năm và không bị ảnh hưởng bởi tính thời vụ của thị trường.

Các quyết định xử phạt vi phạm hành chính của UBCKNN đối với Công ty trong 3 năm gần đây:

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 53/QĐ-XPHC ngày 14/02/2023;
- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 77/QĐ-XPHC ngày 07/02/2024;
- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 271/QĐ-XPHC ngày 06/06/2025.

Công ty đã thực hiện công bố thông tin và nộp tiền vi phạm hành chính theo đúng quy định.

10.1.3. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ theo mảng hoạt động kinh doanh chính của Tổ chức Phát hành

a. Cơ cấu Doanh thu hoạt động theo các hoạt động kinh doanh chính

Bảng 5. Cơ cấu doanh thu thuần hợp nhất các năm 2023, 2024 và bán niên 2025

Đơn vị: triệu đồng

Doanh thu thuần từ các nhóm sản phẩm, dịch vụ	Năm 2023		Năm 2024			Bán niên 2025	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT	% Tăng/giảm năm 2024 so với năm 2023	Giá trị	% DTT
Môi giới	39.344	2,9%	53.043	4,7%	34,8%	25.939	6,7%
Tự doanh	495.068	37,1%	528.691	46,3%	6,8%	221.839	57,2%
Tư vấn	9.947	0,7%	11.869	1,0%	19,3%	8.714	2,2%
Kinh doanh nguồn vốn	772.008	57,9%	201.524	17,6%	(73,9%)	100.765	26,0%
Finsight	0	0%	312.022	27,3%	N/A	0	0%
Quản lý Quỹ	17.804	1,4%	34.676	3,0%	94,8%	30.364	7,8%
Tổng doanh thu thuần	1.334.171	100%	1.141.825	100%	(14,4%)	387.622	100%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2025



Công ty thực hiện nhiều mảng hoạt động chính như: Tự doanh, tư vấn, kinh doanh nguồn vốn, môi giới, quản lý quỹ. Tỷ trọng đóng góp trong doanh thu hoạt động của các mảng hoạt động chính của Công ty có sự thay đổi trong năm 2023, 2024 và quý II 2025.

Trong năm 2023, tỷ trọng đóng góp trong doanh thu hoạt động của hoạt động kinh doanh nguồn vốn trên 57,9%, tỷ trọng hoạt động tự doanh và môi giới lần lượt là trên 37,1% và 2,9%.

Sang năm 2024, mảng kinh doanh chính vẫn là hoạt động tự doanh và kinh doanh nguồn vốn với tỷ trọng doanh thu lần lượt là: 46,3% và 17,6%%.

Sang nửa đầu năm 2025, hoạt động của TVS vẫn chủ yếu tập trung vào các mảng hoạt động chính, doanh thu chủ yếu tập trung ở hoạt động tự doanh, kinh doanh nguồn vốn và quản lý quỹ với tỷ trọng doanh thu lần lượt là 57,2%, 26,0% và 7,8%.

b. Cơ cấu lợi nhuận theo các mảng hoạt động kinh doanh chính

Bảng 6. Cơ cấu lợi nhuận gộp hợp nhất các năm 2023, 2024 và bán niên 2025

Đơn vị: triệu đồng

Lợi nhuận gộp từ các nhóm sản phẩm, dịch vụ	Năm 2023		Năm 2024		Bán niên 2025	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %
Môi giới	8.005	2,1%	23.643	6,0%	8.689	7,3%
Tự doanh	209.093	55,1%	247.300	63,3%	55.481	46,9%
Tư vấn	(1.357)	(0,4%)	3.243	0,8%	2.430	2,1%
Kinh doanh nguồn vốn	149.931	39,5%	28.203	7,2%	28.601	24,2%
Finsight	0	0%	55.801	14,3%	0	0%
Quản lý Quỹ	14.103	3,7%	32.775	8,4%	23.148	19,6%
Tổng lợi nhuận gộp	379.775	100%	390.966	100,0%	118.349	100,0%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2025

Cơ cấu lợi nhuận theo các mảng hoạt động kinh doanh chính của Công ty có sự biến động đáng kể trong giai đoạn 2023-2024. Năm 2023, lợi nhuận chiếm tỷ trọng lớn nhất là hoạt động tự doanh với tỷ trọng là 55,1%, tiếp đến là hoạt động kinh doanh nguồn vốn với tỷ trọng là 39,5% và hoạt động quản lý quỹ với tỷ trọng hơn 3,7%. Sang năm 2024, ba hoạt động kinh doanh chính lần lượt là hoạt động tự doanh và hoạt động quản lý quỹ với tỷ trọng lần lượt là 63,3% và 8,4%, chủ yếu do sự phục hồi của thị trường chứng khoán.

Sang nửa đầu năm 2025, lợi nhuận gộp của TVS chủ yếu tập trung ở hoạt động kinh doanh nguồn vốn, hoạt động tự doanh và hoạt động quản lý quỹ với tỷ trọng lần lượt là 24,2%, 46,9 và 19,6%.



10.2. Tài sản

a. Nguyên giá tài sản

Bảng 7. Nguyên giá tài sản (hợp nhất) các năm 2023, 2024 và bán niên 2025

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Tài sản cố định hữu hình	30.911	35.690	35.690
Nâng cấp tài sản thuê	1.492	1.492	1.492
Máy móc thiết bị	24.973	30.955	30.955
Phương tiện vận tải	4.243	3.041	3.041
Thiết bị văn phòng	203	203	203
Tài sản cố định vô hình	30.213	35.465	39.119
Phần mềm	27.911	33.163	36.397
Tài sản vô hình khác	2.302	2.302	2.722

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2025

Bảng 8. Nguyên giá tài sản (riêng) các năm 2023, 2024 và bán niên 2025

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Tài sản cố định hữu hình	29.645	35.557	35.557
Nâng cấp tài sản thuê	1.492	1.492	1.492
Máy móc thiết bị	24.909	30.821	30.821
Phương tiện vận tải	3.041	3.041	3.041
Thiết bị văn phòng	203	203	203
Tài sản cố định vô hình	29.474	34.506	38.014
Phần mềm	27.172	32.204	35.438
Tài sản vô hình khác	2.302	2.302	2.576

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên 2025

b. Giá trị còn lại của tài sản

Bảng 9. Giá trị còn lại của tài sản (hợp nhất) các năm 2023, 2024 và bán niên 2025

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Tài sản cố định hữu hình	8.444	10.122	8.254
Nâng cấp tài sản thuê	-	-	-
Máy móc thiết bị	6.521	9.547	7.775
Phương tiện vận tải	1.923	575	479
Thiết bị văn phòng	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	9.679	11.076	12.123
Phần mềm	9.679	11.076	11.724
Tài sản vô hình khác	-	-	399

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2025



Bảng 1100. Giá trị còn lại của tài sản (riêng) các năm 2023, 2024 và bán niên 2025

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
Tài sản cố định hữu hình	7.266	10.064	8.211
Nâng cấp tài sản thuê	-	-	-
Máy móc thiết bị	6.499	9.489	7.731
Phương tiện vận tải	767	575	479
Thiết bị văn phòng	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	8.952	10.301	11.306
Phần mềm	8.952	10.301	11.045
Tài sản vô hình khác	-	-	260

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên 2025

10.3. Thị trường hoạt động

Hiện nay, Tổ chức Phát hành chỉ hoạt động ở thị trường Việt Nam. Toàn bộ doanh thu và lợi nhuận của Tổ chức Phát hành được tạo ra trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của TVS không chịu tác động trọng yếu bởi khác biệt về địa lý. Công ty không phân tách doanh thu và lợi nhuận theo từng thị trường riêng biệt.

Tổ chức Phát hành hiện có 1 trụ sở chính và 1 chi nhánh trong nước như sau:

Trụ sở chính: Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt

- Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (024) 3248 4820

Chi nhánh: Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt – chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

- Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, TP Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 6299 2099

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Bảng 11. Kết quả kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	%(+/-) 2023	Bán niên 2025	%(+/-) H1/2024
Doanh thu hoạt động	1.332.482	1.149.510	(13,7%)	402.832	(41,5%)
Chi phí hoạt động	(344.841)	(339.945)	(1,4%)	(170.372)	(6,5%)
Doanh thu hoạt động tài chính	1.688	13.813	718,3%	8.079	160,1%
Chi phí tài chính	(609.555)	(410.914)	(32,6%)	(98.901)	(69,1%)



Chi phí quản lý công ty chứng khoán	(66.395)	(68.018)	2,4%	(25.994)	(27,1%)
Kết quả hoạt động	313.380	344.445	9,9%	115.645	(24,4%)
Thu nhập khác và chi phí khác	(469)	(653)	39,2%	(376)	(153,2%)
Lợi nhuận trước thuế	312.910	343.792	9,9%	115.269	(25%)
Lợi nhuận sau thuế	251.709	281.634	11,9%	96.026	(24,9%)

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025

Báo cáo hiệu quả trong một số hoạt động chính:

Trong năm 2024, TVS duy trì chiến lược đầu tư thận trọng nhưng linh hoạt, đồng thời củng cố hệ thống vận hành trong lĩnh vực chuyển đổi số, tuyển dụng và quản trị rủi ro. Ngoài ra, TVS tiếp tục phát triển các mảng kinh doanh cốt lõi để đón đầu cho chu kỳ tăng trưởng sắp tới.

Kết thúc năm tài chính, lợi nhuận sau thuế của TVS đạt 282 tỷ đồng, với tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 13% – vượt đáng kể so với mức trung bình ngành là 8,7%. Kết quả này phản ánh nỗ lực không ngừng của các bộ phận trong bối cảnh nhiều thách thức trong và ngoài nước, đặc biệt là ở hai mảng kinh doanh chính Tự doanh và Quản lý tài sản.

10.4.1. Hoạt động tự doanh

- TVS tạm rời khỏi thị trường trong năm 2022 (bằng cách giữ tỷ lệ tiền mặt cao) và trở lại thị trường năm 2023 theo quyết định từ Hội Đồng Đầu Tư TVS, chủ yếu đầu tư vào các cổ phiếu đầu ngành có sự giảm giá sâu trong năm 2022. Do thị trường chứng khoán biến động và điều chỉnh thường xuyên, chiến lược đầu tư cổ phiếu của Bộ phận tự doanh trở nên linh hoạt hơn, luân chuyển nhanh nhẹn và kịp thời các cổ phiếu tiềm năng giữa các ngành. Nhờ áp dụng chiến lược đầu tư linh hoạt này, hoạt động tự doanh đã đạt được những tỷ suất lợi nhuận rất ấn tượng trong năm 2023, vượt xa tăng trưởng của VN-Index (gấp 2.3-2.5 lần). Cụ thể riêng cho quỹ tự doanh của TVS đã mang về 198 tỷ lợi nhuận trước thuế và trước phân bổ chi phí hội sở cho TVS, chiếm 54% lợi nhuận của toàn TVS.

- Sang năm 2024, với thị trường chứng khoán trở biến động và khó khăn, doanh thu hoạt động của Công ty đạt 1,149 tỷ, giảm nhẹ 13,7% so với năm ngoái. Hoạt động của TVS vẫn chủ yếu tập trung vào các mảng hoạt động chính, doanh thu chủ yếu tập trung ở hoạt động tự doanh và kinh doanh nguồn vốn với tỷ trọng doanh thu lần lượt là 46,3% và 17,6%. Lợi nhuận gộp của TVS vẫn chủ yếu tập trung ở hoạt động tự doanh, đạt 247 tỷ, chiếm tỷ trọng trong tổng lợi nhuận gộp là 63,3%.

- Bên cạnh đó, TVS đã ban hành quy chế đầu tư, các quy trình hướng dẫn thực hiện và giám sát hoạt động đầu tư để đảm bảo hoạt động đầu tư phù hợp với chính sách quản lý rủi ro của TVS đối với từng ngành nghề và từng loại chứng khoán đầu tư. TVS không ngừng củng cố hệ thống quy trình quản trị, kiểm soát nội bộ đảm bảo tính minh bạch, tính đối xứng của thông tin nhằm giảm thiểu tác động của các rủi ro đối với hoạt động đầu tư. TVS thực hiện các hoạt động đầu tư trên cơ sở tôn trọng và bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư, đảm bảo không gây xung đột lợi ích của các bên tham gia.

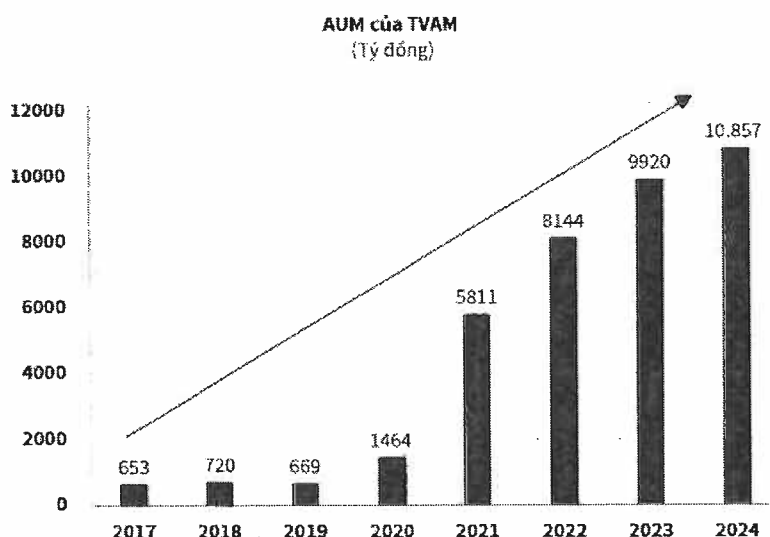
10.4.2. Hoạt động quản lý quỹ

Thông qua TVAM (Công ty con do TVS sở hữu 99,84% vốn), TVS cung cấp cho khách hàng dịch vụ Tư vấn đầu tư với kết quả như sau:



Kể từ năm 2016 đến 2024, TVAM đã huy động thành công và niêm yết trên sàn HOSE 5 Quỹ đóng là FUCTVGF1, FUCTVGF2, FUCTVGF 3, FUCTVGF4 và FUCTVGF5 (trong đó quỹ FUCTVGF 1 và FUCTVGF 2 đã đóng).

Nhờ vào những kết quả đầu tư rất tốt, thuộc đầu nhóm thị trường, tổng số tiền do TVAM quản lý (AUM) đã tăng trưởng rất mạnh trong những năm gần đây. Tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) của AUM là hơn 49,4% từ 2017 đến 2024 và đạt 10.857 tỷ cho AUM năm 2024.



TVAM đang quản lý và tư vấn đầu tư hàng ngàn tỷ đồng cho TVS và khách hàng tổ chức và cá nhân khác. Nhu cầu dịch vụ quản lý đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư ngày càng cấp thiết khi thị trường chứng khoán ngày càng phát triển cả về quy mô lẫn độ phức tạp. TVS đã thử nghiệm thành công dịch vụ tư vấn đầu tư cho khách hàng VIP từ năm 2011 và đạt được những kết quả rất khả quan. Với đội ngũ và kinh nghiệm, TVS tin tưởng có thể mang lại lợi ích cho nhiều NĐT khác bằng cách nhân rộng mô hình này cho khách hàng thông qua TVAM.

Năm 2024, TVAM quản lý hơn 8.500 tỷ đồng đầu tư vào các chứng khoán thu nhập cố định chủ yếu cho các khách hàng tổ chức. Khối lượng loại tài sản quản lý này không ngừng tăng qua các năm, thể hiện sự tin tưởng ngày càng vững chắc của khách hàng vào kỹ năng quản lý đầu tư của đội ngũ của TVS.

Tỷ suất lợi nhuận cho phần chứng khoán thu nhập cố định cho năm 2024 là 7,6% và đóng góp 32.7 tỷ đồng, tương ứng 7.9% lợi nhuận gộp của công ty. Để đạt được kết quả tốt này trong bối cảnh lãi suất biến động và tăng nhẹ trong nửa năm 2025, TVAM đã triển khai chiến lược đầu tư rất uyển chuyển, phân bổ lại kịp thời giữa các loại tài sản đầu tư và các kỳ hạn tương ứng.

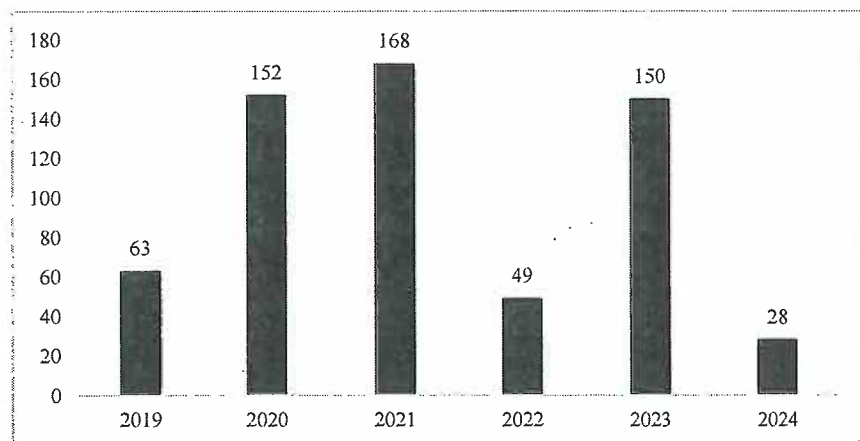
10.4.3. Hoạt động nguồn vốn và kinh doanh tài chính

Trong năm 2023, thị trường nguồn vốn bị biến động mạnh do những thay đổi liên tục của chính sách tín dụng và tiền tệ nhằm hỗ trợ kinh tế trong năm 2023. Lãi suất điều hành đã được NHNN giảm về mức thấp gần tương đương thời điểm T9/2022 và được duy trì trong suốt năm 2023. Đặc biệt là 6 tháng cuối năm 2023, lãi suất tiền gửi sụt giảm nhanh chóng do thị trường dư thanh khoản và lãi suất cho vay giảm do nhu cầu vay yếu.

Để quản lý rủi ro, bộ phận Kinh doanh nguồn vốn (“KDNV”) của TVS đã có chiến lược đầu tư bảo thủ, chủ yếu tập trung vào kinh doanh chênh lệch lãi suất giữa các kỳ hạn của giấy tờ có giá như hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, v.v. và giảm tỷ trọng kinh doanh trái phiếu.

Kết quả là KDNV đã trên đà phục hồi dần lợi nhuận, đạt 28 tỷ năm 2024, đóng góp 7.2% vào lợi nhuận năm 2024.

Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh nguồn vốn (tỷ VND)



10.5. Một số hợp đồng lớn

Thông tin về các hợp đồng lớn được Tổ chức Phát hành ký kết/thực hiện trong năm 2022, 2023 và tính đến thời điểm hiện tại của Bản cáo bạch này được liệt kê trong bảng dưới đây:

- Các hợp đồng lớn của Tổ chức Phát hành



Bảng 12. Các hợp đồng lớn của Tổ chức Phát hành đã ký kết từ 2022 đến nay

STT	Tên/Số Hợp đồng	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ	Tên	Mối quan hệ với NNB, CDL (nếu có)
1.	19012022/HDM BGTCG/HDB-TVS	304.668.600.000	2022	2022	Mua chứng chỉ tiền gửi	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	Không
2.	24012022/HDM BGTCG/HDB-TVS	303.544.500.000	2022	2022	Mua chứng chỉ tiền gửi	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	Không
3.	18032022/HDM BGTCG/HDB-TVS	255.041.000.000	2022	2022	Mua chứng chỉ tiền gửi	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	Không
4.	28032022/HDM BGTCG/HDB-TVS	300.283.561.500	2022	2022	Mua chứng chỉ tiền gửi	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	Không
5.	18042022/CCT GMB/TCB-TVS	252.207.534.250	2022	2022	Mua chứng chỉ tiền gửi	Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	Không
6.	06.05.2022/SH BVN-TVS/SBVCL22 24003-A	250.025.000.000	2022	2022	Mua trái phiếu	Ngân hàng Shinhan Việt Nam	Không
7.	06.05.2022/SH BVN-TVS/SBVCL22 24003-B	250.025.000.000	2022	2022	Mua trái phiếu	Ngân hàng Shinhan Việt Nam	Không
8.	05/HĐCCTG/N HNôHH-CKTV	300.000.000.000	2022	2022	Mua chứng chỉ tiền gửi	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	Không
9.	20112023/MCC D/BVB-TVS	254.501.812.500	2023	2023	Mua chứng chỉ tiền gửi	Ngân hàng TMCP Bán Việt	Không

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

10.	06032024/MBC CTG/BVB-TVS	255.191.719.500	2024	2024	Mua chứng chỉ tiền gửi	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Không
11.	08032024/HDM BGTCG/HDB- TVS	302.439.614.100	2024	2024	Mua chứng chỉ tiền gửi	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	Không
12.	12022024/HDB MGTCG/HDB- TVS	295.514.476.500	2024	2024	Mua chứng chỉ tiền gửi	Ngân hàng TMCP Phát triển T.P Hồ Chí Minh	Không
13.	18122024/VIB- TVS	200.986.660.000	2024	2024	Mua trái phiếu	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	Không

Ngoài các thông tin được nêu trên, các hợp đồng này không bao gồm các điều khoản quan trọng nào khác.

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

10.6. Thông tin các khách hàng, nhà cung cấp lớn

- Hiện nay TVS đang sử dụng dịch vụ do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh, Tổng Công ty Lưu Ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp như:

Bảng 13. Thông tin nhà cung cấp lớn của Tổ chức Phát hành đã ký kết từ 2022 đến nay

STT	Tên đối tác	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với NNB, CDL (nếu có)
1	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	818.586.523	2022	2022	Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, cung cấp thông tin, dịch vụ thường niên	Không
2	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	984.296.307	2023	2023	Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, cung cấp thông tin, dịch vụ thường niên	Không
3	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	1.513.080.740	2024	2024	Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, cung cấp thông tin, dịch vụ thường niên	Không
4	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh	5.184.171.609	2022	2022	Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, dịch vụ cung cấp dữ liệu thông tin, phí kết nối trực tuyến định kỳ, phí dịch vụ công kết nối đường truyền, quyền sử dụng và phân phối thông tin thị trường, dịch vụ quản lý niêm yết	Không
5	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh	3.645.574.769	2023	2023	Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, dịch vụ cung cấp dữ liệu thông tin, phí kết nối trực tuyến định kỳ, phí dịch vụ công kết nối đường truyền, quyền sử dụng và phân phối thông tin thị trường, dịch vụ quản lý niêm yết	Không
6	Sở Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh	3.828.353.326	2024	2024	Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, dịch vụ cung cấp dữ liệu thông tin, phí kết nối trực tuyến định kỳ, phí dịch vụ	Không

					công kết nối đường truyền, quyền sử dụng và phân phối thông tin thị trường, dịch vụ quản lý niêm yết	
7	Tổng Công ty Lưu Ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	631.660.850	2022	2022	Dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ và giá dịch vụ quản lý vị thế, dịch vụ lưu ký, chuyển khoản, cung cấp danh sách cổ đông, dịch vụ quản lý thành viên lưu ký, giá dịch vụ đăng ký chứng khoán bỏ sung, giá dịch vụ thực hiện quyền, quản lý thành viên bù trừ	Không
8	Tổng Công ty Lưu Ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	666.430.646	2023	2023	Dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ và giá dịch vụ quản lý vị thế, dịch vụ lưu ký, chuyển khoản, cung cấp danh sách cổ đông, dịch vụ quản lý thành viên lưu ký, giá dịch vụ đăng ký chứng khoán bỏ sung, giá dịch vụ thực hiện quyền, quản lý thành viên bù trừ	Không
9	Tổng Công ty Lưu Ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	784.107.957	2024	2024	Dịch vụ quản lý tài sản ký quỹ và giá dịch vụ quản lý vị thế, dịch vụ lưu ký, chuyển khoản, cung cấp danh sách cổ đông, dịch vụ quản lý thành viên lưu ký, giá dịch vụ đăng ký chứng khoán bỏ sung, giá dịch vụ thực hiện quyền, quản lý thành viên bù trừ	Không

- Hiện nay TVS đang có 1 số khoản vay ngắn hạn của các tổ chức tín dụng (TCTD) như:



Bảng 14. Thông tin một số khoản vay ngắn hạn của TCTD của Tổ chức Phát hành đã ký kết từ 2022 đến nay

STT	Tên đối tác	Giá trị	Thời điểm ký kết	Thời gian thực hiện	Sản phẩm, dịch vụ	Mối quan hệ với NNB, CĐL (nếu có)
1.	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	397.000.000.000	2022	2022	Vay ngắn hạn TCTD	Không
2.	Ngân hàng Sinopac	116.000.000.000	2022	2022	Vay ngắn hạn TCTD	Không
3.	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	300.000.000.000	2022	2022	Vay ngắn hạn TCTD	Không
4.	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	798.245.479.000	2022	2022	Vay ngắn hạn TCTD	Không
5.	Taipei Fubon Commercial Bank, Hanoi Branch	241.250.000.000	2022	2022	Vay ngắn hạn TCTD	Không
6.	Taishin International Bank	237.889.200.000	2022	2022	Vay ngắn hạn TCTD	Không
7.	TAIWAN SHIN KONG COMMERCIAL BANK	358.200.000.000	2022	2022	Vay ngắn hạn TCTD	Không
8.	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	256.800.000.000	2023	2023	Vay ngắn hạn TCTD	Không
9.	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	50.000.000.000	2023	2023	Vay ngắn hạn TCTD	Không
10.	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	700.000.000.000	2023	2023	Vay ngắn hạn TCTD	Không
11.	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	980.000.000.000	2023	2023	Vay ngắn hạn TCTD	Không

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

12.	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.108.257.492.810	2023	2023	Vay ngắn hạn TCTD	Không
13.	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.070.000.000.000	2023	2023	Vay ngắn hạn TCTD	Không
14.	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	490.000.000.000	2024	2024	Vay ngắn hạn TCTD	Không
15.	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.568.998.490.000	2024	2024	Vay ngắn hạn TCTD	Không
16.	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thuật Việt Nam	100.000.000.000	2024	2024	Vay ngắn hạn TCTD	Không
17.	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	147.500.000.000	2024	2024	Vay ngắn hạn TCTD	Không
18.	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	700.000.000.000	2024	2024	Vay ngắn hạn TCTD	Không
19.	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	200.000.000.000	2024	2024	Vay ngắn hạn TCTD	Không
20.	Công ty Tài chính TNHH MB SHINSEI	100.000.000.000	2024	2024	Vay ngắn hạn TCTD	Không
21.	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tin	120.000.000.000	2024	2024	Vay ngắn hạn TCTD	Không
22.	NGÂN HÀNG TMCP AN BÌNH	196.000.000.000	2024	2024	Vay ngắn hạn TCTD	Không
23.	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	10.000.000.000	2024	2024	Vay ngắn hạn TCTD	Không



10.7. Vị thế của Tổ chức Phát hành trong ngành

10.7.1. Vị thế của Tổ chức Phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

TVS là một công ty chứng khoán hoạt động đa dạng nghiệp vụ, với kinh nghiệm đầu tư vào cả doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết. Bên cạnh các hoạt động đầu tư trên thị trường chứng khoán như nhiều công ty cùng ngành, TVS cũng tham gia đầu tư dài hạn vào một số doanh nghiệp tư nhân có tiềm năng tăng trưởng trong tương lai. Một số lĩnh vực được công ty quan tâm bao gồm: công nghệ tài chính, giáo dục công nghệ, truyền thông số và chăm sóc sức khỏe – những ngành gắn với nhu cầu tiêu dùng hiện đại và có tiềm năng ứng dụng công nghệ để tối ưu vận hành.

TVS không chỉ đóng vai trò nhà đầu tư mà còn hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình phát triển thông qua việc tư vấn gọi vốn, tuyển dụng nhân sự, cải thiện vận hành và quản trị rủi ro.

Về kết quả kinh doanh, trong giai đoạn 2020–2023, TVS duy trì tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) trung bình đạt 17,5%/năm. Đây là mức ROE cao so với mặt bằng chung ngành, phản ánh năng lực sử dụng vốn hiệu quả và khả năng tạo giá trị cho cổ đông.

Về kết quả kinh doanh, trong giai đoạn 2020–2023, TVS duy trì tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) trung bình đạt 17,5%/năm. Đây là mức ROE cao so với mặt bằng chung ngành, phản ánh năng lực sử dụng vốn hiệu quả và khả năng tạo giá trị cho cổ đông.

Bảng 15. Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE) của các CTCK niêm yết (Đơn vị: %)

Công ty	2022	2023	2024	Quý I/2025
VND	10,0%	13,0%	9.49%	7.75%
TVS	2,5%	13,2%	12.81%	9.78%
VCI	13,3%	7,1%	8.97%	9.37%
VIX	5,4%	11,6%	5.33%	6.08%
SHS	2,1%	5,7%	9.46%	8.22%
FTS	10,1%	12,7%	14.62%	13.65%
MBS	13,0%	12,3%	12.45%	12.93%
SSI	9,3%	10,1%	11.39%	11.33%
HCM	11,2%	8,3%	11.09%	9.54%
CTS	3,9%	9,6%	10.77%	10.59%
BSI	3,7%	9,0%	8.48%	7.11%

Nguồn: Fiiipro, TVS

Nguồn nhân lực được coi là một yếu tố quan trọng mang lại sự cạnh tranh cho TVS. Với mục tiêu giữ vững vị thế là định chế tài chính hàng đầu tại thị trường Việt Nam và hướng tới mở rộng ra thị trường quốc tế, chúng tôi đã và đang tập trung vào việc phát triển một đội ngũ nhân sự tài năng, tiên phong và nhiệt huyết, có khả năng thích ứng linh hoạt và dẫn đầu trong việc đáp ứng các thay đổi của thị trường và tạo ra những đột phá trong mọi hoạt động. Nhân sự được tuyển dụng phần lớn đến



từ các trường đại học danh tiếng trong và ngoài nước, sở hữu bằng cấp quốc tế được công nhận như CFA, ACCA, v.v.

Các hoạt động đào tạo nội bộ – bên ngoài, trực tuyến – trực tiếp được thiết kế dựa trên nhu cầu của cán bộ nhân viên, nhằm đảm bảo hiệu quả về mặt tổ chức, tối ưu về mặt chi phí. Năm 2023 là một năm rất đáng ghi nhận trong công tác đào tạo và phát triển bởi Công ty đã phát huy và xây dựng được một nguồn lực giảng viên nội bộ, tiết kiệm một khoản chi phí đáng kể cho Công ty. Với hình thức đào tạo nội bộ, những cái yếu, cái thiếu của nhân viên được đào tạo rất kịp thời và “trúng đích”. Đến 31/12/2023, số lượng giảng viên nội bộ thường xuyên của Công ty là 12 người, chiếm 11,1% tổng số lao động của Công ty. Đồng thời, các khóa đào tạo bên ngoài luôn được khai thác hiệu quả tối đa. Cũng trong năm 2023, Công ty đã phát triển cả hoạt động đào tạo trên lớp và huấn luyện tại chỗ. Nội dung chương trình đào tạo đa dạng, bao gồm cả Đào tạo hội nhập, Đào tạo cập nhật kiến thức pháp luật, Đào tạo sản phẩm dịch vụ, Đào tạo Chứng chỉ hành nghề, Đào tạo nghiệp vụ, Đào tạo kỹ năng mềm, và Đào tạo nâng cao năng lực lãnh đạo và quản lý cho Cán bộ quản lý. Những nỗ lực của TVS đã thể hiện sự thành công trong việc đào tạo và phát triển nhằm xây dựng đội ngũ nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn vững vàng, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

- Số khóa đào tạo, huấn luyện: 25
- Tỷ lệ nhân viên được đào tạo: 71,6%
- Số giờ đào tạo trung bình/năm/nhân viên cấp dưới: 16,5
- Số giờ đào tạo trung bình/năm/quản lý: 8,9

10.7.2. Triển vọng phát triển của ngành

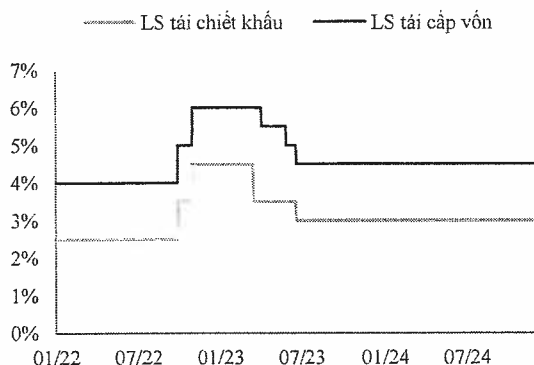
Môi trường lãi suất thấp đã được NHNN duy trì trong năm 2024 nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp có cơ hội vay vốn với lãi suất thấp nhằm kích thích tăng trưởng trong giai đoạn nền kinh tế thế giới gặp khó khăn. Mặt bằng lãi suất thấp cũng thu hút nhà đầu tư tham gia đầu tư chứng khoán và điều này được thể hiện qua sự cải thiện mạnh mẽ về thanh khoản trong giai đoạn năm 2023 cho đến nay.

Đối với lãi suất trên thị sơ cấp, chúng tôi cho rằng mặt bằng lãi suất huy động có thể tăng khoảng 50 đcb so với cuối năm 2024, lên tương đương hoặc tăng nhẹ so với mặt bằng lãi suất trong giai đoạn nói lòng tiền tệ 2021-2022. Các yếu tố gây sức ép tăng lên lãi suất bao gồm (1) nhu cầu vốn đáp ứng giải ngân tín dụng tăng cao tại các NHTM trong khi tỷ lệ Cho vay/ Tiền gửi (LDR) cao và (2) áp lực từ tỷ giá.



Biểu đồ 13. Lãi suất điều hành được duy trì ở mức thấp kể từ năm 2023

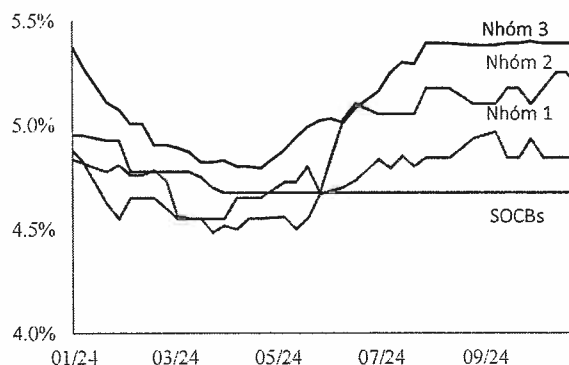
Lãi suất tái chiết khấu và tái cấp vốn từ T1/2022-nay [%/năm]



Nguồn: Fiinpro, TVS Research

Biểu đồ 14. Lãi suất huy động giảm mạnh so với thời điểm đầu năm

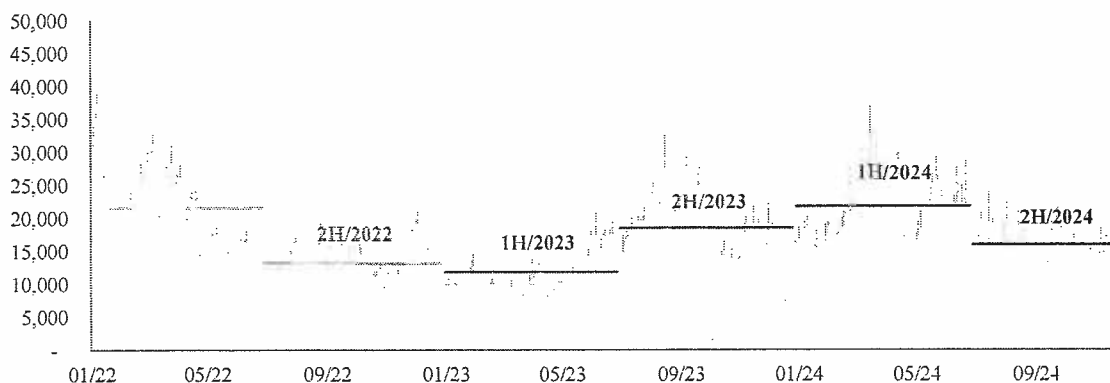
Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12T của các ngân hàng [%/năm]



Ghi chú: SOCB: Agribank, BID, CTG, VCB;
Nhóm 1: ACB, MBB, STB, SHB, VPB; Nhóm 2: HDB, LPB, TPB, VIB; Nhóm 3: EIB, MSB, OCB.
Nguồn: Website các ngân hàng, TVS Research

Biểu đồ 15.... giúp cho thanh khoản TTCK Việt Nam tăng mạnh kể từ đầu Q2/23

Giá trị giao dịch VN-Index trong giai đoạn 2022-nay [tỷ VND/phần]



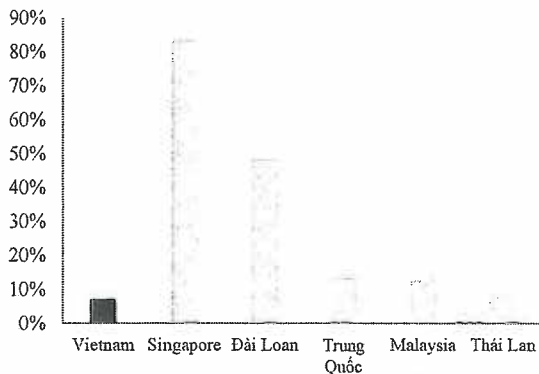
Nguồn: FiinproX, TVS Research

Bên cạnh điều kiện thị trường thuận lợi, chúng tôi cho rằng dư địa phát triển thị trường chứng khoán của Việt Nam vẫn còn nhiều. Tính đến cuối năm 2023, tổng số tài khoản nhà đầu tư trong nước vượt mốc 7,3 triệu tài khoản (tương đương 7,3% dân số). Số lượng nhà đầu tư trên dân số của Việt Nam còn thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực Châu Á. Trong khi đó, tăng trưởng thu nhập khả dụng của các hộ gia đình tại Việt Nam đang gia tăng nhanh chóng trong vòng 10 năm trở lại đây. Theo dự báo của Euromonitor, số lượng hộ gia đình có mức thu nhập trên 5.000 USD/năm tại Việt Nam có thể vượt mức 60% vào cuối năm 2024. Khi người dân có nhiều thu nhập khả dụng hơn, họ sẽ tìm kiếm các kênh đầu tư nhằm gia tăng thu nhập. Điều này sẽ thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán trong tương lai.



Biểu đồ 16. Tỷ lệ nhà đầu tư trên tổng số dân của Việt Nam vẫn ở mức thấp so với các quốc gia lân cận

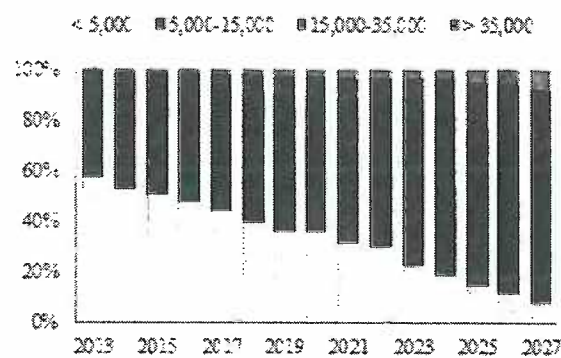
Tỷ lệ NĐT/số dân của một số nước Châu Á vào cuối năm 2022 [%]



Nguồn: TVS Research tổng hợp

Biểu đồ 17. Số lượng hộ gia đình có thu nhập khả dụng trên 5.000 USD/năm đang gia tăng ở Việt Nam

Phân bổ thu nhập hộ gia đình tại Việt Nam từ 2013-2027 [%]



Nguồn: Euromonitor, Bloomberg, TVS Research

Thị trường chứng khoán Việt Nam hiện thuộc nhóm Thị trường cận biên và đã nằm trong danh sách theo dõi nâng hạng lên Thị trường mới nổi thứ cấp của FTSE Russell từ năm 2018. Tính đến nay, Việt Nam đã đáp ứng phần lớn các tiêu chí cần thiết, ngoại trừ hai tiêu chí liên quan đến chi phí giao dịch thất bại và cơ chế thanh toán (DvP), cụ thể là việc chưa áp dụng hoàn toàn cơ chế prefunding.

Thông tư 68/2024/TT-BTC có hiệu lực từ 02/11/2024 được kỳ vọng sẽ hỗ trợ khắc phục hai tiêu chí còn lại, cho phép nhà đầu tư tổ chức nước ngoài được mua cổ phiếu mà không cần đủ tiền tại thời điểm đặt lệnh, với phần đánh giá rủi ro và nghĩa vụ thanh toán được chuyển cho công ty chứng khoán và VSD.

Tuy vậy, theo thông lệ của FTSE Russell, quá trình nâng hạng còn phụ thuộc vào việc đánh giá hiệu quả thực tế và mức độ hài lòng từ phía nhà đầu tư tổ chức. Do đó, khả năng thị trường được nâng hạng vào tháng 9/2025 đang là một kịch bản được theo dõi sát sao.

10.7.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức Phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

• Phù hợp về định hướng phát triển

Với tầm nhìn dài hạn, TVS xây dựng nền tảng tài chính vững mạnh và minh bạch và là cầu nối giữa các cơ hội đầu tư tốt với các nguồn lực tài chính trong và ngoài nước. TVS tập trung xây dựng bốn giá trị cốt lõi chính, bao gồm:

- Đa dạng hoá sản phẩm để sẵn sàng đưa ra các giải pháp tốt nhất về hoạt động đầu tư tài chính và quản lý tài sản
- Hiểu biết chuyên sâu hơn về thị trường, doanh nghiệp và nhà đầu tư



- Sáng tạo không ngừng với các dịch vụ và sản phẩm tài chính chất lượng
- Giữ vững đạo đức nghề nghiệp cùng với sự chuyên nghiệp và tận tâm

Về khách hàng, chúng tôi đặt trọng tâm vào việc tăng cường mối liên kết giữa các doanh nghiệp và nhà đầu tư thông qua hệ sinh thái của TVS dựa vào các mối quan hệ hiện có và từ đó tìm kiếm thêm các thương vụ mới bằng cách đem lại toàn bộ lợi thế của hệ sinh thái đó cho khách hàng.

Về nghiệp vụ kinh doanh, TVS sẽ cân đối phân bổ linh hoạt nguồn vốn cùng tư duy quản trị rủi ro chuyên nghiệp, tập trung nâng cao hoạt động nguồn vốn cũng như quản lý quỹ của TVS. Với mảng kinh doanh Ngân hàng đầu tư, TVS sẽ tiếp tục tìm kiếm thêm các thương vụ dựa trên các lợi thế của mình nhằm hoàn thiện hệ sinh thái chung. Những điều kiện trên sẽ giúp TVS xây dựng được một con đường phát triển bền vững và không bị giới hạn bởi điều kiện thị trường.

- ***Phù hợp về quy mô hoạt động***

Nhận thức được yêu cầu cạnh tranh ngày càng gay gắt và xu thế nâng cao chất lượng các công ty chứng khoán trong thời gian tới, TVS đã chuẩn bị nguồn lực tài chính với việc liên tục bổ sung vốn chủ sở hữu trong các năm qua, đạt hơn 1.513 tỷ VND vào tháng 07/2023. Chính nhờ vậy, công ty đã tiến hành đa dạng hóa các loại hình dịch vụ nhằm gia tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường và chiêu mộ đội ngũ nhân sự có chất lượng.

- ***Phù hợp về tổ chức nhân sự***

Đối với các công ty chứng khoán, yếu tố nhân sự luôn là yếu tố quan trọng và quyết định đến sự thành công của công ty, chính vì vậy, đội ngũ nhân sự là nguồn tài sản quý giá nhất của TVS. Với tầm nhìn dài hạn cho sự phát triển bền vững và triển khai qua nhiều năm, TVS đã xây dựng được một nguồn nhân lực đạo đức, chuyên nghiệp và tận tâm để sẵn sàng chinh phục thử thách mới. Sự đa dạng của đội ngũ nhân viên làm việc tại TVS cùng môi trường làm việc công bằng, hoà đồng, gắn kết là chìa khoá đem đến năng lực cạnh tranh của TVS.

- ***Phù hợp về công nghệ***

TVS xác định đầu tư vào công nghệ và nâng cấp hệ thống phần mềm chính là mấu chốt để hoàn thiện dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Công ty cũng sẽ đi tiên phong trong định hình cách thức làm việc mới trong kỷ nguyên số hoá thông qua việc xây dựng mô hình làm việc kết hợp linh hoạt giữa con người và công nghệ nhằm phục vụ cho hoạt động giao dịch của khách hàng và hoạt động quản lý của các phòng ban trong công ty.

10.8. Hoạt động marketing

Công ty hướng đến xây dựng hình ảnh công ty dựa trên cơ sở chất lượng của sản phẩm dịch vụ và đội ngũ nhân sự, đồng thời phối hợp với các đơn vị truyền thông, báo chí uy tín, có ảnh hưởng tới cộng đồng nhà đầu tư để đưa TVS đến gần hơn với khách hàng.

Các hoạt động trong thời gian qua:



- Định kỳ xuất bản Bản tin thị trường theo ngày/tháng/quý nhằm cung cấp cho nhà đầu tư những thông tin cập nhật về kinh tế và thị trường chứng khoán trong nước và thế giới, cùng những phân tích chuyên sâu giúp các nhà đầu tư có cơ sở đưa ra những quyết định đúng đắn.
- Tham gia nhiều hội thảo chuyên ngành để thúc đẩy cơ hội hợp tác.
- Tích cực tham gia các hoạt động từ thiện.
- Hoạt động huấn luyện và hỗ trợ các doanh nhân trẻ tham gia Qualcomm Vietnam Innovation Challenge, cung cấp định hướng chiến lược và những giải pháp thực tiễn giúp họ vượt qua các thách thức tăng trưởng quan trọng. Thông qua chương trình này, TVS đã đóng vai trò nòng cốt trong việc hỗ trợ startup hoàn thiện mô hình kinh doanh, nâng cao khả năng mở rộng và thu hút đầu tư.
- Các lãnh đạo cấp cao của TVS đã tham gia giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm với sinh viên các trường Đại học giúp sinh viên có cái nhìn thực tiễn về thị trường vốn, chiến lược đầu tư cũng như bức tranh tổng thể của lĩnh vực tài chính, thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết học thuật và thực tiễn nghề nghiệp. Tháng 5/2024, TVS tổ chức buổi tọa đàm về kinh tế vĩ mô và cơ hội đầu tư tại Việt Nam dành cho sinh viên MBA từ Đại học Hong Kong. Sự kiện này giúp các học viên quốc tế có cái nhìn toàn diện hơn về động lực tăng trưởng kinh tế và cơ hội đầu tư tại Việt Nam, đồng thời thúc đẩy sự trao đổi kiến thức đa quốc gia và mở rộng góc nhìn toàn cầu.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương hiệu, sáng chế

Nhãn hiệu thương mại mà Công ty đang sở hữu và sử dụng



TVS đã đăng ký bảo hộ nhãn hiệu TVS và hình ảnh tại Cục Sở hữu trí tuệ (Bộ Khoa học và Công nghệ), Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 153140, cấp theo Quyết định số 18357/QĐ-SHTT ngày 19/10/2010, Quyết định gia hạn số 36921/QĐ-SHTT ngày 07/06/2017 được gia hạn đến ngày 10/12/2027.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Hoạt động nghiên cứu và phát triển của Công ty vẫn luôn được chú trọng. Công ty triển khai những chương trình đào tạo nội bộ như áp dụng AI trong công việc, nâng cao hiệu suất. Trong thời gian tới TVS tập trung nâng cao phát triển đội ngũ nhân sự theo chiều sâu nhằm nâng cao chất lượng và đưa tới những dịch vụ mới cung cấp tới khách hàng.

10.11. Chiến lược kinh doanh

10.11.1. Tổng quan tầm nhìn và sứ mệnh của TVS

- Sứ mệnh của TVS



Sứ mệnh của TVS là thiết lập một nền tảng tài chính độc đáo kết nối các cơ hội đầu tư được lựa chọn với các nhà đầu tư trong nước và quốc tế để đóng góp vào sự phát triển kinh tế của Việt Nam.

- **Tầm nhìn của TVS**

Trở thành “Công ty chứng khoán” tiên phong và đáng tin cậy nhất tại Việt Nam.

- **Giá trị của TVS:** Chính trực, Tinh thần khởi nghiệp, Đặt khách hàng làm trọng tâm
- **Chính trực:** Chúng tôi duy trì các tiêu chuẩn đạo đức cao, tuân thủ các quy định pháp luật và kinh doanh với tính trung thực và minh bạch.
- **Tinh thần khởi nghiệp:** Chúng tôi khuyến khích tinh thần khởi nghiệp trong công ty của chúng tôi cũng như trong các công ty chúng tôi đầu tư.
- **Đặt khách hàng làm trọng tâm:** Chúng tôi tập trung vào cung cấp các giải pháp tốt nhất có thể cho khách hàng.

10.11.2. Chiến lược kinh doanh của TVS

Chiến lược kinh doanh của TVS được phân chia cụ thể hóa cho từng bộ phận nhằm thúc đẩy sự tăng trưởng chung của Công ty.

Bộ phận Ngân hàng đầu tư

Năm 2024 là một năm đầy thách thức đối với hoạt động ngân hàng đầu tư, với xu hướng đầu tư thận trọng và chiến lược đánh giá lại các cơ hội đầu tư. Sự sụt giảm trong hoạt động mua bán sáp nhập cho thấy tâm lý dè dặt và nhu cầu thẩm định kỹ lưỡng trong thị trường đầy biến động. Tuy nhiên, điều này cũng mở ra cơ hội đầu tư chiến lược trong các ngành thể hiện khả năng phục hồi tốt và tiềm năng tăng trưởng bền vững. Trong thời gian tới, những người tham gia thị trường phải đánh giá các lựa chọn đầu tư của mình một cách linh hoạt, đầy đủ và có chiến lược. Khả năng thích ứng với các thay đổi liên tục của thị trường, xác định các cơ hội mới nổi và giảm thiểu rủi ro sẽ rất quan trọng trong việc điều hướng những bất ổn phía trước.

Mặc dù năm 2024 đặt ra nhiều thách thức nhưng cũng mang lại những bài học quý giá về tính bền bỉ, về việc lập kế hoạch chiến lược và về tầm quan trọng của việc tập trung vào các lĩnh vực góp phần tăng trưởng và ổn định kinh tế lâu dài.

Trong năm 2025, Công ty vẫn cam kết tận dụng những hiểu biết sâu sắc, kiến thức chuyên môn và mạng lưới của mình để nâng cao giá trị cho khách hàng và các bên liên quan, đồng thời định vị bản thân một cách chiến lược trong một thị trường toàn cầu đang phát triển nhanh chóng.

Khối đầu tư công ty tư nhân

Khả năng Mỹ giảm lãi suất khi lạm phát được kiểm soát trong năm 2024 là động lực để dòng vốn ngoại trở lại thị trường Việt Nam. Ngoài ra, với chính sách không tăng lãi suất điều hành nội địa, cùng dự báo phục hồi tiêu dùng và xuất khẩu, tình hình kinh doanh tại Việt Nam dự kiến bước đầu khởi sắc trong năm tới. Các điều kiện này sẽ giúp thúc đẩy tinh thần đổi mới sáng tạo trong nước, từ đó giúp TVS thuận lợi hơn trong việc tìm kiếm cơ hội đầu tư phù hợp vào các công ty khởi nghiệp ở giai đoạn tăng trưởng. TVS tiếp tục chiến lược đầu tư vào các công ty tư nhân trong giai đoạn Pre-Series A và Series A với quy mô đầu tư từ 1-5 triệu USD. TVS sẽ tập trung vào các mô hình kinh doanh mang tính bền vững cao và có khả năng giải quyết vấn đề cốt lõi của các ngành truyền thống. Một số lĩnh



vực mới TVS đang hướng đến bao gồm: Climate-tech (công nghệ xanh), Martech (kết hợp giữa Tiếp thị và Công nghệ), Ứng dụng AI (trí tuệ nhân tạo) và Robotics (robot cơ khí).

Song song với việc đầu tư mới, TVS dự kiến giải ngân tiếp tục vào các công ty trong danh mục hiện tại và tiếp tục hỗ trợ các công ty sau đầu tư. Bên cạnh đó, TVS tiếp tục chuẩn hóa quy trình đầu tư nội bộ, và mở rộng mạng lưới trong hệ sinh thái khởi nghiệp Việt Nam.

Khởi nguồn vốn

Định hướng phát triển sản phẩm tư vấn nguồn vốn hướng tới khách hàng doanh nghiệp – Thấu hiểu những khó khăn của thị trường và với mong muốn tối đa hóa lợi ích cho các đối tác của TVS, bao gồm cả các doanh nghiệp và định chế tài chính, Khối Kinh doanh Nguồn vốn tiếp tục phát triển các sản phẩm tư vấn quản trị nguồn vốn theo định hướng sau:

- Tiếp tục mở rộng danh mục đối tác theo hướng trở thành cầu nối giữa: các định chế tài chính lớn, trong và ngoài nước, với xếp hạng tín nhiệm cao; và các đối tác doanh nghiệp có tình hình tài chính, kinh doanh tốt được thẩm định bởi chính đội ngũ chuyên gia của TVS
- Tư vấn cấu trúc và tái cấu trúc vốn phù hợp với thực tế và nhu cầu của doanh nghiệp, hỗ trợ tìm kiếm nguồn vốn giá tốt với mục tiêu “giảm 20% chi phí tài chính cho doanh nghiệp”.
- Phát triển sản phẩm tư vấn kinh doanh nguồn vốn hướng tới nhóm khách hàng doanh nghiệp, theo đó khách hàng thực hiện đầu tư vào các sản phẩm có thu nhập cố định, quản trị rủi ro và cấu trúc nguồn vốn theo mô hình tư vấn của TVS, với mục tiêu “tăng 20% lợi ích tài chính” cho khách hàng so với sản phẩm tiền gửi có cùng kỳ hạn và xếp hạng tín nhiệm tương đương.

Mục tiêu tài chính – Bên cạnh các kết quả đã đạt được, Khối Kinh doanh Nguồn vốn tiếp tục đặt mục tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn sử dụng các năm tới đạt mức trên 15%/năm, thông qua việc kết hợp giữa quản lý nguồn vốn và quản lý danh mục đầu tư vào các tài sản tài chính có thu nhập cố định (fixed income) và các sản phẩm cấu trúc kỳ hạn và cấu trúc lãi suất.

Hoạt động quản lý quỹ

TVS tin rằng thị trường chứng khoán sẽ tăng trưởng tích cực vào năm 2025, Công ty đặt mục tiêu hiệu suất đầu tư đạt 25%. Chiến lược của TVS là tập trung vào các lĩnh vực được hưởng lợi từ nền lãi suất thấp, ưu tiên các doanh nghiệp đầu ngành có nền tảng cơ bản vững chắc và tiềm năng tăng trưởng tốt.

Khối phân tích

- Tiếp tục triển khai hệ thống báo cáo cho nhà đầu tư nhằm phục vụ việc cập nhật các thông tin vĩ mô, thị trường và cổ phiếu để nhà đầu tư đưa ra quyết định đúng đắn;
- Tiếp tục hỗ trợ các phòng ban cập nhật thông tin, báo cáo và xây dựng công cụ giúp các phòng ban hoạt động hiệu quả;
- Không ngừng xây dựng cơ sở dữ liệu lớn và kho dữ liệu.

10.12. Việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật liên quan

TVS luôn đảm bảo đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi thực hiện bất kỳ hoạt động kinh doanh nào. Bên cạnh đó, TVS luôn duy trì và tuân thủ các điều kiện theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.



11. Chính sách đối với người lao động

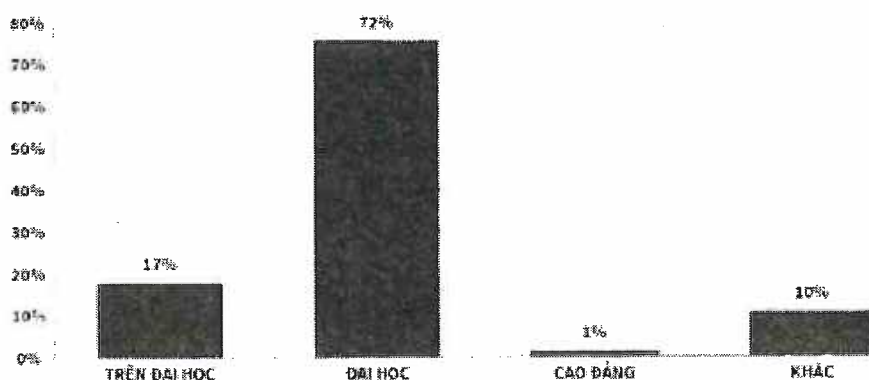
11.1. Số lượng người lao động trong Công ty

TVS có tổng cộng 113 nhân viên với cơ cấu nhân sự cân bằng giữa các nhóm tuổi. Tỷ lệ 29% nhân sự trẻ từ 20 đến dưới 30 tuổi mang đến sự đổi mới, năng lượng và khả năng thích ứng nhanh chóng. Nhóm nhân sự lớn nhất nằm trong độ tuổi từ 30 đến dưới 40, chiếm 34% tổng nhân sự, phản ánh nền tảng vững chắc của những chuyên gia có kinh nghiệm và tiềm năng phát triển.

Đáng chú ý, 32% nhân sự nằm trong độ tuổi từ 40 đến dưới 50, thể hiện sự chú trọng của TVS đối với những chuyên gia dày dặn kinh nghiệm, có kiến thức chuyên môn sâu rộng và khả năng lãnh đạo. Trong khi đó, 5% nhân sự trên 50 tuổi chủ yếu đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cấp cao của Công ty. Công ty cũng duy trì tỷ lệ giới tính cân bằng với 48% nam (54 nhân viên) và 52% nữ (59 nhân viên), tạo nên môi trường làm việc đa dạng và bình đẳng, nơi mọi nhân viên đều được trân trọng và phát huy tối đa khả năng của mình.

Về trình độ học vấn, phần lớn nhân sự tại TVS đều có nền tảng học thuật vững chắc, trong đó 72% (85 nhân viên) có bằng cử nhân, 17% (20 nhân viên) có bằng thạc sĩ và 1 nhân viên có bằng cao đẳng. Nhóm "Khác" gồm 12 nhân viên (chiếm 10%), bao gồm đội ngũ lái xe và hỗ trợ vận hành, đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hoạt động hàng ngày của công ty diễn ra trơn tru.

CƠ CẤU NHÂN SỰ THEO TRÌNH ĐỘ HỌC VẤN



Cơ cấu nhân sự của TVS phản ánh một đội ngũ có trình độ cao, đa dạng và được xây dựng một cách chiến lược, với sự kết hợp giữa các chuyên gia giàu kinh nghiệm, nhân sự trẻ năng động và cam kết về bình đẳng giới. Sự kết hợp giữa trình độ học vấn, chuyên môn và hỗ trợ vận hành giúp TVS tiếp tục phát triển, đổi mới và dẫn đầu trong lĩnh vực tài chính.

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

• Đào tạo và phát triển

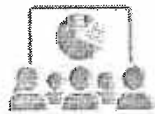
TVS luôn chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự có năng lực cao nhằm hiện thực hóa tầm nhìn trở thành Công ty chứng khoán uy tín nhất tại Việt Nam. Để đạt được mục tiêu này, công ty đã triển khai chiến lược đào tạo bài bản, đáp ứng nhu cầu phát triển của cả nhân viên và tổ chức.



Trong năm 2024, toàn bộ nhân viên TVS đã tham gia các khóa đào tạo từ cơ bản đến nâng cao, bao gồm: Nhận thức về quấy rối, bảo mật thông tin, và các chương trình chuyên sâu như Quản trị doanh nghiệp, Kiểm soát nội bộ và Quản lý rủi ro.

TVS cũng tổ chức các khóa đào tạo chuyên biệt về đầu tư, phân tích tài chính, kế toán và nhân sự nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn và lãnh đạo. Để thúc đẩy văn hóa học tập liên tục, công ty đã đầu tư hơn 250 triệu VND vào nền tảng học tập trực tuyến quốc tế uy tín, khuyến khích nhân viên dành 30 phút vào mỗi thứ Sáu để học tập trực tuyến, trung bình đạt 1,6 giờ học/tháng.

Kết quả đào tạo trong năm 2024



Tổng số khóa đào tạo:
230



Tỷ lệ nhân viên tham gia:
100%



Số giờ đào tạo trung bình/
năm/người:
34.24

• **Chính sách phúc lợi**

TVS tin rằng chăm lo đời sống nhân viên là yếu tố then chốt cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Chính sách phúc lợi của công ty không chỉ tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật mà còn được thiết kế để tạo động lực và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân viên.

- Hỗ trợ chi phí ăn uống và đi lại:

100% nhân viên tại TVS được hưởng trợ cấp bữa trưa với mức cao hơn mặt bằng chung, đảm bảo chế độ đãi ngộ hấp dẫn. Bên cạnh đó, công ty còn hỗ trợ tài chính dịp Tết giúp nhân viên giảm bớt gánh nặng tài chính và an tâm về quê với gia đình.

- Chế độ bảo hiểm sức khỏe toàn diện:

Ngoài bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc, 100% nhân viên được hưởng bảo hiểm sức khỏe tự nguyện cao cấp từ một công ty bảo hiểm hàng đầu Việt Nam. TVS có các chính sách nghỉ thai sản cho nữ, nghỉ chăm sóc vợ sinh cho nam, đảm bảo nhân viên có thời gian chăm sóc gia đình.

- Phúc lợi đặc biệt:

Chế độ nghỉ phép hàng năm vượt tiêu chuẩn thị trường, tặng quà sinh nhật, lễ Tết, kỷ niệm ngày thành lập công ty, cũng như hỗ trợ tài chính trong các trường hợp hiếu hỉ. Công ty tổ chức các câu lạc bộ thể thao, yoga với huấn luyện viên chuyên nghiệp nhằm thúc đẩy sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống cũng như sức khỏe của nhân viên. Các chuyến đi team-building hàng năm và các sự kiện cuối năm nhằm củng cố văn hóa công ty và thúc đẩy tinh thần đồng đội.

11.3. Phát hành cổ phiếu cho Người lao động

Thực hiện theo Quy chế chương trình phát hành cổ phiếu ESOP của TVS năm 2022 và Nghị quyết số 10042024/NQ-HĐQT sửa đổi chương VIII của Quy chế này.

Đối tượng: Là nhân sự chủ chốt công ty bao gồm Hội đồng đầu tư, nhận sự chủ chốt của Công ty đáp ứng các điều kiện sau:

- Chức vụ đảm trách: từ cấp phó trưởng các bộ phận trở lên
- Số năm làm việc tại Công ty: không giới hạn



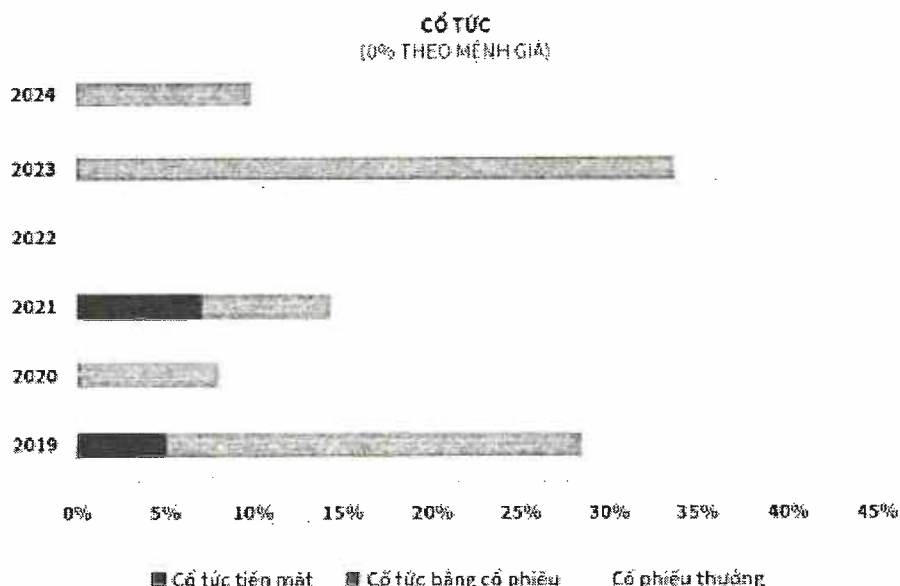
- Có những đóng góp vào chiến lược phát triển cũng như thành công chung của Công ty trong thời gian qua cũng như các năm sắp tới
- Có mong muốn và cam kết gắn bó lâu dài với Công ty
- Có tên trong danh sách được HĐQT phê duyệt.

HĐQT chịu trách nhiệm lựa chọn, phê duyệt danh sách các cá nhân được thưởng cổ phiếu căn cứ vào các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của chương trình.

12. Chính sách cổ tức

Chính sách cổ tức của Công ty được thực hiện căn cứ theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và được Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, bên cạnh việc duy trì khung quản trị doanh nghiệp hiệu quả, công ty đã thực hiện chia cổ tức qua các năm dựa trên thành quả đạt được như sau:



13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất
Trong 2 năm gần nhất, Công ty chưa thực hiện đợt chào bán cổ phần nào.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức Phát hành
Không có

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức Phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức Phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán
Không có

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức Phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích



Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức Phát hành

Bảng 16. Kết quả kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	%(+/-) 2023	Bán niên 2025	%(+/-) H1/2024
Tổng tài sản	13.529.106	7.385.484	(45,4%)	6.667.146	(9,7%)
Doanh thu hoạt động	1.332.482	1.149.510	(13,7%)	402.832	(41,5%)
Chi phí hoạt động	(344.841)	(339.945)	(1,4%)	(170.371)	(6,5%)
Doanh thu hoạt động tài chính	1.688	13.813	718,3%	8.079	160,1%
Chi phí tài chính	(609.555)	(410.914)	(32,6%)	(98.901)	(69,1%)
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	(66.395)	(68.018)	2,4%	(25.994)	(27,1%)
Kết quả hoạt động	313.380	344.445	9,9%	115.645	(24,4%)
Thu nhập khác và chi phí khác	(469)	(653)	39,2%	(376)	(153,2%)
Lợi nhuận trước thuế	312.910	343.792	9,9%	115.269	(25,0%)
Lợi nhuận sau thuế	251.709	281.634	11,9%	96.026	(24,9%)
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức	10% bằng cổ phiếu	12%			

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023,2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2025

Bảng 17. Kết quả kinh doanh của công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	%(+/-) 2023	Bán niên 2025	%(+/-) H1/2024
Tổng tài sản	6.155.824	6.791.587	10,3%	6.312.065	(7,1%)
Doanh thu hoạt động	750.465	675.351	(10,0%)	343.290	(6,7%)



Chi phí hoạt động	(329.249)	(319.503)	(3,0%)	(171.905)	5,0%
Doanh thu hoạt động tài chính	1.348	176.065	12961,2%	198	(99,9%)
Chi phí tài chính	(175.737)	(173.321)	(1,4%)	(98.832)	19,5%
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	(49.770)	(54.621)	9,7%	(23.813)	(2,1%)
Kết quả hoạt động	197.057	303.970	54,3%	48.937	(80,2%)
Thu nhập khác và chi phí khác	(438)	697	(259,1%)	(105)	(111,4%)
Lợi nhuận trước thuế	196.618	304.667	55,0%	48.832	(80,3%)
Lợi nhuận sau thuế	161.162	281.437	74,6%	39.619	(82,9%)
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức	10% bằng cổ phiếu	12%			

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2025

Trong năm 2024, với thị trường chứng khoán trở biến động và khó khăn, doanh thu hoạt động của Công ty đạt 1,149 tỷ, giảm nhẹ 13,7% so với năm ngoái. Tuy nhiên, Công ty cũng ghi nhận mức giảm 32.6% của chi phí tài chính và mức tăng 718,3% của doanh thu tài chính, giúp cho lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 343 tỷ, tăng 9.9% so với năm 2023. Sang nửa đầu năm 2025, doanh thu hoạt động của Công ty đạt 402 tỷ, giảm 41,5% so với cùng kỳ, đi kèm với mức lợi nhuận trước thuế giảm 25% so với cùng kỳ, ở mức 115 tỷ.

Về cơ cấu tài chính, cuối năm 2024, tổng tài sản của Công ty ở mức 7.385 tỷ đồng, giảm gần 6.145 tỷ so với đầu năm, tương đương 45% chủ yếu từ việc thoái vốn công ty con – Công ty Cổ phần Finsight. Các chỉ tiêu sinh lời như ROE, ROA cũng ở mức tương đối vừa phải khi lần lượt đạt 12,8% và 2,7%. Sang nửa đầu năm 2025, tổng tài sản giảm nhẹ về mức 6.667 tỷ so với đầu năm, các chỉ tiêu sinh lời như ROE, ROA đạt lần lượt là 10,9% và 3,8%

- Các chỉ tiêu khác: Không có

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu kinh doanh: Không có

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức Phát hành

1.2.1 Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức Phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

Kết quả kinh doanh của TVS tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2023 với doanh thu hoạt động và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 1.332 tỷ VND (+30.4% YoY) và 252 tỷ VND (+470% YoY) khi diễn biến thị trường chứng khoán tích cực trong suốt cả năm 2023. Môi trường kinh doanh của TVS được hưởng lợi khi VN-Index tăng trưởng 12.2% đồng thời thanh khoản được cải thiện kể từ Q2/2023 sau khi NHNN thực hiện hạ lãi suất để hỗ trợ nền kinh tế.



Trong năm 2024, doanh thu hoạt động và LNST của TVS lần lượt đạt 1,150 tỷ VND (-13,6% YoY) và 282 tỷ VND (+11,9% YoY). Chỉ số VN-Index tăng trưởng hơn 10% trong năm 2024, tuy nhiên chủ yếu đã tăng diễn ra trong khoảng 4 tháng đầu năm, rồi sau chỉ số đi ngang trong biên độ 1,200-1,300 với thanh khoản giảm sút. Điều này đã làm ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh của Công ty, trong đó phần lãi từ các khoản đầu tư HTM -34,5% YoY. Mặc dù vậy, Công ty đã thực hiện tiết giảm các chi phí tài chính (-42,6% YoY), giúp cho lợi nhuận cả năm vẫn đạt 282 tỷ VND, vượt kế hoạch năm do ĐHCĐ đề ra ở mức 279,8 tỷ VND.

1.2.2 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức Phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Biến động địa chính trị trên thế giới tiếp tục diễn ra theo chiều hướng căng thẳng

Trong năm 2025, tình hình kinh tế toàn cầu có thể tiếp tục chịu ảnh hưởng từ những diễn biến địa chính trị tại một số khu vực cũng như các chính sách thương mại đang được đề xuất hoặc triển khai. Một số yếu tố như căng thẳng khu vực Trung Đông, các biện pháp trừng phạt thương mại giữa các quốc gia, và biến động giá năng lượng, vận tải, lương thực có thể tiếp tục tạo sức ép lên chuỗi cung ứng toàn cầu và một số biến số kinh tế vĩ mô như lạm phát.

Tại Mỹ, một số chính sách thuế quan mới đang được đề xuất, bao gồm việc điều chỉnh thuế nhập khẩu từ Trung Quốc và các nước có thặng dư thương mại lớn với Mỹ. Kịch bản cơ sở mà TVS Research đưa ra là thuế suất có thể được nâng lên mức tối đa 25% đối với toàn bộ hàng hóa Trung Quốc trong năm 2025 – mức đã từng được áp dụng trong giai đoạn 2018–2020. Ngoài Trung Quốc, một số điều chỉnh thuế có thể hướng đến các quốc gia khác như Canada và Mexico, tùy theo diễn biến chính sách đối nội của Mỹ. Trong năm nay, phạm vi mở rộng thuế quan có thể sẽ chưa quá lớn.

Chính sách tiền tệ của Mỹ

Năm 2024, FED đã giảm lãi suất ba lần với tổng mức cắt giảm 100 điểm cơ bản. Tuy nhiên, trong năm 2025, tốc độ điều chỉnh lãi suất có thể chậm lại do áp lực lạm phát có dấu hiệu tăng trở lại, một phần đến từ việc điều chỉnh thuế nhập khẩu và chi phí y tế tăng. Theo đánh giá của TVS Research, lạm phát tại Mỹ có thể dao động quanh mức 2,5% – 2,6% vào cuối năm. Trong bối cảnh đó, FED có thể giới hạn mức giảm lãi suất trong năm ở mức 50 điểm cơ bản. Diễn biến này được kỳ vọng sẽ hỗ trợ duy trì sức mạnh của đồng USD trong ngắn hạn.

Tác động đến tỷ giá và thị trường Việt Nam

Trong năm 2024, tỷ giá USD/VND đã tăng khoảng 5%, phản ánh áp lực từ sự mạnh lên của USD toàn cầu và nhu cầu ngoại tệ trong nước. TVS Research dự báo tỷ giá USD/VND có thể tăng thêm khoảng 3% trong năm 2025, chủ yếu do tác động từ chính sách tiền tệ và thương mại của Mỹ. Tuy nhiên, áp lực tỷ giá có thể giảm dần về cuối năm khi nguồn cung USD trong nước cải thiện nhờ dòng vốn FDI, xuất khẩu và du lịch.

Triển vọng nâng hạng thị trường trong thời gian tới

Việc Bộ Tài chính ban hành Thông tư 68/2024/TT-BTC và một số văn bản điều chỉnh gần đây đã cải thiện môi trường pháp lý cho thị trường chứng khoán Việt Nam, đặc biệt là việc cho phép nhà đầu tư tổ chức nước ngoài không cần có sẵn tiền khi đặt lệnh mua cổ phiếu theo cơ chế thỏa thuận. Đây là bước tiến quan trọng trong việc đáp ứng các tiêu chí của FTSE Russell về nâng hạng thị trường. Tuy nhiên, cơ quan xếp hạng sẽ cần thời gian để đánh giá hiệu quả thực tế của cơ chế mới, mức độ áp dụng rộng rãi và phản hồi từ nhà đầu tư tổ chức. Trong bối cảnh đó, kịch bản thị trường chứng khoán Việt



Nam được nâng hạng lên Thị trường mới nổi thứ cấp vào tháng 9/2025 vẫn đang được duy trì là kịch bản có thể xảy ra.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

a. Báo cáo vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

TVS sử dụng, quản lý vốn góp của Cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng quy định pháp luật và đúng mục đích sử dụng quy định tại Điều lệ Công ty.

Bảng 18. Vốn điều lệ và vốn kinh doanh hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
I	Nợ phải trả	11.473.690	5.051.315	4.251.023
1	Nợ phải trả ngắn hạn	11.275.424	5.032.135	4.226.810
2	Nợ phải trả dài hạn	198.267	19.179	24.212
II	Vốn chủ sở hữu	2.055.416	2.334.169	2.416.124
1	Vốn góp chủ sở hữu	1.513.147	1.669.953	1.669.953
2	Thặng dư vốn cổ phần	14.111	15.261	15.261
3	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.385	2.385	2.385
4	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	2.516	2.516	2.516
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	521.294	642.838	724.651
5.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	481.779	590.160	636.820
5.2	Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	39.515	52.678	87.831
6	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.963	1.216	1.358
	Tổng cộng	13.529.106	7.385.484	6.667.146

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2025

Bảng 19. Vốn điều lệ và vốn kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
I	Nợ phải trả	4.382.321	4.743.062	4.237.993
1	Nợ phải trả ngắn hạn	4.370.356	4.723.882	4.213.780
2	Nợ phải trả dài hạn	11.966	19.179	24.212

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT



STT	Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	30/06/2025
II	Vốn chủ sở hữu	1.773.503	2.048.526	2.074.073
1	Vốn góp chủ sở hữu	1.513.147	1.669.953	1.669.953
2	Thặng dư vốn cổ phần	14.111	15.261	15.261
3	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	642	642	642
4	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	772	772	772
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	244.831	361.898	387.445
5.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	215.724	310.551	300.946
5.2	Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	29.107	51.347	86.499
	Tổng cộng	6.155.824	6.791.587	6.312.065

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên 2025

b. Trích khấu hao tài sản cố định

- Tài sản cố định (TSCĐ) được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

- Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nâng cấp tài sản thuê	3 năm
Máy móc thiết bị	2 -7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm tin học	1-5 năm
TSCĐ hữu hình khác	3 năm
TSCĐ vô hình khác	2-3 năm

- Thanh lý



Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động riêng.

c. Mức lương bình quân

Bảng 20. Lương, thu nhập bình quân của người lao động của người lao động Công ty mẹ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Bán niên năm 2025
1	Mức tiền lương bình quân	43.616.997	46.106.142	44.320.868
2	Mức thu nhập bình quân	76.886.667	75.212.952	59.500.574

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên 2025

d. Các khoản phải thu

Bảng 21. Các khoản phải thu hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Bán niên Năm 2025
I	Phải thu ngắn hạn	708.774	765.015	522.211
1	Các khoản phải thu	333.894	291.732	127.834
1.1	Phải thu bán các tài sản tài chính	56.377	219.535	41.440
1.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	277.518	72.197	86.394
2	Các khoản cho vay	196.838	429.132	365.748
3	Trả trước cho người bán	44.022	3.155	2.535
4	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	17.894	40.995	26.031
5	Phải thu ngắn hạn khác	116.706	1	63
6	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(580)	-	-
II	Phải thu dài hạn	-	3.672	1.615
	Tổng cộng	708.774	768.678	523.826

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2025



Bảng 22. Các khoản phải thu của công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Bán niên Năm 2025
I	Phải thu ngắn hạn	361.099	751.099	848.316
1	Các khoản phải thu	116.958	305.556	479.011
1.1	Phải thu bán các tài sản tài chính	59.732	219.470	413.040
1.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	57.225	86.086	65.971
2	Các khoản cho vay	196.838	429.132	365.748
3	Trả trước cho người bán	43.684	3.081	2.503
4	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	4.186	13.329	1.054
5	Phải thu ngắn hạn khác	13	1	0
6	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(580)	-	-
II	Phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	361.099	751.099	848.316

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên 2025

Các khoản phải thu quá hạn trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và tính đến thời điểm hiện tại: Không có

e. Các khoản phải trả

Bảng 23. Các khoản phải trả hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Bán niên Năm 2025
I	Nợ ngắn hạn	11.275.424	5.032.135	4.226.810
1	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	4.315.446	4.652.098	4.130.061
2	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	381	610	3.301
3	Phải trả người bán ngắn hạn	33.869	275.389	10.147
4	Người mua trả tiền trước	12	12	12



STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Bán niên Năm 2025
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16.276	34.043	13.072
6	Phải trả người lao động	20.657	19.137	4.321
7	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	28	56	52
8	Chi phí phải trả ngắn hạn	17.559	19.239	20.298
9	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	11.614	-	-
10	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	6.832.412	1.860	1.783
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	27.170	29.691	43.763
II	Nợ dài hạn	198.267	19.179	24.212
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	83.470	-	-
2	Các khoản phải trả phải nộp khác	100.000	-	-
3	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	14.797	19.179	24.212
	Tổng cộng	11.473.690	5.051.315	4.251.023

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2025

Bảng 24. Các khoản phải trả của công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Bán niên Năm 2025
I	Nợ ngắn hạn	4.370.356	4.723.882	4.213.780
1	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	4.307.446	4.649.798	4.127.761
2	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	381	610	3.301
3	Phải trả người bán ngắn hạn	6.018	3.107	8.717
4	Người mua trả tiền trước	12	12	12
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.186	4.799	5.794
6	Phải trả người lao động	14.898	15.565	3.071
7	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	-	56	52
8	Chi phí phải trả ngắn hạn	10.831	19.101	20.167

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT



STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Bán niên Năm 2025
9	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	5.308	-	-
10	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.778	1.771	1.771
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21.499	29.063	43.135
II	Nợ dài hạn	11.966	19.179	24.212
1	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	11.966	19.179	24.212
	Tổng cộng	4.382.321	4.743.061	4.237.993

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên 2025

f. Các khoản vay và nợ tài chính ngắn hạn và dài hạn cụ thể như sau:

Bảng 25. Các khoản vay và nợ tài chính hợp nhất

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Bán niên Năm 2025
I	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	4.315.446	4.652.098	4.130.061
1.1	Vay ngắn hạn	4.315.446	4.652.098	4.130.061
II	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	83.470	-	-
2.1	Vay dài hạn	83.470	-	-
	Tổng cộng	4.398.916	4.652.098	4.130.061

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2025

Bảng 26. Các khoản vay và nợ tài chính Công ty mẹ

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Bán niên Năm 2025
I	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	4.307.446	4.649.798	4.127.761
1.1	Vay ngắn hạn	4.307.446	4.649.798	4.127.761
II	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-
2.1	Vay dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	4.307.446	4.649.798	4.127.761

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên 2025



Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn:

- Các khoản nợ vay của Tổ chức Phát hành đều được thanh toán đầy đủ, đúng hạn lãi và gốc trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác (Phải trả người bán, Phải trả người lao động, Phải trả phải nộp khác,...) được Công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn.
- Tổ chức Phát hành và công ty con không vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết liên quan đến các khoản nợ.

Thông tin Trái Phiếu chưa đáo hạn của Tổ chức Phát hành: Không có

g. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Bảng 27. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Bán niên Năm 2025
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.393	32.324	10.870
2	Thuế GTGT	389	317	221
3	Thuế thu nhập cá nhân	7.475	1.403	1.981
3.1	Thuế TNCN khấu trừ của nhân viên	4.041	693	1.032
3.2	Thuế TNCN khấu trừ của nhà đầu tư	3.179	375	325
3.3	Thuế TNCN khấu trừ của người cung cấp dịch vụ	153	17	15
3.4	Thuế TNCN khấu trừ từ cổ tức	102	316	609
4	Thuế khác	19	-	-

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2025

Bảng 28. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Bán niên Năm 2025
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.200	3.740
2	Thuế GTGT	389	317	221
3	Thuế thu nhập cá nhân	1.778	1.282	1.834

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT



STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Bán niên Năm 2025
3.1	Thuế TNCN khấu trừ của nhân viên	1.297	573	892
3.2	Thuế TNCN khấu trừ của nhà đầu tư	240	375	321
3.3	Thuế TNCN khấu trừ của người cung cấp dịch vụ	138	18	12
3.4	Thuế TNCN khấu trừ từ cổ tức	102	316	609
4	Thuế khác	19	-	-

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên 2025

h. Tình hình trích lập các quỹ

Bảng 29. Số dư các quỹ hợp nhất

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Bán niên Năm 2025
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	27.170	29.691	43.763
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	2.385	2.385	2.385
3	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	2.516	2.516	2.516
	Tổng cộng	32.071	34.637	48.664

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên 2025

Bảng 30. Số dư các quỹ Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Bán niên Năm 2025
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	21.499	29.063	43.135
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	642	642	642
3	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	772	772	772
	Tổng cộng	22.913	30.477	44.549

Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2023, 2024 và BCTC riêng soát xét bán niên 2025



2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 31. Các chỉ số tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023		Năm 2024		Bán niên Năm 2025	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán							
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,36	1,03	1,37	1,35	1,45	1,46
Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ – HTK)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,35	0,98	1,35	1,29	1,44	1,39
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn							
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	71,2	84,8	69,8	68,4	67,14	63,76
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	247,1	558,2	231,5	216,4	204,33	175,94
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động							
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	-	-	-	-	-	-
Vòng quay Tổng tài sản (DTT/Tổng tài sản bình quân) – lũy kế 12 tháng	Lần	0,14	0,12	0,13	0,11	0,11	0,13
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời							
Biên lợi nhuận ròng (LNST/DTT) – lũy kế 12 tháng	%	21,4	18,9	33,06	24,21	13,82	28,90
ROE (LNST/Vốn CSH bình quân) – lũy kế 12 tháng	%	9,6	13,2	14,73	12,83	4,42	10,87
ROA (LNST/Tổng tài sản bình quân) – lũy kế 12 tháng	%	3,1	2,2	4,35	2,69	1,45	3,81
Biên lợi nhuận từ HĐKD (LN từ HĐKD/DTT) – lũy kế 12 tháng	%	26,2	23,5	35,7	29,6	16,26	35,53



Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023		Năm 2024		Bán niên Năm 2025	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
Thu nhập trên cổ phần (EPS) – lũy kế 12 tháng	đồng	1.066	1.662	1.687	1.683	539	1496

Nguồn: BCTC Riêng, Hợp nhất 2023, 2024 và BCTC riêng, hợp nhất soát xét bán niên năm 2025

Về khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh của TVS trong giai đoạn 2022 - 2023 tốt dần và ổn định. Hệ số thanh toán ngắn hạn hợp nhất năm 2023 ở mức 1,03 lần cho thấy cứ mỗi đồng nợ thì có đến 1,03 đồng tài sản chi trả trong ngắn hạn. Cuối năm 2024 hệ số thanh toán nợ ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh đã cải thiện hơn so với thời điểm kết thúc năm 2023, củng cố tích cực cho khả năng thanh toán của công ty. Sang nửa đầu năm 2025, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh tiếp tục được cải thiện lên mức cao hơn, lần lượt là 1,46 và 1,39 lần.

Về cơ cấu vốn

Hệ số nợ vay so với Tổng tài sản giảm mạnh và Hệ số nợ vay so với VCSH tăng nhẹ lần lượt là 84,8% và 558,2% tại ngày 31/12/2023. Tại ngày 31/12/2024 các hệ số này giảm mạnh và đạt được ở mức lần lượt là 68,4% và 216,4%. Sang nửa đầu năm 2025, các hệ số này tiếp tục giảm về mức lần lượt là 63,8% và 175,9%

Về khả năng sinh lời

Tại ngày 31/12/2024, các chỉ số về khả năng sinh lời đã trở về duy trì ở mức ổn định, Chỉ số biên lợi nhuận ròng đã tăng thêm 5.31% từ 18.9% năm 2023 lên 24.21% năm 2024, đóng góp chủ yếu từ các diễn biến tích cực của thị trường chứng khoán. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên VCSH bình quân có sự cải thiện đáng kể ở mức hai con số, ghi nhận tại 12,83% cho số liệu hợp nhất 2024 và 10,87% cho số liệu hợp nhất bán niên 2025.

Ý kiến của tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức Phát hành

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC năm 2023

- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

- Ý kiến kiểm toán đối với BCTC hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổ chức Phát hành: *“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất Công ty và các công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh*



ngành Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.”

- Ý kiến kiểm toán đối với BCTC riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tổ chức Phát hành: *“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.”*

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC năm 2024

- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

- Ý kiến kiểm toán đối với BCTC hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tổ chức Phát hành: *“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.”*

- Ý kiến kiểm toán đối với BCTC riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tổ chức Phát hành: *“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.”*

Kết luận của Tổ chức kiểm toán đối với BCTC bán niên năm 2025

- Công ty kiểm toán: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

- Kết luận của kiểm toán đối với BCTC hợp nhất cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tổ chức Phát hành: *“Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.”*



- Kết luận của kiểm toán đối với BCTC riêng cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tổ chức Phát hành: “Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động riêng giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.”

4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm
Không có.

5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Bảng 32. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2025

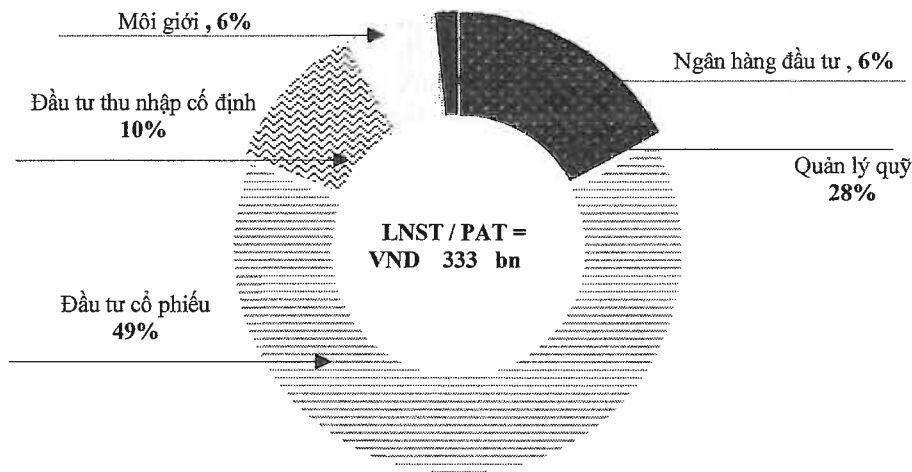
Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2025	2024	Tăng trưởng 2024-2025
Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần	654	1.163	-44%
Lợi nhuận sau thuế	333	282	18%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần	51%	24,2%	110%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	12,5%	12,8%	-2%
Tỷ lệ chia lợi nhuận hoặc cổ tức	-	12%	

Năm 2025, HĐQT đề xuất kế hoạch kinh doanh năm với lợi nhuận sau thuế đạt 333 tỷ đồng, trong đó:

- Khối quản lý quỹ kỳ vọng kết quả kinh doanh đạt 94 tỷ đồng.
- Khối đầu tư cổ phiếu, đầu tư thu nhập cố định tiếp tục đóng góp lợi nhuận ổn định lần lượt là 164 tỷ đồng và 34 tỷ đồng.
- Khối môi giới đặt mục tiêu lợi nhuận là 21 tỷ đồng.
- Khối ngân hàng đầu tư đặt mục tiêu lợi nhuận là 20 tỷ đồng.



2025 Kế hoạch kinh doanh



- **Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch nêu trên:** Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty.
- **Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận nêu trên:**

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các yếu tố kinh tế, chính trị trong nước. Sau đây là một số căn cứ để Hội đồng Quản trị xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2025:

Triển vọng vĩ mô năm 2025

TVS dự báo GDP của Việt Nam sẽ tăng trưởng ấn tượng ở mức 7,2% so với cùng kỳ (YoY) trong năm 2025, được thúc đẩy bởi sự kết hợp của các chính sách tài khóa mở rộng, động lực từ xuất khẩu và tiêu dùng nội địa mạnh mẽ. Chính phủ đã cam kết đẩy nhanh đầu tư công, đặc biệt là vào lĩnh vực cơ sở hạ tầng và các dự án kinh tế quan trọng, như một phần trong chiến lược tổng thể nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng cao. Việc gia tăng phân bổ vốn cho các mạng lưới giao thông, khu công nghiệp và các dự án năng lượng tái tạo được kỳ vọng sẽ củng cố khả năng chống chịu của nền kinh tế và nâng cao niềm tin của nhà đầu tư.

Xuất khẩu được dự báo sẽ tăng 11% so với cùng kỳ, với nhu cầu tiếp tục mạnh mẽ đối với các linh kiện điện tử, hạ tầng công nghệ thông tin và hàng tiêu dùng. Mặc dù vẫn còn nhiều bất ổn liên quan đến khả năng Hoa Kỳ áp thuế đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam, Việt Nam vẫn ở vị thế thuận lợi để hưởng lợi từ xu hướng đa dạng hóa chuỗi cung ứng toàn cầu. Các ngành trọng điểm như điện tử, dệt may và nông sản dự kiến sẽ thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu, củng cố vị thế của Việt Nam như một trung tâm sản xuất hàng đầu tại châu Á.

Dù có nhiều tín hiệu tích cực, các rủi ro từ bên ngoài và áp lực vĩ mô vẫn cần được theo dõi chặt chẽ. Tỷ giá USD/VND dự kiến sẽ tăng khoảng 3% trong năm 2025, phản ánh sự dịch chuyển chung của đồng tiền này do Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) cắt giảm lãi suất chậm hơn dự kiến và đồng USD mạnh lên. Hoạt động đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có thể tạm thời chững lại khi

nhà đầu tư duy trì tâm lý thận trọng trước những bất ổn thương mại toàn cầu. Tuy nhiên, Việt Nam với sự tập trung liên tục vào cải cách quy định và các chính sách thu hút đầu tư vẫn sẽ duy trì sức hấp dẫn của mình như một điểm đến hàng đầu cho dòng vốn toàn cầu.

Lạm phát dự kiến vẫn nằm trong tầm kiểm soát, với Chỉ số Giá tiêu dùng (CPI) được dự báo sẽ tăng 3,5% so với cùng kỳ, nằm trong phạm vi mục tiêu 4-4,5% của chính phủ.

- Giá dầu được dự báo sẽ giảm 8% so với cùng kỳ, do nhu cầu từ Trung Quốc giảm và sản lượng dầu của Hoa Kỳ tăng lên.
- Giá điện, dịch vụ y tế và giáo dục được dự báo sẽ tăng nhẹ, góp phần tạo áp lực tăng giá chung.

Khi Việt Nam bước vào giai đoạn quan trọng trong chiến lược kinh tế 2021-2025, việc duy trì môi trường vĩ mô ổn định sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc củng cố niềm tin của nhà đầu tư và duy trì tốc độ tăng trưởng cao. Cam kết của chính phủ trong việc cân bằng chính sách tiền tệ, thúc đẩy đổi mới và xây dựng các quy định thân thiện với đầu tư sẽ có tác động quyết định đến quỹ đạo phát triển kinh tế của Việt Nam trong năm tới.

Triển vọng thị trường chứng khoán năm 2025

Về thị trường chứng khoán, TVS Research dự báo VN-Index sẽ đạt mức từ 1.380 đến 1.400 điểm vào cuối năm 2025, được hỗ trợ bởi mức tăng trưởng GDP 7,2% và mức tăng trưởng lợi nhuận sau thuế toàn thị trường đạt 16,2% so với cùng kỳ. Việc FTSE Russell xem xét nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam vào cuối năm 2025 có thể thu hút dòng vốn lớn từ các quỹ ETF thị trường mới nổi, từ đó cải thiện tâm lý thị trường và tăng cường thanh khoản.

Hiệu suất thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng bởi chính sách nới lỏng tiền tệ của các nền kinh tế lớn, điều này có thể hỗ trợ dòng vốn vào các thị trường mới nổi. Việc Fed dự kiến cắt giảm lãi suất có thể làm giảm áp lực đối với đồng USD, cho phép các nhà đầu tư nước ngoài gia tăng phân bổ vốn vào thị trường cổ phiếu Việt Nam. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức, bao gồm các bất ổn xung quanh chính sách thương mại của Hoa Kỳ dưới thời Trump nhiệm kỳ 2, điều này có thể gây ra sự biến động, đặc biệt đối với các ngành xuất khẩu. Sự tham gia của nhà đầu tư trong nước dự kiến sẽ vẫn mạnh mẽ, với vai trò quan trọng của nhà đầu tư cá nhân trong việc duy trì thanh khoản thị trường.

Hệ thống KRX đi vào hoạt động và triển vọng nâng hạng thị trường trong thời gian tới

Hệ thống KRX chính thức đi vào hoạt động vào tháng 5 -2025 sẽ tạo ra những thay đổi lớn đối với TTCK Việt Nam trong dài hạn như cải thiện số lượng và tốc độ lệnh, cung cấp các sản phẩm đầu tư mới như bán khống, hợp đồng quyền chọn, v.v. và làm giảm thời gian thanh toán và cung cấp giao dịch T+0 cho thị trường.

Theo chúng tôi, việc vận hành hệ thống KRX là tiền đề để cung cấp cơ chế thanh toán bù trừ trung tâm CCP để giải quyết vấn đề prefunding và kiểm soát rủi ro về mặt thanh toán trong trường hợp giao dịch không được thực hiện. Ngoài ra, việc bổ sung các quy định này là cần thiết so với quy định hiện tại theo Thông tư 120 của Bộ Tài chính. Do đó, với quan điểm trung tính, chúng tôi cho rằng các hoạt động sẽ chỉ mất một khoảng thời gian ngắn để hoàn thành và Việt Nam có thể sẽ được công nhận nâng hạng thị trường vào cuối năm 2025.



- Đánh giá của Tổ chức kiểm toán độc lập về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận nêu trên: Không có

V. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt được thành lập lần đầu vào tháng 12/2006 dưới hình thức công ty cổ phần theo Luật Chứng khoán và những quy định có liên quan về chứng khoán, giao dịch chứng khoán tại Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (mã số doanh nghiệp) số 0102114648 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư cấp lần đầu ngày 13/12/2006. Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 12 năm 2006.

Theo quy định tại Điều 119 Luật Doanh nghiệp, các hạn chế về cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được loại bỏ sau 03 năm kể từ ngày Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (từ tháng 12/2006 đến ngày tháng 12/2009).

2. Thông tin về cổ đông lớn

Danh sách các cổ đông lớn của Tổ chức Phát hành tại ngày phát hành Bản cáo bạch này như sau:

Bảng 33. Danh sách cổ đông lớn nắm giữ trên 5% Vốn điều lệ của Tổ chức Phát hành

Stt	Cổ đông	Địa chỉ	Số CCCD/ Số Giấy CNDKKD	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Trung Hà			51.976.437	31,12%
2	Đinh Thị Hoa			21.968.458	13,16%
3	Wardhaven Vietnam Fund			9.780.355	5,86%

2.1. Cổ đông lớn là cá nhân

STT	Tên cá nhân	Năm sinh	Quốc tịch	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn		Hiện tại (30/5/2025)		Dự kiến sau đợt chào bán	
				Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /VĐL	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /VĐL	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /VĐL

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT



1	Nguyễn Trung Hà		Việt Nam	3.010.000 cổ phần	70%	51.976.437 cổ phần	31,12%	62.371.724 cổ phần	31,12%
---	-----------------	--	----------	-------------------	-----	--------------------	--------	--------------------	--------

+Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần biểu quyết của Người có liên quan của ông Nguyễn Trung Hà:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn		Hiện tại (30/5/2025)		Dự kiến sau đợt chào bán	
			Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /VĐL	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /VĐL	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /VĐL
1.1	Nguyễn Thị Việt Liên	Vợ	0	0	0	0	0	0
1.2	Nguyễn Lý Hiền Nga	Con	0	0	0	0	0	0
1.3	Nguyễn Hồ Linh Giang	Con	0	0	0	0	0	0
1.4	Dương Thị Mai	Mẹ vợ	0	0	0	0	0	0
1.5	Nguyễn Trung Anh	Anh	0	0	23.772	0,01%	0	0
1.6	Lê Thị Nguyên Phương	Chị dâu	0	0	0	0	0	0
1.7	Nguyễn Trung Thành	Em	0	0	136.908	0,08%	164.290	0,08%
1.8	Nguyễn Thị Thu Hằng	Em dâu	0	0	0	0	0	0
1.9	Phan Châu Thành	Con rể	0	0	0	0	0	0
1.10	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam	Ông Nguyễn Trung Hà làm Thành viên HĐQT	0	0	0	0	0	0
1.11	Công ty cổ phần Hồ Toán	Ông Nguyễn Trung Hà làm Chủ tịch HĐQT	0	0	0	0	0	0
1.12	Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín	Ông Nguyễn Trung Hà	0	0	0	0	0	0

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT



STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn		Hiện tại (30/5/2025)		Dự kiến sau đợt chào bán	
			Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /VĐL	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /VĐL	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /VĐL
	nhiệm Thiên Minh	làm Chủ tịch HĐQT						

+ Lợi ích có liên quan tới Tổ chức Phát hành

	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Cổ tức	Không có	10% cổ tức bằng cổ phiếu	12%
Lương thưởng khác (nếu có)	Không có	Thù lao: 300 triệu đồng	Thù lao: 400 triệu đồng

STT	Tên cá nhân	Năm sinh	Quốc tịch	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn		Hiện tại (30/5/2025)		Dự kiến sau đợt chào bán	
				Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /VĐL	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /VĐL	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /VĐL
2	Đinh Thị Hoa		Việt Nam	13.380.862	8.84%	21.968.458	15,96%	31.988.845	15,96%

+Số lượng và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần biểu quyết của Người có liên quan của bà Đinh Thị Hoa:

STT	Tên người có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn		Hiện tại (30/5/2025)		Dự kiến sau đợt chào bán	
			Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /VĐL	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /VĐL	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /VĐL
2.1	Đinh Hùng	Anh	0	0	112	0,0001%	134	0,0001%
2.2	Nguyễn Thị Bích Thu	Chị dâu	0	0	2.913	0,002%	3.496	0,002%
2.3	Đinh Dũng	Anh	0	0	788.892	0,47%	946.670	0,47%
2.4	Đỗ Kim Phụng	Chị dâu	0	0	240.957	0,14%	289.148	0,14%
2.5	Ngân hàng TMCP Á Châu	Bà Đinh Thị Hoa làm	0	0	0	0	0	0

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT



		Thành viên HĐQT						
2.6	Công ty CP Phim Thiên Ngân	Bà Đinh Thị Hoa làm Thành viên HĐQT	0	0	0	0	0	0
2.7	Công ty cổ phần Giải Trí và Giáo dục Galaxy	Bà Đinh Thị Hoa làm Thành viên HĐQT	0	0	0	0	0	0
2.8	Công ty Cổ phần Galaxy Play	Bà Đinh Thị Hoa làm Thành viên HĐQT	0	0	0	0	0	0

+ Lợi ích có liên quan tới Tổ chức Phát hành

	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
- Cổ tức	Không có	10% cổ tức bằng cổ phiếu	12%
- Lương thưởng khác (nếu có)	Không có	Thù lao: 250 triệu đồng	Không có

2.2. Cổ đông lớn là tổ chức

STT	Tên	Tại thời điểm trở thành cổ đông lớn		Hiện tại (30/5/2025)		Dự kiến sau đợt chào bán	
		Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /VĐL	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /VĐL	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /VĐL
1	Wardhaven Vietnam Fund	4.094.893	5,11%	9.780.355	5,86%	11.736.426	5,86%

Tên	Wardhaven Vietnam Fund
Năm thành lập	2017

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT



Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	CB2190
Quốc tịch	Hồng Kông, Việt Nam
Địa chỉ trụ sở chính	Ogier Global (Cayman) Limited, 89 Nexus Way, Camana Bay, Grand Cayman KY1-9009, Cayman Islands
Vốn điều lệ	50 triệu Đô la Mỹ
Người đại diện theo pháp luật/Chức vụ/ Người đại diện theo ủy quyền	Jonathon Ralph Alexander WAUGH/ Giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ chức Phát hành/ Chức vụ	Jonathon Ralph Alexander WAUGH/ Giám đốc
Số lượng cổ phiếu nắm giữ của những người có liên quan của cổ đông lớn	-
Tỷ lệ nắm giữ/ Tỷ lệ có quyền biểu quyết của những người có liên quan của cổ đông lớn	-
Lợi ích liên quan đối với Công ty	- Có quyền và nghĩa vụ như các cổ đông phổ thông của Công ty theo quy định của Luật doanh nghiệp - Lợi ích khác: không có

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

Bảng 34. Danh sách thành viên HĐQT của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Trung Hà	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Terence Ting	Phó chủ tịch HĐQT
3	Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên HĐQT
4	Bà Nguyễn Thanh Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
5	Ông Ngô Nhật Minh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
6	Ông Trần Vinh Quang	Thành viên HĐQT
7	Ông Huỳnh Minh Việt	Thành viên HĐQT

Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

3.1.1. Ông Nguyễn Trung Hà – Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Trung Hà
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh:
- Nơi sinh:
- CCCD:
- Quốc tịch: Việt Nam

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT



- 7 Dân tộc: Kinh
- 8 Địa chỉ thường trú:
- 9 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Toán
- 10 Quá trình công tác:
- Từ 1986 - 1993: Viện Cơ học – Chuyên viên
 - Từ 1988 - 1993: Công ty FPT – Giám đốc Tài chính
 - Từ 1994 - 1997: Ngân hàng TMCP Á Châu, chi nhánh Hà Nội - Giám đốc
 - Từ 1998 - 2002: Công ty Bất động sản TOGI - Tổng Giám đốc
 - Từ 2007 đến nay: CTCP Chứng khoán Thiên Việt – Chủ tịch HĐQT
 - Từ 2009 đến nay: Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam – Thành viên HĐQT
 - Từ 2016 đến nay: Công ty cổ phần Hồ Toàn – Chủ tịch HĐQT
 - Từ 2020 đến nay: CTCP xếp hạng tín nhiệm Thiên Minh - Chủ tịch HĐQT
- 11 Các chức vụ công tác hiện nay:
Chức vụ tại Tổ chức Phát hành: Chủ tịch HĐQT
Chức vụ tại tổ chức khác:
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam
 - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Hồ Toàn
 - Chủ tịch HĐQT CTCP xếp hạng tín nhiệm Thiên Minh
- 12 Tổng số CP nắm giữ 51.976.437 cổ phần, chiếm 31,12% vốn điều lệ. Trong đó:
- Cá nhân sở hữu: 51.976.437 cổ phần, chiếm 31,12% vốn điều lệ.
 - Đại diện tổ chức sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- 13 Các cam kết nắm giữ Không có
- 14 Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Tổ chức Phát hành:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ
1	Nguyễn Thị Việt Liên	Vợ	-	-
2	Nguyễn Lý Hiền Nga	Con	-	-
3	Nguyễn Hồ Linh Giang	Con	-	-
4	Dương Thị Mai	Mẹ vợ	-	-
5	Nguyễn Trung Anh	Anh	23.722	0,01%
6	Lê Thị Nguyên Phương	Chị dâu	-	-
7	Nguyễn Trung Thành	Em	136.908	0,08%
8	Nguyễn Thị Thu Hằng	Em dâu	-	-
9	Phan Châu Thành	Con rể	-	-
10	Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam	Ông Nguyễn Trung Hà làm Thành viên HĐQT	-	-
11	Công ty cổ phần Hồ Toàn	Ông Nguyễn Trung Hà làm CT HĐQT	-	-
12	Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Thiên Minh	Ông Nguyễn Trung Hà làm CT HĐQT	-	-

- 15 Các khoản nợ đối với Công ty: Không có



- 16 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty (chi tiết trình bày tại bảng 17)
- 17 Lợi ích liên quan khác đối với Công ty: Không có
- 18 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

3.1.2. Ông Terence Ting – Phó chủ tịch HĐQT

- 1 Họ và tên: Terence Ting
- 2 Giới tính: Nam
- 3 Ngày tháng năm sinh:
- 4 Nơi sinh:
- 5 CCCD:
- 6 Quốc tịch:
- 7 Dân tộc:
- 8 Địa chỉ thường trú:
- 9 Trình độ chuyên môn: Cử nhân và Thạc sĩ trường Đại học Cornell, Ithaca, New York, Mỹ
- 10 Quá trình công tác:
- Từ 10/1992 - 11/1996: Giám đốc đầu tư, Crosby Asset Management Ltd.,
 - Từ 1/1997 - 9/1999: Giám đốc Đầu tư/Phó Chủ tịch, Investor Asia Ltd.
 - Từ 9/1999 - 1/2001: Chief Operating Officer, Next Media Ltd.
 - Từ 1/2001 - 5/2004: Cố vấn Độc lập, Cố vấn thông tin và chiến lược đầu tư cho một công ty gia đình mới thành lập và cố vấn về chiến lược thương mại hóa sản phẩm cho 1 công ty công nghệ y tế của Úc
 - Từ 5/2004 - 7/2006: Senior Principal -Excelsior Capital Asia Ltd., Hong Kong
 - Từ 8/2006 - 6/2017: Giám đốc Điều hành- Goldman Sachs & Co. Hong Kong
 - Từ 10/2017 - nay: Thành viên HĐQT- CTCP Dịch vụ Di động Trực tuyến (“MService”)
 - Từ 3/2019 - 12/2020: Co-Head of Private Equity - Tybourne Capital Management (HK)Ltd.
 - Từ 1/2021 - nay: Cố vấn - Tybourne Capital Management (HK) Ltd.
 - Từ 4/2021 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT- CTCP Chứng khoán Thiên Việt
- 11 Các chức vụ công tác hiện nay:
- Chức vụ tại Tổ chức Phát hành: Phó Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác: - Thành viên HĐQT Ngân hàng ACB
- 12 Tổng số CP nắm giữ 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ.
- 13 Các cam kết nắm giữ Không có
- 14 Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Tổ chức Phát hành:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ
1	Ava TING FUNG Pui Yuk	Mẹ	-	-

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT



2	Grace Lu TING	Vợ	-	-
3	Aidan Jizhong TING	Con	-	-
4	Sebastian Jixiao TING	Con	-	-
5	Valence Private Investments Limited	Ông Terence Ting làm Giám đốc	-	-
6	CTCP Di động Trực tuyến/Online Mobile Services JSC	Ông Terence Ting làm Thành viên HĐQT	-	-

- 15 Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- 16 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty (chi tiết trình bày tại bảng 17)
- 17 Lợi ích liên quan khác đối với Công ty: Không có
- 18 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

3.1.3. Bà Bùi Thị Kim Oanh – thành viên HĐQT

- 1 Họ và tên: Bùi Thị Kim Oanh
- 2 Giới tính: Nữ
- 3 Ngày tháng năm sinh:
- 4 Nơi sinh:
- 5 CCCD:
- 6 Quốc tịch:
- 7 Dân tộc:
- 8 Địa chỉ thường trú:
- 9 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế tại Đức và MBA tại Thái Lan
- 10 Quá trình công tác:
- Từ 1984 - 1992: Tổng Công ty Bảo Việt– Chuyên viên
 - Từ 1994 - 2013: Văn phòng Đại diện Finansa - Trưởng Văn phòng Đại diện
 - Từ 2007 - nay: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt – Thành viên HĐQT
- 11 Các chức vụ công tác hiện nay:
- Chức vụ tại Tổ chức Phát hành: Thành viên HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- 12 Tổng số CP nắm giữ 1.615.858 cổ phần, chiếm 0,97% vốn điều lệ.
- 13 Các cam kết nắm giữ Không có
- 14 Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Tổ chức Phát hành:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ
1	Lê Đình Long	Chồng	-	-
2	Lê Thành Nam	Con trai	-	-
3	Bùi Ngọc Giao	Bố đẻ	-	-
4	Phạm Thị Nụ	Mẹ	-	-
5	Bùi Hồng Yến	Em gái	-	-

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT



6	Chăn Quyết Thắng	Em rể	-	-
7	Trương Thị Thu Trang	Con dâu	-	-
15	Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có		
16	Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty (chi tiết trình bày tại bảng 17)		
17	Lợi ích liên quan khác đối với Công ty:	Không có		
18	Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có		

3.1.4. Bà Nguyễn Thanh Thảo – thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- 1 Họ và tên: Nguyễn Thanh Thảo
 2 Giới tính: Nữ
 3 Ngày tháng năm sinh:
 4 Nơi sinh:
 5 CCCD:
 6 Quốc tịch:
 7 Dân tộc:
 8 Địa chỉ thường trú:
 9 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ ngành kinh tế
 10 Quá trình công tác:

▪ Từ 1998 - 2000:	Phụ trách Văn phòng luật sư Liebovitz & Do, Mỹ
▪ Từ 2000 - 2006:	Chuyên viên phân tích tài chính Ameritrust Capital Holdings, Mỹ
▪ Từ 2007 - 2008:	Trưởng phòng Phân tích CTCP Chứng khoán Thiên Việt
▪ Từ 2009 - nay:	Giám đốc chi nhánh TVS- HCM
▪ Từ 2013 - nay:	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị TVS
▪ Từ 05/2015 - nay:	Chủ tịch HĐQT CTCP Quản lý Quỹ Thiên Việt
▪ Từ 8/2020 - nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Finsight

- 11 Các chức vụ công tác hiện nay:
 Chức vụ tại Tổ chức Phát hành: Thành viên HĐQT
 Chức vụ tại tổ chức khác:
 - Chủ tịch HĐQT CTCP Quản lý Quỹ Thiên Việt
 - Chủ tịch HĐQT CTCP Finsight
 12 Tổng số CP nắm giữ 1.950.031 cổ phần, chiếm 1,17 % vốn điều lệ.
 13 Các cam kết nắm giữ Không có
 14 Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Tổ chức Phát hành:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ
1	Nguyễn Mạnh Cường	Cha	-	-
2	Nguyễn Thị Thanh Hương	Mẹ	-	-
3	Nguyễn Thanh Bình	Em	-	-
4	Nguyễn Evelyn	Con	-	-

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT



5	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt	Bà Nguyễn Thanh Thảo làm Chủ tịch HĐQT	-	-
6	Công ty cổ phần Finsight	Bà Nguyễn Thanh Thảo làm Chủ tịch HĐQT	-	-

- 15 Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- 16 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty (chi tiết trình bày tại bảng 17)
- 17 Lợi ích liên quan khác đối với Công ty: Không có
- 18 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

3.1.5. Ông Ngô Nhật Minh – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

- 1 Họ và tên: Ngô Nhật Minh
- 2 Giới tính: Nam
- 3 Ngày tháng năm sinh:
- 4 Nơi sinh:
- 5 CCCD:
- 6 Quốc tịch:
- 7 Dân tộc:
- 8 Địa chỉ thường trú:
- 9 Trình độ chuyên môn: - Kỹ sư Toán Ứng dụng (BAC+5) tại INSA Toulouse (Pháp)
- Thạc sĩ Cao cấp về Tài chính tại Toulouse Business School và ISAE (Pháp)
- 10 Quá trình công tác:
- Từ 2009-2015: Chuyên viên Phân tích cao cấp/Trưởng phòng tài chính - Tập đoàn Bouygues - Pháp
 - Từ 2016-2020: Giám đốc tài chính quốc gia - Tập đoàn Colas Rail – Pháp
 - Từ 2020-2022: Tổng Giám đốc - CTCP Xếp hạng tín nhiệm Thiên Minh
 - Từ 4/2023-nay: Phó Tổng Giám đốc - CTCP Chứng khoán Thiên Việt
 - Từ 4/2024 – nay: Thành viên HĐQT - CTCP Chứng khoán Thiên Việt
- 11 Các chức vụ công tác hiện nay:
- Chức vụ tại Tổ chức Phát hành: Thành viên HĐQT kiêm phó tổng giám đốc
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- 12 Tổng số CP nắm giữ: 201.247 cổ phần, chiếm 0,12% vốn điều lệ.
- 13 Các cam kết nắm giữ: Không có
- 14 Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Tổ chức Phát hành:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ
1	Mai Thanh Nga	Vợ	24.906	0,015%
2	Ngô Nhật Đăng	Con trai	-	-



3	Ngô Phương Vy	Con gái	-	-
4	Hà Thị Kim Hạnh	Mẹ đẻ	-	-
5	Ngô Thế Khanh	Bố đẻ	-	-
6	Trịnh Minh Đức	Anh trai	-	-
7	Mai Công Mừng	Bố vợ	-	-
8	Hoàng Thị Thanh Hương	Mẹ vợ	-	-
9	Mai Hoàng Công Minh	Anh rể	-	-
10	Đinh Thị Lan Hương	Chị dâu	-	-
11	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt	Ông Ngô Nhật Minh làm Thành viên HĐQT	-	-

- 15 Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- 16 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty (chi tiết trình bày tại bảng 17)
- 17 Lợi ích liên quan khác đối với Công ty: Không có
- 18 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

3.1.6. Ông Trần Vinh Quang – thành viên HĐQT

- 1 Họ và tên: Trần Vinh Quang
- 2 Giới tính: Nam
- 3 Ngày tháng năm sinh:
- 4 Nơi sinh:
- 5 CCCD:
- 6 Quốc tịch:
- 7 Dân tộc:
- 8 Địa chỉ thường trú:
- 9 Trình độ chuyên môn: - Cử nhân Tài chính Kế toán, Đại học New South Wales, Úc
- ACCA và CFA
- 10 Quá trình công tác:
- Từ 7/2005 - 7/2007: Phòng Tài chính Kế toán, Công ty Unilever Việt Nam
 - Từ 7/2007 - 9/2010: Trưởng phòng quản lý danh mục, CTCP Quản lý Quỹ Bản Việt
 - Từ 9/2010 - 6/2015: Giám đốc đầu tư, CTCP Chứng khoán Thiên Việt
 - Từ 06/2015 – nay: Tổng giám đốc CTCP Quản lý Quỹ Thiên Việt (TVAM)
 - Từ 4/2024 – nay: Thành viên HĐQT – CTCP Chứng khoán Thiên Việt
- 11 Các chức vụ công tác hiện nay:
- Chức vụ tại Tổ chức Phát hành: Thành viên HĐQT
- Chức vụ tại tổ chức khác: Tổng giám đốc CTCP Quản lý Quỹ Thiên Việt (TVAM)
- 12 Tổng số CP nắm giữ 344.681 cổ phần, chiếm 0,21% vốn điều lệ.
- 13 Các cam kết nắm giữ Không có



14 Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Tổ chức Phát hành:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ
1	Trần Xuân Đài	Bố	-	-
2	Đặng Thị Minh Cừ	Mẹ	-	-
3	Trần Thị Hồng Hạnh	Chị	-	-
4	Trần Đại Phúc	Anh	-	-
5	Trần Thị Thanh Xuân	Em	-	-
6	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Vợ	-	-
7	Trần Bảo Khang	Con	-	-
8	Nguyễn Giang Hoài	Bố vợ	-	-
9	Nguyễn Thị Thu	Mẹ vợ	-	-
10	Nguyễn Ngọc Hiếu	Em vợ	-	-
11	Vũ Hồng Dân	Em rể	-	-
12	CTCP Quản lý Quỹ Thiên Việt	Ông Trần Vinh Quang là Tổng giám đốc	-	-
	Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	Ông Trần Vinh Quang là Người điều hành Quỹ	-	-
14	Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4	Ông Trần Vinh Quang là Người điều hành Quỹ	-	-

- 15 Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- 16 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty (chi tiết trình bày tại bảng 17)
- 17 Lợi ích liên quan khác đối với Công ty: Không có
- 18 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

3.1.7. Ông Huỳnh Minh Việt – thành viên HĐQT

- 1 Họ và tên: Huỳnh Minh Việt
- 2 Giới tính: Nam
- 3 Ngày tháng năm sinh:
- 4 Nơi sinh:
- 5 CCCD:
- 6 Quốc tịch:
- 7 Dân tộc:
- 8 Địa chỉ thường trú:
- 9 Trình độ chuyên môn:
- Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Kỹ thuật Công nghiệp tại Đại học Stanford
 - MBA, Harvard Business School
- 10 Quá trình công tác:
- Từ 7/2007 - 7/2009: Morgan Stanley Investment Management, Chuyên viên Mua bán Sáp nhập
 - Từ 8/2009 - 6/2010: Morgan Stanley Investment Management, Chuyên viên
 - Từ 2004 - 2012: SealNet: Đồng sáng lập viên



- Từ 2004 - 2012: VietAbroad Organization, Giám đốc
 - Từ 2012 – 2013: Ecopark Township Development, Giám đốc Đầu tư
 - Từ 2014 – 2016: BioSpring, Tổng Giám đốc
 - Từ 1/2017 – nay: Nha khoa Kim, Thành viên HĐQT
 - Từ 1/2017 – nay: IDS Equity Holdings, Thành viên HĐQT
 - Từ 6/2013 – nay: Ivy School, Đồng Sáng lập viên, Tổng Giám đốc
 - Từ 3/2017 – nay: Công ty CP Leadvisorsanei Hospitality Holdings, Tổng Giám đốc
 - Từ 11/2017 – nay: WECARE 247, Đồng Sáng lập viên
 - Từ 6/2019 – nay: IOFFICE Thành viên HĐQT
 - Từ 2/2019 – nay: TNB AURA Venture Partner
 - Từ 4/2024 – nay: Thành viên HĐQT – CTCP Chứng khoán Thiên Việt
- 11 Các chức vụ công tác hiện nay:
Chức vụ tại Tổ chức Phát hành: Thành viên HĐQT
Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- 12 Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- 13 Các cam kết nắm giữ: Không có
- 14 Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Tổ chức Phát hành:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ
1	Nguyễn Thị Mai Anh	Vợ	-	-
2	Huỳnh Nguyễn Minh Anh	Con	-	-
3	Huỳnh Nguyễn Thị Phương	Con	-	-
4	Huỳnh Minh Đạo	Con	-	-
5	Huỳnh Trung	Bố	-	-
6	Nguyễn Thị Hoa	Mẹ	-	-
7	Huỳnh Minh Phước	Anh	-	-
8	Huỳnh Minh Vương	Em	-	-
9	Nguyễn Văn Việt	Bố vợ	-	-
10	Nguyễn Thị Nhiên	Mẹ vợ	-	-
11	Công ty CP Leadvisorsanei Hospitality Holdings	Ông Huỳnh Minh Việt là Tổng giám đốc, TV HĐQT	-	-
12	Công ty CP One Capital Hospitality	Ông Huỳnh Minh Việt là TV HĐQT	-	-
13	Công ty CP Ioffice	Ông Huỳnh Minh Việt là TV HĐQT	-	-
14	Công ty CP Wecare 247	Ông Huỳnh Minh Việt là TV HĐQT	-	-

- 15 Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- 16 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty (chi tiết trình bày tại bảng 17)



- 17 Lợi ích liên quan khác đối với Công ty: Không có
- 18 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

3.2. Thông tin về Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng

Bảng 35. Danh sách Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thanh Thảo	Tổng Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị
2	Ông Ngô Nhật Minh	Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị
3	Ông Bùi Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc cấp cao
4	Ông Đỗ Minh Tiến	Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng
5	Ông Đỗ Việt Hùng	Trưởng Ban kiểm soát
6	Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát
7	Ông Bùi Thế Toàn	Thành viên Ban kiểm soát

Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

3.2.1. Bà Nguyễn Thanh Thảo – Tổng giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị

Đã trình bày tại mục IV.10.1.4

3.2.2. Ông Ngô Nhật Minh - Phó Tổng giám đốc kiêm thành viên Hội đồng quản trị

Đã trình bày tại mục IV.10.1.5

3.2.3. Ông Bùi Thành Trung – Phó tổng Giám đốc cấp cao

- 1 Họ và tên: Bùi Thành Trung
- 2 Giới tính: Nam
- 3 Ngày tháng năm sinh:
- 4 Nơi sinh:
- 5 CCCD:
- 6 Quốc tịch:
- 7 Dân tộc:
- 8 Địa chỉ thường trú:
- 9 Trình độ chuyên môn:
- 10 Quá trình công tác:
 - Từ 01/2000-02/2001: Trợ lý giám đốc marketing Công ty Fuji Xerox Việt nam
 - Từ 02/2001-04/2005: Trợ lý giám đốc kinh doanh, Công ty Sojitz Việt nam
 - Từ 04/2005-02/2015: Giám đốc kinh doanh thị trường tài chính, Ngân hàng Standard Chartered Việt nam
 - Từ 03/2015-07/2022: Phó Tổng giám đốc ngân hàng Standard Chartered Việt nam
 - Từ 07/2022-05/2024: Phó Tổng giám đốc cấp cao, CTCP Chứng khoán Thiên Việt
 - Từ 09/2024 – nay:
- 11 Các chức vụ công tác hiện nay:

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT



- Chức vụ tại Tổ chức Phát hành: Phó Tổng giám đốc cấp cao
 Chức vụ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT, Công ty Finsight
- 12 Tổng số CP nắm giữ 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- 13 Các cam kết nắm giữ Không có
- 14 Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Tổ chức Phát hành:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ
1	Bùi Văn Tham	Bố	-	-
2	Lê Thanh Hằng	Mẹ	-	-
3	Bùi Tiến Thành	Anh trai	-	-
4	Bùi Mạnh Dũng	Em trai	-	-
5	Nguyễn Thị Phương Mai	Em dâu	-	-
6	Đào Thị Thùy Dung	Vợ	-	-
7	Bùi Thu Hương	Con	-	-
8	Bùi Minh Châu	Con	-	-
9	Lý Thị Hòa	Mẹ vợ	-	-
10	Đào Ngọc Uẩn	Bố vợ	-	-

- 15 Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- 16 Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty (chi tiết trình bày tại bảng 17)
- 17 Lợi ích liên quan khác đối với Công ty: Không có
- 18 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

3.2.4. Ông Đỗ Minh Tiến – Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

- 1 Họ và tên: Đỗ Minh Tiến
- 2 Giới tính: Nam
- 3 Ngày tháng năm sinh:
- 4 Nơi sinh:
- 5 CCCD:
- 6 Quốc tịch:
- 7 Dân tộc:
- 8 Địa chỉ thường trú:
- 9 Trình độ chuyên môn: Đại Học
- 10 Quá trình công tác:
- Từ 2010 – 2015 Phó phòng kiểm toán, Công ty TNHH KPMG
 - Từ 2016 – 2020 Trưởng phòng tài chính cấp cao, CTCP Dịch vụ Di động Trực tuyến (M_Service)
 - Từ 2020 – 2021; 2023 Trưởng phòng tài chính cấp cao, CTCP Galaxy Education
 - Từ 6/2024 – 12/2024 Trưởng phòng tài chính cấp cao, CTCP Chứng khoán Thiên Việt



- Từ 12/2024 – nay: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán Trưởng, CTCP Chứng khoán Thiên Việt
- 11 Các chức vụ công tác hiện nay:
Chức vụ tại Tổ chức Phát hành: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán Trưởng
Chức vụ tại tổ chức khác: Không
- 12 Tổng số CP nắm giữ 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- 13 Các cam kết nắm giữ Không có
- 14 Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Tổ chức Phát hành:
- | Stt | Họ và tên | Mối quan hệ | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ trên Vốn điều lệ |
|-----|---------------------|-------------|------------------|------------------------|
| 1 | Đỗ Minh Việt | Bố | - | - |
| 2 | Nguyễn Thị Kim Dung | Mẹ | - | - |
| 3 | Đỗ Minh Tuấn | Em trai | - | - |
- 15 Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- 16 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty (chi tiết trình bày tại bảng 17)
- 17 Lợi ích liên quan khác đối với Công ty: Không có
- 18 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

3.2.5. Ông Đỗ Việt Hùng – Trưởng ban kiểm soát

- 1 Họ và tên: Đỗ Việt Hùng
- 2 Giới tính: Nam
- 3 Ngày tháng năm sinh:
- 4 Nơi sinh:
- 5 CCCD:
- 6 Quốc tịch:
- 7 Dân tộc:
- 8 Địa chỉ thường trú:
- 9 Trình độ chuyên môn: - MBA INSEAD (Fontainebleau Pháp)
- 10 Quá trình công tác:
- Từ 1983 - 1987: Giám đốc Điều hành Group I.F.P. France, Tập đoàn I.F.P (Viện dầu khí của Pháp)
 - Từ 1988 - 1994: Giám đốc điều hành McKinsey & Company Inc
 - Từ 1994 - 1997: Trưởng Đại diện VietNamVest tại Việt Nam-VietNamVest, (công ty quản lý quỹ Lazard Vietnam Fund) trực thuộc Lazard Asia (Singapore)
 - Từ 1997 - 1998: Giám đốc Điều hành-McKinsey & Company Inc., Hội sở khu vực Đông Nam Á, thường trú tại Bangkok, Thái Lan
 - Từ 1998 - 1999: Giám đốc điều hành- A.T. Kearney Pte. Ltd, Hội sở khu vực Đông Nam Á, thường trú tại Singapore
 - Từ 1999 - 2006: Thành viên sáng lập và Tổng Giám đốc - Công ty quản lý tài sản và tư vấn Tonson Capital (Thái Lan)



- Từ 2006 – nay: Thành viên Sáng lập và Chủ tịch HĐQT - CTCP Quản lý Đầu tư Long Vân
 - Từ 2007 – nay: Trưởng Ban Kiểm Soát CTCP Chứng khoán Thiên Việt
 - Từ 2010 – nay: Thành viên HĐQT - CTCP Marketing Mặt Trời Vàng (Goldsun)
 - Từ 2014- nay: Thành viên HĐQT Độc lập - CTCP Truyền Thông Tập Trung Mặt Trời Vàng (Goldsun Focus Media)
 - Từ 2020 – nay: Thành viên HĐQT Độc lập - CTCP Truyền Thông Ảnh Mặt Trời Vàng (Goldsun Framedia)
- 11 Các chức vụ công tác hiện nay:
 Chức vụ tại Tổ chức Phát hành: Trưởng ban kiểm soát
 Chức vụ tại tổ chức khác:
- Thành viên Sáng lập và Chủ tịch HĐQT - CTCP Quản lý Đầu tư Long Vân
 - Thành viên HĐQT - CTCP Marketing Mặt Trời Vàng (Goldsun)
 - Thành viên HĐQT Độc lập - CTCP Truyền Thông Tập Trung Mặt Trời Vàng (Goldsun Focus Media)
 - Thành viên HĐQT Độc lập - CTCP Truyền Thông Ảnh Mặt Trời Vàng (Goldsun Framedia)
- 12 Tổng số CP nắm giữ 22.643 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
- 13 Các cam kết nắm giữ Không có
- 14 Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Tổ chức Phát hành:
- | Stt | Họ và tên | Mối quan hệ | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ trên Vốn điều lệ |
|-----|--|--|------------------|------------------------|
| 1 | Lâm Thị Tú Kiều | Vợ | - | - |
| 2 | Đỗ Thị Tuyết Hương | Em | - | - |
| 3 | CTCP Marketing Mặt trời Vàng (Goldsun) | Ông Đỗ Việt Hùng làm Thành viên HĐQT | - | - |
| 4 | Công ty Truyền thông Tập trung Mặt trời vàng (Goldsun Focus Media) | Ông Đỗ Việt Hùng làm Thành viên HĐQT độc lập | - | - |
| 5 | CTCP Truyền thông Ảnh mặt trời vàng (Goldsun Framedia) | Ông Đỗ Việt Hùng làm Thành viên HĐQT | - | - |
| 6 | CTCP Quản lý quỹ Đầu tư Long Vân | Ông Đỗ Việt Hùng làm CT HĐQT | - | - |
| 7 | Đỗ Tuyết Lan | Chị ruột | - | - |
| 8 | Trần Thoại Duy Bảo | Anh rể | - | - |
| 9 | Đỗ Việt Tâm | Em ruột | - | - |
| 10 | Nguyễn Thị Mai Anh | Em dâu | - | - |
| 11 | Lâm Minh Pháo | Bố vợ | - | - |
| 12 | Quách Thị Thuỳ | Mẹ vợ | - | - |
- 15 Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- 16 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty (chi tiết trình bày tại bảng 17)



- 17 Lợi ích liên quan khác đối với Công ty: Không có
- 18 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

3.2.6. Bà Trần Thị Hồng Nhung – thành viên Ban kiểm soát

- 1 Họ và tên: Trần Thị Hồng Nhung
- 2 Giới tính: Nữ
- 3 Ngày tháng năm sinh:
- 4 Nơi sinh:
- 5 CCCD:
- 6 Quốc tịch:
- 7 Dân tộc:
- 8 Địa chỉ thường trú:
- 9 Trình độ chuyên môn: - Cử nhân, ĐH Kinh tế TP.HCM
- 10 Quá trình công tác:
- Từ 2002-8/2007: Nhân viên kế toán Công ty SADACO
 - Từ 9/2007 đến 8/2022: Trưởng Bộ phận Quản trị Rủi ro CTCP Chứng khoán Thiên Việt
 - Từ 9/2007 đến nay: Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Chứng khoán Thiên Việt
 - Từ 2015 đến nay: Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Quản lý Quỹ Thiên Việt
 - Từ 2017- nay: Giám đốc Công ty cổ phần Finsight
- 11 Các chức vụ công tác hiện nay:
- Chức vụ tại Tổ chức Phát hành: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ tại tổ chức khác:
- Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Quản lý Quỹ Thiên Việt (TVAM)
 - Giám đốc Công ty cổ phần Finsight
- 12 Tổng số CP nắm giữ 476.038 cổ phần, chiếm 0,29 % vốn điều lệ.
- 13 Các cam kết nắm giữ Không có
- 14 Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Tổ chức Phát hành:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ
1	Hồ Thị Thanh Tuyết	Mẹ	-	-
2	Phùng Quán	Chồng	-	-
3	Phùng Nam Khánh	Con trai	-	-
4	Phùng Vân Khánh	Con gái	-	-
5	Trần Thị Tuyết Nhung	Em	-	-
6	Nguyễn Văn Thanh Phương	Em rể	-	-
7	Trần Quốc Cường	Em trai	-	-
8	Lê Thị Thắm	Em dâu	-	-
9	Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt	Bà Trần Thị Hồng Nhung làm Trưởng	-	-



		BKS		
10	Công ty Cổ phần Camellia Wealth	Bà Trần Thị Hồng Nhung làm Thành viên HĐQT	-	-
11	Công ty CP Finsight	Bà Trần Thị Hồng Nhung làm Thành viên HĐQT	-	-
12	Phùng Tiết	Ba chồng	-	-
13	Nguyễn Thị Chít	Mẹ chồng	-	-

- 15 Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
- 16 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty (chi tiết trình bày tại bảng 17)
- 17 Lợi ích liên quan khác đối với Công ty: Không có
- 18 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

3.2.7. Ông Bùi Thế Toàn – thành viên Ban kiểm soát

- 1 Họ và tên: Bùi Thế Toàn
- 2 Giới tính: Nam
- 3 Ngày tháng năm sinh:
- 4 Nơi sinh:
- 5 CCCD:
- 6 Quốc tịch:
- 7 Dân tộc:
- 8 Địa chỉ thường trú:
- 9 Trình độ chuyên môn: - Thạc sĩ kinh tế
- 10 Quá trình công tác:
- Từ 10/2003 - 09/2005: Kiểm toán, DFK Việt Nam
 - Từ 10/2005 - 03/2008: Kiểm toán, Ernst & Young
 - Từ 04/2008 - 09/2009: Trưởng Kiểm toán nội bộ, Marico
 - Từ 10/2009 - 01/2019: Quản lý cấp cao – Dịch vụ tư vấn rủi ro, Ernst & Young
 - Từ 01/2019 - 03/2021: Giám đốc Tài chính, DMSpro JSC
 - Từ 04/2021 - 07/2022: Quản lý cấp cao – Dịch vụ tư vấn rủi ro, Deloitte
 - Từ 08/2022 – 11/2023: Giám đốc Quản trị Rủi ro- CTCP Chứng khoán Thiên Việt
 - Từ 11/2023 – nay: Trưởng Bộ phận Kiểm toán Nội bộ - CTCP Chứng khoán Thiên Việt
- 11 Các chức vụ công tác hiện nay:
- Chức vụ tại Tổ chức Phát hành: Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Trưởng Bộ phận Kiểm toán Nội bộ
- Chức vụ tại tổ chức khác: Không có
- 12 Tổng số CP nắm giữ: 11,000 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.



- 13 Các cam kết nắm giữ Không có
14 Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của Tổ chức Phát hành:

Stt	Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ
1	Dương Thị Kim Ngân	Vợ	-	-
2	Bùi Thế Khang	Con	-	-
3	Bùi Thế Anh	Con	-	-
4	Bùi Thế Vĩnh	Bố đẻ	-	-
5	Phạm Thị Minh Hưng	Mẹ đẻ	-	-
6	Bùi Thị Hạnh Trinh	Chị gái	-	-
7	Huỳnh Văn Hiệp	Anh rể	-	-
8	Bùi Thị Thùy Trang	Chị gái	-	-
9	Dương Quốc Toàn	Anh rể	-	-
10	Bùi Thế Huy	Anh trai	-	-
11	Lê Thị Thu Hà	Chị dâu	-	-
12	Bùi Thị Ngọc Dung	Chị gái	-	-
13	Nguyễn Thị Kim Loan	Mẹ vợ	-	-

- 15 Các khoản nợ đối với Công ty: Không có
16 Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên hàng năm và Quy chế lao động Công ty (chi tiết trình bày tại bảng 17)
17 Lợi ích liên quan khác đối với Công ty: Không có
18 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

3.3. Thông tin về lợi ích liên quan của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng

Bảng 36. Tổng thu nhập của Ban Kiểm soát, Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc nhận được từ Tổ chức Phát hành

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Ông Nguyễn Trung Hà	Chủ tịch HĐQT	-	300	400
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên HĐQT	-	200	300
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	2.206	2.849	3.495
Ông Ngô Nhật Minh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	-	-	200
Ông Trần Vinh Quang	Thành viên HĐQT	-	-	200
Ông Huỳnh Minh Việt	Thành viên HĐQT	-	-	200
Bà Đinh Thị Hoa	Thành viên HĐQT (*)	-	250	-
Ông Phạm Hồng Hải	Thành viên HĐQT (*)	-	200	-

BẢN CÁO BẠCH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT



Ông Nguyễn Nam Sơn	Thành viên HĐQT (*)	-	200	-
Ông Phan Minh Tâm	Thành viên HĐQT (*)	-	200	-
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên HĐQT (*)	-	200	-
Ông Đỗ Việt Hùng	Trưởng Ban kiểm soát	-	230	300
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên Ban kiểm soát	-	110	130
Ông Bùi Thế Toàn	Thành viên Ban kiểm soát	-	110	130
Bà Đồng Thị Phương Liên	Thành viên Ban kiểm soát (*)	-	50	-

(*) Đã miễn nhiệm năm 2024

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại Cổ phiếu

Cổ phiếu được chào bán là loại phổ thông.

2. Mệnh giá Cổ phiếu

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu

3. Tổng số lượng Cổ phiếu chào bán

33.399.054 Cổ phiếu

4. Tổng giá trị Cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

333.990.540.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm ba mươi ba tỷ chín trăm chín mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn).

5. Giá chào bán dự kiến

Giá chào bán dự kiến của mỗi cổ phiếu là 10.000 (mười nghìn) đồng/cổ phiếu.

6. Phương pháp tính giá

Mức giá chào bán cổ phiếu là mức giá do ĐHĐCĐ thông qua.

7. Phương thức phân phối: Chào bán thêm cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua

1.	Số lượng cổ phần chào bán	- Tối đa 33.399.054 cổ phiếu Số lượng cổ phần chào bán cho cổ đông hiện hữu căn cứ theo tỷ lệ chào bán trên số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty và thực hiện theo phương pháp làm tròn xuống.
2.	Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá	- Tối đa 333.990.540.000 đồng.



3.	Giá chào bán	10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần
4.	Tỷ lệ thực hiện quyền	<p>100:20</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại ngày chốt danh sách để thực hiện quyền, 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền mua. - Mỗi cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông nắm giữ 100 cổ phiếu sẽ được hưởng 100 quyền mua, mỗi 100 quyền mua được mua 20 cổ phiếu chào bán thêm.)
5.	Phương thức chào bán	- Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua.
6.	Đối tượng chào bán	- Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Công ty tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm được lập bởi Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam.
7.	Chuyển nhượng quyền mua	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho bên khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 lần (người nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng cho bên thứ ba). Bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng, thanh toán tiền và chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định liên quan đến việc chuyển nhượng. <p>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 200 cổ phần, sẽ được hưởng 200 quyền mua. Có đông A có thể chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư B và chuyển nhượng 100 quyền mua cho nhà đầu tư C. Nhà đầu tư B và C không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cho bên thứ ba</p>



8.	<p>Phương án xử lý cổ phiếu lẻ (nếu có), cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết do cổ đông không đăng ký mua hoặc có đăng ký mua nhưng không nộp hoặc nộp không đủ tiền trong thời gian quy định</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Số cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ thập phân (nếu có) sẽ được hủy bỏ. - Số cổ phiếu dôi ra do làm tròn, số cổ phiếu còn dư do cổ đông không đăng ký mua và số cổ phiếu do cổ đông có đăng ký mua nhưng không nộp hoặc nộp không đủ tiền trong thời gian quy định thì ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT phân phối cho cổ đông hiện hữu và các đối tượng khác có nhu cầu mua, đảm bảo việc phân phối cổ phiếu này đáp ứng tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lên phương án phân phối số lượng cổ phiếu này cho các đối tượng nêu trên với nguyên tắc giá bán không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu. - Trong trường hợp, HĐQT không phân phối hết số lượng cổ phiếu này thì số lượng còn dư không chào bán hết sẽ được hủy và HĐQT ra quyết định kết thúc đợt chào bán. - Khi xử lý cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết do cổ đông không đăng ký mua hoặc có đăng ký mua nhưng không nộp hoặc nộp không đủ tiền, Công ty cam kết tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán. <p>Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách, Cổ đông A sở hữu 202 cổ phần, sẽ được hưởng 202 quyền mua. Khi đó, số cổ phần chào bán thêm cổ đông A được mua như sau: $(202 \times 20) / 100 = 40,4$ cổ phần. Sau khi làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phần mà Cổ đông A được quyền mua là 40 cổ phần, số cổ phiếu lẻ phát sinh là 0,4 cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ.</p>
10.	<p>Hạn chế chuyển nhượng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ phần chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không bị hạn chế chuyển nhượng. - Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phần đang trong tình trạng hạn chế chuyển nhượng vẫn được nhận



		quyền mua cổ phần. Số lượng cổ phần mua thêm từ quyền mua không bị hạn chế chuyển nhượng. - Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết cho cổ đông hiện hữu khi được chào bán cho Nhà đầu tư khác sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo đúng quy định tại Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.
11.	Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu	Không áp dụng.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

a. Thời hạn đăng ký mua

Trong thời hạn tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, cổ đông thuộc Danh sách cổ đông được chốt tại ngày đăng ký cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định. Công ty sẽ công bố chính thức thời hạn đăng ký mua tại bản thông báo phát hành, sau khi Công ty được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng.

b. Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu của một nhà đầu tư: 01 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu nhà đầu tư có thể đăng ký mua là số lượng cổ phiếu nhà đầu tư được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

c. Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phiếu:

- (i) Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phiếu tại các Công ty chứng khoán: Các cổ đông đăng ký tại Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản lưu ký;
- (ii) Đối với cổ đông chưa lưu ký cổ phiếu tại các Công ty chứng khoán: Các cổ đông đăng ký mua tại trụ sở Công ty;
- (iii) Tiền mua cổ phiếu được nộp vào tài khoản phong tỏa.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được phân phối trong năm 2025, sau khi Công ty được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng theo quy định. Thời gian phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực. Trường hợp do các nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành việc phân phối chứng khoán trong thời hạn này, Công ty sẽ xin phép UBCKNN gia hạn việc phân phối chứng khoán nhưng tối đa không quá 30 (ba mươi) ngày.

Lịch trình phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu dự kiến như sau:

STT	Công việc	Thời gian (ngày)
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu	T



STT	Công việc	Thời gian (ngày)
2	Công bố thông tin về đợt chào bán theo quy định	T+1 đến T+7
3	Gửi hồ sơ đến VSDC, HSX thông báo về việc thực hiện quyền cho cổ đông của Công ty gồm thông tin các ngày cụ thể như: ngày đăng ký cuối cùng, thời gian đăng ký mua/ thực hiện quyền (Trong trường hợp này ngày đăng ký cuối cùng dự kiến là T+13)	T+1 đến T+3
4	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu	T+13
5	Nhận danh sách tổng hợp cổ đông sở hữu được phân bổ quyền từ VSDC	T+15
6	Gửi thông báo xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán cho VSDC	T+18
7	Cổ đông đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu	T+20 đến T+40
8	HĐQT phân phối số cổ phiếu do cổ đông không đăng ký mua và số cổ phiếu do cổ đông có đăng ký mua nhưng không nộp hoặc nộp không đủ tiền trong thời gian quy định (nếu có)	T+41 đến T+43
9	Báo cáo kết quả chào bán	T+44 đến T+54
10	Chuyển giao cổ phiếu cho nhà đầu tư	Trong vòng 30 ngày sau ngày hoàn tất đợt chào bán
11	Hoàn tất thủ tục lưu ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu	T+44 đến T+65

Trên đây là lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu. Tuy nhiên, tùy tình hình thị trường, HĐQT sẽ điều chỉnh lịch trình phân phối cho phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty; đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và đảm bảo việc chào bán được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.

10. Phương thức thực hiện quyền

Công ty thực hiện chào bán cổ phiếu cho tất cả các cổ đông hiện hữu được đề cập tại Điều 7.7.1 nêu trên theo tỷ lệ cổ phiếu hiện có tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền.

Cổ đông sau khi nhận được thông báo về việc phân bổ quyền mua cổ phiếu sẽ được thực hiện quyền mua và đăng ký mua cổ phiếu theo hướng dẫn tại Bản cáo bạch này và các thông báo tiếp theo.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Số cổ phiếu do cổ đông hiện hữu mua theo quyền mua được tự do chuyển nhượng.
- Số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp hoặc nộp không đủ tiền mua được HĐQT phân phối lại cho các cổ đông hiện hữu và nhà đầu tư khác có nhu cầu mua (không bao gồm các cổ đông đã có cam kết không thực hiện quyền mua) nêu trên thì sẽ bị hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định tại Khoản 2 Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu sẽ được nhận qua tài khoản phong tỏa:

Tên người thụ hưởng: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

Số tài khoản: 8603366888

Mở tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam -Chi nhánh Đông Hà Nội

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Không có

14. Hủy bỏ đợt chào bán

Không có

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Hiện tại tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty được xác định tối đa là 49% theo quy định của pháp luật.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 24/03/2025, tỷ lệ sở hữu nước ngoài hiện tại là 21,71%. Khi thực hiện phân phối lại số cổ phiếu cổ đông không đăng ký mua, không nộp hoặc nộp không đủ tiền mua được HĐQT phân phối lại cho các nhà đầu tư khác, HĐQT phối hợp với VSDC trong việc đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty tuân thủ theo các quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 Luật Chứng khoán và khoản 5 Điều 139 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020.

16. Các loại thuế có liên quan

(i) Đối với Công ty:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 20% áp dụng kể từ ngày 01/01/2016.
- Thuế giá trị gia tăng (VAT): Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

(ii) Đối với Nhà đầu tư:

- **Nhà đầu tư cá nhân: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán**
 - + Đối với nhà đầu tư trong nước, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 16, Thông tư 92/2015/TT - BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính; khoản 4a Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT – BTC ngày 27/6/2013 của



Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ khoản 5 Điều 16 Thông tư số 156/2013/TT - BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.

- + Đối với nhà đầu tư nước ngoài thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0,1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.

- Nhà đầu tư tổ chức: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán

- + Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu thập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.
- + Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.

17. Thông tin về các cam kết

Công ty cam kết có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ để đăng ký, lưu ký chứng khoán bổ sung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam và đăng ký niêm yết/giao dịch bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán nơi Công ty đang niêm yết cổ phiếu đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu được phát hành thêm trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu.

Kế hoạch đăng ký niêm yết/giao dịch trên hệ thống chứng khoán đối với cổ phiếu chào bán thêm được Công ty thực hiện theo trình tự, thủ tục đã được pháp luật quy định, cụ thể:

STT	Nội dung	Thời gian thực hiện
1	Tổ Chức Phát Hành nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu bổ sung cho SGDCK TP. Hồ Chí Minh theo quy định của Luật Chứng khoán	Thực hiện đồng thời với việc nộp hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
2	Tổ Chức Phát Hành thực hiện, lưu ký bổ sung cổ phiếu tại VSDC	Sau khi cổ phiếu phát hành, báo cáo kết quả phát hành tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
3	Tổ Chức Phát Hành hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu bổ sung	Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành thêm cổ phiếu và sau khi lưu ký bổ sung cổ phiếu tại VSDC
4	SGDCK TP. Hồ Chí Minh có quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu bổ sung	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành nộp đầy đủ và hợp lệ các hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu bổ sung
5	Tổ Chức Phát Hành đưa cổ phiếu vào niêm yết/ giao dịch	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày SGDCK ban hành quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu bổ sung, Tổ Chức Phát Hành đăng ký ngày giao dịch cho số lượng cổ



STT	Nội dung	Thời gian thực hiện
		phiếu mới và hoàn tất các thủ tục để đưa cổ phiếu mới vào giao dịch.

18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán trong cùng đợt

Không có

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Mục đích chào bán nhằm bổ sung nguồn vốn cho các hoạt động của Công ty trên cơ sở Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được ĐHĐCĐ thông qua. Số tiền thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để bổ sung toàn bộ cho hoạt động đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của công ty.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng để bổ sung toàn bộ cho hoạt động đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ, hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi của công ty. Cụ thể:

- Bổ sung cho hoạt động đầu tư hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi: 260.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tỷ đồng)
- Phần còn lại 73.990.540.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi ba tỷ chín trăm chín mươi triệu năm trăm bốn mươi nghìn) sẽ được giữ lại và phân bổ theo tình hình hoạt động kinh doanh của công ty vào từng thời kỳ nhưng vẫn đảm bảo trong phạm vi phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua, đảm bảo lợi ích tốt nhất cho công ty và cổ đông. HĐQT sẽ báo cáo về tình hình sử dụng vốn tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên gần nhất.

Thời gian sử dụng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán dự kiến trong Quý II/2025 và/hoặc Quý III/2025, sau khi có chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

ĐHĐCĐ đã ủy quyền cho HĐQT quyết định chi tiết nội dung của phương án chào bán và phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế phương án chào bán và phương án sử dụng vốn nếu xét thấy cần thiết căn cứ trên nhu cầu hoạt động của Công ty hoặc yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cân đối và sử dụng vốn phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, lợi ích của các Cổ đông trên nguyên tắc giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số tiền thu được từ đợt chào bán theo quy định của pháp luật hiện hành và báo cáo ĐHĐCĐ gần nhất về các điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.

Phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán: Công ty sẽ sử dụng linh hoạt các nguồn vốn khác của Công ty hoặc huy động từ các nguồn hợp lệ khác nhằm bù đắp phần vốn còn thiếu để thực hiện mục đích sử dụng vốn nêu trên.



IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN
CÔNG TY TNHH PwC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (+84 28) 3823 0796

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 2, Đường Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (+84 28) 3629 7576

X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH (CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG), TỔ CHỨC TƯ VẤN

(Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống)

Hà Nội, ngày 25... tháng 08... năm 2025

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN TRUNG HÀ

TỔNG GIÁM ĐỐC

**GIÁM ĐỐC KHÔI TÀI CHÍNH - KẾ
TOÁN KIỂM KẾ TOÁN TRƯỞNG**



NGUYỄN THANH THẢO



ĐỖ MINH TIẾN

XII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I

- Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty Chứng khoán lần đầu tiên và bản thay đổi gần nhất
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu tiên và bản thay đổi gần nhất

2. Phụ lục II

- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) số 06022025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/02/2025 thông qua phương án chào bán và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán; phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng các quy định liên quan
- Tờ trình ĐHĐCĐ về phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua triển khai các nội dung chi tiết về Phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua để tăng vốn điều lệ
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua để tăng vốn điều lệ
- Văn bản cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích; cam kết triển khai đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống giao dịch chứng khoán và cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 của Luật Chứng khoán
- Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu từ đợt chào bán.

3. Phụ lục III

- Điều lệ công ty và các Quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị cập nhật Điều lệ Công ty.

4. Phụ lục IV

- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất đã kiểm toán năm 2023, 2024
- Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất bán niên 2025



Công ty Cổ phần
Chứng khoán Thiên Việt

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG
KHOẢN
THIÊN VIỆT

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN CHỨNG KHOẢN THIÊN
VIỆT
DN:
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0102114648, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN
THIÊN VIỆT, S=Hà Nội, C=VN
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2025-04-26 11:41:30
Foxit PhantomPDF Version: 9.4.1

CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOẢN THIÊN VIỆT
THIEN VIET SECURITIES JSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence- Freedom- Happiness

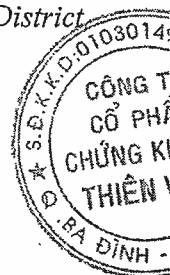
Số.: 24/2025/CBTT
No.: 24/2025/CBTT

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2025
Hanoi, day 26 month 04 year 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi / To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước / *The State Securities Commission*
Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam / *Vietnam Stock Exchange*
Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh / *Ho Chi Minh Stock Exchange*
Sở Giao dịch Chứng khoán HN/ *Hanoi Stock Exchange*

- Tên tổ chức/ Name of Organization: Công ty Cổ Phần Chứng Khoản Thiên Việt (TVS)/ *Thien Viet Securities Joint Stock Company (TVS)*
 - Mã chứng khoán/Securities code: TVS
 - Địa chỉ trụ sở chính/ Head office address: Tầng 15, Tòa nhà Harec, Số 4 Láng Hạ, P. Thành Công, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội/ *15th Floor, Harec Building, 4 Lang Ha, Thanh Cong Ward, Ba Dinh District Hanoi*
 - Điện thoại/ Telephone: 024 3248 4820 Fax: 024 3248 4821
 - Email: congbothongtin@tvs.vn
- Nội dung thông tin công bố/ *Information to be disclosed:*
Sửa đổi Điều 26.12 và bãi bỏ Điều 26.13 và 26.14 của Điều lệ/ *To amend Article 26.12 and abolishes Article 26.13 and 26.14 of the Charter*
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/04/2024 tại đường dẫn <https://www.tvs.vn/vi/quan-he-co-dong/> This information was pulished on the Company's website on April 26th, 2025: <https://www.tvs.vn/en/investor-relation>





Copyright © 2014
All rights reserved

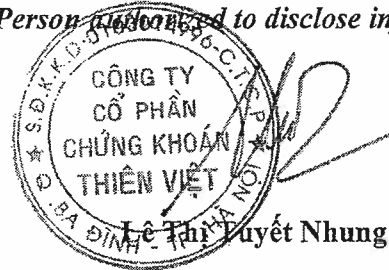
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người ủy quyền CBT

Person authorized to disclose information



Lê Thị Duyên Nhung



ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CỦA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT



MỤC LỤC

CHƯƠNG I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG	4
ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH	4
ĐIỀU 2. TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ	6
ĐIỀU 3. TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH, CHI NHÁNH VÀ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN	6
ĐIỀU 4. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	6
ĐIỀU 5. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG	7
ĐIỀU 6. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	7
CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN	7
ĐIỀU 7. VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI	7
ĐIỀU 8. CỔ PHẦN VÀ CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC	8
ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG	8
ĐIỀU 10. CỔ PHIẾU	10
ĐIỀU 11. PHÁT HÀNH CỔ PHẦN MỚI	11
ĐIỀU 12. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN	11
ĐIỀU 13. MUA LẠI CỔ PHẦN VÀ THU HỒI CỔ PHẦN	11
CHƯƠNG III. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY	13
ĐIỀU 14. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ	13
CHƯƠNG IV. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
ĐIỀU 15. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
ĐIỀU 16. TRIỆU TẬP CUỘC HỌP ĐHĐCĐ	14
ĐIỀU 17. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN	16
ĐIỀU 18. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐHĐCĐ	17
ĐIỀU 19. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP VÀ MỜI HỌP ĐHĐCĐ	17
ĐIỀU 20. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG	18
ĐIỀU 21. THỰC HIỆN QUYỀN DỰ HỌP ĐHĐCĐ	19
ĐIỀU 22. ĐIỀU KIỆN TIỀN HÀNH HỌP ĐHĐCĐ	20
ĐIỀU 24. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ TẠI CUỘC HỌP	22
ĐIỀU 25. BIÊN BẢN HỌP ĐHĐCĐ	23
ĐIỀU 26. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ BẰNG VĂN BẢN	24
ĐIỀU 27. HIỆU LỰC CỦA NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ	26
CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, VÀ BAN KIỂM SOÁT	26
ĐIỀU 28. QUYỀN HẠN VÀ THẨM QUYỀN CỦA HĐQT	26
ĐIỀU 29. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỶ CỦA HĐQT	30
ĐIỀU 30. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT	30
ĐIỀU 31. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	31
ĐIỀU 32. CUỘC HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT HĐQT	32
ĐIỀU 33. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	35
ĐIỀU 34. BAN GIÁM ĐỐC	36
ĐIỀU 35. BAN KIỂM SOÁT	37
ĐIỀU 36. NGHĨA VỤ CỦA NHÂN SỰ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY	39
ĐIỀU 37. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN	40
CHƯƠNG VI. CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, VÀ CHI TRẢ CỔ TỨC	40
ĐIỀU 38. NĂM TÀI CHÍNH	41
ĐIỀU 39. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	41

Điều Lệ Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt

ĐIỀU 40.	QUẢN LÝ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN.....	41
ĐIỀU 41.	PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	41
CHƯƠNG VII. TỔ CHỨC LẠI VÀ GIẢI THỂ		42
ĐIỀU 42.	QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÔNG TY.....	42
ĐIỀU 43.	TỔ CHỨC LẠI.....	42
ĐIỀU 44.	GIẢI THỂ.....	43
CHƯƠNG VIII. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC		43
ĐIỀU 45.	NGÀY HIỆU LỰC.....	43
ĐIỀU 46.	GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.....	43
ĐIỀU 47.	QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ	43
ĐIỀU 48.	CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC.....	44

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2025

CHƯƠNG I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1.1. Định nghĩa

Trong Điều Lệ này, trừ khi có những quy định khác, các từ và thuật ngữ sau sẽ có nghĩa tương ứng như giải thích tại đây:

- “**HĐQT**” : là hội đồng quản trị của Công Ty;
- “**Chủ Tịch HĐQT**” : là thành viên HĐQT được bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ Tịch HĐQT;
- “**Thành Viên HĐQT**” : là thành viên của HĐQT;
- “**Ban Kiểm Soát**” : là ban kiểm soát của Công Ty;
- “**Ngày Làm Việc**” : là một ngày làm việc trừ ngày thứ Bảy, Chủ Nhật, hoặc các ngày nghỉ lễ ở Việt Nam;
- “**Điều Lệ**” : là điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty được sửa đổi tùy từng thời điểm;
- “**Công Ty**” : là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt;
- “**Kiểm Soát Viên**” : là thành viên của Ban Kiểm Soát;
- “**Luật Chứng Khoán**” : là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- “**Luật Doanh Nghiệp**” : là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Điều Lệ Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt

- “ĐHĐCĐ”** : là đại hội đồng Cổ Đông của Công Ty;
- “Ban Giám Đốc”** : Bao gồm Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, và Kế Toán Trưởng;
- “Cổ Đông”** : là các tổ chức hoặc cá nhân nắm giữ cổ phần được phát hành bởi Công Ty;
- “Việt Nam”** : là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- “UBCK”** : là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- “Vốn điều lệ”** : là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công Ty và theo quy định tại Điều 7 của Điều Lệ;
- “Ngày thành lập”** : là ngày 13 tháng 12 năm 2006, ngày Công Ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;
- “Người nội bộ”** : bao gồm Chủ tịch HĐQT, các Thành Viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng, Trưởng Ban Kiểm Soát và các thành viên Ban Kiểm Soát, người phụ trách quản trị Công Ty, người được ủy quyền công bố thông tin;
- “Người có liên quan”** : là các cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 4.46 Luật Chứng Khoán, và Điều 4.23 Luật Doanh Nghiệp.
- “Sở giao dịch chứng khoán”** : là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

1.2. Giải thích

Trong Điều Lệ này, trừ khi ngữ cảnh của Điều Lệ này có quy định khác:

- (a) tài liệu sẽ bao gồm cả tài liệu được bổ sung, sửa đổi, thay thế hoặc cập nhật tùy từng thời điểm;
- (b) một người bao gồm bất cứ cá nhân, hãng, công ty, tổng công ty, chính phủ, nhà nước hoặc cơ quan nhà nước hoặc bất cứ đoàn, hội, quỹ ủy thác hoặc cộng sự (cho dù có hoặc không có tư cách pháp nhân riêng biệt) và bao gồm tham chiếu đến những người đại diện và thừa kế đích thực hợp pháp của người đó;
- (c) ngày tháng và thời gian được hiểu là ngày tháng và thời gian ở Việt Nam;
- (d) nếu một khoảng thời gian được quy định cụ thể kể từ, sau hoặc trước một ngày đã xác định hoặc vào ngày diễn ra một sự kiện hoặc một hành động nào đó, thì khoảng thời gian nói trên sẽ không bao gồm ngày đó;
- (e) nếu một công việc được quy định phải thực hiện vào ngày không phải là Ngày Làm Việc, thì công việc đó phải được thực hiện vào Ngày Làm Việc kế tiếp;

và

- (f) các đề mục trong Điều Lệ này chỉ để tiện tham khảo, và không ảnh hưởng đến việc giải thích Điều Lệ này.

ĐIỀU 2. TÌNH TRẠNG PHÁP LÝ

- 2.1. Công Ty là một công ty cổ phần có trách nhiệm hữu hạn và có tư cách pháp nhân theo Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- 2.2. Công Ty có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của Điều Lệ này, Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định pháp luật khác liên quan.
- 2.3. Các Cổ Đông sẽ chỉ chịu trách nhiệm về tất cả các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.

ĐIỀU 3. TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH, CHI NHÁNH VÀ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

3.1. Tên của Công Ty

- (a) Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT
- (b) Tên tiếng Anh: THIEN VIET SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
- (c) Tên viết tắt: TVSC., JSC.

3.2. Địa chỉ trụ sở chính

Trụ sở chính của Công Ty đặt tại Tòa nhà HAREC số 4 phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3248 4820

Fax: (84-24) 3248 4821

Website: www.tvs.vn

3.3. Chi nhánh và văn phòng đại diện

Công Ty có thể mở chi nhánh, văn phòng đại diện, và/hoặc địa điểm kinh doanh ở Việt Nam và/hoặc ở nước ngoài tùy từng thời điểm, tùy thuộc vào nhu cầu kinh doanh của Công Ty.

ĐIỀU 4. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

4.1. Công Ty sẽ tiến hành thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh sau:

- (a) Môi giới chứng khoán;
- (b) Tự doanh chứng khoán;

Điều Lệ Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt

- (c) Bảo lãnh phát hành chứng khoán; và
 - (d) Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- 4.2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh quy định tại Điều 4.1 trên, Công Ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Công Ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được HĐQT phê chuẩn.
- 4.3. Công Ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại Điều 4.1 trên sau khi được UBCK hoặc báo cáo UBCK bằng văn bản, tùy từng trường hợp cụ thể.

ĐIỀU 5. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

- 5.1. Thời hạn hoạt động của Công Ty là vô thời hạn bắt đầu từ ngày thành lập.
- 5.2. Mọi điều chỉnh hoặc thay đổi về thời hạn hoạt động của Công Ty phải được ĐHĐCĐ chấp thuận phù hợp với Điều Lệ này và pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 6. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

- 6.1. Công Ty có hai người đại diện theo pháp luật.
- 6.2. Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
- 6.3. Mỗi Người đại diện theo pháp luật của Công Ty có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm ngang nhau theo quy định của Điều Lệ này, Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định pháp luật khác liên quan. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty có quyền ủy quyền/giao quyền lại cho một hoặc một số người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình.

CHƯƠNG II. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CỔ PHẦN

ĐIỀU 7. VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI

- 7.1. Vốn Điều Lệ của Công Ty là 1.669.952.740.000 (một ngàn sáu trăm sáu mươi chín tỷ chín trăm năm mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi ngàn) đồng, được chia thành 166.995.274 (một trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm bảy mươi bốn) cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VNĐ (mười ngàn đồng) mỗi cổ phần.
- 7.2. Vốn Điều Lệ có thể thay đổi khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và Điều Lệ này.
- 7.3. Công Ty có thể tăng Vốn Điều Lệ theo các cách thức phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.
- 7.4. Việc giảm Vốn Điều Lệ do ĐHĐCĐ quyết định nhưng vẫn phải bảo đảm điều kiện về

vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định pháp luật.

- 7.5. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa trong Công Ty là 49% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

ĐIỀU 8. CỔ PHẦN VÀ CÁC LOẠI CHỨNG KHOÁN KHÁC

- 8.1. Công Ty có cổ phần phổ thông và chủ sở hữu của cổ phần phổ thông là Cổ Đông phổ thông.
- 8.2. Công Ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi theo quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Điều Lệ này và pháp luật hiện hành.
- 8.3. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
- 8.4. Số cổ phần Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công Ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác.
- 8.5. Công Ty có thể phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi hoặc bất kỳ loại chứng khoán nào theo quy định của pháp luật hiện hành. HĐQT có thẩm quyền phê duyệt phương án phát hành trái phiếu không chuyển đổi không kèm theo chứng quyền và sẽ báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất. Riêng đối với phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, phương án phát hành trái phiếu kèm theo chứng quyền phải được Đại hội đồng Cổ Đông phê duyệt.

ĐIỀU 9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Ngoài các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật liên quan và Điều Lệ này, Cổ Đông còn có các quyền và nghĩa vụ như sau:

- 9.1. Quyền của Cổ Đông phổ thông:
- (a) tham dự và phát biểu ý kiến trong các ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, mỗi cổ phần phổ thông sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - (b) nhận cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần mà Cổ Đông đó đang nắm giữ trong Công Ty tại thời điểm lập danh sách cổ đông nhận cổ tức ;
 - (c) ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà mình sở hữu tại thời điểm Công Ty phát hành cổ phần mới, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác;
 - (d) tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho Các Cổ Đông khác và/hoặc cho bất kỳ bên thứ ba nào theo Điều Lệ này và quy định của pháp luật;

Điều Lệ Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt

- (e) xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh Sách Cổ Đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- (f) xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ này, biên bản họp và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- (g) khi Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần mà Các Cổ Đông đã nắm giữ trong Công Ty tại thời điểm Công Ty giải thể hoặc phá sản;
- (h) một Cổ Đông hoặc một nhóm Các Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền bổ sung như sau: đề cử các ứng viên vào HĐQT và Ban Kiểm Soát theo quy định của Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và pháp luật Việt Nam.
- (i) một Cổ Đông hoặc một nhóm Các Cổ Đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền bổ sung như sau:
 - i. xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán của Việt Nam, và các báo cáo của Ban Kiểm Soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;
 - ii. yêu cầu triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ khi:
 - HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ Đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; hoặc
 - Nhiệm kỳ của HĐQT đã vượt quá sáu (06) tháng mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế.
 - iii. yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ Đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ Đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
- (j) một Cổ Đông hoặc một nhóm Các Cổ Đông sở hữu từ một phần trăm (1%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền tự mình hoặc nhân danh Công Ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với Thành Viên HĐQT, Tổng giám đốc trong các trường hợp mà Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và pháp luật Việt Nam cho phép;
- (k) và các quyền khác được quy định tại Điều Lệ này và pháp luật Việt Nam.

9.2. Quyền của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi khác thực hiện theo quyết định của ĐHĐCĐ và quy định Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và pháp luật Việt Nam.

9.3. Nghĩa vụ của Cổ Đông

- (a) thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua;
- (b) chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty;
- (c) không được rút vốn đã góp bằng cổ phần ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của Điều Lệ này.
- (d) tuân thủ Điều Lệ này và các quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
- (e) chấp hành nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và/hoặc HĐQT;
- (f) tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết của mình theo đúng quy định tại Điều Lệ này và pháp luật Việt Nam;
- (g) cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
- (h) Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều Lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
- (i) Tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- (j) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau: vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; hoặc thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính của Công Ty;
- (k) và các nghĩa vụ khác được quy định tại Điều Lệ này, Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và quy định pháp luật khác.

ĐIỀU 10. CỐ PHIẾU

10.1. Cổ Phiếu là chứng chỉ do Công Ty phát hành dưới dạng chứng chỉ bằng văn bản hoặc

Điều Lệ Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt

bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu của Cổ Đông đối với một hoặc một số cổ phần của Công Ty. Cổ Phiếu có các nội dung chính theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.

- 10.2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức của Cổ Phiếu do Công Ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó sẽ không bị ảnh hưởng.
- 10.3. Trường hợp Cổ Phiếu bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, Công Ty sẽ cấp lại Cổ Phiếu cho Cổ Đông tương ứng khi nhận được văn bản cam kết của Cổ Đông đó đáp ứng yêu cầu của Công Ty về các nội dung: (1) Cổ Phiếu của Cổ Đông đó thật sự bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trong trường hợp bị mất, Cổ Đông phải cam đoan thêm là đã thực hiện mọi nỗ lực để tìm kiếm Cổ Phiếu bị mất và, nếu tìm được, Cổ Phiếu tìm lại được sẽ được ngay lập tức hoàn trả cho Công Ty để tiêu hủy; và (2) Cổ Đông đó sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ việc Công Ty cấp lại Cổ Phiếu mới.

Trước khi tiếp nhận đề nghị cấp một Cổ Phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công Ty có thể yêu cầu Cổ Đông đó đăng thông báo về việc Cổ Phiếu bị mất, rách, cháy, hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác. Sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày đăng thông báo, nếu không có bất kỳ sự từ chối nào khác, Công Ty sẽ phát hành Cổ Phiếu mới cho Cổ Đông đó.

ĐIỀU 11. PHÁT HÀNH CỔ PHẦN MỚI

Việc phát hành cổ phần mới nào cũng phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ, dưới hình thức phát hành ra công chúng, phát hành cổ phần riêng lẻ, hoặc bất kỳ hình thức phát hành nào theo quy định của pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 12. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

- 12.1. Cổ phần của Công Ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều Lệ này hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ khi thông qua phương án phát hành. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 12.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không được hưởng các quyền lợi liên quan đến số cổ phần này, bao gồm cả quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 13. MUA LẠI CỔ PHẦN VÀ THU HỒI CỔ PHẦN

- 13.1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Cổ Đông:

- (a) Cổ Đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Các Cổ Đông quy định tại Điều Lệ này có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ các nội dung theo yêu cầu của Điều 132.1 Luật Doanh Nghiệp và

- (k) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- (l) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý;
- (m) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của thành viên HĐQT, Kiểm Soát Viên gây thiệt hại cho Công Ty và Cổ Đông;
- (n) Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- (o) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- (p) Công Ty ký kết hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan theo quy định tại Điều 37 của Điều Lệ này;
- (q) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho Thành Viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;
- (r) Phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị công ty; quy chế hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm Soát;
- (s) Quyết định thay đổi chương trình hợp ĐHCĐ đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 18 của Điều Lệ;
- (t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

15.3. Trừ khi phạm điều cấm theo quy định pháp luật Việt Nam, ĐHCĐ có thể ủy quyền/giao quyền cho HĐQT thực hiện một hoặc một số quyền và/hoặc nhiệm vụ của mình. Nội dung ủy quyền/giao quyền phải được xác định rõ ràng và cụ thể.

ĐIỀU 16. TRIỆU TẬP CUỘC HỌP ĐHCĐ

- 16.1. ĐHCĐ họp thường niên mỗi năm dương lịch ít nhất một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHCĐ phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp ĐHCĐ được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp ĐHCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
- 16.2. ĐHCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức được theo thời hạn nêu trên, Công Ty phải báo cáo UBCK bằng văn bản và phải tổ chức họp ĐHCĐ thường niên trong thời hạn hai (02) tháng tiếp theo. ĐHCĐ thường niên sẽ thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - (a) kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
 - (b) các báo cáo tài chính hằng năm;
 - (c) báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng Thành

Viên HĐQT;

- (d) báo cáo của Ban Kiểm Soát về kết quả kinh doanh của Công Ty, về kết quả hoạt động của HĐQT và Tổng Giám Đốc;
- (e) báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát và của từng Kiểm Soát Viên;
- (f) mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; và
- (g) các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều Lệ này và quy định pháp luật liên quan.

16.3. HĐQT phải triệu tập họp bất thường ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- (a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;
- (b) Số Thành Viên HĐQT, hoặc Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- (c) Theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 9.1(i) của Điều Lệ này. Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông này phải đáp ứng yêu cầu của pháp luật;
- (d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát nếu Ban Kiểm Soát có lý do tin tưởng rằng các Thành Viên HĐQT hoặc thành viên của Ban Giám Đốc vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định Luật Doanh Nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- (e) Báo cáo tài chính quý, sáu (6) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất đi một nửa (1/2) so với số đầu kỳ; hoặc
- (f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

16.4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên của HĐQT hoặc Ban Kiểm soát rơi vào trường hợp được quy định tại Điều 16.3(b) trên đây hoặc từ ngày nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều 16.3(c) hoặc Điều 16.3(d) của Điều Lệ này.

Trong trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 16.4 của Điều Lệ này, trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó, Ban Kiểm soát sẽ thay thế HĐQT, triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều Lệ này.

Nếu HĐQT và/hoặc Ban Kiểm Soát không triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 16.4 của Điều Lệ này (tùy từng trường hợp), HĐQT và/hoặc Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và phải bồi thường bất kỳ thiệt hại/tổn thất phát sinh cho Công Ty.

16.5. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập cuộc họp theo quy định tại Điều 16.4 của

Điều Lệ này thì Cổ Đông hoặc nhóm Các Cổ Đông theo quy định tại Điều 9.1(i) của Điều Lệ này có quyền đại diện cho Công Ty triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều Lệ này.

16.6. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức cuộc họp của ĐHĐCĐ:

- (a) lập danh sách Cổ Đông có quyền dự cuộc họp ĐHĐCĐ;
- (b) cung cấp thông tin và giải quyết các khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;
- (c) lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- (d) chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- (e) dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu Thành Viên HĐQT hoặc Kiểm Soát Viên;
- (f) xác định thời gian và địa điểm họp;
- (g) gửi thông báo mời họp đến từng Cổ Đông có quyền dự họp theo quy định của Điều Lệ này; và
- (h) các công việc khác phục vụ cuộc họp.

16.7. Chi phí triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ theo quy định tại các Điều 16.5 và 16.6 của Điều Lệ này với chứng từ chứng minh hợp lệ và đầy đủ sẽ được Công Ty hoàn trả.

ĐIỀU 17. THAY ĐỔI CÁC QUYỀN

17.1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ Đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Nghị quyết ĐHĐCĐ thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ Đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

17.2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) Cổ Đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ Đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu

trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

- 17.3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 22, 23 và 24 Điều Lệ này.
- 17.4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

ĐIỀU 18. CHƯƠNG TRÌNH VÀ NỘI DUNG HỌP ĐHĐCĐ

- 18.1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp.
- 18.2. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 9.1(i) của Điều Lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất ba (03) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải bao gồm đầy đủ các nội dung theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp.
- 18.3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 18.2 của Điều Lệ này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - (a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ hoặc có nội dung không liên quan; hoặc
 - (b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
- 18.4. Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị được quy định tại Điều 18.2 của Điều Lệ này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ các trường hợp quy định tại Điều 18.3 của Điều Lệ này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.
- 18.5. Trong trường hợp cần thiết vì lợi ích của Công Ty, sau khi khai mạc họp ĐHĐCĐ, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 9.1(i) của Điều Lệ này, Chủ Tịch HĐQT, Thành Viên HĐQT, Tổng Giám Đốc có thể đề xuất vấn đề đưa thêm vào chương trình họp của ĐHĐCĐ. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.

ĐIỀU 19. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ QUYỀN DỰ HỌP VÀ MỜI HỌP ĐHĐCĐ

- 19.1. Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty. Danh sách Cổ Đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ. Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ Đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- 19.2. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả các Cổ Đông trong danh sách Cổ

Đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo đã được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

- 19.3. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho Cổ Đông bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ Đông, hoặc tới địa chỉ do Cổ Đông đó đã cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty và UBCK, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công Ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.
- 19.4. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ Đông và/hoặc đăng trên website của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ Đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- (a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - (b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu Thành Viên HĐQT, Kiểm Soát Viên;
 - (c) Phiếu biểu quyết;
 - (d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; và
 - (e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- 19.5. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên phải có sự tham dự của các chủ thể sau:
- (a) Thành Viên HĐQT và Kiểm Soát Viên. Trường hợp bất khả kháng không tham dự được, Thành Viên HĐQT và Kiểm Soát Viên phải báo cáo bằng văn bản với HĐQT và Ban Kiểm Soát;
 - (b) Đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty trong trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối.

ĐIỀU 20. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO ỦY QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

- 20.1. Các Cổ Đông có quyền tham dự cuộc ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp Cổ Đông không xác định số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần và số phiếu bầu sẽ được chia đều cho người đại diện theo ủy quyền.
- 20.2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- (a) Trường hợp Cổ Đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ Đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp. Cổ Đông cá nhân chỉ được ủy quyền tối đa một (1) người đại diện;
- (b) Trường hợp Cổ Đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp. Cổ Đông tổ chức chỉ được ủy quyền tối đa ba (3) người đại diện.
- (c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

- 20.3. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).
- 20.4. Trừ trường hợp quy định tại Điều 20.3 trên, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - (a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;/
 - (b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - (c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

ĐIỀU 21. THỰC HIỆN QUYỀN DỰ HỌP ĐHĐCĐ

Một Cổ Đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

- (a) Cổ Đông đó tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- (b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- (c) Cổ Đông đó tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử nếu chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ tổ chức hội nghị trực tuyến hoặc nhận phiếu biểu quyết điện tử; hoặc
- (d) Cổ Đông gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện

từ. Trong trường hợp này, phiếu biểu quyết được coi là hợp lệ chỉ khi Công Ty nhận được phiếu biểu quyết đã phát ra của Công Ty và (i) có chữ ký của Cổ Đông đã được chứng thực bởi cơ quan nhà nước hoặc văn phòng công chứng có thẩm quyền trong trường hợp Cổ Đông cá nhân hoặc (ii) có chữ ký của người đại diện hợp lệ của Cổ Đông đã được đóng dấu công ty trong trường hợp Cổ Đông pháp nhân, chậm nhất một (1) ngày trước khi cuộc họp ĐHĐCĐ khai mạc.

ĐIỀU 22. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH HỌP ĐHĐCĐ

- 22.1. Cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 22.2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 22.3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các Cổ Đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.
- 22.4. Tất cả các cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được tiến hành, và tài liệu được chuẩn bị, bằng tiếng Việt và biên phiên dịch bằng Anh chỉ khi cần thiết.

ĐIỀU 23. THỂ THỨC TIẾN HÀNH VÀ BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐHĐCĐ

- 23.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công Ty phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 23.2. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu phiếu biểu quyết, sau đó kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến cho từng vấn đề. Trong trường hợp phiếu biểu quyết tập hợp nhiều vấn đề và một hoặc một số vấn đề được coi là biểu quyết không hợp lệ, tính hợp lệ của biểu quyết của các vấn đề còn lại không bị ảnh hưởng. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
- 23.3. Cổ Đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ Đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

- 23.4. Chủ Tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các Thành Viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm Soát điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

- 23.5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được ĐHĐCĐ thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 23.6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
- 23.7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- (a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- (b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ Đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- (c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) Ngày Làm Việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

- 23.8. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền yêu cầu các Cổ Đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ Đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có Cổ Đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ Đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất Cổ Đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

- 23.9. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng Cổ Đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ Đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa

hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

- 23.10. Trường hợp Công Ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức ĐHĐCĐ thông qua họp trực tuyến, Công Ty có trách nhiệm đảm bảo để Cổ Đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán.

ĐIỀU 24. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ TẠI CUỘC HỌP

- 24.1. Đối với các vấn đề sau đây, mọi nghị quyết của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua nếu được sự đồng ý của Các Cổ Đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ của tất cả Các Cổ Đông dự họp:

- (i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- (ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- (iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;
- (iv) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty; và
- (v) Tổ chức lại, giải thể Công Ty;

- 24.2. Ngoại trừ trường hợp tại Điều 24.1, Điều 24.4, Điều 24.6, và Điều 26 của Điều Lệ này, mọi nghị quyết của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua nếu được sự đồng ý của Các Cổ Đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ của tất cả Các Cổ Đông dự họp.

- 24.3. Trong trường hợp phiếu biểu quyết bao gồm nhiều vấn đề, việc một hoặc một số vấn đề không được biểu quyết hợp lệ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các vấn đề khác.

- 24.4. Việc bầu cử Thành Viên HĐQT, Ban Kiểm Soát được thực hiện theo phương thức bầu thông thường. Theo đó, mỗi Cổ Đông có tổng số biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần mình đại diện (bao gồm cổ phần mình sở hữu và/hoặc nhận ủy quyền); mỗi lần bầu cho một ứng cử viên là một lần biểu quyết và tại đó mỗi Cổ Đông có quyền sử dụng toàn bộ số biểu quyết của mình hoặc không sử dụng số biểu quyết nào để bầu ứng cử viên; số biểu quyết sử dụng tại lần biểu quyết trước không ảnh hưởng đến số biểu quyết được sử dụng tại lần biểu quyết sau. Người trúng cử Thành Viên HĐQT hoặc Kiểm Soát Viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều Lệ. Người trúng cử không buộc phải có trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số biểu quyết của toàn bộ Cổ Đông tham gia biểu quyết. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban Kiểm Soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

- 24.5. Để làm rõ thêm, việc bãi nhiệm, miễn nhiệm bất kỳ Thành Viên HĐQT, Kiểm Soát Viên nào sẽ được thông qua nếu được sự đồng ý của Các Cổ Đông đại diện trên năm

mười phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ của tất cả Các Cổ Đông dự họp hoặc theo quy định pháp luật hoặc Điều Lệ này.

- 24.6. Nghị quyết ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành, hoặc được Các Cổ Đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

ĐIỀU 25. BIÊN BẢN HỌP ĐHĐCĐ

- 25.1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- (b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- (c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- (d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- (e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
- (f) Số Cổ Đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ Đông, đại diện Cổ Đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- (g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ Đông dự họp;
- (h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- (i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- 25.2. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và, chỉ khi cần thiết, tiếng Anh. Nếu biên bản được dịch sang bất kỳ ngôn ngữ nào khác, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có bất kỳ xung đột nào với bất kỳ biên bản lập bằng ngôn ngữ khác.
- 25.3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được hoàn thành và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- 25.4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính

xác của nội dung biên bản.

- 25.5. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả Các Cổ Đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp hoặc được công bố trên website của Công Ty.
- 25.6. Biên bản họp ĐHĐCĐ, danh sách Các Cổ Đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

ĐIỀU 26. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ BẰNG VĂN BẢN

- 26.1. Ngoại trừ họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ có thể thông qua tất các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình (bao gồm cả sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều Lệ; định hướng phát triển Công Ty; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty; thông qua báo cáo tài chính hằng năm; hay tổ chức lại, giải thể Công Ty, bầu, miễn nhiệm, hoặc bãi nhiệm Thành Viên HĐQT và Ban Kiểm Soát) theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
- 26.2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ Đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều Lệ này.
- 26.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (b) Mục đích lấy ý kiến;
 - (c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ Đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện của Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông;
 - (d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - (f) Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - (g) Họ, tên, chữ ký của Chủ Tịch HĐQT.

- 26.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
- 26.5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công Ty theo các hình thức sau:
- (a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - (b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- 26.6. Các phiếu lấy ý kiến Công Ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- 26.7. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm Soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - (c) Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ Đông tham gia biểu quyết;
 - (d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - (e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - (f) Họ, tên, chữ ký của Chủ Tịch HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- 26.8. Các Thành Viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- 26.9. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các Cổ Đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên website của Công Ty.
- 26.10. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

- 26.11. Trong trường hợp phiếu lấy ý kiến tập hợp nhiều vấn đề và một hoặc một số vấn đề được coi là biểu quyết không hợp lệ, tính hợp lệ của biểu quyết của các vấn đề còn lại không bị ảnh hưởng.
- 26.12. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành

ĐIỀU 27. HIỆU LỰC CỦA NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ

- 27.1. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được thông báo cho Các Cổ Đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên website của Công Ty.
- 27.2. Một nghị quyết của ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc vào thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
- 27.3. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ Đông, Cổ Đông, nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 9.1(i) của Điều Lệ này, Thành Viên HĐQT, Ban Kiểm Soát hoặc Tổng Giám Đốc có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

- (a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật và Điều Lệ, trừ trường hợp tại Điều 27.4 của Điều Lệ này; hoặc
- (b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ.

Trường hợp nghị quyết của ĐHĐCĐ bị yêu cầu hủy bỏ thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi tòa án có quyết định khác.

- 27.4. Các nghị quyết của ĐHĐCĐ về bất kỳ vấn đề nào được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.

CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, VÀ BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 28. QUYỀN HẠN VÀ THẨM QUYỀN CỦA HĐQT

- 28.1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công Ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- 28.2. HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- (a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh

Điều Lệ Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt

hàng năm của Công Ty;

- (b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
- (c) Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc, thành viên của Ban Giám Đốc và quyết định mức lương của họ;
- (d) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc và thành viên của Ban Giám Đốc;
- (e) Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với thành viên của Ban Giám Đốc cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với thành viên đó;
- (f) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công Ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện, bổ nhiệm và miễn nhiệm Giám đốc và các vị trí tương đương vị trí của các thành viên trong Ban Giám Đốc tại các công ty con, chi nhánh và văn phòng đại diện, và quyết định mức lương của họ
- (g) Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể Công Ty, hoặc yêu cầu phá sản Công Ty;
- (h) Quyết định quy chế nội bộ về quản trị Công Ty sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ Cổ Đông và các quy chế khác liên quan đến hoạt động của Công Ty;
- (i) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;
- (j) Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- (k) Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- (l) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- (m) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu;
- (n) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công Ty lên ĐHĐCĐ;
- (o) Báo cáo ĐHĐCĐ việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám Đốc;
- (p) Thực hiện các công việc, thẩm quyền được ĐHĐCĐ ủy quyền/giao quyền lại;
- (q) Thành lập các tiểu ban của HĐQT;
- (r) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của

ĐHĐCĐ;

- (s) Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các Cổ Đông và Công Ty. HĐQT có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công Ty hoặc phục vụ cho mục đích này;
- (t) Phê chuẩn các giao dịch, các khoản đầu tư nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc và/hoặc Ban Giám Đốc đệ trình;
- (u) HĐQT có quyền phủ quyết quyết định của Tổng Giám Đốc và/hoặc Ban Giám Đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với Điều kiện phủ quyết đó có cơ sở;
- (v) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh Nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp phải do ĐHCĐ phê chuẩn, HĐQT quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công Ty;
- (w) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công Ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công Ty;
- (x) Phê chuẩn việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công Ty;
- (y) Phê chuẩn việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài, cử người đại diện theo ủy quyền tham gia HĐQT hoặc ĐHCĐ ở công ty khác, và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- (z) Phê chuẩn việc định giá tài sản góp vào Công Ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công Ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- (aa) Phê chuẩn việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
- (bb) Phê chuẩn quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công Ty;
- (cc) Phê chuẩn các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- (dd) Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- (ee) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT;
- (ff) Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHCĐ thường niên;
- (gg) Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các Thành Viên HĐQT, Kiểm Soát Viên, thành viên Ban Giám Đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử

dụng tài sản Công Ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan;

(hh) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Điều Lệ, Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và pháp luật Việt Nam.

28.3. Trường hợp HĐQT không trình báo cáo lên ĐHĐCĐ, báo cáo tài chính năm của Công Ty bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.

28.4. Trừ khi phạm điều cấm theo quy định pháp luật Việt Nam, HĐQT có thể ủy quyền/giao quyền cho Chủ Tịch HĐQT hoặc nhân viên cấp dưới hoặc thành viên của Ban Giám Đốc thực hiện một hoặc một số quyền, nhiệm vụ, và/hoặc chức năng của mình. Nội dung ủy quyền/giao quyền phải được xác định rõ ràng và cụ thể.

28.5. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Thành Viên HĐQT có các quyền sau:

(a) Quyền yêu cầu thành viên Ban Giám Đốc và người quản lý Công Ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin.

(b) Quyền được nhận thù lao, tiền lương và lợi ích khác theo quy định dưới đây:

(i) Tổng mức thù lao cho HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các Thành Viên HĐQT theo quyết định của Chủ tịch HĐQT;

(ii) Tổng số tiền trả cho tất cả thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công Ty, công ty con, công ty liên kết của Công Ty và các công ty khác mà Thành Viên HĐQT là đại diện phần vốn góp phải được lập thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty và Báo cáo thường niên Công Ty;

(iii) Thành Viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc Thành Viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác mà theo HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một Thành Viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT; và

(iv) Thành Viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm Thành Viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

28.6. Thành Viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định của Điều Lệ, Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và pháp luật Việt Nam.

ĐIỀU 29. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ CỦA HĐQT

29.1. Số lượng Thành Viên HĐQT là 07 (bảy) người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

29.2. Tổng số Thành Viên độc lập HĐQT tối thiểu là hai (02) người. Một cá nhân chỉ được bầu làm Thành Viên độc lập HĐQT của Công Ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Số thành viên thường trú tại Việt Nam phải có tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số Thành Viên HĐQT.

29.3. Thành Viên HĐQT không còn tư cách Thành Viên HĐQT trong các trường hợp sau:

(a) Trường hợp miễn nhiệm Thành Viên HĐQT:

- i. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành Viên HĐQT theo quy định của pháp luật, quy chế của Công Ty hoặc bị luật pháp cấm không được làm Thành Viên HĐQT;
- ii. Chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;
- iii. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

(b) Trường hợp bãi nhiệm Thành Viên HĐQT:

- i. Bị rối loạn tâm thần và Thành Viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- ii. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- iii. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- iv. Cung cấp thông tin cá nhân sai nghiêm trọng khi gửi cho Công Ty với tư cách là ứng viên HĐQT.

(c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

29.4. Việc bổ nhiệm Thành Viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của Luật Chứng Khoán.

29.5. Thành Viên HĐQT có thể không phải là Cổ Đông của Công Ty.

ĐIỀU 30. ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT

- 30.1. Các Cổ Đông được quy định tại Điều 9.1(h) của Điều Lệ này có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% trở lên đề cử đủ số ứng viên HĐQT.
- 30.2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên.

ĐIỀU 31. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 31.1. HĐQT lựa chọn trong số các Thành Viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch HĐQT.
- 31.2. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:
- (i) lãnh đạo và bảo đảm sự hoạt động có hiệu quả của HĐQT;
 - (ii) lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - (iii) chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp HĐQT; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - (iv) tổ chức việc thông qua nghị quyết của HĐQT;
 - (v) giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;
 - (vi) thường xuyên gặp gỡ Tổng Giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa HĐQT với Ban Giám đốc;
 - (vii) xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của HĐQT;
 - (viii) đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các Thành Viên HĐQT với Chủ tịch HĐQT;
 - (ix) chủ trì cuộc họp ĐHĐCĐ và cuộc họp HĐQT;
 - (x) Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các Cổ Đông;
 - (xi) Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của HĐQT, các bộ phận trực thuộc HĐQT và từng thành viên HĐQT;
 - (xii) Tạo Điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập HĐQT hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên Điều hành và những thành viên không Điều hành trong HĐQT;
 - (xiii) thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo ủy quyền hoặc yêu cầu của

ĐHĐCĐ và/hoặc HĐQT;

- (xiv) các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều Lệ này và theo quy định của pháp luật có liên quan.
- 31.3. Trường hợp Chủ Tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một Thành Viên HĐQT khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ Tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ Tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các Thành Viên còn lại bầu một người trong số các Thành Viên HĐQT tạm thời giữ chức Chủ Tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.
- 31.4. Chủ Tịch HĐQT có thể bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quyết định của HĐQT. Trường hợp Chủ Tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nhận đơn từ chức, bị bãi nhiệm, hoặc bị miễn nhiệm.

ĐIỀU 32. CUỘC HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT HĐQT

- 32.1. Chủ Tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do Thành Viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các Thành Viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- 32.2. Triệu tập họp HĐQT:
- (a) HĐQT có thể họp thường kỳ hoặc bất thường. HĐQT họp tại trụ sở chính của Công Ty hoặc tại địa điểm khác.
 - (b) Cuộc họp thường kỳ của HĐQT được tổ chức ngay sau cuộc họp thường niên của ĐHĐCĐ, tương ứng với mỗi năm tài chính. Các cuộc họp thường kỳ bổ sung của Hội Đồng sẽ được tổ chức khi cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
 - (c) Chủ Tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường khi có một trong các trường hợp như sau:
 - (i) Có đề nghị của Ban Kiểm Soát;
 - (ii) Có đề nghị của Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất ba (03) người của Ban giám đốc
 - (iii) Có đề nghị của ít nhất hai (02) Thành Viên HĐQT;
 - (iv) Có đề nghị của thành viên độc lập HĐQT;

Điều Lệ Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt

- (v) Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty, Chủ Tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty; và
- (vi) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- (d) Chủ Tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được đề nghị theo quy định tại Điều 32.2(c) nêu trên.
- (e) Chủ Tịch HĐQT hay người khác triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất hai (02) Ngày Làm Việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định nội dung quy định tại Luật Doanh Nghiệp và phải gửi cùng với các tài liệu sử dụng tại cuộc họp và mẫu phiếu biểu quyết đến tất cả các Thành Viên HĐQT.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng Thành Viên HĐQT được đăng ký tại Công Ty.

- (f) Chủ Tịch HĐQT hoặc người triệu tập khác phải gửi thông báo mời họp cùng với các tài liệu đính kèm tới tất cả Kiểm Soát Viên theo cùng cách thức như đối với Thành Viên HĐQT. Kiểm Soát Viên có quyền dự các cuộc họp HĐQT và thảo luận nhưng không được biểu quyết.

32.3. Ủy quyền, điều kiện tiến hành cuộc họp HĐQT

- (a) Thành Viên HĐQT có quyền bổ nhiệm một người đại diện được ủy quyền thay mặt Thành Viên đó để tham dự và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT, nếu được ít nhất một nửa Thành Viên HĐQT dự họp còn lại chấp thuận.
- (b) Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) Thành Viên HĐQT dự họp.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có quá bán Thành Viên HĐQT dự họp.

Trong trường hợp cuộc họp HĐQT lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành, cuộc họp HĐQT lần thứ ba sẽ được triệu tập trong thời hạn năm (5) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp HĐQT lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số Thành Viên HĐQT dự họp.

- (c) Thành Viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - (i) Thành Viên HĐQT đó tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (ii) Thành Viên HĐQT đó ủy quyền cho người khác đến dự và biểu quyết

tại cuộc họp theo quy định tại Điều 32.3(a) trên đây;

- (iii) Thành Viên HĐQT đó tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
 - (iv) Thành Viên HĐQT đó gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, hoặc thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ Tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- (d) Tất cả các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành, và tài liệu được chuẩn bị, bằng tiếng Việt, biên phiên dịch bằng tiếng Anh khi cần thiết.

32.4. Thông qua nghị quyết của HĐQT

- (a) HĐQT sẽ thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi Thành Viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.
- (b) Thành Viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Thành Viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
- (c) Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của Thành Viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của Thành Viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- (d) Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được quá bán Thành Viên HĐQT dự họp chấp thuận (nếu thực hiện biểu quyết tại cuộc họp) hoặc quá bán Thành Viên HĐQT (nếu thực hiện lấy ý kiến bằng văn bản) chấp thuận. Trong trường hợp Nghị quyết của HĐQT chỉ có một nửa Thành Viên HĐQT chấp thuận, quyết định cuối cùng về việc có thông qua Nghị quyết của HĐQT thuộc về Chủ Tịch HĐQT.
- (e) Cổ Đông của Công Ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Nghị quyết HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều Lệ gây thiệt hại cho Công Ty.

32.5. Biên bản họp HĐQT:

Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và lưu tại trụ sở chính của Công Ty theo quy định của Luật Doanh Nghiệp. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt, và, chỉ khi cần thiết, tiếng Anh. Nếu biên bản được dịch sang bất kỳ ngôn ngữ nào khác, bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng trong trường hợp có bất kỳ xung đột nào

với bất kỳ biên bản lập bằng ngôn ngữ khác. Biên bản họp sẽ được kiểm tra và được ký kết bởi các chủ tọa và người ghi biên bản, hoặc tất cả Thành Viên khác của HĐQT tham dự họp trong trường hợp chủ tọa và người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.

ĐIỀU 33. NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 33.1. HĐQT bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công Ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể có nhiều nhiệm kỳ.
- 33.2. Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
- (a) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty;
 - (b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của HĐQT.
- 33.3. HĐQT có thể bãi Nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty tùy từng thời điểm.
- 33.4. Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
- (a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và Cổ Đông;
 - (b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban Kiểm Soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban Kiểm Soát;
 - (c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - (d) Tham dự các cuộc họp;
 - (e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
 - (f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm Soát Viên;
 - (g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;
 - (h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty;
 - (i) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan; và
 - (j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ, và quyết định của HĐQT.

ĐIỀU 34. BAN GIÁM ĐỐC

- 34.1. Ban Giám Đốc của Công Ty bao gồm Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính, và Kế Toán Trưởng. Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Thành viên của Ban Giám Đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định pháp luật khác.
- 34.2. HĐQT bổ nhiệm hoặc thuê người khác làm thành viên của Ban Giám Đốc.
- 34.3. Tổng Giám Đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty. Tổng Giám Đốc phải đạt tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định Luật Doanh Nghiệp và Luật Chứng Khoán. Tổng Giám Đốc chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.
- 34.4. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng Giám Đốc hoặc bất kỳ thành viên nào của Ban Giám Đốc khi quá bán Thành Viên HĐQT tán thành.
- 34.5. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám Đốc được quy định như sau:
- (a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty mà không cần phải có quyết định của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;
 - (b) Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
 - (c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;
 - (d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
 - (e) Tuyển dụng lao động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý khác của Công Ty, ngoại trừ những người thuộc phạm vi bổ nhiệm của HĐQT;
 - (f) Đề xuất người, kiến nghị số lượng và các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm của HĐQT mà Công Ty cần thuê và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý này;
 - (g) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên HĐQT;
 - (h) Trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết hàng năm cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính;
 - (i) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công Ty, ngoại trừ những người lao động thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT, lương và quyền lợi của những người này sẽ do HĐQT quyết định;

- (j) Được quyền quyết định và ký các hợp đồng hoặc giao dịch nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, ngoại trừ các giao dịch giữa các bên liên quan thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT theo quy định tại Điều 37 của Điều Lệ này;
- (k) Chỉ đạo, giám sát và giao công việc cho các thành viên khác của Ban Giám Đốc;
- (l) Kiến nghị HĐQT về phương án trả cổ tức, sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; và
- (m) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều Lệ này, các quy chế nội bộ của Công Ty, nghị quyết của HĐQT tùy từng thời điểm, và hợp đồng lao động ký kết với Công Ty.

ĐIỀU 35. BAN KIỂM SOÁT

- 35.1. Ban Kiểm Soát có ba (03) Kiểm Soát Viên được bổ nhiệm bởi ĐHĐCĐ. Lương và các quyền lợi khác của Ban Kiểm Soát được quyết định bởi ĐHĐCĐ.
- 35.2. Nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên là năm (05) năm, và Kiểm Soát Viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các Kiểm Soát Viên phải đáp ứng các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định pháp luật khác.
- 35.3. Các Cổ Đông được quy định tại Điều 9.1(h) của Điều Lệ này có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm Soát. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ 10% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 40% đến dưới 75% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 75% trở lên đề cử đủ số ứng viên Ban Kiểm Soát. Trường hợp số lượng ứng viên Ban Kiểm Soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm Soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên.
- 35.4. Các Kiểm Soát Viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm Soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm Soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công Ty. Trưởng Ban Kiểm Soát có các quyền và nghĩa vụ theo quyết định của ĐHĐCĐ, Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và các quy định pháp luật khác.
- 35.5. Phải có hơn nửa (1/2) số Kiểm Soát Viên thường trú tại Việt Nam.
- 35.6. Trường hợp Kiểm Soát Viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm Soát Viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm Soát Viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm Soát Viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

35.7. Ban Kiểm Soát có các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm như sau:

- (a) giám sát HĐQT và Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành Công Ty;
- (b) kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- (c) thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ;
- (d) rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công Ty;
- (e) xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Các Cổ Đông quy định Điều 9.1(i) của Điều Lệ này;
- (f) khi có yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Các Cổ Đông quy định tại Điều 9.1 (i) của Điều Lệ này, Ban Kiểm Soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) Ngày Làm Việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm Soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và Cổ Đông hoặc nhóm Các Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm Soát quy định tại Điều 35.6 này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;
- (g) kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;
- (h) khi phát hiện có Thành Viên HĐQT, Tổng Giám Đốc, thành viên của Ban Giám Đốc vi phạm quy định của Điều Lệ này, và vi phạm pháp luật thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- (i) có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công Ty;
- (j) có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công Ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- (k) Ban Kiểm Soát có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ; và
- (l) Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;

- (m) Đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - (n) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát và trình ĐHĐCĐ thông qua;
 - (o) Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm Soát tại ĐHĐCĐ thường niên;
 - (p) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Điều Lệ này và nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- 35.8. Ban Kiểm Soát phải họp ít nhất hai (2) lần trong một năm, và được tiến hành khi số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm Soát. Biên bản họp Ban Kiểm Soát được lập chi tiết, rõ ràng, và có đủ chữ ký của người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm Soát tham dự họp. Biên bản họp phải được ghi chép trung thực, đầy đủ nội dung họp và phải được lưu giữ theo quy định.
- 35.9. Kiểm Soát Viên có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp được quy định tại Luật Doanh Nghiệp.

ĐIỀU 36. NGHĨA VỤ CỦA NHÂN SỰ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Thành Viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm Soát, thành viên Ban Giám Đốc và có các nghĩa vụ sau đây:

- 36.1. thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật có liên quan, Điều Lệ này, nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của cấp trên và các chính sách khác của Công Ty;
- 36.2. thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty;
- 36.3. trung thành với lợi ích của Công Ty và Các Cổ Đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công Ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- 36.4. thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công Ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối;
- 36.5. cùng với người có liên quan của mình không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan;
- 36.6. thông báo bằng văn bản cho HĐQT, Ban Kiểm Soát về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;
- 36.7. chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra;

- 36.8. thực hiện các nghĩa vụ khác quy định theo Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, pháp luật và Điều Lệ này.

ĐIỀU 37. CÁC GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

- 37.1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận theo quy định tại Điều 37.2 và Điều 37.3 dưới đây:
- (a) Cổ Đông hoặc (những) người đại diện uỷ quyền của (Các) Cổ Đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của Công Ty và những người có liên quan của họ;
 - (b) Thành Viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và người có liên quan của họ;
 - (c) Thành viên Ban Kiểm Soát, người quản lý doanh nghiệp khác và người có liên quan của họ; và/hoặc
 - (d) Doanh nghiệp quy định tại Điều 164.2 của Luật Doanh Nghiệp.
- 37.2. Bất kỳ hợp đồng hay giao dịch theo quy định tại Điều 37.1 nào có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản ghi nhận trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty phải có sự chấp thuận của HĐQT. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng phải thông báo HĐQT và Ban Kiểm Soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- 37.3. Các hợp đồng hoặc giao dịch thuộc Điều 37.1 nhưng không thuộc Điều 37.2 nêu trên, hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Công Ty và Cổ Đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của Cổ Đông đó, và hợp đồng, giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên phải có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng phải thông báo HĐQT và Ban Kiểm Soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ Đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ Đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.
- 37.4. Hợp đồng, giao dịch được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điều 37 này sẽ bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật; người ký kết hợp đồng, Cổ Đông, Thành Viên HĐQT hoặc Tổng Giám Đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công Ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG VI. CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, VÀ CHI TRẢ CỔ TỨC

ĐIỀU 38. NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 năm dương lịch và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó..

ĐIỀU 39. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

- 39.1. Chế độ kế toán Công Ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 39.2. Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.
- 39.3. Công Ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công Ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

ĐIỀU 40. QUẢN LÝ TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

- 40.1. Công Ty sẽ giữ sổ sách kế toán và tài chính chính xác và các tài liệu liên quan được chuẩn bị theo các nguyên tắc, tiêu chuẩn và thủ tục kế toán được chấp nhận chung, được áp dụng một cách nhất quán.
- 40.2. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công Ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập do ĐHĐCĐ lựa chọn thực hiện kiểm toán, soát xét theo đúng quy định. Các báo cáo này được lập bằng tiếng Việt, và chỉ khi cần thiết, bằng Tiếng Anh.
- 40.3. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công Ty phải được UBCK chấp thuận. ĐHĐCĐ thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những Điều Khoản và Điều kiện thảo thuận với HĐQT. Trong cùng năm tài chính, Công Ty không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận trừ khi tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.
- 40.4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công Ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các Cổ Đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.
- 40.5. Công Ty phải lập, kiểm toán và công bố các báo cáo tài chính theo quy định của Luật Chứng Khoán cũng như quy định của UBCK.

ĐIỀU 41. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

- 41.1. ĐHĐCĐ quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công Ty.
- 41.2. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên. HĐQT lập danh sách Cổ Đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức.
- 41.3. Công Ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 41.4. HĐQT có thể kiến nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.
- 41.5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ Đông cung cấp. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty đã chuyển cho Cổ Đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- 41.6. Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ Đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ Đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- 41.7. Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công Ty kinh doanh có lãi.
- 41.8. Hàng năm, Công Ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây: Quỹ dự trữ bổ sung Vốn Điều Lệ; Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ; Quỹ khen thưởng, phúc lợi; Các quỹ khác theo quy định của pháp luật. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VII. TỔ CHỨC LẠI VÀ GIẢI THỂ

ĐIỀU 42. QUY ĐỊNH VỀ TÀI CHÍNH ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÔNG TY

Công Ty phải tuân thủ các quy định về hạn chế vay nợ, hạn chế cho vay, hạn chế đầu tư và các quy định khác về tài chính đối với công ty chứng khoán theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, quy định, quy chế nội bộ của Công Ty và các văn bản pháp luật khác.

ĐIỀU 43. TỔ CHỨC LẠI

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và chuyển đổi của Công Ty phải thực hiện theo nghị

quyết của ĐHĐCĐ và các quy định pháp luật liên quan.

ĐIỀU 44. GIẢI THỂ

44.1. Công Ty sẽ bị giải thể trong các trường hợp sau:

- (a) Theo nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- (b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty bị thu hồi, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác; hoặc
- (c) Theo quy định của pháp luật Việt Nam.

44.2. Các thủ tục thanh lý tài sản của Công Ty và giải thể Công Ty phải thực hiện theo pháp luật liên quan.

CHƯƠNG VIII. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

ĐIỀU 45. NGÀY HIỆU LỰC

Điều lệ này được sửa đổi và có hiệu lực từ ngày 25/4/2025 và thay thế toàn bộ điều lệ trước đây của Công Ty.

ĐIỀU 46. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 46.1. Tất cả tranh chấp phát sinh hoặc liên quan đến Điều Lệ này sẽ được giải quyết trước hết thông qua thương lượng hòa giải giữa các bên liên quan.
- 46.2. Trong trường hợp không thể giải quyết được bất kỳ vấn đề tranh chấp nào trong vòng ba mươi (30) Ngày Làm Việc kể từ ngày một bên thông báo về việc tranh chấp cho bên còn lại, một trong các bên có quyền đưa tranh chấp giải quyết tại tòa án có thẩm quyền của Việt Nam.

ĐIỀU 47. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

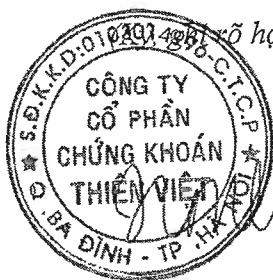
- 47.1. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra sổ biên bản và nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm Soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công Ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của Cổ Đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ Đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
- 47.2. Thành Viên HĐQT, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và thành viên khác của Ban Giám Đốc có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty, danh sách Cổ Đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

- 47.3. Công Ty phải lưu Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của HĐQT, các báo cáo của Ban Kiểm Soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ Đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
- 47.4. Điều Lệ Công Ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty.

ĐIỀU 48. CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 48.1. Công Ty có thể có hơn một con dấu nếu phù hợp với quy định pháp luật. HĐQT được quyền quyết số lượng, nội dung và hình thức thiết kế của con dấu. Tổng Giám Đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.
- 48.2. Bất kỳ vấn đề nào liên quan đến việc điều hành Công Ty, các quyền và nghĩa vụ Công Ty, Cổ Đông, ĐHĐCĐ, HĐQT, Thành Viên HĐQT, Ban Giám Đốc, thành viên của Ban Giám Đốc, Ban Kiểm Soát, thành viên của Ban Kiểm Soát và các nhân sự khác mà không được đề cập đến trong Điều Lệ này sẽ được điều chỉnh bởi Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và các thỏa thuận giữa các Cổ Đông liên quan và/hoặc Công Ty (nếu có).
- 48.3. Nếu bất kỳ điều khoản nào của Điều Lệ này bị xem là không hợp pháp, không có hiệu lực hoặc không thể thực hiện được, toàn phần hoặc một phần, theo bất kỳ quy định pháp luật nào, điều khoản đó hoặc phần đó không được xem là một phần của Điều Lệ này và phải được điều chỉnh ngay lập tức trong cuộc họp ĐHĐCĐ kế tiếp để đạt được sự đồng thuận của các Cổ Đông đối với điều khoản đó. Tính hợp pháp, hiệu lực và khả năng thực thi của những điều khoản còn lại của Điều Lệ này không bị ảnh hưởng.
- 48.4. Bất kỳ sửa đổi nào đối với Điều Lệ này phải được ĐHĐCĐ thông qua theo thủ tục quy định tại Điều Lệ này trừ sửa lỗi chính tả hoặc định dạng.
- 48.5. Các bản sao hoặc trích lục Điều Lệ Công Ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ Tịch HĐQT hoặc tối thiểu hai (2) Thành Viên HĐQT mới có giá trị.
- 48.6. Điều Lệ này được lập bằng tiếng Việt.

Chữ ký của NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



NGUYỄN THANH THẢO

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (Mẫu số B01a – CTCK/HN)	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ (Mẫu số B02a – CTCK/HN)	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (Mẫu số B03b – CTCK/HN)	12 - 14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ (Mẫu số B04a – CTCK/HN)	15 - 16
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Mẫu số B05a – CTCK/HN)	17 - 90

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 13 tháng 12 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102114648 đăng ký thay đổi lần thứ 07 vào ngày 05 tháng 07 năm 2024, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2006 và được điều chỉnh nhiều lần (Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 48/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 25 tháng 06 năm 2024). Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt tại Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định 505/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07 tháng 09 năm 2007.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 1.669.952.740.000 VND theo Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 48/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 25 tháng 06 năm 2024.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và một (01) chi nhánh (chi nhánh TP. Hồ Chí Minh) tại Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có một (01) công ty con là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("TVAM"), TVAM có một (01) công ty con là Công ty Cổ phần Camellia Wealth ("Camellia") (sau đây gọi chung là "Tập đoàn"). Đồng thời, Công ty có hai (02) công ty liên kết là Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Thiên Minh ("TMR") và Công ty Cổ phần CASSA ("CASSA"). TVAM có một (01) công ty liên kết là Công ty Cổ phần Finsight.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Trung Hà	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2024
Ông Terence Tíng	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2024
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2024
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2024
Ông Ngô Nhật Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2024
Ông Trần Vinh Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2024
Ông Huỳnh Minh Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Đỗ Việt Hùng	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2024
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2024
Ông Bùi Thế Toàn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2024

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là bà Nguyễn Thanh Thảo, tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 03 năm 2023.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là ông Nguyễn Trung Hà, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và bà Nguyễn Thanh Thảo, Tổng giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính, thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- ▶ chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở Tập đoàn hoạt động liên tục trừ khi giả định Tập đoàn hoạt động liên tục là không phù hợp.

Tổng Giám đốc của Tập đoàn chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 và 3 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tập đoàn và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, Tổng Giám đốc Công ty phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11541855/E-69343627/LR-C

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") và công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 90, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này vào ngày 29 tháng 08 năm 2024.

Ngoài ra, báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này vào ngày 10 tháng 03 năm 2025.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B01a-CTCK/HN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.185.643.233.191	6.787.522.628.360
110	I. Tài sản tài chính ngắn hạn		6.180.012.821.097	6.782.367.146.805
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4.1	416.581.546.767	211.433.657.695
111.1	1.1 Tiền		415.581.546.767	208.433.657.695
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		1.000.000.000	3.000.000.000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	4.3.1, 4.3.2	1.609.460.015.561	1.105.202.484.187
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	4.3.3(a)	3.323.871.957.398	4.388.971.276.452
114	4. Các khoản cho vay	4.3.4	365.748.122.076	429.131.804.654
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	4.3.5	307.888.090.653	311.745.305.280
117	6. Các khoản phải thu	4.4(a)	127.833.711.182	291.731.775.419
117.1	6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		41.440.000.000	219.534.886.900
117.2	6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		86.393.711.182	72.196.888.519
117.4	6.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		86.393.711.182	72.196.888.519
118	7. Trả trước cho người bán	4.5	2.534.944.910	3.155.281.135
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	4.6	26.031.289.668	40.994.527.376
122	9. Các khoản phải thu khác		63.142.882	1.034.607
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		5.630.412.094	5.155.481.555
131	1. Tam ứng		6.000.000	6.000.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	4.7	5.421.026.027	4.957.359.228
135	3. Thuế Giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	4.14.1	203.386.067	192.122.327
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		481.502.978.172	597.961.212.986
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		430.593.157.442	547.288.588.675
211	1. Các khoản phải thu dài hạn	4.4(b)	1.615.734.470	3.672.463.030
212	2. Các khoản đầu tư dài hạn		428.977.422.972	543.616.125.645
212.1	2.1 Các khoản đầu tư HTM	4.3.3(b)	243.367.474.000	444.474.176.000
212.3	2.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4.8	185.609.948.972	99.141.949.645
220	II. Tài sản cố định		20.376.755.428	21.197.826.330
221	1. Tài sản cố định hữu hình	4.9	8.253.841.543	10.122.178.004
222	1.1 Nguyên giá		35.690.130.878	35.690.130.878
223a	1.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(27.436.289.335)	(25.567.952.874)
227	2. Tài sản cố định vô hình	4.10	12.122.913.885	11.075.648.326
228	2.1 Nguyên giá		39.118.602.909	35.464.862.909
229a	2.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(26.995.689.024)	(24.389.214.583)
240	III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		255.657.500	490.617.500
250	IV. Tài sản dài hạn khác		30.277.407.802	28.984.180.481
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	4.11	1.448.354.061	1.438.716.344
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	4.7	5.497.577.274	4.663.596.587
253	3. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	4.20	1.665.634.460	1.665.634.460
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	4.12.1	11.582.270.996	11.141.047.501
255	5. Tài sản dài hạn khác	4.12.2	10.083.571.011	10.075.185.589
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.667.146.211.363	7.385.483.841.346

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B01a-CTCK/HN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.251.022.644.284	5.051.314.728.251
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		4.226.810.239.816	5.032.135.356.448
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		4.130.061.035.754	4.652.098.490.000
312	1.1 Vay ngắn hạn	4.13	4.130.061.035.754	4.652.098.490.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	4.15	3.300.678.426	609.613.617
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	4.16	10.147.390.467	275.388.648.998
321	4. Người mua trả tiền trước		12.000.000	12.000.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.14.2	13.071.753.416	34.043.115.487
323	6. Phải trả người lao động		4.321.267.884	19.136.834.496
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		52.426.319	56.199.520
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	4.17	20.298.069.254	19.239.166.523
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.18	1.782.576.203	1.860.082.779
331	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.19	43.763.042.093	29.691.205.028
340	II. Nợ phải trả dài hạn		24.212.404.468	19.179.371.803
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	4.20	24.212.404.468	19.179.371.803
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.416.123.567.079	2.334.169.113.095
410	I. Vốn chủ sở hữu	4.21.3	2.416.123.567.079	2.334.169.113.095
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.685.213.781.300	1.685.213.781.300
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		1.669.952.740.000	1.669.952.740.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	4.21.1	1.669.952.740.000	1.669.952.740.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		15.261.041.300	15.261.041.300
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		2.385.326.228	2.385.326.228
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		2.515.647.373	2.515.647.373
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	4.21.2	724.650.653.430	642.838.476.895
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		636.820.132.581	590.160.309.835
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		87.830.520.849	52.678.167.060
418	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	4.22	1.358.158.748	1.215.881.299
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.667.146.211.363	7.385.483.841.346

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B01a-CTCK/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý	4.23.1	38.612.181.106	38.612.181.106
005	2. Ngoại tệ các loại	4.23.2	-	-
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành (*)	4.23.3	166.995.274	166.995.274
008	4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của CTCK	4.23.4	435.437.110.000	492.282.730.000
009	5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK	4.23.5	2.400.000	1.900.000
010	6. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	4.23.6	3.031.630.000	1.050.940.000
012	7. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK	4.23.7	60.935.240.000	63.945.240.000
013	8. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK		2.700.000.000	-
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	4.23.8	2.045.213.770.000	2.121.064.690.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		1.867.547.110.000	1.980.125.840.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		7.902.770.000	14.005.500.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		156.150.000.000	110.650.000.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		70.000	70.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		13.613.820.000	16.283.280.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	4.23.9	14.643.790.000	8.544.470.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		14.643.790.000	8.544.470.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	4.23.10	13.387.320.000	8.237.950.000
025	4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	4.23.11	10.951.540.000	2.624.540.000

(*) Khoản mục này thể hiện số lượng cổ phiếu đang lưu hành (đơn vị tính: số lượng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B01a-CTCK/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	5. Tiền gửi của khách hàng	4.23.12	100.945.244.067	75.343.833.576
027	5.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		96.968.224.560	75.317.196.998
27.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC		1.052.313.260	128.043.382
029	5.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		3.977.019.507	26.636.578
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		19.380.412	17.571.925
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		3.957.639.095	9.064.653
031	6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.23.13	100.945.244.067	75.343.833.576
031.1	6.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		91.850.181.449	70.456.098.676
031.2	6.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		9.095.062.618	4.887.734.900
035	7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	4.23.14	1.726.242.720	1.730.602.650

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập:

Người kiểm soát:

Người duyệt:

Ông Trương Quân Bảo
Người lập

Ông Đỗ Minh Tiến
Giám đốc Khối Tài chính – Kế toán
kiêm Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B02a-CTCK/HN

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL		212.637.864.854	300.936.706.810
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1.1	92.060.761.649	184.686.619.609
01.2	1.2 Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.1.2	115.281.355.711	97.021.912.557
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	5.1.3	5.295.747.494	19.228.174.644
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư HTM	5.1.3	125.176.100.181	348.664.376.997
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	5.1.3	18.180.440.949	15.195.367.722
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		7.436.151.766	14.128.038.736
09	5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		322.838.379	272.835.516
10	6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		8.714.113.636	926.363.636
11	7. Thu nhập hoạt động khác	5.2	30.364.407.404	8.045.339.242
20	Tổng doanh thu hoạt động		402.831.917.169	688.169.028.659
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ các tài sản tài chính FVTPL		(116.967.551.518)	(126.978.783.537)
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1.1	(41.435.523.110)	(16.076.635.956)
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.1.2	(75.095.969.257)	(110.779.836.956)
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(436.059.151)	(122.310.625)
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		(6.521.069.338)	(645.350.000)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	5.3	(18.905.712.996)	(26.809.394.593)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.3	(10.458.967.633)	(14.500.017.906)
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(270.016.642)	(219.014.271)
31	6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	5.3	(6.284.237.270)	(4.621.107.343)
32	7. Chi phí hoạt động khác	5.3	(10.964.079.684)	(8.462.129.178)
40	Tổng chi phí hoạt động		(170.371.635.081)	(182.235.796.828)
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	4.461.495
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		261.552.257	242.274.872
43	3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh		-	1.379.754.000
44	4. Doanh thu khác về đầu tư		7.817.803.327	1.480.177.943
50	Tổng doanh thu hoạt động tài chính	5.4	8.079.355.584	3.106.668.310

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B02a-CTCK/HN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	(4.075.167)
52	2. Chi phí lãi vay		(98.900.617.065)	(86.977.772.539)
55	3. Chi phí tài chính khác		-	(233.338.133.263)
60	Tổng chi phí tài chính	5.5	(98.900.617.065)	(320.319.980.969)
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	5.6	(25.993.835.951)	(35.657.499.466)
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		115.645.184.656	153.062.419.706
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		143.657.304	995.895.135
72	2. Chi phí khác		(519.713.238)	(289.093.891)
80	Tổng kết quả hoạt động khác		(376.055.934)	706.801.244
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		115.269.128.722	153.769.220.950
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		75.083.742.268	167.527.145.349
92	2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		40.185.386.454	(13.757.924.399)
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")	5.7	(19.242.837.673)	(25.884.543.582)
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.7.1	(14.209.805.008)	(27.657.023.540)
100.2	2. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	5.7.2	(5.033.032.665)	1.772.479.958
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		96.026.291.049	127.884.677.368
201	1. Phân bổ cho chủ sở hữu		95.884.013.600	127.683.342.737
203	2. Phân bổ cho lợi ích cổ đông không kiểm soát		142.277.449	201.334.631
300	XI. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ		-	-
400	XII. TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN		-	-
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHÓ THÔNG			
501	1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	8.5	574	681
502	2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	8.5	574	681

Người lập:

Ông Trương Quân Bảo
Người lập

Người kiểm soát:

Ông Đỗ Minh Tiến
Giám đốc Khối Tài chính – Kế toán
kiêm Kế toán trưởng

Người duyệt:



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 08 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B03b-CTCK/HN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		115.269.128.722	153.769.220.950
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		14.069.248.326	(5.399.067.366)
03	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		4.474.810.902	3.375.484.022
04	Các khoản dự phòng		-	645.350.000
06	Chi phí lãi vay		105.421.686.403	86.977.772.539
07	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.817.803.327)	(2.637.397.540)
08	Dự thu tiền lãi		(88.009.445.652)	(93.760.276.387)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		75.095.969.257	110.779.836.956
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	5.1.2	75.095.969.257	110.779.836.956
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(115.281.355.711)	(97.021.912.557)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	5.1.2	(115.281.355.711)	(97.021.912.557)
30	5. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		717.185.188.654	113.372.896.012
31	(Tăng)/giảm tài sản tài chính FVTPL		(464.072.144.920)	410.303.818.487
32	Giảm/(tăng) các khoản đầu tư HTM		1.266.206.021.054	(2.755.379.521.843)
33	Giảm/(tăng) các khoản cho vay		63.383.682.578	(124.938.502.782)
34	Giảm tài sản tài chính AFS		847.214.627	903.261.739.725
35	Giảm/(tăng) phải thu bán các tài sản tài chính		178.094.886.900	(182.009.196.820)
36	Giảm/(tăng) phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		75.869.351.549	(56.133.876.648)
37	Giảm/(tăng) phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		14.963.237.708	(2.609.143.336)
39	Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác		558.227.950	(14.489.890.825)
40	Tăng các tài sản khác		(459.246.634)	(4.008.085.551)
41	Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		1.383.779.476	70.938.878.545
42	Giảm chi phí trả trước		(1.297.647.486)	(594.255.764)
43	Thuế TNDN đã nộp	4.14.2	(35.663.686.235)	(16.781.176.489)
44	Lãi vay đã trả		(105.746.563.148)	(87.269.055.181)
45	(Giảm)/tăng phải trả cho người bán		(265.241.258.531)	215.227.757.167
46	(Giảm)/tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(3.773.201)	84.840.500
47	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		471.255.416	(3.855.278.888)
48	Giảm phải trả người lao động		(14.815.566.612)	(6.984.072.741)
50	Tăng phải trả, phải nộp khác		2.707.418.163	1.768.607.918.456
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		806.338.179.248	275.500.973.995

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B03b-CTCK/HN

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(3.418.780.000)	(5.462.859.899)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	863.636.364
63	Tiền chi đầu tư vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		(85.300.000.000)	-
64	Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		-	44.828.929.071
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		9.659.804.000	-
70	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động đầu tư		(79.058.976.000)	40.229.705.536
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	1.150.000.000
73	Tiền vay gốc		8.675.988.395.754	8.049.074.083.870
73.2	Tiền vay khác		8.675.988.395.754	8.049.074.083.870
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(9.198.025.850.000)	(8.365.645.558.150)
74.3	Tiền chi trả gốc vay khác		(9.198.025.850.000)	(8.365.645.558.150)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(93.859.930)	(701.458.808)
80	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(522.131.314.176)	(316.122.933.088)
90	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ		205.147.889.072	(392.253.557)
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	4.1	211.433.657.695	281.136.606.014
101.1	Tiền		208.433.657.695	181.136.606.014
101.2	Các khoản tương đương tiền		3.000.000.000	100.000.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	4.1	416.581.546.767	280.744.352.457
103.1	Tiền		415.581.546.767	272.744.352.457
103.2	Các khoản tương đương tiền		1.000.000.000	8.000.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B03b-CTCK/HN

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		822.782.752.459	569.463.137.150
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(546.138.735.718)	(1.180.860.972.274)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		1.984.892.237.051	2.071.202.404.347
08	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(2.256.989.858.184)	(1.427.033.195.447)
11	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(337.856.804)	(250.458.504)
14	Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		41.114.724.687	34.801.220.624
15	Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(19.721.853.000)	(9.935.659.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		25.601.410.491	57.386.476.896
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	4.23.12	75.343.833.576	126.578.021.863
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		75.343.833.576	126.578.021.863
32	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		75.317.196.998	126.549.893.208
34	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		26.636.578	28.128.655
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	4.23.12	100.945.244.067	183.964.498.759
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		100.945.244.067	183.964.498.759
42	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		96.968.224.560	183.936.261.730
44	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		3.977.019.507	28.237.029

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập:

Người kiểm soát:

Người duyệt:

Ông Trương Quân Bảo
Người lập

Ông Đỗ Minh Tiến
Giám đốc Khối Tài chính – Kế toán
Kiểm Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÍNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B04a-CTCK/HN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/(giảm)		Số dư cuối kỳ	
		Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 VND	Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 VND	Kỳ trước Tăng VND	Giảm VND	Kỳ này Tăng VND	Giảm VND
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC							
1. Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS		-	-	12.098.237.951	(12.098.237.951)	-	-
TỔNG CỘNG		-	-	12.098.237.951	(12.098.237.951)	-	-

Người lập:

Ông Trương Quân Bảo
Người lập

Người kiểm soát:

Ông Đỗ Minh Tiến
Giám đốc Khối Tài chính – Kế toán
Kiểm Kế toán trưởng

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 08 năm 2025



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B04a-CTCK/HN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/(giảm)		Số dư cuối kỳ	
		Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 VND	Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 VND	Kỳ trước Tăng VND	Kỳ này Tăng VND	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU							
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu							
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.527.257.761.300	1.685.213.781.300	157.956.020.000	-	1.685.213.781.300	1.685.213.781.300
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		1.513.146.720.000	1.669.952.740.000	156.806.020.000	-	1.669.952.740.000	1.669.952.740.000
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		14.111.041.300	15.261.041.300	1.150.000.000	-	15.261.041.300	15.261.041.300
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		-	-	12.098.237.951	(12.098.237.951)	-	-
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		2.385.326.228	2.385.326.228	-	-	2.385.326.228	2.385.326.228
5. Lợi nhuận chưa phân phối		2.515.647.373	2.515.647.373	-	-	2.515.647.373	2.515.647.373
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	4.21.2	521.294.108.385	642.838.476.895	153.500.215.599	(185.152.541.752)	489.641.782.232	724.650.653.430
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		481.779.457.339	590.160.309.835	153.500.215.599	(173.186.254.896)	462.093.418.042	636.820.132.581
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		39.514.651.046	52.678.167.060	(11.966.286.856)	35.152.353.789	27.548.364.190	87.830.520.849
		1.963.199.491	1.215.881.299	223.811.399	(1.434.225.451)	752.785.439	1.358.158.748
TỔNG CỘNG	4.21.3	2.055.416.042.777	2.334.169.113.095	323.778.284.949	(198.685.005.154)	2.180.509.322.572	2.416.123.567.079

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 13 tháng 12 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102114648 đăng ký thay đổi lần thứ 07 vào ngày 05 tháng 07 năm 2024, Giấy phép thành lập và hoạt động CTCK số 36/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2006 và được điều chỉnh nhiều lần (Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 48/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 25 tháng 06 năm 2024). Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt tại Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định 505/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07 tháng 09 năm 2007.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là TVS.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và giao dịch kỳ quỹ chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và một (01) chi nhánh (Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) tại Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điều lệ hoạt động của Công ty được cập nhật gần nhất vào ngày 18 tháng 06 năm 2024.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 111 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 113 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Tập đoàn

Quy mô vốn

Tại ngày 30 tháng 06
năm 2025
VND

Vốn điều lệ của Công ty	1.669.952.740.000
Tổng vốn chủ sở hữu hợp nhất	2.416.123.567.079
Tổng tài sản hợp nhất	6.667.146.211.363

Mục tiêu đầu tư

Tập đoàn hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Tập đoàn (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động CTCK và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

1. CTCK không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của CTCK;
2. CTCK mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của CTCK;
3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của CTCK không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. CTCK được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu; và
4. CTCK không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:
 - a. Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của CTCK, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b. Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của CTCK khác;
 - c. Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d. Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - e. Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - f. Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g. Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Tập đoàn (tiếp theo)

Cấu trúc của Tập đoàn

Tại ngày báo cáo, Công ty có 01 công ty con và 02 công ty liên kết như sau:

STT	Tên	Hoạt động chính	Địa điểm	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024		
				Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
1	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("TVAM")	Quản lý quỹ	Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,84	99,84	99,84	99,84	99,84	99,84
2	Công ty liên kết Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Thiên Minh ("TMR") (i)	Dịch vụ xếp hạng tín nhiệm	Tầng 12, Tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	14,00	14,00	14,00	14,00	14,00	14,00
3	Công ty Cổ phần CASSA ("CASSA") (ii)	Hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu	Tầng 15, Tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4,50	49,00	-	-	-	-

Ngoài ra, tại ngày báo cáo, TVAM có 01 công ty con và 01 công ty liên kết như sau:

STT	Tên	Hoạt động chính	Địa điểm	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024		
				Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty %	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty %	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty %	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty %	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty %	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty %
1	Công ty con của TVAM Công ty Cổ phần Camellia Wealth ("Camellia") (iii)	Tư vấn quản lý	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	1,18	99,67	1,18	99,67	1,18	99,67
2	Công ty liên kết của TVAM Công ty Cổ phần Finsight ("Finsight") (iii)	Hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	48,69	-	48,69	-	48,69

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Tập đoàn (tiếp theo)

- (i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty sở hữu trực tiếp 14,00% cổ phần của TMR và có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty này.
- (ii) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty sở hữu trực tiếp 15,00% tỷ lệ biểu quyết ở CASSA và Camellia sở hữu 34,00% tỷ lệ biểu quyết ở công ty này.
- (iii) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, TVAM sở hữu trực tiếp 98,49% cổ phần của Camellia và 48,69% cổ phần của Finsight.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được lập theo Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho CTCK được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC; Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 hướng dẫn chế độ tài chính đối với CTCK, công ty quản lý quỹ, Công văn 6190/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 05 năm 2017; Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 03 năm 2018, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố sáu chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố sáu chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố sáu chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") và tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") được đo lường và ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị thị trường).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Tập đoàn cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 30 tháng 06.

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích cổ đông không kiểm soát ("NCI"). Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng nhóm được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được công ty mẹ áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nghệp vụ và lợi ích cổ đông không kiểm soát

Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lãi hoặc lỗ trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là những doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở doanh nghiệp đó; hoặc Công ty có đại diện trong Hội đồng Quản trị; hoặc có quyền tham gia vào quá trình hoạch định chính sách. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong các công ty liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn đang áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với công ty liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là đồng Việt Nam (VND) hoặc Đồng.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (03) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Tài sản tài chính FVTPL là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc do Tổng Giám đốc xác định từ ban đầu là được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu nó là một phần của một danh mục các công cụ tài chính cụ thể được quản lý và có bằng chứng về việc kinh doanh danh mục đó để nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Giám đốc xác định các tài sản tài chính được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Nó loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị (còn được gọi là sự "không thống nhất kế toán") mà sự không thống nhất này có thể bắt nguồn từ việc xác định giá trị của các tài sản hoặc ghi nhận lãi hoặc lỗ theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý của nó được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định và thông tin về nhóm tài sản này được cung cấp nội bộ cho những người quản lý quan trọng của Tập đoàn (được nêu rõ trong Chuẩn mực Kế toán số 26 - Thuyết minh về các bên liên quan), ví dụ như Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông lớn của Tập đoàn.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ ngay khi phát sinh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") (tiếp theo)

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị thị trường). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ.

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các tài sản tài chính với giá trị bằng không (0) và chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

3.3 Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh mà:

- Việc hoàn trả là cố định hay xác định được;
- Ngày đáo hạn là cố định; và
- Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư HTM không bao gồm:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp loại vào nhóm FVTPL;
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Tập đoàn xếp loại vào nhóm AFS; và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Một tài sản tài chính sẽ không được phân loại vào các khoản đầu tư HTM nếu, trong giai đoạn tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất Tập đoàn đã bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các tài sản tài chính HTM trước thời hạn, trong đó mức độ đáng kể được so với tổng giá trị các tài sản tài chính HTM, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một số các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn (không quá 03 tháng trước khi đáo hạn) mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của tài sản tài chính;
- Được thực hiện sau khi Tập đoàn đã thu được phần lớn tiền gốc của các tài sản tài chính này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt ngoài khả năng kiểm soát của Tập đoàn và nguyên nhân này không lặp lại và sự kiện này Tập đoàn không thể dự đoán trước được.

Các khoản đầu tư HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này, sau đó ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong giai đoạn tài chính liên quan của một khoản đầu tư hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Giá trị phân bổ của khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn ("HTM") (tiếp theo)

Tại ngày báo cáo, các khoản đầu tư HTM được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị hoặc khả năng không thu hồi được do một số sự kiện xảy ra sau thời điểm ghi nhận ban đầu gây ảnh hưởng đến dòng tiền ước tính trong tương lai của các khoản đầu tư HTM. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Tập đoàn đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, mà Tập đoàn không thể xem xét hơn được;
- Khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính của bên đi vay là cao;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm đo lường được của dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các khoản đầu tư HTM kể từ khi ghi nhận ban đầu, mặc dù sự suy giảm đó chưa được xác định cụ thể đối với từng tài sản riêng lẻ trong nhóm, bao gồm:
 - (i) Những thay đổi tiêu cực trong tình hình trả nợ của những người vay trong cùng một nhóm; hoặc
 - (ii) Các điều kiện kinh tế trong nước hoặc địa phương có mối liên quan tới mất khả năng thanh toán đối với các khoản đầu tư HTM trong nhóm.

Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư HTM tại ngày báo cáo. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư HTM được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo tới ngày đến hạn thu hồi.

3.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động.

Trong kỳ, Tập đoàn có các khoản cho vay bao gồm:

- Cho vay giao dịch ký quỹ: là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do UBCKNN ban hành ngày 25 tháng 01 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ ký quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do CTCK quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay ký quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ; và
- Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch và/hoặc ngày liền kề sau đó. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng một ngày rưỡi (1.5) ngày giao dịch.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản cho vay (tiếp theo)

Tại ngày báo cáo, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày báo cáo. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")

Các tài sản tài chính AFS bao gồm các tài sản tài chính phi phái sinh mà không được phân loại là FVTPL, HTM, các khoản cho vay hay phải thu.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này.

Tại ngày báo cáo, tài sản tài chính AFS được trình bày theo giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS. Việc ghi nhận như vậy sẽ tiếp tục cho đến khi tài sản tài chính được dừng ghi nhận.

Tại thời điểm dừng ghi nhận, các khoản lãi hoặc lỗ lũy kế trước đây đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ như là các điều chỉnh do phân loại lại. Các khoản lãi được tính theo phương pháp lãi suất thực sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ theo quy định của Chuẩn mực Kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Tại ngày báo cáo, các tài sản tài chính AFS được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị.

Đối với các công cụ nợ, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị được xác định tương tự các khoản đầu tư HTM.

Đối với các công cụ vốn, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Những thay đổi đáng kể có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của tổ chức phát hành do những thay đổi về công nghệ, thị trường, kinh tế hoặc môi trường pháp lý cho thấy khả năng không thể thu hồi lại giá gốc của công cụ vốn;
- Sự suy giảm đáng kể hoặc kéo dài về giá trị của một khoản đầu tư vào công cụ vốn xuống dưới giá gốc.

Mức trích lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của tài sản tài chính AFS tại ngày báo cáo.

Lỗ suy giảm giá trị của tài sản tài chính AFS được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trước đây (nếu có). Khi có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị thì lỗ lũy kế đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được chuyển sang ghi nhận vào lãi/lỗ như là một bút toán điều chỉnh do phân loại lại mặc dù tài sản đó chưa bị dừng ghi nhận.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính*

Tập đoàn áp dụng nguyên tắc xác định giá tài sản tài chính như sau:

- Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày báo cáo. Cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) được đánh giá lại căn cứ vào giá tham chiếu trong ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày báo cáo. Các cổ phiếu khác được đánh giá lại theo phương pháp nội bộ của Tập đoàn. Các cổ phiếu không có đủ thông tin giao dịch hoặc giá trị không thể xác định được một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.
- Trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán được định giá căn cứ vào giá niêm yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày báo cáo cộng lãi lũy kế. Các trái phiếu không có giao dịch trong nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá sẽ được trình bày theo giá mua cộng lãi lũy kế. Trái phiếu không niêm yết được đánh giá lại theo giá mua cộng lãi lũy kế.
- Chứng chỉ quỹ niêm yết được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc giai đoạn tài chính.
- Chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi được định giá theo giá trị sổ sách tại ngày báo cáo gần nhất.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Tập đoàn được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của tài sản tài chính cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07 tháng 04 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng.

Theo thông tư số 24/2022/TT-BTC, đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đang được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường và giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.

Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.

3.7 *Phân loại lại tài sản tài chính*

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL, Tập đoàn phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các nhóm tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL trước khi bán. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS lũy kế trong vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ như là các điều chỉnh do phân loại lại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Phân loại lại tài sản tài chính (tiếp theo)

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Tập đoàn được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi/lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm các khoản đầu tư HTM không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

3.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Khi Tập đoàn chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Tập đoàn. Trong trường hợp đó, Tập đoàn cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Tập đoàn giữ lại.

3.9 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính của lợi thế thương mại đó. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.10 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp/cầm cố

Trong kỳ, Tập đoàn có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Tập đoàn.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Tập đoàn không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Tập đoàn không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Tập đoàn sau khoản thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Tập đoàn bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ bao gồm bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí cung cấp dịch vụ, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo tới ngày đến hạn thu hồi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối giai đoạn tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối giai đoạn tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý trong kỳ. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

3.12 Hợp đồng tương lai

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Giao dịch môi giới

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu "Tài sản dài hạn khác" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Doanh thu từ phí giao dịch hợp đồng tương lai được ghi nhận vào báo cáo hoạt động hợp nhất giữa niên độ ở chỉ tiêu "Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán".

Tiền và tài sản ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, ở chỉ tiêu "Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư" và "Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC".

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Tài sản cố định ("TSCĐ") được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nâng cấp tài sản thuê	3 năm
Máy móc thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm tin học	1 - 5 năm
TSCĐ hữu hình khác	3 năm
TSCĐ vô hình khác	2 - 3 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ.

3.14 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.15 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong một thời hạn hoặc một chu kỳ kinh doanh xác định kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với khoảng thời gian trả trước. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ vào thời hạn gốc ban đầu của khoản trả trước.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước được phân bổ dần từ hai (02) tháng đến ba (03) năm vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ:

- Phí phần mềm;
- Thuê văn phòng;
- Thiết bị tin học;
- Sửa chữa văn phòng; và
- Phí dịch vụ khác.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 *Ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn*

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn được ghi nhận khi Tập đoàn thanh toán khoản tiền ký quỹ, ký cược theo điều khoản hợp đồng và được phân loại là tài sản ngắn hạn/dài hạn khác.

3.17 *Các khoản vay*

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính và các đối tượng khác. Các khoản vay được trình bày theo giá gốc tại ngày báo cáo.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày báo cáo.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

3.18 *Các khoản phải trả và chi phí phải trả*

Nợ phải trả được ghi nhận khi Tập đoàn phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Tập đoàn đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

3.19 *Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính*

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.20 *Thuế thu nhập của nhà đầu tư*

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư tổ chức nước ngoài, Tập đoàn có trách nhiệm giữ lại 0,1% số tiền giao dịch bán để nộp thuế nhà thầu thay cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Tập đoàn cần giữ lại 0,1% số tiền giao dịch bán để nộp thuế thu nhập cá nhân thay cho nhà đầu tư. Tập đoàn sẽ kê khai và nộp thuế cho các nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư tổ chức trong nước, Tập đoàn không giữ lại tiền thuế trên số tiền giao dịch bán mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Các khoản dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong kỳ.

3.22 Lợi ích của nhân viên

3.22.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Tập đoàn khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Tập đoàn sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Tập đoàn không có một nghĩa vụ nào khác.

3.22.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021, Tập đoàn có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

3.22.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

3.23 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.24 Tài sản của khách hàng và nợ phải trả của khách hàng

Tài sản của khách hàng và nợ phải trả của khách hàng được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm:

- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành và nợ phải trả tương ứng; và
- Tài sản tài chính của nhà đầu tư.

3.25 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày báo cáo; và
- xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành, phí lưu ký chứng khoán, phí tư vấn tài chính, phí tư vấn đầu tư chứng khoán và thu nhập từ hoạt động khác.

Thu nhập từ kinh doanh tài sản tài chính

Tập đoàn thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của các tài sản tài chính FVTPL hàng tháng. Chênh lệch tăng khi đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào thu nhập và chênh lệch giảm khi đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở cộng gộp và không bù trừ.

Lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của tài sản tài chính được thanh lý, nhượng bán. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động tại thời điểm bán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập lãi trên vốn kinh doanh

Thu nhập lãi trên vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản đầu tư HTM, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Thu nhập lãi trên vốn kinh doanh được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- thu nhập được xác định tương đối chắc chắn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.25 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là thu nhập.

3.26 Chi phí hoạt động

Chi phí được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Chi phí hoạt động của Công ty được phân loại theo chức năng bao gồm: lỗ các tài sản tài chính FVTPL; chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của khách khoản cho vay; chi phí hoạt động tự doanh; chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán; chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán; chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán; chi phí hoạt động tư vấn tài chính và chi phí hoạt động khác.

3.27 Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh những khoản doanh thu phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm phần lãi từ công ty liên kết, lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

3.28 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

3.29 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

Chi phí quản lý công ty chứng khoán phản ánh các chi phí quản lý chung của Tập đoàn chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí vật tư văn phòng, chi phí khấu hao, chi phí thuê hoạt động và chi phí quản lý khác.

3.30 Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thuế TNDN hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc giai đoạn tài chính giữa niên độ.

Thuế TNDN hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ của giai đoạn phát sinh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một giao dịch và sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương pháp công nợ, được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế TNDN của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.30 Thuế TNDN (tiếp theo)

Thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận (hoặc lỗ) tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận (hoặc lỗ) tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế TNDN hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính mà tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và các quy định pháp luật về thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hoãn lại với thuế TNDN hoãn lại phải trả, và các khoản này liên quan đến cùng một cơ quan thuế với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.31 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và ghi vào tài khoản vốn cổ phần theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.

Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý

Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động (lãi hoặc lỗ) sau thuế TNDN của Tập đoàn tại ngày báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của giai đoạn tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ và khoản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến phần đánh giá lại này.

Lợi nhuận đã thực hiện của giai đoạn tài chính là số chênh lệch giữa tổng thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.31 *Vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Trước ngày 01 tháng 02 năm 2022:

- Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, TVS và TVAM phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của TVS và TVAM cho mỗi quý vào mỗi năm có lợi nhuận cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ.
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm, sử dụng quỹ bảo vệ nhà đầu tư và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trích lập để bổ sung vốn điều lệ.

Từ ngày 01 tháng 02 năm 2022, Thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 17 tháng 12 năm 2021 chính thức có hiệu lực, theo đó:

- Chế độ tài chính đối với CTCK và công ty quản lý quỹ theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014 được bãi bỏ toàn bộ.
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, TVS và TVAM sẽ bổ sung vốn điều lệ theo Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động.
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, TVS và TVAM sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn, và Điều lệ hoạt động, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

3.32 *Phân chia lợi nhuận*

Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông là lợi nhuận đã thực hiện sau thuế TNDN và sau khi đã trích lập các quỹ phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Cổ tức của Tập đoàn được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ khi cổ tức được Đại hội đồng Cổ đông thông qua hoặc khi Hội đồng Quản trị quyết định trả cổ tức giữa kỳ phù hợp với Điều lệ và quy định pháp luật hiện hành.

Tập đoàn trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST TNDN của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng cho công tác khen thưởng, khuyến khích, cải thiện và nâng cao phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn.

3.33 *Các bên liên quan*

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ với từng bên liên quan, Tập đoàn căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.34 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp dịch vụ và đầu tư (bộ phận chia theo hoạt động), hoặc cung cấp dịch vụ và đầu tư trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn được dựa theo bộ phận chia theo hoạt động.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tập đoàn một cách toàn diện.

3.35 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016, Công văn 6190/BTC-CĐKT và Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 03 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

3.36 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ áp dụng cho các CTCK hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu và việc trình bày các công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày báo cáo, cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính.

Ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm: Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của các tài sản tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và được Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tiền mặt tại quỹ	319.434.037	91.920.901
Tiền gửi ngân hàng	415.262.112.730	208.341.736.794
Các khoản tương đương tiền (*)	1.000.000.000	3.000.000.000
	416.581.546.767	211.433.657.695

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, các khoản tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 1 tháng và hưởng lãi suất 3,25%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 1 tháng và hưởng lãi suất 3,45%/năm).

4.2 Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ (VND)
a. Của Tập đoàn	180.897.913	14.872.586.017.871
Cổ phiếu	64.389.112	1.659.871.717.467
Trái phiếu	116.508.801	13.212.714.300.404
b. Của nhà đầu tư	233.108.247	5.379.886.552.127
Cổ phiếu	225.840.229	4.834.861.917.520
Trái phiếu	4.753.918	535.093.979.607
Chứng chỉ quỹ	603.800	9.458.405.000
Chứng quyền	1.910.300	472.250.000
	414.006.160	20.252.472.569.998

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.3 Các loại tài sản tài chính

4.3.1 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính FVTPL

Các loại tài sản tài chính	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025				
Cổ phiếu niêm yết	844.069.466.952	85.011.348.340	(10.340.519.762)	918.740.295.530
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.846.110	1.069.000	(11.634.660)	5.280.450
Chứng chỉ quỹ niêm yết	82.879.640.000	36.043.520.000	-	118.923.160.000
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	3.000.000.000	168.585.000	-	3.168.585.000
Trái phiếu niêm yết	29.997.216.000	241.821.360	-	30.239.037.360
Trái phiếu chưa niêm yết	100.000.000.000	171.178.082	-	100.171.178.082
Chứng chỉ tiền gửi ("CCTG")	438.152.719.098	59.760.041	-	438.212.479.139
	1.498.114.888.160	121.697.281.823	(10.352.154.422)	1.609.460.015.561
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Cổ phiếu niêm yết	845.956.935.997	44.683.699.821	(25.015.422.021)	865.625.213.797
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.366.488	774.200	(11.257.438)	4.883.250
Chứng chỉ quỹ niêm yết	82.879.640.000	51.343.520.000	-	134.223.160.000
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	3.000.000.000	31.365.000	-	3.031.365.000
Trái phiếu niêm yết	50.355.583.923	59.140.563	-	50.414.724.486
Trái phiếu chưa niêm yết	51.835.216.832	67.920.822	-	51.903.137.654
	1.034.042.743.240	96.186.420.406	(25.026.679.459)	1.105.202.484.187

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.3 Các loại tài sản tài chính (tiếp theo)

4.3.2 Tài sản tài chính FVTPL

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	844.069.466.952	918.740.295.530	845.956.935.997	865.625.213.797
HPG	108.426.059.962	114.409.135.000	140.648.671.563	147.748.719.300
DXG	77.884.736.466	95.648.541.300	69.124.077.673	62.868.140.400
TCB	52.630.515.797	82.764.000.000	84.965.192.760	101.841.475.000
Khác	605.128.154.727	625.918.619.230	551.218.994.001	553.166.879.097
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.846.110	5.280.450	15.366.488	4.883.250
Chứng chỉ quỹ niêm yết	82.879.640.000	118.923.160.000	82.879.640.000	134.223.160.000
FUCTVGF3	26.154.000.000	42.672.000.000	26.154.000.000	42.672.000.000
FUCTVGF4	25.819.640.000	43.203.160.000	25.819.640.000	43.203.160.000
FUCTVGF5	30.906.000.000	33.048.000.000	30.906.000.000	48.348.000.000
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	3.000.000.000	3.168.585.000	3.000.000.000	3.031.365.000
TCGF	3.000.000.000	3.168.585.000	3.000.000.000	3.031.365.000
Trái phiếu niêm yết (i)	29.997.216.000	30.239.037.360	50.355.583.923	50.414.724.486
HDB124023	29.997.216.000	30.239.037.360	-	-
LPB123015	-	-	50.355.583.923	50.414.724.486
Trái phiếu chưa niêm yết (ii)	100.000.000.000	100.171.178.082	51.835.216.832	51.903.137.654
BID12523	100.000.000.000	100.171.178.082	-	-
MBB12101	-	-	51.018.245.000	51.079.375.137
Khác	-	-	816.971.832	823.762.517
CCTG (iii)	438.152.719.098	438.212.479.139	-	-
	1.498.114.888.160	1.609.460.015.561	1.034.042.743.240	1.105.202.484.187

- (i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, bao gồm trái phiếu tổ chức tín dụng ("TCTD") niêm yết, có kỳ hạn còn lại 6,34 năm và lãi suất 7,48%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, trái phiếu tổ chức tín dụng ("TCTD") niêm yết, có kỳ hạn còn lại 5,50 năm và lãi suất 7,48%/năm).
- (ii) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, bao gồm trái phiếu TCTD có kỳ hạn còn lại 6,98 năm và lãi suất 5,68%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, trái phiếu TCTD có kỳ hạn còn lại 3,70 năm và lãi suất 6,38%/năm).
- (iii) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, bao gồm CCTG có kỳ hạn còn lại từ 13,67 đến 15,87 tháng và lãi suất từ 4,50% đến 5,40%/năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.3 Các loại tài sản tài chính (tiếp theo)

4.3.3 Các khoản đầu tư HTM

a. Các khoản đầu tư HTM - ngắn hạn

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Hợp đồng tiền gửi ("HĐTG") (i)	2.960.521.957.398	-	3.323.171.276.452	-
CCTG (ii)	250.000.000.000	-	1.040.800.000.000	-
Khác (iii)	113.350.000.000	-	25.000.000.000	-
	3.323.871.957.398	-	4.388.971.276.452	-

- (i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, HĐTG có kỳ hạn còn lại từ 0,33 đến 8,40 tháng, lãi suất từ 5,30% đến 7,80%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, HĐTG có kỳ hạn còn lại từ trên 1,00 đến 11,50 tháng, lãi suất từ 4,80% đến 7,70%/năm).
- (ii) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, CCTG có kỳ hạn còn lại từ 5,86 đến 7,53 tháng, lãi suất từ 5,40% đến 7,50%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, CCTG có kỳ hạn còn lại từ 1,60 đến 8,00 tháng, lãi suất từ 4,90% đến 8,10%/năm).
- (iii) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Tập đoàn có các khoản đầu tư HTM ngắn hạn khác có kỳ hạn còn lại từ 4,60 đến 11,50 tháng, lãi suất từ 6,00%/năm đến 18,00%/năm. (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn có khoản đầu tư HTM ngắn hạn khác có kỳ hạn còn lại là 10,50 tháng, hưởng lãi suất 15,00%/năm).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.3 Các loại tài sản tài chính (tiếp theo)

4.3.3 Các khoản đầu tư HTM (tiếp theo)

b. Các khoản đầu tư HTM - dài hạn

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Cổ phiếu ưu đãi cổ tức và hoàn lại (i)	208.000.000.000	-	208.000.000.000	-
HĐTGT	-	-	140.000.000.000	-
Khác (ii)	35.367.474.000	-	96.474.176.000	-
Bên thứ ba	25.000.000.000	-	61.150.000.000	-
Bên liên quan	10.367.474.000	-	35.324.176.000	-
	243.367.474.000	-	444.474.176.000	-

- (i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cổ phiếu ưu đãi cổ tức và hoàn lại được phát hành bởi Finsight, có kỳ hạn còn lại 4,50 năm. Cổ tức được trả bao gồm cổ tức cố định 15,00%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cổ phiếu ưu đãi cổ tức và hoàn lại được phát hành bởi Finsight, có kỳ hạn còn lại 5,00 năm. Cổ tức được trả là cổ tức cố định bao gồm 7,50% cho 6 tháng cuối năm 2024 và cho các năm tiếp theo là 15,00%/năm).
- (ii) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, các khoản đầu tư HTM dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư có kỳ hạn còn lại từ 21,30 đến 24,50 tháng, lãi suất từ 5,50% đến 15,00%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản đầu tư HTM dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư, có kỳ hạn còn lại từ 14,00 đến 17,00 tháng, lãi suất từ 5,50% đến 18,00%/năm).

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, một số CCTG và HĐTG ngắn hạn và dài hạn với tổng số tiền là 3.104 tỷ Đồng đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4.291 tỷ Đồng) (Thuyết minh 4.13).

4.3.4 Các khoản cho vay

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Cho vay ký quỹ (*)	362.041.222.461	-	416.044.784.125	-
Ứng trước tiền bán chứng khoán	3.706.899.615	-	13.087.020.529	-
	365.748.122.076	-	429.131.804.654	-

- (*) Chứng khoán của khách hàng tham gia vào giao dịch ký quỹ được Tập đoàn nắm giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay. Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 1.078 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.166 tỷ Đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.3 Các loại tài sản tài chính (tiếp theo)

4.3.5 Tài sản tài chính AFS

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024		
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Cổ phiếu chưa niêm yết						
Công ty Cổ phần ("CTCP")						
Finhay	126.891.030.376	(*)	-	126.891.030.376	(*)	-
CTCP Galaxy Education	80.513.905.747	(*)	-	100.747.206.391	(*)	-
CTCP Công nghệ NAMI	39.377.002.648	(*)	-	19.990.916.631	(*)	-
CTCP Giải trí và Giáo dục Galaxy	33.258.788.000	(*)	-	33.258.788.000	(*)	-
CTCP Dịch vụ Di Động Trực Tuyến	27.847.363.882	(*)	-	27.847.363.882	(*)	-
CTCP Xếp hạng Tín nhiệm Thiên Minh (**)	-	(*)	-	3.010.000.000	(*)	-
	307.888.090.653			311.745.305.280		

(*) Các công cụ tài chính này không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý của chúng không thể xác định một cách đáng tin cậy, nên các công cụ tài chính này được phản ánh theo giá gốc.

(**) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Thiên Minh được phân loại lại là công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.4 Các khoản phải thu

a. Ngắn hạn

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	41.440.000.000	219.534.886.900
<i>Bên thứ ba</i>		
Cổ phiếu	41.440.000.000	219.534.886.900
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	86.393.711.182	72.196.888.519
<i>Bên thứ ba</i>		
Dự thu tiền lãi từ các tài sản tài chính	70.921.930.359	62.024.833.724
<i>Bên liên quan</i>		
Dự thu cổ tức từ cổ phiếu ưu đãi cổ tức và hoàn lại	15.471.780.823	10.172.054.795
	127.833.711.182	291.731.775.419

b. Dài hạn

Các khoản phải thu dài hạn là dự thu tiền lãi của các khoản đầu tư HTM.

4.5 Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán bao gồm các khoản ứng trước cho các đối tác cung cấp dịch vụ.

4.6 Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải thu phí dịch vụ quản lý quỹ và danh mục	24.977.701.291	27.665.764.544
<i>Bên thứ ba</i>	848.061.584	5.464.760.742
<i>Bên liên quan</i>	24.129.639.707	22.201.003.802
Phải thu phí tư vấn	754.000.092	12.944.600.092
Phải thu phí lưu ký	201.218.602	216.237.027
Phải thu phí hoạt động môi giới	98.369.683	167.925.713
	26.031.289.668	40.994.527.376

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.7 Chi phí trả trước

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	5.421.026.027	4.957.359.228
Phí dịch vụ phần mềm	3.229.293.554	2.722.089.828
Thuê văn phòng	856.415.286	653.145.742
Phí dịch vụ khác	1.335.317.187	1.582.123.658
Chi phí trả trước dài hạn	5.497.577.274	4.663.596.587
Sửa chữa văn phòng	959.971.836	885.499.338
Thiết bị tin học	685.146.042	1.114.116.626
Phí dịch vụ khác	3.852.459.396	2.663.980.623
	10.918.603.301	9.620.955.815

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.8 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Finsight ("Finsight") (i)	98.761.288.313	(*)	99.141.949.645	(*)
Công ty Cổ phần CASSA ("CASSA") (ii)	85.300.000.000	(*)	-	(*)
Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Thiên Minh ("TMR") (iii)	1.548.680.659	(*)	-	(*)
	185.609.948.972		99.141.949.645	

- (i) Đây là khoản đầu tư vào Finsight, một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316449345 thay đổi lần gần nhất (lần thứ tư) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 09 năm 2024.
- (ii) Đây là khoản đầu tư vào CASSA, một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0111083604 đăng ký lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 06 năm 2025.
- (iii) Đây là khoản đầu tư vào TMR, một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất (lần thứ tư) số 0109307286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 12 năm 2024.
- (*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh lên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ vì khoản đầu tư này không có giá trị niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động về đầu tư vào công ty liên kết trong kỳ/năm như sau:

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Số dư đầu kỳ/năm	99.141.949.645	-
Chuyển khoản đầu tư từ tài sản tài chính AFS thành công ty liên kết	3.010.000.000	-
Chuyển khoản đầu tư công ty con thành công ty liên kết	-	87.816.400.000
Mua cổ phần trong kỳ	85.300.000.000	-
Cổ tức đã nhận	(9.659.804.000)	-
Phản lãi trong công ty liên kết (**)	7.817.803.327	11.325.549.645
Số cuối kỳ/năm	185.609.948.972	99.141.949.645

(**) Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phản lãi trong công ty liên kết kể từ ngày Finsight không còn là công ty con của TVS.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.9 Tài sản cố định hữu hình

	Năng cấp tài sản thuế VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	1.491.567.770	30.954.765.528	3.041.200.700	202.596.880	35.690.130.878
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	1.491.567.770	30.954.765.528	3.041.200.700	202.596.880	35.690.130.878
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	1.491.567.770	21.407.627.536	2.466.160.688	202.596.880	25.567.952.874
Khấu hao trong kỳ	-	1.772.496.463	95.839.998	-	1.868.336.461
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	1.491.567.770	23.180.123.999	2.562.000.686	202.596.880	27.436.289.335
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	-	9.547.137.992	575.040.012	-	10.122.178.004
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	-	7.774.641.529	479.200.014	-	8.253.841.543

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 18,48 tỷ Đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 18,41 tỷ Đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.10 Tài sản cố định vô hình

	<i>Phần mềm tin học VND</i>	<i>TSCĐ vô hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	33.163.316.509	2.301.546.400	35.464.862.909
Mua trong kỳ	3.233.440.000	-	3.233.440.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	420.300.000	420.300.000
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	36.396.756.509	2.721.846.400	39.118.602.909
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	22.087.668.183	2.301.546.400	24.389.214.583
Hao mòn trong kỳ	2.585.031.441	21.443.000	2.606.474.441
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	24.672.699.624	2.322.989.400	26.995.689.024
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	11.075.648.326	-	11.075.648.326
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	11.724.056.885	398.857.000	12.122.913.885

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 13,32 tỷ Đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 13,21 tỷ Đồng).

4.11 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	<i>Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND</i>	<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	1.308.331.465	1.308.331.465
Đặt cọc dài hạn khác	140.022.596	130.384.879
	1.448.354.061	1.438.716.344

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.12 Tiền nộp các quỹ

4.12.1 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại VSDC.

Theo quy định hiện hành của VSDC, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại VSDC và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với thành viên lưu ký là CTCK có nghiệp vụ tự doanh, mỗi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	9.584.000.786	9.142.777.291
Tiền lãi phân bổ	1.878.270.210	1.878.270.210
	11.582.270.996	11.141.047.501

4.12.2 Tài sản dài hạn khác

Đây là tiền nộp Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh. Theo Quy chế Quản lý và Sử dụng Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-VSDC ngày 23 tháng 03 năm 2017 của VSDC, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp.

Chi tiết tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh như sau:

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền lãi phân bổ	83.571.011	75.185.589
	10.083.571.011	10.075.185.589

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.13 Vay ngắn hạn

	Lãi suất %	Kỳ hạn còn lại tháng	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Số vay trong kỳ VND	Số đã trả trong kỳ VND	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND
Vay ngắn hạn						
Tổ chức tài chính	4,10 – 6,80	0,10 – 10,73	4.632.498.490.000	8.493.988.395.754	(9.130.225.850.000)	3.996.261.035.754
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam			2.568.998.490.000	1.807.781.810.000	(2.772.869.290.000)	1.603.911.010.000
- Các ngân hàng khác			2.063.500.000.000	6.686.206.585.754	(6.357.356.560.000)	2.392.350.025.754
Tổ chức kinh tế	6,00 – 6,50	0,70 – 6,00	2.300.000.000	145.200.000.000	(45.200.000.000)	102.300.000.000
Cá nhân	6,32 – 8,00	0,17 – 8,97	17.300.000.000	36.800.000.000	(22.600.000.000)	31.500.000.000
			4.652.098.490.000	8.675.988.395.754	(9.198.025.850.000)	4.130.061.035.754

Các khoản vay của Tập đoàn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, các khoản đầu tư HTM với số tiền là 3.104 tỷ Đồng đang được dùng làm tài sản đảm bảo để thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản đầu tư HTM với số tiền là 4.291 tỷ Đồng).

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn không có khoản vay nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.14 Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

Tình hình biến động của thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

4.14.1 Phái thu

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND
1	Thuế GTGT	192.122.327	11.263.740	-	203.386.067

4.14.2 Phải trả

STT	Chi tiêu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND
1	Thuế TNDN	32.323.686.237	14.209.805.008	(35.663.686.235)	10.869.805.010
2	Thuế GTGT	316.511.146	780.161.364	(876.161.364)	220.511.146
3	Thuế TNCN	1.402.918.104	17.806.723.024	(17.228.203.868)	1.981.437.260
	Khấu trừ của nhân viên	692.848.712	10.352.178.050	(10.012.529.032)	1.032.497.730
	Khấu trừ của nhà đầu tư	375.488.570	2.528.509.401	(2.579.426.411)	324.571.560
	Khấu trừ của người cung cấp dịch vụ	17.757.480	324.060.863	(326.715.926)	15.102.417
	Khấu trừ từ cổ tức	316.823.342	4.601.974.710	(4.309.532.499)	609.265.553
4	Thuế khác	-	51.999.117	(51.999.117)	-
		34.043.115.487	32.848.688.513	(53.820.050.584)	13.071.753.416

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.15 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải trả VSDC	2.734.970.926	99.871.220
Phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán	565.707.500	509.742.397
	3.300.678.426	609.613.617

4.16 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải trả mua các tài sản tài chính	8.569.770.000	274.809.830.693
Bên thứ ba	8.569.770.000	2.758.250.000
Bên liên quan	-	272.051.580.693
Phải trả phí dịch vụ	1.430.749.058	50.000.000
Phải trả khác	146.871.409	528.818.305
	10.147.390.467	275.388.648.998

4.17 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	18.546.289.778	18.871.166.523
Khác	1.751.779.476	368.000.000
	20.298.069.254	19.239.166.523

4.18 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.723.867.720	1.817.727.650
Phải trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức cho tổ chức phát hành	2.375.000	2.375.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	56.333.483	39.980.129
	1.782.576.203	1.860.082.779

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.19 Quĩ khen thưởng, phúc lợi

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Số đầu kỳ/năm	29.691.205.028	27.169.904.891
Trích trong kỳ/năm (Thuyết minh 4.21.3)	14.071.837.065	21.394.082.595
Hoàn nhập trong kỳ/năm (Thuyết minh 4.21.3)	-	(13.872.782.458)
Sử dụng trong kỳ/năm (Thuyết minh 4.21.3)	-	(5.000.000.000)
Số cuối kỳ/năm	43.763.042.093	29.691.205.028

4.20 Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
Dự phòng phải thu khó đòi	8.328.172.300	8.328.172.300
Tính ở thuế suất 20%:		
Dự phòng phải thu khó đòi	1.665.634.460	1.665.634.460
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tạm thời chịu thuế		
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (*)	121.062.022.340	95.896.859.021
Tính ở thuế suất 20%:		
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (*)	24.212.404.468	19.179.371.803

(*) Không bao gồm các khoản chênh lệch tăng đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL từ trái phiếu, CCTG và HĐTG vì các khoản này đã được tính thuế TNDN hiện hành.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.21 Vốn chủ sở hữu

4.21.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết số lượng cổ phiếu của Công ty như sau:

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 Cổ phiếu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	166.995.274	166.995.274

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông. Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 Đồng.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Cổ đông lớn				
Nguyễn Trung Hà	51.976.437	31,12	51.976.437	31,12
Đinh Thị Hoa	26.657.371	15,96	21.968.458	13,16
Wardhaven Vietnam Fund	9.780.355	5,86	9.780.355	5,86
Các cổ đông khác	78.581.111	47,06	83.270.024	49,86
	166.995.274	100,00	166.995.274	100,00

Biến động số lượng cổ phần đang lưu hành trong kỳ/năm như sau:

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 Cổ phiếu	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 Cổ phiếu
Số đầu kỳ/năm	166.995.274	151.314.672
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	15.180.602
Phát hành cổ phiếu thưởng trả cho người lao động	-	500.000
Số cuối kỳ/năm	166.995.274	166.995.274

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.21 Vốn góp của chủ sở hữu (tiếp theo)

4.21.2 Lợi nhuận chưa phân phối

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	636.820.132.581	590.160.309.835
Lợi nhuận chưa thực hiện	87.830.520.849	52.678.167.060
Lợi nhuận chưa thực hiện và thuế hoãn lại trên đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	87.830.520.849	52.678.167.060
	724.650.653.430	642.838.476.895

Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông như sau:

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đầu kỳ/năm	590.160.309.835	481.779.457.339
2. Lỗ chưa thực hiện trong kỳ/năm	-	-
3. Lợi nhuận đã thực hiện trong kỳ/năm	60.731.659.811	267.713.696.988
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối kỳ/năm (4)=(1)+(2)+(3)	650.891.969.646	749.493.154.327
5. Thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ đông không kiểm soát	-	2.544.082
6. Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	(151.806.020.000)
7. Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	13.850.586.006
8. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(14.071.837.065)	(21.379.954.580)
Lợi nhuận tối đa còn có thể phân phối	636.820.132.581	590.160.309.835

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.21 Vốn góp của chủ sở hữu (tiếp theo)

4.21.3 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ được thể hiện trong bảng dưới đây:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung tài chính và rủi ro vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng nghiệp vụ VND	Lợi nhuận đã thực hiện VND	Lợi nhuận chưa thực hiện VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số đầu kỳ	1.669.952.740.000	15.261.041.300	2.385.326.228	2.515.647.373	590.160.309.835	52.678.167.060	1.215.881.299	2.334.169.113.095
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	60.731.659.811	35.152.353.789	142.277.449	96.026.291.049
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(14.071.837.065)	-	-	(14.071.837.065)
Số cuối kỳ	1.669.952.740.000	15.261.041.300	2.385.326.228	2.515.647.373	636.820.132.581	87.830.520.849	1.358.158.748	2.416.123.567.079

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 25 tháng 04 năm 2025, Công ty đã thông qua việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là 14.071.837.065 Đồng, tương đương 5% lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đến cuối năm 2024.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.21 Vốn góp của chủ sở hữu (tiếp theo)

4.21.3 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm tài chính 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung tài chính và rủi ro vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng nghịệp vụ VND	Lợi nhuận đã thực hiện VND	Lợi nhuận chưa thực hiện VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm	1.513.146.720.000	14.111.041.300	2.385.326.228	2.515.647.373	481.779.457.339	39.514.651.046	1.963.199.491	2.055.416.042.777
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	267.713.696.988	13.163.516.014	756.754.889	281.633.967.891
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	151.806.020.000	-	-	-	(151.806.020.000)	-	-	-
Cổ phiếu thưởng cho người lao động (**)	5.000.000.000	1.150.000.000	-	-	-	-	-	6.150.000.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (***)	-	-	-	-	(21.379.954.580)	-	(14.128.015)	(21.394.082.595)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi (****)	-	-	-	-	13.850.586.006	-	22.196.452	13.872.782.458
Thay đổi tỷ lệ sở hữu NCI	-	-	-	-	2.544.082	-	(2.544.082)	-
Bán công ty con	-	-	-	-	-	-	(560.000.000)	(560.000.000)
Chia cổ tức bằng tiền của công ty con	-	-	-	-	-	-	(949.597.436)	(949.597.436)
Số cuối năm	1.669.952.740.000	15.261.041.300	2.385.326.228	2.515.647.373	590.160.309.835	52.678.167.060	1.215.881.299	2.334.169.113.095

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.21 Vốn góp của chủ sở hữu (tiếp theo)

4.21.3 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 24 tháng 04 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 07 tháng 05 năm 2024, Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận thêm 01 cổ phiếu). Theo đó, Công ty đã hoàn thành phát hành thêm 15.180.602 cổ phiếu mới vào ngày 12 tháng 06 năm 2024 và nhận được Công văn số 3763/UBCK-QLKD từ UBCKNN về việc xác nhận kết quả đợt phát hành vào ngày 17 tháng 06 năm 2024.

(**) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 11 tháng 12 năm 2023 và ngày 29 tháng 01 năm 2024, Công ty đã thông qua phương án phát hành 500.000 cổ phiếu phổ thông theo chương trình ESOP, trong đó nguồn tăng vốn từ Quỹ khen thưởng phúc lợi là 5 tỷ Đồng (Thuyết minh 4.19) và thực thu từ người lao động là 1,15 tỷ Đồng. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành này với số tiền 1,15 tỷ Đồng theo khoản chênh lệch giữa giá phát hành 12.300 Đồng/cổ phần so với mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phần cho 500.000 cổ phiếu. Cổ phiếu ESOP phát hành bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày phát hành. Công ty đã hoàn thành đợt phát hành vào ngày 25 tháng 03 năm 2024 và nhận được Công văn số 2053/UBCK-QLKD từ UBCKNN về việc xác nhận kết quả đợt phát hành vào ngày 01 tháng 04 năm 2024.

(***) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 24 tháng 04 năm 2024, Công ty đã thông qua việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi là 12.564.073.026 Đồng, tương đương 5% lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đến cuối năm 2023.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 2703/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 03 năm 2024, TVAM thông qua mức trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi là 8.830.009.569 Đồng, tương đương 7% LSNT chưa phân phối đến cuối năm 2023.

(****) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường của TVAM số 3005/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 05 năm 2024, TVAM đã thông qua việc hoàn nhập toàn bộ các khoản TVAM đã trích cho Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2021 và 2023 với số tiền lần lượt là 5.042.772.889 Đồng và 8.830.009.569 Đồng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.22 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đầu kỳ/năm	1.215.881.299	1.963.199.491
Lợi nhuận trong kỳ	142.277.449	756.754.889
Lợi nhuận đã thực hiện	142.277.449	781.608.474
Lỗ chưa thực hiện	-	(24.853.585)
Giao dịch với cổ đông không kiểm soát	-	(2.544.082)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(14.128.015)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	22.196.452
Chia cổ tức bằng tiền	-	(949.597.436)
Bán công ty con	-	(560.000.000)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát cuối kỳ/năm	1.358.158.748	1.215.881.299

4.23 Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

4.23.1 Nợ khó đòi đã xử lý

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Cho vay ký quỹ	21.474.230.387	21.474.230.387
Tạm ứng tiền bán chứng khoán	15.050.634.719	15.050.634.719
Phải thu cổ tức	1.114.000.000	1.114.000.000
Phải thu hoạt động tư vấn	973.316.000	973.316.000
	38.612.181.106	38.612.181.106

Tập đoàn đã trích lập dự phòng toàn bộ phần nợ không thu hồi được trước khi xóa sổ các số dư khó đòi này.

4.23.2 Ngoại tệ các loại

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
USD	-	-

4.23.3 Cổ phiếu đang lưu hành

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 Cổ phiếu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 Cổ phiếu
Số lượng lưu hành dưới 1 năm	-	15.680.602
Số lượng lưu hành từ 1 năm trở lên	166.995.274	151.314.672
	166.995.274	166.995.274

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.23 Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4.23.4 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của CTCK

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	432.537.110.000	491.882.730.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	2.900.000.000	400.000.000
	435.437.110.000	492.282.730.000

4.23.5 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	2.400.000	1.900.000

4.23.6 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Cổ phiếu	3.031.630.000	1.050.940.000

4.23.7 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Cổ phiếu	9.420.240.000	12.430.240.000
Chứng chỉ quỹ	51.515.000.000	51.515.000.000
	60.935.240.000	63.945.240.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.23 Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4.23.8 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.867.547.110.000	1.980.125.840.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	7.902.770.000	14.005.500.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	156.150.000.000	110.650.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	70.000	70.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	13.613.820.000	16.283.280.000
	2.045.213.770.000	2.121.064.690.000

4.23.9 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	14.643.790.000	8.544.470.000

4.23.10 Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Cổ phiếu	13.385.320.000	8.234.950.000
Chứng chỉ quỹ	2.000.000	3.000.000
	13.387.320.000	8.237.950.000

4.23.11 Tài sản tài chính được hưởng quyền của nhà đầu tư

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Cổ phiếu	10.951.540.000	2.624.540.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.23 Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4.23.12 Tiền gửi của Nhà đầu tư

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	96.968.224.560	75.317.196.998
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	91.830.801.037	70.438.526.751
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	5.137.423.523	4.878.670.247
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	3.977.019.507	26.636.578
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước</i>	19.380.412	17.571.925
<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài</i>	3.957.639.095	9.064.653
	100.945.244.067	75.343.833.576

4.23.13 Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	71.792.000.537	55.588.680.706
<i>Trong nước</i>	66.644.922.919	50.700.945.806
<i>Nước ngoài</i>	5.147.077.618	4.887.734.900
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư	29.153.243.530	19.755.152.870
<i>Trong nước</i>	25.205.258.530	19.755.152.870
<i>Nước ngoài</i>	3.947.985.000	-
	100.945.244.067	75.343.833.576

4.23.14 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông hoặc lợi nhuận cho thành viên góp vốn Công ty	1.723.867.720	1.728.227.650
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	2.375.000	2.375.000
	1.726.242.720	1.730.602.650

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Lãi/(lỗ) từ các tài sản tài chính

5.1.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL		
Trong đó:	92.060.761.649	184.686.619.609
Lãi bán chứng khoán cơ sở	60.460.448.568	122.853.695.937
Lãi bán CCTG, HĐTG và khác	31.600.313.081	61.832.923.672
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(41.435.523.110)	(16.076.635.956)
Trong đó:	(41.162.824.972)	(15.667.172.711)
Lỗ bán chứng khoán cơ sở	(272.698.138)	(409.463.245)
Lỗ bán CCTG, HĐTG và khác		
	50.625.238.539	168.609.983.653

Chi tiết theo từng loại như sau:

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền di động VND	Lãi bán kỳ này VND	Lãi/(lỗ) bán kỳ trước VND
Cổ phiếu niêm yết	31.098.433	814.632.408.450	802.740.212.423	11.892.196.027	92.543.259.758
Cổ phiếu chưa niêm yết	371.922	25.000.000.000	20.233.300.644	4.766.699.356	(123.215.385)
Trái phiếu niêm yết	58.338.725	6.437.005.219.450	6.435.692.788.673	1.312.430.777	5.831.160.713
Trái phiếu chưa niêm yết	15.116	156.768.087.236	155.441.789.800	1.326.297.436	8.643.811.290
CCTG, HĐTG và khác	60.867.672	8.766.731.856.770	8.735.404.241.827	31.327.614.943	61.714.967.277
		16.200.137.571.906	16.149.512.333.367	50.625.238.539	168.609.983.653

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.1 Lãi/(lỗ) từ các tài sản tài chính (tiếp theo)

5.1.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
Chênh lệch tăng	115.281.355.711	97.021.912.557
Chênh lệch giảm	(75.095.969.257)	(110.779.836.956)
	40.185.386.454	(13.757.924.399)

Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL chi tiết lũy kế theo từng loại như sau:

Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ trong kỳ VND
FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết	844.069.466.952	918.740.295.530	74.670.828.578	19.668.277.800	55.002.550.778
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.846.110	5.280.450	(10.565.660)	(10.483.238)	(82.422)
Chứng chỉ quỹ niêm yết	82.879.640.000	118.923.160.000	36.043.520.000	51.343.520.000	(15.300.000.000)
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	3.000.000.000	3.168.585.000	168.585.000	31.365.000	137.220.000
Trái phiếu niêm yết	29.997.216.000	30.239.037.360	241.821.360	59.140.563	182.680.797
Trái phiếu chưa niêm yết	100.000.000.000	100.171.178.082	171.178.082	67.920.822	103.257.260
Chứng chỉ tiền gửi	438.152.719.098	438.212.479.139	59.760.041	-	59.760.041
	1.498.114.888.160	1.609.460.015.561	111.345.127.401	71.159.740.947	40.185.386.454

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.1 *Lãi/(lỗ) từ các tài sản tài chính* (tiếp theo)

5.1.3 *Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND</i>
Từ tài sản tài chính FVTPL	5.295.747.494	19.228.174.644
<i>Cổ tức</i>	5.295.747.494	19.228.174.644
Từ các khoản đầu tư HTM	125.176.100.181	348.664.376.997
<i>Tiền lãi</i>	109.704.319.358	348.664.376.997
<i>Cổ tức từ cổ phiếu ưu đãi cổ tức và hoàn lại</i>	15.471.780.823	-
Từ tiền lãi từ các khoản cho vay và phải thu	18.180.440.949	15.195.367.722
	148.652.288.624	383.087.919.363

5.2 *Thu nhập hoạt động khác*

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND</i>
Doanh thu từ quản lý danh mục	27.451.536.080	4.670.960.531
Doanh thu từ quản lý quỹ	2.912.871.324	3.374.378.711
	30.364.407.404	8.045.339.242

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.3 Chi phí hoạt động ngoài các chi phí liên quan đến tài sản tài chính

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
Chi phí hoạt động tự doanh	18.905.712.996	26.809.394.593
Chi phí lương	11.249.503.355	23.512.125.182
Dịch vụ mua ngoài	2.506.318.550	614.428.969
Chi phí thuê hoạt động	847.560.659	203.373.256
Khấu hao TSCĐ	1.735.354.700	1.037.425.907
Phí giao dịch tài sản tài chính tự doanh	717.380.117	442.052.361
Phí lưu ký tài sản tài chính tự doanh	394.742.923	463.995.141
Chi phí khác	1.454.852.692	535.993.777
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	10.458.967.633	14.500.017.906
Chi phí lương	3.194.312.695	6.603.632.287
Dịch vụ mua ngoài	2.148.328.227	2.618.851.908
Chi phí thuê hoạt động	414.721.676	595.752.122
Khấu hao TSCĐ	1.686.311.267	1.565.620.700
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	1.533.311.995	1.677.518.513
Chi phí khác	1.481.981.773	1.438.642.376
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	6.284.237.270	4.621.107.343
Chi phí lương	4.691.622.158	3.412.952.664
Dịch vụ mua ngoài	538.271.987	274.009.173
Chi phí thuê hoạt động	368.616.785	139.419.847
Khấu hao TSCĐ	255.451.504	188.110.818
Vật tư văn phòng	188.050.919	70.084.184
Chi phí khác	242.223.917	536.530.657
Chi phí hoạt động khác	10.964.079.684	8.462.129.178
Chi phí lương	7.712.258.374	6.742.610.837
Dịch vụ mua ngoài	2.227.470.010	268.390.998
Chi phí thuê hoạt động	505.273.607	242.850.946
Khấu hao TSCĐ	87.689.373	66.738.901
Chi phí khác	431.388.320	1.141.537.496
	46.612.997.583	54.392.649.020

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái	-	4.461.495
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	261.552.257	242.274.872
Phần lãi trong công ty liên kết	7.817.803.327	1.480.177.943
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	-	1.379.754.000
	8.079.355.584	3.106.668.310

5.5 Chi phí tài chính

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	-	4.075.167
Chi phí lãi vay	98.900.617.065	86.977.772.539
Chi phí tài chính khác (*)	-	233.338.133.263
	98.900.617.065	320.319.980.969

(*) Đây là chi phí hoạt động hợp tác kinh doanh với đối tác.

5.6 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
Chi phí lương	15.598.968.148	21.815.419.436
Dịch vụ mua ngoài	5.742.761.187	4.697.677.237
Chi phí thuê hoạt động	2.049.499.077	3.769.555.130
Khấu hao TSCĐ	710.004.058	517.587.696
Vật tư văn phòng	739.817.121	535.823.853
Chi phí thuế, phí và lệ phí	12.078.400	13.390.600
Chi phí khác	1.140.707.960	4.308.045.514
	25.993.835.951	35.657.499.466

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.7 Thuế TNDN

5.7.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ kế toán hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của các công ty trong Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Các công ty trong Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán thuần trước thuế	115.269.128.722	153.769.220.950
Tổng các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	(46.420.103.682)	(15.484.103.248)
Các khoản điều chỉnh tăng	608.683.919	16.031.995.550
Chi phí không được trừ	608.683.919	831.815.541
Chênh lệch đánh giá lại TSTC FVTPL	-	8.904.180.009
Các khoản điều chỉnh tăng khác	-	6.296.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(47.028.787.601)	(31.516.098.798)
Chênh lệch đánh giá lại TSTC FVTPL	(25.165.163.319)	(13.899.463.999)
Lợi nhuận chia sẻ từ công ty liên kết	(7.817.803.327)	(1.480.177.943)
Thu nhập từ cổ tức	(5.295.747.494)	(14.131.774.644)
Lỗi lũy kế được khấu trừ	-	(95.963.900)
Các khoản điều chỉnh giảm khác	(8.750.073.461)	(1.908.718.312)
Thu nhập chịu thuế (*)	68.849.025.040	138.285.117.702
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN – hiện hành theo thu nhập chịu thuế kỳ này (*)	13.769.805.008	27.657.023.540
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	440.000.000	-
Chi phí thuế TNDN - hiện hành	14.209.805.008	27.657.023.540
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	32.323.686.237	8.393.176.491
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(35.663.686.235)	(16.781.176.489)
Số cần trừ trong kỳ	-	(2.715.302.954)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	(7.386.964.998)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	10.869.805.010	9.166.755.590

(*) Chi phí thuế TNDN được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.
Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế TNDN của Công ty cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.7 Thuế TNDN (tiếp theo)

5.7.2 Thuế TNDN hoãn lại

Biến động của thuế TNDN hoãn lại trong kỳ/năm như sau:

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		
Số dư đầu kỳ/năm	1.665.634.460	2.136.564.460
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-	129.070.000
Xóa sổ tài sản tài chính AFS	-	(600.000.000)
Khác	-	1.259.200.001
Thoái vốn công ty con	-	(1.259.200.001)
Số dư cuối kỳ/năm	1.665.634.460	1.665.634.460
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Số dư đầu kỳ/năm	19.179.371.803	14.796.739.231
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	5.033.032.665	4.382.632.572
Số dư cuối kỳ/năm	24.212.404.468	19.179.371.803

Tập đoàn đã ghi nhận chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng giữa niên độ như sau:

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-	(129.070.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	5.033.032.665	(384.209.957)
Khác	-	(1.259.200.001)
(Chi phí)/Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	5.033.032.665	(1.772.479.958)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

6. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ, không có giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ.

7. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CỦA CÔNG TY CON

Các khoản mục ngoại bảng của TVAM trình bày tài sản quản lý quỹ và quản lý danh mục của nhà đầu tư ủy thác bao gồm chứng khoán vốn và chứng khoán nợ.

7.1 Danh mục của nhà đầu tư ủy thác

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Nhà đầu tư trong nước		
Cổ phiếu niêm yết	116.209.316.950	324.301.428.020
Cổ phiếu niêm yết bị suy giảm giá trị	52.484.646.224	75.568.205.676
VCI	15.283.237.744	5.005.364.658
VPB	13.055.050.000	2.045.495.016
MWG	-	15.670.998.746
SSI	-	10.529.375.100
Các mã chứng khoán khác	24.146.358.480	42.316.972.156
Cổ phiếu niêm yết không bị suy giảm giá trị	63.724.670.726	248.733.222.344
Cổ phiếu chưa niêm yết	155.147.787.630	64.781.068.942
Chứng chỉ quỹ niêm yết	50.653.849.974	130.096.930.470
Chứng chỉ quỹ niêm yết bị suy giảm giá trị	7.687.578.537	9.938.458.047
FUESSV50	4.097.174.668	5.475.374.226
FUESSV30	3.590.403.869	4.463.083.821
Chứng chỉ quỹ niêm yết không bị suy giảm giá trị	42.966.271.437	120.158.472.423
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	116.840.514.629	53.695.996.798
Trái phiếu niêm yết	660.078.435.976	776.935.670.752
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	730.532.428.767	207.387.088.201
Trái phiếu chưa niêm yết đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	566.546.521.587	515.146.036.897
CCTG	3.946.734.098.136	3.515.177.642.724
HĐTG	4.593.772.260.275	3.349.800.000.000
	10.936.515.213.924	8.937.321.862.804
	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Nhà đầu tư nước ngoài		
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.397.851.435	2.397.851.435

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

7. CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CỦA CÔNG TY CON (tiếp theo)

7.1 *Danh mục của nhà đầu tư ủy thác* (tiếp theo)

(*) Chi tiết số dư danh mục đầu tư TPDN có rủi ro của các nhà đầu tư ủy thác trong nước như sau:

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
TPDN chưa niêm yết	-	7.394.007.379

Các nhà đầu tư ủy thác có các mô hình định giá khác nhau và giá trị hợp lý của các trái phiếu này theo các mô hình định giá đó có thể khác nhau.

7.2 *Các khoản tiền gửi/phải thu/phải trả của nhà đầu tư ủy thác*

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	30.883.932.590	24.148.157.781
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước</i>	30.883.262.729	24.147.010.420
<i>Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</i>	669.861	1.147.361
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	366.043.533.653	267.967.094.353
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	25.215.297.265	37.072.379.284

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 *Nghiệp vụ với các bên liên quan*

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Thiên Minh	Công ty liên kết của TVS
Công ty Cổ phần CASSA ("CASSA")	Công ty liên kết của TVS
Công ty Cổ phần Finsight ("Finsight")	Công ty liên kết của TVAM
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3 ("FUCTVGF3")	Quỹ đầu tư do TVAM quản lý
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 ("FUCTVGF4")	Quỹ đầu tư do TVAM quản lý
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5 ("FUCTVGF5")	Quỹ đầu tư do TVAM quản lý
Ban lãnh đạo	Bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Công ty, công ty con và bên liên quan của các thành viên này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

8.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Sổ dư và các giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(phải trả)		Doanh thu/(chi phí) cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	
		Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025
		VND	VND	VND	VND
Finsight	Mua cổ phiếu ưu đãi cổ tức và hoàn lại	208.000.000.000	-	-	208.000.000.000
	Phí quản lý danh mục	22.201.003.802	24.495.305.855	(22.566.669.950)	24.129.639.707
	Phải trả mua tài sản tài chính	(272.051.580.693)	-	272.051.580.693	-
	Phải thu phí môi giới	-	31.657.138	(31.657.138)	-
	Tiền gửi nhà đầu tư	60.682.374	60.273	-	60.742.647
	Phải thu cổ tức từ cổ phiếu ưu đãi cổ tức và hoàn lại	10.172.054.795	15.471.780.823	(10.172.054.795)	15.471.780.823
	Phải thu cổ tức phổ thông	-	9.659.804.000	(9.659.804.000)	9.659.804.000
Quỹ Đầu tư	Tài sản tài chính FVTPL	26.154.000.000	-	-	26.154.000.000
Tăng trưởng	Phải thu phí quản lý Quỹ	-	1.028.624.626	(1.028.624.626)	-
Thiên Việt 3	Phí giao dịch	-	38.316.052	(37.419.052)	897.000
Quỹ Đầu tư	Tài sản tài chính FVTPL	25.819.640.000	-	-	25.819.640.000
Tăng trưởng	Phải thu phí quản lý Quỹ	-	1.011.410.021	(1.011.410.021)	-
Thiên Việt 4	Phải thu phí giao dịch	-	36.438.703	(35.541.703)	897.000
Quỹ Đầu tư	Tài sản tài chính FVTPL	30.906.000.000	-	-	30.906.000.000
Tăng trưởng	Phải thu phí quản lý Quỹ	-	872.836.677	(872.836.677)	-
Thiên Việt 5	Phí giao dịch	-	39.695.512	(39.695.512)	-
Ban lãnh đạo	Phải trả cổ tức	(20.000.000)	-	20.000.000	-
TVS					

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

8.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(phải trả)			Doanh thu/(chi phí) cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết	
		Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	06 năm 2025 VND
Ban kiểm soát của Finsight và TVAM	Đầu tư HTM dài hạn	35.324.176.000	27.618.700.000	(52.575.402.000)	10.367.474.000	-
	Lãi phải thu	1.529.949.331	516.420.200	(1.696.388.486)	349.981.045	516.420.200
	Phải trả cổ tức	(49.500.000)	-	49.500.000	-	-
CASSA	Vốn góp đầu tư	-	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
	Vay	-	(100.000.000.000)	-	(100.000.000.000)	-
	Phải trả lãi vay	-	(195.890.411)	-	(195.890.411)	(195.890.411)
	Phải trả mua tài sản tài chính	-	(100.583.340.000)	100.583.340.000	-	-
	Phải thu bán tài sản tài chính	-	100.581.000.000	(100.581.000.000)	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

8.1 *Nghịệp vụ với các bên liên quan* (tiếp theo)

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(phải trả)		Doanh thu/(chi phí) cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc	
		Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Finsight	Mua cổ phiếu ưu đãi cổ tức và hoàn lại	-	208.000.000.000	-	208.000.000.000
	Phải thu phí quản lý danh mục (*)	-	27.599.200.405	(5.398.196.603)	22.201.003.802
	Phải thu bán tài sản tài chính	-	355.138.856.294	(355.138.856.294)	-
	Phải trả mua tài sản tài chính	-	(308.851.580.693)	36.800.000.000	(272.051.580.693)
	Phải thu phí môi giới	-	62.309.325	(62.309.325)	-
	Tiền gửi nhà đầu tư	-	60.682.374	-	60.682.374
Quý Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	Phải thu cổ tức từ cổ phiếu ưu đãi cổ tức và hoàn lại	-	10.172.054.795	-	10.172.054.795
	Tài sản tài chính FVTPL	26.154.000.000	-	-	26.154.000.000
	Phải thu phí quản lý Quỹ	475.470.100	2.278.630.323	(2.754.100.423)	-
	Lợi tức	-	2.540.000.000	(2.540.000.000)	-
	Phải thu phí giao dịch	-	137.050.901	(137.050.901)	-
					1.217.700.596 2.540.000.000 78.221.034
Quý Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4	Tài sản tài chính FVTPL	25.819.640.000	-	-	25.819.640.000
	Phải thu phí quản lý Quỹ	3.434.331.680	2.247.318.865	(5.681.650.545)	-
	Lợi tức	-	2.556.400.000	(2.556.400.000)	-
	Phải thu phí giao dịch	-	110.861.666	(110.861.666)	-
Quý Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5	Tài sản tài chính FVTPL	30.906.000.000	-	-	30.906.000.000
	Phải thu phí quản lý Quỹ	-	1.861.114.503	(1.861.114.503)	-
	Phải thu phí giao dịch	-	111.304.202	(111.304.202)	-
					953.355.062 53.611.891

(*) Biến động tăng trong năm của nghiệp vụ phí quản lý doanh mục với Finsight bao gồm khoản phải thu phát sinh tăng từ doanh thu tính từ thời điểm thoái vốn đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 và khoản phải thu phát sinh tăng từ giao dịch thoái vốn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

8.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(phải trả)			Doanh thu/(chi phí) cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
		Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	
Ban lãnh đạo TVS	Phải thu khác	1.502.195.651	-	(1.502.195.651)	-
	Vay	(83.470.000.000)	-	83.470.000.000	-
	Phải trả trả cổ tức	-	(126.100.000)	106.100.000	-
	Phải trả khác	(256.867.378.660)	(2.773.636.266)	259.641.014.926	(2.773.636.266)
Ban kiểm soát của Finsight và TVAM	Phải thu bán tài sản tài chính	-	742.785.560	(742.785.560)	-
	Đầu tư HTM dài hạn	-	96.924.176.000	(61.600.000.000)	-
	Lãi phải thu	-	3.489.209.604	(1.959.260.273)	35.324.176.000
	Phải trả lãi vay	-	(262.465.752)	262.465.752	1.529.949.331
	Phải trả cổ tức	-	(49.500.000)	-	(49.500.000)
Bên liên quan của thành viên HĐQT TVS (**)	Đầu tư HTM dài hạn	200.000.000.000	-	(200.000.000.000)	-
	Tài sản tài chính AFS	230.091.122.337	-	(230.091.122.337)	-
	Lãi phải thu	38.501.882.096	12.456.267.957	(50.958.150.053)	12.456.267.957

(**) Biến động giám của các nghiệp vụ đối với bên liên quan của HĐQT TVS bao gồm khoản phải thu phát sinh giảm từ việc nhận thanh toán trước thời điểm còn là bên liên quan và khoản phát sinh giám do không còn là bên liên quan.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

8.2 Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và tiền lương Tổng Giám đốc cho giai đoạn tài chính sáu tháng như sau:

Chức danh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	
	Tiền lương VND	Thù lao VND	Tiền lương VND	Thù lao VND
Nguyễn Thanh Thảo - Tổng Giám đốc	1.516.000.000	-	1.510.600.000	-

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty chưa phát sinh thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

8.3 *Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Tổng Giám đốc của Công ty nhận định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Tập đoàn chủ yếu dựa trên các loại dịch vụ mà Tập đoàn cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không chịu tác động trọng yếu bởi những khác biệt về sản phẩm hay khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận "Môi giới và dịch vụ khách hàng" tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán, dịch vụ lưu ký chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán khác.

Bộ phận "Tự doanh" tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến danh mục đầu tư tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS, các khoản đầu tư HTM và lỗ suy giảm tài sản tài chính.

Bộ phận "Tư vấn tài chính" tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn chào bán, phát hành chứng khoán.

Bộ phận "Kinh doanh nguồn vốn" tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư tài sản tài chính HTM và các công cụ nợ ghi nhận là tài sản tài chính FVTPL.

Bộ phận "Quản lý quỹ" tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động quản lý quỹ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B05a-CTCK/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

8.3 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn trong kỳ như sau:

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Tư vấn tài chính VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Finsight VND	Quản lý quỹ VND	Tổng cộng VND
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025							
Doanh thu thuần	25.939.431.094	221.838.559.954	8.714.113.636	100.765.176.515	-	30.364.407.404	387.621.688.603
Các chi phí trực tiếp	(15.563.742.346)	(134.245.813.735)	(6.028.785.766)	(98.832.184.188)	-	(10.836.919.267)	(265.507.445.302)
Khấu hao và các chi phí phân bổ	(1.686.311.267)	(1.735.354.700)	(255.451.504)	-	-	(87.689.373)	(3.764.806.844)
Phân loại lại thu nhập công cụ nợ	-	(26.668.181.531)	-	26.668.181.531	-	-	-
Doanh thu/(chi phí) nội bộ	-	(3.708.106.407)	-	-	-	3.708.106.407	-
Kết quả kinh doanh bộ phận							
Phân bổ lãi từ công ty liên kết - Finsight	8.689.377.481	55.481.103.581	2.429.876.366	28.601.173.858	-	23.147.905.171	118.349.436.457
Phân bổ lỗ từ công ty liên kết - TMR							9.279.122.668
Cổ tức từ cổ phiếu ưu đãi cổ tức và hoàn lại							(1.461.319.341)
Chi phí không phân bổ							15.471.780.823
							(26.369.891.885)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế							115.269.128.722

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (*)

Doanh thu thuần	29.596.241.974	251.095.113.770	926.363.636	88.110.577.972	312.021.882.432	8.045.339.242	689.795.519.026
Các chi phí trực tiếp	(13.153.411.477)	(139.916.988.768)	(4.432.996.525)	(82.727.318.392)	(251.147.543.737)	(8.319.622.572)	(499.697.881.471)
Khấu hao và các chi phí phân bổ	(1.565.620.700)	(1.037.425.907)	(188.110.818)	-	-	(66.738.901)	(2.857.896.326)
Phân loại lại thu nhập công cụ nợ	-	(22.826.369.616)	-	22.826.369.616	-	-	-
Doanh thu/(chi phí) nội bộ	36.741.994	(3.546.072.480)	-	-	(5.073.027.828)	8.582.358.314	-
Kết quả kinh doanh bộ phận							
Phân bổ lãi từ công ty liên kết - Finsight	14.913.951.791	83.768.256.999	(3.694.743.707)	28.209.629.196	55.801.310.867	8.241.336.083	187.239.741.229
Chi phí không phân bổ							1.480.177.943
							(34.950.698.222)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế							153.769.220.950

(*) Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 được trình bày lại cho phù hợp với cấu trúc của báo cáo kết quả hoạt động.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

8.3 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Tư vấn tài chính VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Quản lý quỹ VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025						
Tài sản bộ phận	389.379.186.828	1.587.559.811.949	754.000.092	4.218.095.030.966	27.335.706.803	6.223.123.736.538
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	41.958.236.263	-	372.979.785.615	1.643.524.889	416.581.546.767
Các tài sản tài chính FVTPL	-	1.040.837.320.980	-	568.622.694.581	-	1.609.460.015.561
Các khoản đầu tư HTM	-	148.717.474.000	-	3.210.521.957.398	-	3.359.239.431.398
Các khoản cho vay	365.748.122.076	-	-	-	-	365.748.122.076
Tài sản tài chính AFS	-	307.888.090.653	-	-	-	307.888.090.653
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	41.440.000.000	-	-	-	41.440.000.000
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	-	6.567.049.539	-	65.970.593.372	21.918	72.537.664.829
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	299.588.285	-	754.000.092	-	24.977.701.291	26.031.289.668
Quỹ hỗ trợ thanh toán và tài sản dài hạn khác	21.665.842.007	-	-	-	-	21.665.842.007
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.665.634.460	-	-	-	-	1.665.634.460
Các tài sản khác	-	151.640.514	-	-	714.458.705	866.099.219
Tài sản phân bổ	8.950.002.587	9.210.297.861	1.355.794.548	-	860.660.432	20.376.755.428
Tài sản cố định	8.950.002.587	9.210.297.861	1.355.794.548	-	860.660.432	20.376.755.428
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	423.645.719.297
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	-	-	-	-	-	185.609.948.972
Cổ phiếu ưu đãi cổ tức và hoàn lại	-	-	-	-	-	208.000.000.000
Phải thu cổ tức từ cổ phiếu ưu đãi cổ tức và hoàn lại	-	-	-	-	-	15.471.780.823
Tài sản không phân bổ khác	-	-	-	-	-	14.563.989.502
Tổng tài sản	398.329.189.415	1.596.770.109.810	2.109.794.640	4.218.095.030.966	28.196.367.235	6.667.146.211.363
Nợ phải trả bộ phận	166.242.366.737	41.744.675.992	-	3.980.631.231.742	6.914.243.720	4.195.532.518.191
Vay ngắn hạn	165.841.688.311	2.300.000.000	-	3.962.119.347.443	-	4.130.061.035.754
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	600.678.426	2.700.000.000	-	-	-	3.300.678.426
Phải trả người bán ngắn hạn	-	8.716.641.409	-	-	-	10.147.390.467
Lãi phải trả cho các hợp đồng vay	-	34.405.479	-	18.511.884.299	-	18.546.289.778
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	24.212.404.468	-	-	-	24.212.404.468
Phải trả khác	-	3.781.224.636	-	-	5.483.494.662	9.264.719.298
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	55.490.126.093
Tổng nợ phải trả	166.242.366.737	41.744.675.992	-	3.980.631.231.742	6.914.243.720	4.251.022.644.284
Tài sản thuần	232.086.822.678	1.555.025.433.818	2.109.794.640	237.463.799.224	21.282.123.515	2.416.123.567.079

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

8.3 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Mối giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Tư vấn tài chính VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Quản lý quỹ VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (*)						
Tài sản bộ phận	453.302.029.944	1.757.875.835.187	12.944.600.092	4.776.677.631.074	32.141.896.795	7.032.941.993.092
Tiền và các khoản tương đương tiền	904.195.000	97.349.359.622	-	109.438.502.594	3.741.600.479	211.433.657.695
Các tài sản tài chính FVTPL	-	1.002.884.622.047	-	102.317.862.140	-	1.105.202.484.187
Các khoản đầu tư HTM	-	121.474.176.000	-	4.503.971.276.452	-	4.625.445.452.452
Các khoản cho vay	429.131.804.654	-	-	-	-	429.131.804.654
Tài sản tài chính AFS	-	311.745.305.280	-	-	-	311.745.305.280
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	219.534.886.900	-	-	-	219.534.886.900
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	-	4.747.120.564	-	60.949.989.888	186.302	65.697.296.754
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	384.162.740	-	12.944.600.092	-	27.665.764.544	40.994.527.376
Quỹ hỗ trợ thanh toán và tài sản dài hạn khác	21.216.233.090	-	-	-	-	21.216.233.090
Tài sản thuê TNDN hoãn lại	1.665.634.460	-	-	-	-	1.665.634.460
Các tài sản khác	-	140.364.774	-	-	734.345.470	874.710.244
Tài sản phân bổ	10.814.842.312	8.151.321.405	1.398.913.806	-	832.748.807	21.197.826.330
Tài sản cố định	10.814.842.312	8.151.321.405	1.398.913.806	-	832.748.807	21.197.826.330
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	331.344.021.924
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	-	-	-	-	-	99.141.949.645
Cổ phiếu ưu đãi cổ tức và hoàn lại	-	-	-	-	-	208.000.000.000
Phải thu cổ tức từ cổ phiếu ưu đãi cổ tức và hoàn lại	-	-	-	-	-	10.172.054.795
Phải thu từ cổ tức và hoàn lại	-	-	-	-	-	14.030.017.484
Tài sản không phân bổ khác	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	464.116.872.256	1.766.027.156.592	14.343.513.898	4.776.677.631.074	32.974.645.602	7.385.483.841.346
Nợ phải trả bộ phận						
Vay ngắn hạn	237.503.925.392	321.847.716.712	-	4.431.774.588.584	8.691.679.810	4.999.817.910.498
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	236.894.311.775	2.300.000.000	-	4.412.904.178.225	-	4.652.098.490.000
Phải trả người bán ngắn hạn	609.613.617	-	-	-	-	609.613.617
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	-	275.158.648.998	-	-	230.000.000	275.388.648.998
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	-	756.164	-	18.870.410.359	-	18.871.166.523
Phải trả khác	-	19.179.371.803	-	-	-	19.179.371.803
Nợ phải trả không phân bổ	-	25.208.939.747	-	-	8.461.679.810	33.670.619.557
Tổng nợ phải trả	237.503.925.392	321.847.716.712	-	4.431.774.588.584	8.691.679.810	5.051.314.728.251
Tài sản thuần	226.612.946.864	1.444.179.439.880	14.343.513.898	344.903.042.490	24.282.965.792	2.334.169.113.095

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

8.3 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

(*) Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại cho phù hợp với cấu trúc của báo cáo tình hình tài chính.

8.4 Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày báo cáo, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Đến 1 năm	8.520.588.940	8.474.540.740
Từ 1 - 5 năm	4.289.051.065	6.751.694.935
	12.809.640.005	15.226.235.675

8.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Theo quy định, lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm tài chính, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ.

Các khoản thu nhập toàn diện khác không được tính vào lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính, do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ này, lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ này chưa được điều chỉnh giảm khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của kỳ này.

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	95.884.013.600	127.683.342.737
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	-	(14.071.837.065)
	95.884.013.600	113.611.505.672
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	166.995.274	166.714.232
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	574	681

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

8.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (tiếp theo)

(*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 được trình bày lại do điều chỉnh lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông do trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, cụ thể như sau:

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024		
	Theo báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại (*)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đồng (VND)	127.683.342.737	(14.071.837.065)	113.611.505.672
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	166.714.232	-	166.714.232
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	<u>766</u>		<u>681</u>

b. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu

Tập đoàn không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong giai đoạn tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

8.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Tập đoàn có thể chịu một số rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động của Tập đoàn.

Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Tập đoàn. Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết như nhận diện rủi ro và đo lường rủi ro, chiến lược đầu tư và giới hạn đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự quản lý rủi ro. Nhân sự quản lý rủi ro đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Tổng Giám đốc xem xét.

Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Tổng Giám đốc.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

8.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá chứng khoán.

Tập đoàn quản lý rủi ro thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Tập đoàn, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định, và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Tập đoàn có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi, đầu tư trái phiếu, cho vay và đi vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Tập đoàn mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Tập đoàn đánh giá lãi suất thị trường hiện nay đang ở mức thấp. Trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, do áp lực lạm phát và tỷ giá nên Ngân hàng Nhà nước thực hiện các biện pháp bơm/hút tiền linh hoạt và nỗ lực thúc đẩy tín dụng khiến các ngân hàng phải tích cực huy động từ dân cư hơn. Trong bối cảnh có sự cạnh tranh từ các kênh đầu tư khác như bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp đang hồi phục nhất định nên Tập đoàn cho rằng lãi suất tiết kiệm sẽ có xu hướng đi ngang trong ngắn và trung hạn. Do đó, Tập đoàn đánh giá rủi ro lãi suất ở mức tương đối thấp.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn đánh giá rủi ro tiền tệ là không đáng kể vì Tập đoàn không có các khoản mục ngoại tệ lớn tại các thời điểm này.

Rủi ro về giá chứng khoán

Chứng khoán thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Chứng khoán thuộc danh mục tài sản tài chính AFS không chịu rủi ro về giá chứng khoán do được ghi nhận tại giá gốc.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, nếu giá các chứng khoán (cổ phiếu, chứng chỉ quỹ) tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ cao hơn/thấp hơn 104.083.732.098 Đồng tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: cao hơn/thấp hơn 100.288.404.152 Đồng tương ứng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Tập đoàn phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Tập đoàn. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

8.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm VND	Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	416.262.112.730	-	-	416.262.112.730
Tài sản tài chính FVTPL	568.622.694.581	-	-	568.622.694.581
Các khoản đầu tư HTM	3.567.239.431.398	-	-	3.567.239.431.398
Các khoản cho vay	365.748.122.076	-	-	365.748.122.076
Phải thu bán các tài sản tài chính	41.440.000.000	-	-	41.440.000.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	88.009.445.652	-	-	88.009.445.652
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	25.477.289.668	554.000.000	-	26.031.289.668
Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	1.448.354.061	-	-	1.448.354.061
Quỹ hỗ trợ thanh toán và tài sản dài hạn khác	21.665.842.007	-	-	21.665.842.007
Phải thu khác	63.142.882	-	-	63.142.882
Tổng cộng	5.095.976.435.055	554.000.000	-	5.096.530.435.055

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

8.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toán bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm (*) VND	Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	211.341.736.794	-	-	211.341.736.794
Tài sản tài chính FVTPL	102.317.862.140	-	-	102.317.862.140
Các khoản đầu tư HTM	4.833.445.452.452	-	-	4.833.445.452.452
Các khoản cho vay	429.131.804.654	-	-	429.131.804.654
Phải thu bán các tài sản tài chính	219.534.886.900	-	-	219.534.886.900
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	75.869.351.549	-	-	75.869.351.549
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	36.994.527.376	4.000.000.000	-	40.994.527.376
Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	1.438.716.344	-	-	1.438.716.344
Quỹ hỗ trợ thanh toán và tài sản dài hạn khác	21.216.233.090 *	-	-	21.216.233.090
Phải thu khác	1.034.607	-	-	1.034.607
Tổng cộng	5.931.291.605.906	4.000.000.000	-	5.935.291.605.906

(*) Tập đoàn đã thu hồi toàn bộ các khoản phải thu này trong tháng 02 năm 2025.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

8.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(i) *Số dư với tổ chức tín dụng*

Số dư với tổ chức tín dụng (ngân hàng và công ty tài chính) bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, CCTG và lãi dự thu.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng và CCTG của Tập đoàn được gửi tại các định chế tài chính lớn. Số dư với các tổ chức tín dụng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận kinh doanh nguồn vốn theo chính sách của Tập đoàn và báo cáo định kỳ cho Tổng Giám đốc. Tập đoàn nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến số dư với các định chế tài chính là thấp.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có số dư nào với các tổ chức tín dụng nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(ii) *Trái phiếu*

Trái phiếu thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL của Tập đoàn phần lớn là trái phiếu được phát hành bởi các định chế tài chính. Các đề xuất đầu tư vào các trái phiếu này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Tập đoàn.

Danh mục đầu tư vào trái phiếu được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận kinh doanh nguồn vốn và báo cáo định kỳ cho Tổng Giám đốc. Tập đoàn nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các trái phiếu là thấp.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tập đoàn không có TPDN nào có rủi ro.

(iii) *Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh*

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi từ tiền bán chứng khoán do VSDC thanh toán. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

VSDC là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán. VSDC yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Tập đoàn chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Tập đoàn nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến số dư VSDC là thấp.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có số dư nào với VSDC bị quá hạn mà chưa thu hồi bị suy giảm giá trị.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

8.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(iv) Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt và cập nhật thường xuyên bởi bộ phận quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm biến động giá và tính thanh khoản.

Bộ phận Dịch vụ Khách hàng có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 35% (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một cá nhân hoặc một tổ chức là 3% vốn chủ sở hữu của CTCK. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.

(v) Các khoản phải thu

Tập đoàn giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Tập đoàn tin nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Tập đoàn.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Tập đoàn có các khoản phải thu với tổng giá trị là 554 triệu đồng quá hạn dưới 03 tháng, Tập đoàn đánh giá các khoản phải thu này là không bị suy giảm và có thể thu hồi (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: Tập đoàn có một khoản phải thu quá hạn dưới 03 tháng trị giá 2 tỷ đồng và một khoản phải thu quá hạn trên 03 tháng và dưới 06 tháng trị giá 2 tỷ đồng. Các khoản phải thu này đã được thu hồi trong tháng 02 năm 2025).

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

8.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2025:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	-	415.262.112.730	1.000.000.000	-	-	416.262.112.730
Các tài sản tài chính FVTPL	-	1.040.837.320.980	-	438.212.479.139	130.410.215.442	1.609.460.015.561
Cổ phiếu niêm yết	-	918.740.295.530	-	-	-	918.740.295.530
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	5.280.450	-	-	-	5.280.450
Chứng chỉ quỹ niêm yết	-	118.923.160.000	-	-	-	118.923.160.000
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	-	3.168.585.000	-	-	-	3.168.585.000
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	30.239.037.360	30.239.037.360
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	100.171.178.082	100.171.178.082
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	438.212.479.139	-	438.212.479.139
Các khoản đầu tư HTM	-	-	3.323.871.957.398	243.367.474.000	-	3.567.239.431.398
Các khoản cho vay	-	-	365.748.122.076	-	-	365.748.122.076
Tài sản tài chính AFS	-	307.888.090.653	-	-	-	307.888.090.653
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	41.440.000.000	-	-	41.440.000.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	-	-	86.393.711.182	1.615.734.470	-	88.009.445.652
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	-	26.031.289.668	-	-	26.031.289.668
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-	1.448.354.061	-	1.448.354.061
Quỹ hỗ trợ thanh toán và tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	21.665.842.007	21.665.842.007
Phải thu khác	-	-	63.142.882	-	-	63.142.882
	-	1.763.987.524.363	3.844.548.223.206	684.644.041.670	152.076.057.449	6.445.255.846.688
NỢ TÀI CHÍNH						
Vay ngắn hạn	-	-	4.130.061.035.754	-	-	4.130.061.035.754
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	3.300.678.426	-	-	-	3.300.678.426
Phải trả, phải nộp khác	-	1.917.245.612	30.310.790.312	-	-	32.228.035.924
	-	5.217.924.038	4.160.371.826.066	-	-	4.165.589.750.104



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B05a-CTCK/HN

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

8.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	-	208.341.736.794	3.000.000.000	-	-	211.341.736.794
Các tài sản tài chính FVTPL	-	1.002.884.622.047	-	51.903.137.654	50.414.724.486	1.105.202.484.187
Cổ phiếu niêm yết	-	865.625.213.797	-	-	-	865.625.213.797
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	4.883.250	-	-	-	4.883.250
Chứng chỉ quỹ niêm yết	-	134.223.160.000	-	-	-	134.223.160.000
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	-	3.031.365.000	-	-	-	3.031.365.000
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	51.903.137.654	50.414.724.486	50.414.724.486
Các khoản đầu tư HTM	-	-	4.388.971.276.452	444.474.176.000	-	51.903.137.654
Các khoản cho vay	-	-	429.131.804.654	-	-	4.833.445.452.452
Tài sản tài chính AFS	-	311.745.305.280	-	-	-	429.131.804.654
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	219.534.886.900	-	-	311.745.305.280
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	-	-	-	-	-	219.534.886.900
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	-	72.196.888.519	3.672.463.030	-	75.869.351.549
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	40.994.527.376	-	-	40.994.527.376
Quỹ hỗ trợ thanh toán và tài sản dài hạn khác	-	-	-	1.438.716.344	-	1.438.716.344
Phải thu khác	-	-	1.034.607	-	21.216.233.090	21.216.233.090
	-	-	-	-	-	1.034.607
NỢ TÀI CHÍNH						
Vay ngắn hạn	-	1.522.971.664.121	5.153.830.418.508	501.488.493.028	71.630.957.576	7.249.921.533.233
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	4.652.098.490.000	-	-	4.652.098.490.000
Phải trả, phải nộp khác	-	609.613.617	-	-	-	609.613.617
	-	2.119.401.084	294.368.497.216	-	-	296.487.898.300
	-	2.729.014.701	4.946.466.987.216	-	-	4.949.196.001.917

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày B05a-CTCK/HN

9. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính sáu tháng yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập:

Người kiểm soát:

Người duyệt:



Ông Trương Quân Bảo
Người lập

Ông Đỗ Minh Tiến
Giám đốc Khối Tài chính – Kế toán
kiêm Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2024 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025



Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (Mẫu số B01a – CTCK)	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ (Mẫu số B02a – CTCK)	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ (Mẫu số B03b – CTCK)	12 - 14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ (Mẫu số B04a – CTCK)	15
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (Mẫu số B09a – CTCK)	16 - 83

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 13 tháng 12 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102114648 đăng ký thay đổi lần thứ 07 vào ngày 05 tháng 07 năm 2024, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 36/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2006 và được điều chỉnh nhiều lần (Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 48/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 25 tháng 06 năm 2024). Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt tại Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định 505/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07 tháng 09 năm 2007.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, vốn điều lệ của Công ty là 1.669.952.740.000 VND theo Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 48/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 25 tháng 06 năm 2024.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và giao dịch kỳ quỹ chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và một (01) chi nhánh (chi nhánh TP. Hồ Chí Minh) tại Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có một (01) công ty con là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("TVAM"), TVAM có một (01) công ty con là Công ty Cổ phần Camellia Wealth ("Camellia") (sau đây gọi chung là "Tập đoàn"). Đồng thời, Công ty có hai (02) công ty liên kết là Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Thiên Minh ("TMR") và Công ty Cổ phần CASSA ("CASSA"). TVAM có một (01) công ty liên kết là Công ty Cổ phần Finsight.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Trung Hà	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2024
Ông Terence Tíng	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2024
Bà Nguyễn Thanh Thảo	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2024
Bà Bùi Thị Kim Oanh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2024
Ông Ngô Nhật Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2024
Ông Trần Vinh Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2024
Ông Huỳnh Minh Việt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2024

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Đỗ Việt Hùng	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2024
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2024
Ông Bùi Thế Toàn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 04 năm 2024

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là bà Nguyễn Thanh Thảo, tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 03 năm 2023.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này là ông Nguyễn Trung Hà, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và bà Nguyễn Thanh Thảo, Tổng giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính, thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động riêng giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ của Công ty trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.


Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 và 3 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo đây, Tổng Giám đốc phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") ký ngày 14 tháng 08 năm 2025. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con.


Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 08 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
20th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 11541855/E-69343627/LR-S

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty"), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 83, bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động riêng giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này vào ngày 14 tháng 08 năm 2024.

Ngoài ra, báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng này vào ngày 10 tháng 03 năm 2025.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2025

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B01a-CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.117.634.094.097	6.464.857.753.425
110	I. Tài sản tài chính ngắn hạn		6.112.205.986.044	6.459.888.750.981
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4.1	414.715.864.529	207.477.028.612
111.1	1.1 Tiền		414.715.864.529	207.477.028.612
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	4.3.1, 4.3.2	1.609.460.015.561	1.105.202.484.187
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	4.3.3(a)	3.210.521.957.398	4.363.971.276.452
114	4. Các khoản cho vay	4.3.4	365.748.122.076	429.131.804.654
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	4.3.5	29.129.304.399	32.139.304.399
117	6. Các khoản phải thu	4.4	479.010.987.412	305.555.652.288
117.1	6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		413.040.394.040	219.469.662.400
117.2	6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		65.970.593.372	86.085.989.888
117.4	6.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		65.970.593.372	86.085.989.888
118	7. Trả trước cho người bán	4.5	2.503.017.410	3.081.404.950
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	4.6	1.053.588.377	13.328.762.832
122	9. Các khoản phải thu khác		63.128.882	1.032.607
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		5.428.108.053	4.969.002.444
131	1. Tạm ứng		3.000.000	3.000.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	4.7	5.373.348.500	4.914.242.891
135	3. Thuế Giá trị gia tăng ("GTGT") được khấu trừ	4.15.1	51.759.553	51.759.553
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		194.431.306.620	326.729.522.556
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		145.014.000.000	277.504.000.000
212	1. Các khoản đầu tư dài hạn		145.014.000.000	277.504.000.000
212.1	1.1 Các khoản đầu tư HTM	4.3.3(b)	-	140.000.000.000
212.2	1.2 Đầu tư vào công ty con	4.8	137.504.000.000	137.504.000.000
212.3	1.3 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4.9	7.510.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		19.516.094.996	20.365.077.523
221	1. Tài sản cố định hữu hình	4.10	8.210.507.781	10.064.145.865
222	1.1 Nguyên giá		35.556.973.879	35.556.973.879
223a	1.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(27.346.466.098)	(25.492.828.014)
227	2. Tài sản cố định vô hình	4.11	11.305.587.215	10.300.931.658
228	2.1 Nguyên giá		38.013.802.909	34.505.862.909
229a	2.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(26.708.215.694)	(24.204.931.251)
240	III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		182.697.500	271.857.500
250	IV. Tài sản dài hạn khác		29.718.514.124	28.588.587.533
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	4.12	1.417.211.465	1.407.211.465
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	4.7	4.969.826.192	4.299.508.518
253	3. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	4.21	1.665.634.460	1.665.634.460
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	4.13.1	11.582.270.996	11.141.047.501
255	5. Tài sản dài hạn khác	4.13.2	10.083.571.011	10.075.185.589
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.312.065.400.717	6.791.587.275.981

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B01a-CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.237.992.770.449	4.743.061.771.837
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		4.213.780.365.981	4.723.882.400.034
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		4.127.761.035.754	4.649.798.490.000
312	1.1 Vay ngắn hạn	4.14	4.127.761.035.754	4.649.798.490.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	4.16	3.300.678.426	609.613.617
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	4.17	8.716.641.409	3.107.068.305
321	4. Người mua trả tiền trước		12.000.000	12.000.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.15.2	5.794.130.422	4.799.190.234
323	6. Phải trả người lao động		3.071.267.884	15.565.034.496
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		52.426.319	56.199.520
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	4.18	20.167.163.775	19.101.410.359
329	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.19	1.770.374.203	1.770.582.779
331	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.20	43.134.647.789	29.062.810.724
340	II. Nợ phải trả dài hạn		24.212.404.468	19.179.371.803
356	1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	4.21	24.212.404.468	19.179.371.803
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.074.072.630.268	2.048.525.504.144
410	I. Vốn chủ sở hữu	4.22.3	2.074.072.630.268	2.048.525.504.144
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.685.213.781.300	1.685.213.781.300
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu	4.22.1	1.669.952.740.000	1.669.952.740.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.669.952.740.000	1.669.952.740.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		15.261.041.300	15.261.041.300
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		641.860.882	641.860.882
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		772.182.027	772.182.027
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	4.22.2	387.444.806.059	361.897.679.935
417.1	4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		300.945.513.125	310.550.740.790
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		86.499.292.934	51.346.939.145
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.312.065.400.717	6.791.587.275.981

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	1. Nợ khó đòi đã xử lý	4.23.1	38.612.181.106	38.612.181.106
005	2. Ngoại tệ các loại	4.23.2	-	-
006	3. Cổ phiếu đang lưu hành (*)	4.23.3	166.995.274	166.995.274
008	4. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của CTCK	4.23.4	435.437.110.000	492.282.730.000
009	5. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK	4.23.5	2.400.000	1.900.000
010	6. Tài sản tài chính chờ về của CTCK	4.23.6	3.031.630.000	1.050.940.000
012	7. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK	4.23.7	60.935.240.000	63.945.240.000
013	8. Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK		2.700.000.000	-
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	4.23.8	2.045.213.770.000	2.121.064.690.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		1.867.547.110.000	1.980.125.840.000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		7.902.770.000	14.005.500.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		156.150.000.000	110.650.000.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		70.000	70.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		13.613.820.000	16.283.280.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	4.23.9	14.643.790.000	8.544.470.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		14.643.790.000	8.544.470.000
023	3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	4.23.10	13.387.320.000	8.237.950.000
025	4. Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	4.23.11	10.951.540.000	2.624.540.000

(*) Khoản mục này thể hiện số lượng cổ phiếu đang lưu hành (đơn vị tính: số lượng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	5. Tiền gửi của khách hàng	4.23.12	100.945.244.067	75.343.833.576
027	5.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		96.968.224.560	75.317.196.998
27.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC		1.052.313.260	128.043.382
029	5.2 Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		3.977.019.507	26.636.578
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		19.380.412	17.571.925
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		3.957.639.095	9.064.653
031	6. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.23.13	100.945.244.067	75.343.833.576
031.1	6.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		91.850.181.449	70.456.098.676
031.2	6.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		9.095.062.618	4.887.734.900
035	7. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	4.23.14	1.726.242.720	1.730.602.650

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập:

Người kiểm soát:

Người duyệt:

Ông Trương Quân Bảo
Người lập

Ông Đỗ Minh Tiến
Giám đốc Khối Tài chính -
Kế toán kiêm Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B02a-CTCK

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL		207.871.165.498	249.095.847.147
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1.1	87.294.062.293	131.745.759.946
01.2	1.2 Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.1.2	115.281.355.711	99.371.912.557
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	5.1.3	5.295.747.494	17.978.174.644
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư HTM	5.1.3	100.765.176.515	88.106.116.477
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	5.1.3	18.180.440.949	15.195.367.722
06	4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		7.436.151.766	14.162.733.230
09	5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		322.838.379	274.883.016
10	6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		8.714.113.636	926.363.636
20	Tổng doanh thu hoạt động		343.289.886.743	367.761.311.228
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ các tài sản tài chính FVTPL		(125.717.818.832)	(119.728.005.196)
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1.1	(50.185.790.424)	(15.361.248.421)
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.1.2	(75.095.969.257)	(104.225.656.947)
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		(436.059.151)	(141.099.828)
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí để vay của các khoản cho vay	5.2	(6.521.069.338)	(645.350.000)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	5.3	(22.613.819.403)	(24.051.364.253)
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.3	(10.458.967.633)	(14.500.017.906)
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(270.016.642)	(219.014.271)
31	6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	5.3	(6.284.237.270)	(4.621.107.343)
32	7. Chi phí hoạt động khác		(39.471.044)	(29.686.824)
40	Tổng chi phí hoạt động		(171.905.400.162)	(163.794.545.793)
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	4.461.495
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định		198.142.045	149.908.879.104
43	3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết, liên doanh		-	225.000.000
50	Tổng doanh thu hoạt động tài chính	5.4	198.142.045	150.138.340.599
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	(4.075.167)
52	2. Chi phí lãi vay		(98.832.184.188)	(82.723.243.225)
60	Tổng chi phí tài chính	5.5	(98.832.184.188)	(82.727.318.392)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B02a-CTCK

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	5.6	(23.813.386.097)	(24.327.352.805)
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		48.937.058.341	247.050.434.837
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		143.657.305	990.012.384
72	2. Chi phí khác		(248.639.289)	(66.558.488)
80	Tổng kết quả hoạt động khác		(104.981.984)	923.453.896
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		48.832.076.357	247.973.888.733
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		8.646.689.903	252.827.633.123
92	2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		40.185.386.454	(4.853.744.390)
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")	5.7	(9.213.113.168)	(16.848.222.677)
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.7.1	(4.180.080.503)	(15.420.378.985)
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	5.7.2	(5.033.032.665)	(1.427.843.692)
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		39.618.963.189	231.125.666.056

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập:

Người kiểm soát:

Ông Trương Quân Bảo
Người lập

Ông Đỗ Minh Tiến
Giám đốc Khối Tài chính -
Kế toán kiêm Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

B03b-CTCK

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		48.832.076.357	247.973.888.733
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		43.739.582.681	19.594.803.019
03	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")		4.356.922.527	3.142.665.952
04	Các khoản dự phòng		-	645.350.000
06	Chi phí lãi vay		105.353.253.526	82.723.243.225
07	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		-	(225.000.000)
08	Dự thu tiền lãi	4.4	(65.970.593.372)	(66.691.456.158)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		75.095.969.257	104.225.656.947
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	5.1.2	75.095.969.257	104.225.656.947
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(115.281.355.711)	(99.371.912.557)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	5.1.2	(115.281.355.711)	(99.371.912.557)
30	5. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		659.677.157.509	170.706.001.744
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(464.072.144.920)	(180.565.899.324)
32	Giảm các khoản đầu tư HTM		1.293.449.319.054	553.993.885.116
33	Giảm/(tăng) các khoản cho vay		63.383.682.578	(124.938.502.782)
34	Tăng tài sản tài chính AFS		-	(15.835.050.000)
35	(Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(193.570.731.640)	7.866.321.654
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		60.949.989.888	57.225.316.901
37	Giảm/(tăng) phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		12.275.174.455	(52.051.871)
39	Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác		516.291.265	(27.839.417.435)
40	Tăng các tài sản khác		(459.608.917)	(422.016.201)
41	Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		1.424.279.476	(168.280.000)
42	Tăng chi phí trả trước		(1.129.423.283)	(490.765.047)
43	Thuế TNDN đã nộp	4.15.2	(3.640.498.888)	(4.130.000.000)
44	Lãi vay đã trả		(105.711.779.586)	(87.012.792.167)
45	Tăng phải trả cho người bán		5.609.573.104	5.839.139.768
46	(Giảm)/tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(3.773.201)	64.330.500
47	Tăng/(giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		455.358.573	(557.023.842)
48	Giảm phải trả người lao động		(12.493.766.612)	(6.954.791.646)
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác		2.695.216.163	(5.316.401.880)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		712.063.430.093	443.128.437.886

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

B03b-CTCK

(Theo phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
01	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
02	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		822.782.752.459	569.463.137.150
07	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(546.138.735.718)	(1.180.860.972.274)
08	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		1.984.892.237.051	2.071.202.404.347
11	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(2.256.989.858.184)	(1.427.033.195.447)
14	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(337.856.804)	(250.458.504)
15	Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		41.114.724.687	34.801.220.624
15	Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(19.721.853.000)	(9.935.659.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		25.601.410.491	57.386.476.896
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	4.23.12	75.343.833.576	126.578.021.863
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		75.343.833.576	126.578.021.863
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		75.317.196.998	126.549.893.208
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		26.636.578	28.128.655
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng	4.23.12	100.945.244.067	183.964.498.759
41	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:		100.945.244.067	183.964.498.759
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		96.968.224.560	183.936.261.730
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		3.977.019.507	28.237.029

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập:

Người kiểm soát:

Người duyệt:

Ông Trương Quân Bảo
Người lập

Ông Đỗ Minh Tiến
Giám đốc Khối Tài chính -
Kế toán kiêm Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

B04a-CTCK

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/(giảm)				Số dư cuối kỳ	
		Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 VND	Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 VND	Kỳ trước		Kỳ này		Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND
				Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND		
1. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu									
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.527.257.761.300	1.685.213.781.300	157.956.020.000	-	-	-	1.685.213.781.300	1.685.213.781.300
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		1.513.146.720.000	1.669.952.740.000	156.806.020.000	-	-	-	1.669.952.740.000	1.669.952.740.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		14.111.041.300	15.261.041.300	1.150.000.000	-	-	-	15.261.041.300	15.261.041.300
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		641.860.882	641.860.882	-	-	-	-	641.860.882	641.860.882
4. Lợi nhuận chưa phân phối		772.182.027	772.182.027	-	-	-	-	772.182.027	772.182.027
4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	4.22.2	244.831.031.655	361.897.679.935	237.407.254.138	(170.651.681.108)	39.618.963.189	(14.071.837.065)	311.586.604.685	387.444.806.059
4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		215.724.111.298	310.550.740.790	237.407.254.138	(164.370.093.026)	4.466.609.400	(14.071.837.065)	288.761.272.410	300.945.513.125
		29.106.920.357	51.346.939.145	-	(6.281.588.082)	35.152.353.789	-	22.825.332.275	86.499.292.934
TỔNG CỘNG	4.22.3	1.773.502.835.864	2.048.525.504.144	395.363.274.138	(170.651.681.108)	39.618.963.189	(14.071.837.065)	1.998.214.428.894	2.074.072.630.268

Người lập:

Ông Trương Quán Bảo
Người lập

Người kiểm soát:

Ông Đỗ Minh Tiến
Giám đốc Khối Tài chính - Kế toán kiêm Kế toán trưởng



Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 08 năm 2025

Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

B09a-CTCK

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014996 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 13 tháng 12 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102114648 đăng ký thay đổi lần thứ 07 vào ngày 05 tháng 07 năm 2024, Giấy phép thành lập và hoạt động CTCK số 36/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2006 và được điều chỉnh nhiều lần (Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 48/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 25 tháng 06 năm 2024). Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt tại Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo Quyết định 505/QĐ-UBCK do UBCKNN cấp ngày 07 tháng 09 năm 2007.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là TVS.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, cung cấp dịch vụ tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và giao dịch kỳ quỹ chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có trụ sở chính tại Tầng 15, Tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và một (01) chi nhánh (Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh) tại Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điều lệ hoạt động của Công ty được cập nhật gần nhất vào ngày 18 tháng 06 năm 2024.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 93 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 94 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô

Tại ngày 30 tháng 06
năm 2025
VND

Vốn điều lệ của Công ty	1.669.952.740.000
Tổng vốn chủ sở hữu	2.074.072.630.268
Tổng tài sản	6.312.065.400.717

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động CTCK và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

1. CTCK không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của CTCK;
2. CTCK mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của CTCK;
3. Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của CTCK không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. CTCK được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu; và
4. CTCK không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:
 - a. Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của CTCK, trừ trường hợp mua cổ phiếu lẻ lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b. Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của CTCK khác;
 - c. Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d. Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - e. Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - f. Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g. Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

1. THỐNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Cấu trúc của Công ty

Tại ngày báo cáo, Công ty có 01 công ty con và 02 công ty liên kết như sau:

STT	Tên	Hoạt động chính	Địa điểm	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	
				Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %	Tỷ lệ biểu quyết %
1	Công ty con						
	Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("TVAM")	Quản lý quỹ	Lầu 9, Tòa nhà Bilexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	99,84	99,84	99,84	99,84
2	Công ty liên kết						
	Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Thiên Minh ("TMR") (i)	Dịch vụ xếp hạng tín nhiệm	Tầng 12, Tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	14,00	14,00	14,00	14,00
3	Công ty Cổ phần CASSA ("CASSA") (ii)	Hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu	Tầng 15, Tòa nhà Harec, số 4 Láng Hạ, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	4,50	49,00	-	-

Ngoài ra, tại ngày báo cáo, TVAM có 01 công ty con và 01 công ty liên kết như sau:

STT	Tên	Hoạt động chính	Địa điểm	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	
				Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty %	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty %	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty %	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty %
1	Công ty con của TVAM Công ty Cổ phần Camellia Wealth ("Camellia") (iii)	Tư vấn quản lý	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	1,18	99,67	1,18	99,67
2	Công ty liên kết của TVAM Công ty Cổ phần Finsight ("Finsight") (iii)	Hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu	Lầu 7, Tòa nhà Bitexco Nam Long, số 63A Võ Văn Tần, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	-	48,69	-	48,69

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

- (i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty sở hữu trực tiếp 14,00% cổ phần của TMR và có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty này.
- (ii) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty sở hữu trực tiếp 15,00% tỷ lệ biểu quyết ở CASSA và Camellia sở hữu 34,00% tỷ lệ biểu quyết ở công ty này.
- (iii) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, TVAM sở hữu trực tiếp 98,49% cổ phần của Camellia và 48,69% cổ phần của Finsight.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập theo Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho CTCK được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư 114/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 12 năm 2021 hướng dẫn chế độ tài chính đối với CTCK, công ty quản lý quỹ; Công văn 6190/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 05 năm 2017, Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 03 năm 2018; Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố sáu chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố sáu chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố sáu chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ngoài ra, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, công ty con là những công ty mà công ty mẹ kiểm soát các chính sách hoạt động và tài chính, đã được hợp nhất đầy đủ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 để có đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL") (tiếp theo)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Giám đốc xác định các tài sản tài chính được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Nó loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị (còn được gọi là sự "không thống nhất kế toán") mà sự không thống nhất này có thể bắt nguồn từ việc xác định giá trị của các tài sản hoặc ghi nhận lãi hoặc lỗ theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý của nó được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị hợp lý và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định và thông tin về nhóm tài sản này được cung cấp nội bộ cho những người quản lý quan trọng của Công ty (được nêu rõ trong Chuẩn mực Kế toán số 26 - Thuyết minh về các bên liên quan), ví dụ như Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông lớn của Công ty.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị thị trường). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc. Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các tài sản tài chính với giá trị bằng không (0) và chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

3.3 Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh mà:

- Việc hoàn trả là cố định hay xác định được;
- Ngày đáo hạn là cố định; và
- Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư HTM không bao gồm:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm FVTPL;
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm AFS; và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn ("HTM") (tiếp theo)

Một tài sản tài chính sẽ không được phân loại vào các khoản đầu tư HTM nếu, trong giai đoạn tài chính hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất Công ty đã bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các tài sản tài chính HTM trước thời hạn, trong đó mức độ đáng kể được so với tổng giá trị các tài sản tài chính HTM, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một số các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn (không quá 03 tháng trước khi đáo hạn) mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của tài sản tài chính;
- Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các tài sản tài chính này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và nguyên nhân này không lặp lại và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

Các khoản đầu tư HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này, sau đó ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong giai đoạn tài chính liên quan của một khoản đầu tư hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Giá trị phân bổ của khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của khoản đầu tư trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản đầu tư HTM được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị hoặc khả năng không thu hồi được do một số sự kiện xảy ra sau thời điểm ghi nhận ban đầu gây ảnh hưởng đến dòng tiền ước tính trong tương lai của các khoản đầu tư HTM. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Công ty đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, mà Công ty không thể xem xét hơn được;
- Khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính của bên đi vay là cao;

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn ("HTM") (tiếp theo)

- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm đo lường được của dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các khoản đầu tư HTM kể từ khi ghi nhận ban đầu, mặc dù sự suy giảm đó chưa được xác định cụ thể đối với từng tài sản riêng lẻ trong nhóm, bao gồm:
 - (i) Những thay đổi tiêu cực trong tình hình trả nợ của những người vay trong cùng một nhóm; hoặc
 - (ii) Các điều kiện kinh tế trong nước hoặc địa phương có mối liên quan tới mất khả năng thanh toán đối với các khoản đầu tư HTM trong nhóm.

Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư HTM tại ngày báo cáo. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ.

Các khoản đầu tư HTM được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo tới ngày đến hạn thu hồi.

3.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động.

Trong kỳ, Công ty có các khoản cho vay bao gồm:

- Cho vay giao dịch kỳ quỹ: là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch kỳ quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do UBCKNN ban hành ngày 25 tháng 01 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ kỳ quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch kỳ quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do CTCK quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay kỳ quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch kỳ quỹ; và
- Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch và/hoặc ngày liền kề sau đó. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng một ngày rưỡi (1.5) ngày giao dịch.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày báo cáo. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")

Các tài sản tài chính AFS bao gồm các tài sản tài chính phi phái sinh mà không được phân loại là FVTPL, HTM, các khoản cho vay hay phải thu.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này.

Tại ngày báo cáo, tài sản tài chính AFS được trình bày theo giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS. Việc ghi nhận như vậy sẽ tiếp tục cho đến khi tài sản tài chính được dừng ghi nhận.

Tại thời điểm dừng ghi nhận, các khoản lãi hoặc lỗ lũy kế trước đây đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ như là các điều chỉnh do phân loại lại. Các khoản lãi được tính theo phương pháp lãi suất thực sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ theo quy định của Chuẩn mực Kế toán số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Tại ngày báo cáo, các tài sản tài chính AFS được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị.

Đối với các công cụ nợ, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị được xác định tương tự các khoản đầu tư HTM.

Đối với các công cụ vốn, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Những thay đổi đáng kể có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của tổ chức phát hành do những thay đổi về công nghệ, thị trường, kinh tế hoặc môi trường pháp lý cho thấy khả năng không thể thu hồi lại giá gốc của công cụ vốn;
- Sự suy giảm đáng kể hoặc kéo dài về giá trị của một khoản đầu tư vào công cụ vốn xuống dưới giá gốc.

Mức trích lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của tài sản tài chính AFS tại ngày báo cáo.

Lỗ suy giảm giá trị của tài sản tài chính AFS được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trước đây (nếu có). Khi có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị thì lỗ lũy kế đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được chuyển sang ghi nhận vào lãi/lỗ như là một bút toán điều chỉnh do phân loại lại mặc dù tài sản đó chưa bị dừng ghi nhận.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính*

Công ty áp dụng nguyên tắc xác định giá tài sản tài chính như sau:

- Cổ phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày báo cáo. Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) được đánh giá lại căn cứ vào giá tham chiếu trong ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày báo cáo. Các cổ phiếu khác được đánh giá lại theo phương pháp nội bộ của Công ty. Các cổ phiếu không có đủ thông tin giao dịch hoặc giá trị không thể xác định được một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.
- Trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán được định giá căn cứ vào giá niêm yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày báo cáo cộng lãi lũy kế. Các trái phiếu không có giao dịch trong nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá sẽ được trình bày theo giá mua cộng lãi lũy kế. Trái phiếu không niêm yết được đánh giá lại theo giá mua cộng lãi lũy kế.
- Chứng chỉ quỹ niêm yết được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc giai đoạn tài chính.
- Chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi được định giá theo giá trị sổ sách tại ngày báo cáo gần nhất.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của tài sản tài chính cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07 tháng 04 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng.

Theo thông tư số 24/2022/TT-BTC, đối tượng lập dự phòng là các loại chứng khoán do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu của doanh nghiệp, đang được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước, được tự do mua bán trên thị trường và giá chứng khoán thực tế trên thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán.

Đối tượng lập dự phòng không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.

3.7 *Phân loại lại tài sản tài chính*

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL, Công ty phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các nhóm tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL trước khi bán. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS lũy kế trong vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ như là các điều chỉnh do phân loại lại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Phân loại lại tài sản tài chính (tiếp theo)

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi/(lỗ) đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm các khoản đầu tư HTM không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

3.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

3.9 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp/cầm cố

Trong kỳ, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoản thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để lập dự phòng nếu có tại ngày báo cáo.

3.11 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là những doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó; hoặc có đại diện trong Hội đồng Quản trị; hoặc có quyền tham gia vào quá trình hoạch định chính sách.

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá trị góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Sau đó, Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm tài chính.

3.12 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu phát sinh từ các hoạt động nghiệp vụ bao gồm bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí cung cấp dịch vụ, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo tới ngày đến hạn thu hồi.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên) hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối giai đoạn tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối giai đoạn tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí quản lý trong kỳ. Các khoản phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Hợp đồng tương lai*

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Giao dịch môi giới

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu "Tài sản dài hạn khác" trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ.

Doanh thu từ phí giao dịch hợp đồng tương lai được ghi nhận vào báo cáo hoạt động riêng giữa niên độ ở chỉ tiêu "Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán".

Tiền và tài sản ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ, ở chỉ tiêu "Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư" và "Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC".

3.14 *Tài sản cố định hữu hình và vô hình*

Tài sản cố định ("TSCĐ") được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nâng cấp tài sản thuê	3 năm
Máy móc thiết bị	2 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm
Phần mềm tin học	1 - 5 năm
TSCĐ hữu hình khác	3 năm
TSCĐ vô hình khác	2 - 3 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

3.16 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong một thời hạn hoặc một chu kỳ kinh doanh xác định kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với khoảng thời gian trả trước. Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ căn cứ vào thời hạn gốc ban đầu của khoản trả trước.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước được phân bổ dần từ hai (02) tháng đến ba (03) năm vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ:

- Phí phần mềm;
- Thuê văn phòng;
- Thiết bị tin học;
- Sửa chữa văn phòng; và
- Phí dịch vụ khác.

3.17 Ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn được ghi nhận khi Công ty thanh toán khoản tiền ký quỹ, ký cược theo điều khoản hợp đồng và được phân loại là tài sản ngắn hạn/dài hạn khác.

3.18 Các khoản vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, tổ chức tài chính và các đối tượng khác. Các khoản vay được trình bày theo giá gốc tại ngày báo cáo.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày báo cáo.

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

3.20 Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.21 Thuế thu nhập của nhà đầu tư

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư tổ chức nước ngoài, Công ty có trách nhiệm giữ lại 0,1% số tiền giao dịch bán để nộp thuế nhà thầu thay cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty cần giữ lại 0,1% số tiền giao dịch bán để nộp thuế thu nhập cá nhân thay cho nhà đầu tư. Công ty sẽ kê khai và nộp thuế cho các nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư tổ chức trong nước, Công ty không giữ lại tiền thuế trên số tiền giao dịch bán mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

3.22 Các khoản dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối kỳ trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong kỳ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 Lợi ích của nhân viên

3.23.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không có một nghĩa vụ nào khác.

3.23.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

3.23.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

3.24 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ.

3.25 Tài sản của khách hàng và nợ phải trả của khách hàng

Tài sản của khách hàng và nợ phải trả của khách hàng được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ bao gồm:

- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành và nợ phải trả tương ứng; và
- Tài sản tài chính của nhà đầu tư.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.26 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày báo cáo; và
- xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành, phí lưu ký chứng khoán, phí tư vấn tài chính, phí tư vấn đầu tư chứng khoán và thu nhập từ hoạt động khác.

Thu nhập từ kinh doanh tài sản tài chính

Công ty thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của các tài sản tài chính FVTPL hàng tháng. Chênh lệch tăng khi đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào thu nhập và chênh lệch giảm khi đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ trên cơ sở cộng gộp và không bù trừ.

Lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của tài sản tài chính được thanh lý, nhượng bán. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động tại thời điểm bán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

Thu nhập lãi trên vốn kinh doanh

Thu nhập lãi trên vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản đầu tư HTM, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Thu nhập lãi trên vốn kinh doanh được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- có khả năng thu hồi được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và
- thu nhập được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là thu nhập.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.31 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận (hoặc lỗ) tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế TNDN hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính mà tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và các quy định pháp luật về thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hoãn lại với thuế TNDN hoãn lại phải trả, và các khoản này liên quan đến cùng một cơ quan thuế với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.32 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và ghi vào tài khoản vốn cổ phần theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.

Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý

Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động (lãi hoặc lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại ngày báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của giai đoạn tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ và khoản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến phần đánh giá lại này.

Lợi nhuận đã thực hiện của giai đoạn tài chính là số chênh lệch giữa tổng thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.32 *Vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Trước ngày 01 tháng 02 năm 2022:

- Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty cho mỗi quỹ vào mỗi năm có lợi nhuận cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ.
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm, sử dụng quỹ bảo vệ nhà đầu tư và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trích lập để bổ sung vốn điều lệ.

Từ ngày 01 tháng 02 năm 2022, Thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 17 tháng 12 năm 2021 chính thức có hiệu lực, theo đó:

- Chế độ tài chính đối với CTCK và công ty quản lý quỹ theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014 được bãi bỏ toàn bộ.
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ theo Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn, và Điều lệ hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

3.33 *Phân chia lợi nhuận*

Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông là lợi nhuận đã thực hiện sau thuế TNDN và sau khi đã trích lập các quỹ phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ khi cổ tức được Đại hội đồng Cổ đông thông qua hoặc khi Hội đồng Quản trị quyết định trả cổ tức giữa kỳ phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ LNST TNDN của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng cho công tác khen thưởng, khuyến khích, cải thiện và nâng cao phúc lợi cho nhân viên của Công ty.

3.34 *Các bên liên quan*

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, nhưng cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ với từng bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.35 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ và đầu tư (bộ phận chia theo hoạt động), hoặc cung cấp dịch vụ và đầu tư trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được dựa theo bộ phận chia theo hoạt động.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nhằm mục đích giúp người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3.36 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016, Công văn 6190/BTC-CĐKT và Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 03 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

3.37 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ áp dụng cho các CTCK hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu và việc trình bày các công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày báo cáo, cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính.

Ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bao gồm: Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của các tài sản tài chính.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và được Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-CTCK

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tiền mặt tại quỹ	281.957.837	81.823.813
Tiền gửi ngân hàng	414.433.906.692	207.395.204.799
	414.715.864.529	207.477.028.612

4.2 Giá trị và khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ (VND)
a. Của Công ty	213.452.680	16.473.777.016.736
Cổ phiếu	96.943.879	3.261.062.716.332
Trái phiếu	116.508.801	13.212.714.300.404
b. Của nhà đầu tư	233.108.247	5.379.886.552.127
Cổ phiếu	225.840.229	4.834.861.917.520
Trái phiếu	4.753.918	535.093.979.607
Chứng chỉ quỹ	603.800	9.458.405.000
Chứng quyền	1.910.300	472.250.000
	446.560.927	21.853.663.568.863

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.3 Các loại tài sản tài chính

4.3.1 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính FVTPL

Các loại tài sản tài chính	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025				
Cổ phiếu niêm yết	844.069.466.952	85.011.348.340	(10.340.519.762)	918.740.295.530
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.846.110	1.069.000	(11.634.660)	5.280.450
Chứng chỉ quỹ niêm yết	83.042.140.000	35.881.020.000	-	118.923.160.000
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	3.000.000.000	168.585.000	-	3.168.585.000
Trái phiếu niêm yết	29.997.216.000	241.821.360	-	30.239.037.360
Trái phiếu chưa niêm yết	100.000.000.000	171.178.082	-	100.171.178.082
Chứng chỉ tiền gửi ("CCTG")	438.152.719.098	59.760.041	-	438.212.479.139
	1.498.277.388.160	121.534.781.823	(10.352.154.422)	1.609.460.015.561
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Cổ phiếu niêm yết	845.956.935.997	44.683.699.821	(25.015.422.021)	865.625.213.797
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.366.488	774.200	(11.257.438)	4.883.250
Chứng chỉ quỹ niêm yết	83.042.140.000	51.181.020.000	-	134.223.160.000
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	3.000.000.000	31.365.000	-	3.031.365.000
Trái phiếu niêm yết	50.355.583.923	59.140.563	-	50.414.724.486
Trái phiếu chưa niêm yết	51.835.216.832	67.920.822	-	51.903.137.654
	1.034.205.243.240	96.023.920.406	(25.026.679.459)	1.105.202.484.187

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-CTCK

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.3 Các loại tài sản tài chính (tiếp theo)

4.3.2 Tài sản tài chính FVTPL

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	844.069.466.952	918.740.295.530	845.956.935.997	865.625.213.797
HPG	108.426.059.962	114.409.135.000	140.648.671.563	147.748.719.300
DXG	77.884.736.466	95.648.541.300	69.124.077.673	62.868.140.400
TCB	52.630.515.797	82.764.000.000	84.965.192.760	101.841.475.000
Khác	605.128.154.727	625.918.619.230	551.218.994.001	553.166.879.097
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.846.110	5.280.450	15.366.488	4.883.250
Chứng chỉ quỹ niêm yết	83.042.140.000	118.923.160.000	83.042.140.000	134.223.160.000
FUCTVGF3	26.216.500.000	42.672.000.000	26.216.500.000	42.672.000.000
FUCTVGF4	25.819.640.000	43.203.160.000	25.819.640.000	43.203.160.000
FUCTVGF5	31.006.000.000	33.048.000.000	31.006.000.000	48.348.000.000
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	3.000.000.000	3.168.585.000	3.000.000.000	3.031.365.000
TCGF	3.000.000.000	3.168.585.000	3.000.000.000	3.031.365.000
Trái phiếu niêm yết (i)	29.997.216.000	30.239.037.360	50.355.583.923	50.414.724.486
HDB124023	29.997.216.000	30.239.037.360	-	-
LPB123015	-	-	50.355.583.923	50.414.724.486
Trái phiếu chưa niêm yết (ii)	100.000.000.000	100.171.178.082	51.835.216.832	51.903.137.654
BID12523	100.000.000.000	100.171.178.082	-	-
MBB12101	-	-	51.018.245.000	51.079.375.137
Khác	-	-	816.971.832	823.762.517
CCTG (iii)	438.152.719.098	438.212.479.139	-	-
	1.498.277.388.160	1.609.460.015.561	1.034.205.243.240	1.105.202.484.187

- (i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, bao gồm trái phiếu tổ chức tín dụng ("TCTD") niêm yết, có kỳ hạn còn lại 6,34 năm và lãi suất 7,48%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, trái phiếu tổ chức tín dụng ("TCTD") niêm yết, có kỳ hạn còn lại 5,50 năm và lãi suất 7,48%/năm).
- (ii) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, bao gồm trái phiếu TCTD có kỳ hạn còn lại 6,98 năm và lãi suất 5,68%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, trái phiếu TCTD có kỳ hạn còn lại 3,70 năm và lãi suất 6,38%/năm).
- (iii) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, bao gồm CCTG có kỳ hạn còn lại từ 13,67 đến 15,87 tháng và lãi suất từ 4,50% đến 5,40%/năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.3 Các loại tài sản tài chính (tiếp theo)

4.3.3 Các khoản đầu tư HTM

a. Các khoản đầu tư HTM - ngắn hạn

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Hợp đồng tiền gửi ("HDTG") (i)	2.960.521.957.398	-	3.323.171.276.452	-
CCTG (ii)	250.000.000.000	-	1.040.800.000.000	-
	3.210.521.957.398	-	4.363.971.276.452	-

(i) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, HDTG có kỳ hạn còn lại từ 0,33 đến 8,40 tháng, lãi suất từ 5,30% đến 7,80%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, HDTG có kỳ hạn còn lại từ trên 1,00 đến 11,50 tháng, lãi suất từ 4,80% đến 7,70%/năm).

(ii) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, CCTG có kỳ hạn còn lại từ 5,86 đến 7,53 tháng, lãi suất từ 5,40% đến 7,50 %/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, CCTG có kỳ hạn còn lại từ 1,60 đến 8,00 tháng, lãi suất từ 4,90% đến 8,10 %/năm).

b. Các khoản đầu tư HTM - dài hạn

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
HDTG	-	-	140.000.000.000	-

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, một số khoản đầu tư HTM-ngắn hạn với tổng số tiền là 3.104 tỷ Đồng đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4.291 tỷ Đồng) (Thuyết minh 4.14).

4.3.4 Các khoản cho vay

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Cho vay ký quỹ (*)	362.041.222.461	-	416.044.784.125	-
Ứng trước tiền bán chứng khoán	3.706.899.615	-	13.087.020.529	-
	365.748.122.076	-	429.131.804.654	-

(*) Chứng khoán của khách hàng tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty nắm giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay. Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 1.078 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.166 tỷ Đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.3 Các loại tài sản tài chính (tiếp theo)

4.3.5 Tài sản tài chính AFS

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025				Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024			
	Giá gốc VND		Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND		Giá gốc VND		Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	
				Dự phòng suy giảm giá trị VND				Dự phòng suy giảm giá trị VND
Cổ phiếu chưa niêm yết								
Công ty Cổ phần ("CTCP")								
Dịch vụ Di Động Trục Tuyến	27.847.363.882	(*)	-	-	27.847.363.882	(*)	-	-
CTCP Finhay	1.281.940.517	(*)	-	-	1.281.940.517	(*)	-	-
CTCP Xếp hạng Tín nhiệm								
Thiên Minh (**)	-	(*)	-	-	3.010.000.000	(*)	-	-
	29.129.304.399		-		32.139.304.399		-	

(*) Các công cụ tài chính này không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý của chúng không thể xác định một cách đáng tin cậy, nên các công cụ tài chính này được phản ánh theo giá gốc.

(**) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Thiên Minh được phân loại lại là công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.4 Các khoản phải thu

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	413.040.394.040	219.469.662.400
<i>Bên thứ ba</i>		
Cổ phiếu	16.440.000.000	612.000.000
<i>Bên liên quan</i>		
Cổ phiếu	396.600.394.040	218.857.662.400
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	65.970.593.372	86.085.989.888
<i>Bên thứ ba</i>		
Dự thu tiền lãi từ các tài sản tài chính	65.970.593.372	60.949.989.888
<i>Bên liên quan</i>		
Dự thu cổ tức	-	25.136.000.000
	479.010.987.412	305.555.652.288

4.5 Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán bao gồm các khoản ứng trước cho các đối tác cung cấp dịch vụ.

4.6 Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải thu phí tư vấn	754.000.092	12.944.600.092
Phải thu phí lưu ký	201.218.602	216.237.027
Phải thu phí hoạt động môi giới	98.369.683	167.925.713
	1.053.588.377	13.328.762.832

4.7 Chi phí trả trước

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	5.373.348.500	4.914.242.891
Phí dịch vụ phần mềm	3.222.809.387	2.683.688.339
Thuê văn phòng	856.415.286	653.145.742
Phí dịch vụ khác	1.294.123.827	1.577.408.810
Chi phí trả trước dài hạn	4.969.826.192	4.299.508.518
Thiết bị tin học	590.485.055	928.967.808
Sửa chữa văn phòng	959.971.836	885.499.338
Phí dịch vụ khác	3.419.369.301	2.485.041.372
	10.343.174.692	9.213.751.409

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.8 Đầu tư vào công ty con

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025				Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024			
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("TVAM") (i)	99,84	136.704.000.000	(*)	-	99,84	136.704.000.000	(*)	-
Công ty Cổ phần Camellia Wealth ("Camellia") (ii)	1,18	800.000.000	(*)	-	1,18	800.000.000	(*)	-
		137.504.000.000				137.504.000.000		

(i) Đây là khoản đầu tư vào 99,84% phần vốn chủ sở hữu của TVAM, một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304756863 thay đổi gần nhất (lần thứ nhất) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 10 năm 2022. Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ lần đầu số 15/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 66/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp ngày 22 tháng 08 năm 2023.

(ii) Đây là khoản đầu tư vào 1,18% phần vốn chủ sở hữu của Camellia, một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất (lần thứ hai) số 0317657066 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 07 năm 2024. Đồng thời, Công ty sở hữu gián tiếp Camellia thông qua phần sở hữu trực tiếp 98,49% của TVAM.

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.9 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025				Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024			
	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Thiên Minh ("TMR") (i)	14,00	3.010.000.000	(*)	-	-	-	(*)	-
Công ty Cổ phần CASSA ("CASSA") (ii)	4,50	4.500.000.000	(*)	-	-	-	(*)	-
		7.510.000.000		-		-		-

- (i) Đây là khoản đầu tư vào 14,00% phần vốn chủ sở hữu của TMR, một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất (lần thứ tư) số 0109307286 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 12 năm 2024.
- (ii) Đây là khoản đầu tư vào 4,50% phần vốn chủ sở hữu của CASSA, một công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp lần đầu số 0111083604 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 06 năm 2025.
- (*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.10 Tài sản cố định hữu hình

	Năng cấp tài sản thuê VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	1.491.567.770	30.821.608.529	3.041.200.700	202.596.880	35.556.973.879
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	1.491.567.770	30.821.608.529	3.041.200.700	202.596.880	35.556.973.879
Khấu hao lũy kế					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	1.491.567.770	21.332.502.676	2.466.160.688	202.596.880	25.492.828.014
Khấu hao trong kỳ	-	1.757.798.086	95.839.998	-	1.853.638.084
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	1.491.567.770	23.090.300.762	2.562.000.686	202.596.880	27.346.466.098
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	-	9.489.105.853	575.040.012	-	10.064.145.865
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	-	7.731.307.767	479.200.014	-	8.210.507.781

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 18,41 tỷ Đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 18,41 tỷ Đồng).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.11 Tài sản cố định vô hình

	<i>Phần mềm tin học VND</i>	<i>TSCĐ vô hình khác VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Nguyên giá			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	32.204.316.509	2.301.546.400	34.505.862.909
Mua trong kỳ	3.233.440.000	-	3.233.440.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	274.500.000	274.500.000
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	35.437.756.509	2.576.046.400	38.013.802.909
Hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	21.903.384.851	2.301.546.400	24.204.931.251
Hao mòn trong kỳ	2.489.131.443	14.153.000	2.503.284.443
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	24.392.516.294	2.315.699.400	26.708.215.694
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	10.300.931.658	-	10.300.931.658
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	11.045.240.215	260.347.000	11.305.587.215

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 13,32 tỷ Đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 13,21 tỷ Đồng).

4.12 Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	<i>Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND</i>	<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	1.308.331.465	1.308.331.465
Đặt cọc dài hạn khác	108.880.000	98.880.000
	1.417.211.465	1.407.211.465

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.13 Tiền nộp các quỹ

4.13.1 Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại VSDC.

Theo quy định hiện hành của VSDC, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại VSDC và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng đối với thành viên lưu ký là CTCK có nghiệp vụ tự doanh, mỗi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	9.584.000.786	9.142.777.291
Tiền lãi phân bổ	1.878.270.210	1.878.270.210
	11.582.270.996	11.141.047.501

4.13.2 Tài sản dài hạn khác

Đây là tiền nộp Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh. Theo Quy chế Quản lý và Sử dụng Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-VSDC ngày 23 tháng 03 năm 2017 của VSDC, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp.

Chi tiết tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh như sau:

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tiền nộp ban đầu	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền lãi phân bổ	83.571.011	75.185.589
	10.083.571.011	10.075.185.589

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.14 Vay ngắn hạn

	Lãi suất %	Kỳ hạn còn lại tháng	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Số vay trong kỳ VND	Số đã trả trong kỳ VND	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND
Tổ chức tài chính	4,10 - 6,80	0,10 – 10,73	4.632.498.490.000	8.493.988.395.754	(9.130.225.850.000)	3.996.261.035.754
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam			2.568.998.490.000	1.807.781.810.000	(2.772.869.290.000)	1.603.911.010.000
- Các ngân hàng khác	6,50	0,70	2.063.500.000.000	6.686.206.585.754	(6.357.356.560.000)	2.392.350.025.754
Tổ chức kinh tế			-	145.200.000.000	(45.200.000.000)	100.000.000.000
Cá nhân	6,32 - 8,00	0,17 – 8,97	17.300.000.000	36.800.000.000	(22.600.000.000)	31.500.000.000
			4.649.798.490.000	8.675.988.395.754	(9.198.025.850.000)	4.127.761.035.754

Các khoản vay của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, các khoản đầu tư HTM với số tiền là 3.104 tỷ Đồng đang được dùng làm tài sản đảm bảo để thế chấp cho các khoản vay của Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản đầu tư HTM với số tiền là 4.291 tỷ Đồng).

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có khoản vay nào đến hạn nhưng chưa thanh toán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.15 Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

Tình hình biến động của thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

4.15.1 Phải thu

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND
1	Thuế GTGT	51.759.553	-	-	51.759.553

4.15.2 Phải trả

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND
1	Thuế TNDN	3.200.498.888	4.180.080.503	(3.640.498.888)	3.740.080.503
2	Thuế GTGT	316.511.146	780.161.364	(876.161.364)	220.511.146
3	Thuế TNCN	1.282.180.200	15.641.421.192	(15.090.062.619)	1.833.538.773
	Khấu trừ của nhân viên	573.360.808	8.405.598.560	(8.086.761.397)	892.197.971
	Khấu trừ của nhà đầu tư	375.488.570	2.515.926.677	(2.570.520.193)	320.895.054
	Khấu trừ của người cung cấp dịch vụ	17.757.480	131.516.245	(137.493.530)	11.780.195
	Khấu trừ từ cổ tức	315.573.342	4.588.379.710	(4.295.287.499)	608.665.553
4	Thuế khác	-	45.999.117	(45.999.117)	-
		4.799.190.234	20.647.662.176	(19.652.721.988)	5.794.130.422



Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.16 Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải trả VSDC	2.734.970.926	99.871.220
Phải trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán	565.707.500	509.742.397
	3.300.678.426	609.613.617

4.17 Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải trả mua các tài sản tài chính	8.569.770.000	2.758.250.000
Phải trả khác	146.871.409	348.818.305
	8.716.641.409	3.107.068.305

4.18 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	18.511.884.299	18.870.410.359
Khác	1.655.279.476	231.000.000
	20.167.163.775	19.101.410.359

4.19 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Phải trả ngắn hạn khác		
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.723.867.720	1.728.227.650
Phải trả hộ gốc, lãi trái phiếu và cổ tức cho tổ chức phát hành	2.375.000	2.375.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	44.131.483	39.980.129
	1.770.374.203	1.770.582.779

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.20 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Số đầu kỳ/năm	29.062.810.724	21.498.737.698
Trích trong kỳ/năm (Thuyết minh 4.22.3)	14.071.837.065	12.564.073.026
Sử dụng trong kỳ/năm (Thuyết minh 4.22.3)	-	(5.000.000.000)
Số cuối kỳ/năm	43.134.647.789	29.062.810.724

4.21. Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
Dự phòng phải thu khó đòi	8.328.172.300	8.328.172.300
Tính ở thuế suất 20%:		
Dự phòng phải thu khó đòi	1.665.634.460	1.665.634.460
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tạm thời chịu thuế		
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (*)	121.062.022.340	95.896.859.021
Tính ở thuế suất 20%:		
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL (*)	24.212.404.468	19.179.371.803

(*) Không bao gồm các khoản chênh lệch tăng đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL từ trái phiếu, CCTG và HĐTG vì các khoản này đã được tính thuế TNDN hiện hành.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.22 Vốn chủ sở hữu

4.22.1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chi tiết số lượng cổ phiếu của Công ty như sau:

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 Cổ phiếu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã đăng ký, đã phát hành và đang lưu hành	166.995.274	166.995.274

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông. Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 Đồng.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Cổ đông lớn				
Nguyễn Trung Hà	51.976.437	31,12	51.976.437	31,12
Đinh Thị Hoa	26.657.371	15,96	21.968.458	13,16
Wardhaven Vietnam Fund	9.780.355	5,86	9.780.355	5,86
Các cổ đông khác	78.581.111	47,06	83.270.024	49,86
	166.995.274	100,00	166.995.274	100,00

Biến động số lượng cổ phần đang lưu hành trong kỳ/năm như sau:

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 Cổ phiếu	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 Cổ phiếu
Số đầu kỳ/năm	166.995.274	151.314.672
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	15.180.602
Phát hành cổ phiếu thưởng trả cho người lao động	-	500.000
Số cuối kỳ/năm	166.995.274	166.995.274

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.22 Vốn góp của chủ sở hữu (tiếp theo)

4.22.2 Lợi nhuận chưa phân phối

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	300.945.513.125	310.550.740.790
Lợi nhuận chưa thực hiện	86.499.292.934	51.346.939.145
Lợi nhuận chưa thực hiện và thuế hoãn lại trên đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	86.499.292.934	51.346.939.145
	387.444.806.059	361.897.679.935

Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông như sau:

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đầu kỳ/năm	310.550.740.790	215.724.111.298
2. Lỗ chưa thực hiện trong kỳ/năm	-	-
3. Lợi nhuận đã thực hiện trong kỳ/năm	4.466.609.400	259.196.722.518
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối kỳ/năm (4)=(1)+(2)+(3)	315.017.350.190	474.920.833.816
5. Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	(151.806.020.000)
6. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(14.071.837.065)	(12.564.073.026)
Lợi nhuận tối đa còn có thể phân phối	300.945.513.125	310.550.740.790

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.22 Vốn góp của chủ sở hữu (tiếp theo)

4.22.3 Tính hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ được thể hiện trong bảng dưới đây:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghịệp vụ VND	Lợi nhuận đã thực hiện VND	Lợi nhuận chưa thực hiện VND	Tổng cộng VND
Số đầu kỳ	1.669.952.740.000	15.261.041.300	641.860.882	772.182.027	310.550.740.790	51.346.939.145	2.048.525.504.144
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	4.466.609.400	35.152.353.789	39.618.963.189
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(14.071.837.065)	-	(14.071.837.065)
Số cuối kỳ	1.669.952.740.000	15.261.041.300	641.860.882	772.182.027	300.945.513.125	86.499.292.934	2.074.072.630.268

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 25 tháng 04 năm 2025, Công ty đã thông qua việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là 14.071.837.065 Đồng, tương đương 5% lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đến cuối năm 2024.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÍNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.22 Vốn góp của chủ sở hữu (tiếp theo)

4.22.3 Tính hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Tính hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong bảng dưới đây:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghịệp vụ VND	Lợi nhuận đã thực hiện VND	Lợi nhuận chưa thực hiện VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm	1.513.146.720.000	14.111.041.300	641.860.882	772.182.027	215.724.111.298	29.106.920.357	1.773.502.835.864
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	259.196.722.518	22.240.018.788	281.436.741.306
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	151.806.020.000	-	-	-	(151.806.020.000)	-	-
Cổ phiếu thưởng cho người lao động (**)	5.000.000.000	1.150.000.000	-	-	-	-	6.150.000.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (***)	-	-	-	-	(12.564.073.026)	-	(12.564.073.026)
Số cuối năm	1.669.952.740.000	15.261.041.300	641.860.882	772.182.027	310.550.740.790	51.346.939.145	2.048.525.504.144

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Cổ đông thường niên ngày 24 tháng 04 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 07 tháng 05 năm 2024, Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối theo tỷ lệ 10:1 (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu được nhận thêm 01 cổ phiếu). Theo đó, Công ty đã hoàn thành phát hành thêm 15.180.602 cổ phiếu mới vào ngày 12 tháng 06 năm 2024 và nhận được Công văn số 3763/UBCK-QLKD từ UBCKNN về việc xác nhận kết quả phát hành vào ngày 17 tháng 06 năm 2024.

(**) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 11 tháng 12 năm 2023 và ngày 29 tháng 01 năm 2024, Công ty đã thông qua phương án phát hành 500.000 cổ phiếu phổ thông theo chương trình ESOP, trong đó nguồn tăng vốn từ Quỹ khen thưởng phúc lợi là 5 tỷ Đồng (Thuyết minh 4.20) và thực thu từ người lao động là 1.150.000.000 Đồng. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành này với số tiền 1.150.000.000 Đồng theo khoản chênh lệch giữa giá phát hành 12.300 Đồng/cổ phần so với mệnh giá 10.000 Đồng/cổ phần cho 500.000 cổ phiếu. Cổ phiếu ESOP phát hành bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày phát hành. Công ty đã hoàn thành đợt phát hành vào ngày 25 tháng 03 năm 2024 và nhận được Công văn số 2053/UBCK-QLKD từ UBCKNN về việc xác nhận kết quả đợt phát hành vào ngày 01 tháng 04 năm 2024.

(***) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 24 tháng 04 năm 2024, Công ty đã thông qua việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi là 12.564.073.026 Đồng, tương đương 5% lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối đến cuối năm 2023.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.23 Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ

4.23.1 Nợ khó đòi đã xử lý

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Cho vay ký quỹ	21.474.230.387	21.474.230.387
Tạm ứng tiền bán chứng khoán	15.050.634.719	15.050.634.719
Phải thu cổ tức	1.114.000.000	1.114.000.000
Phải thu hoạt động tư vấn	973.316.000	973.316.000
	38.612.181.106	38.612.181.106

Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ phần nợ không thu hồi được trước khi xóa sổ các sổ dư khó đòi này.

4.23.2 Ngoại tệ các loại

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
USD	-	-

4.23.3 Cổ phiếu đang lưu hành

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 Cổ phiếu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 Cổ phiếu
Số lượng lưu hành dưới 1 năm	-	15.680.602
Số lượng lưu hành từ 1 năm trở lên	166.995.274	151.314.672
	166.995.274	166.995.274

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.23 Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

4.23.4 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của CTCK

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	432.537.110.000	491.882.730.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	2.900.000.000	400.000.000
	435.437.110.000	492.282.730.000

4.23.5 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	2.400.000	1.900.000

4.23.6 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Cổ phiếu	3.031.630.000	1.050.940.000

4.23.7 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Cổ phiếu	9.420.240.000	12.430.240.000
Chứng chỉ quỹ	51.515.000.000	51.515.000.000
	60.935.240.000	63.945.240.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-CTCK

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4.23 Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ (tiếp theo)

4.23.8 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.867.547.110.000	1.980.125.840.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	7.902.770.000	14.005.500.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	156.150.000.000	110.650.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	70.000	70.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	13.613.820.000	16.283.280.000
	2.045.213.770.000	2.121.064.690.000

4.23.9 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	14.643.790.000	8.544.470.000

4.23.10 Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Cổ phiếu	13.385.320.000	8.234.950.000
Chứng chỉ quỹ	2.000.000	3.000.000
	13.387.320.000	8.237.950.000

4.23.11 Tài sản tài chính được hưởng quyền của nhà đầu tư

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Cổ phiếu	10.951.540.000	2.624.540.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Lãi/(lỗ) từ các tài sản tài chính

5.1.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	87.294.062.293	131.745.759.946
Trong đó:		
Lãi bán chứng khoán cơ sở	55.693.749.212	111.010.694.749
Lãi bán CCTG, HĐTG và khác	31.600.313.081	20.735.065.197
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(50.185.790.424)	(15.361.248.421)
Trong đó:		
Lỗ bán chứng khoán cơ sở	(49.913.092.286)	(14.951.785.176)
Lỗ bán CCTG, HĐTG và khác	(272.698.138)	(409.463.245)
	37.108.271.869	116.384.511.525

Chi tiết theo từng loại như sau:

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền di động VND	Lãi/(lỗ) bán kỳ này VND	Lãi/(lỗ) bán kỳ trước VND
Cổ phiếu niêm yết	31.098.433	814.632.408.450	802.740.212.423	11.892.196.027	92.543.259.758
Cổ phiếu chưa niêm yết	16.616.728	818.413.408.784	827.163.676.098	(8.750.267.314)	(123.215.385)
Trái phiếu niêm yết	58.338.725	6.437.005.219.450	6.435.692.788.673	1.312.430.777	(289.500.000)
Trái phiếu chưa niêm yết	15.116	156.768.087.236	155.441.789.800	1.326.297.436	3.928.365.200
CCTG, HĐTG và khác	60.867.672	8.766.731.856.770	8.735.404.241.827	31.327.614.943	20.325.601.952
		16.993.550.980.690	16.956.442.708.821	37.108.271.869	116.384.511.525

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.1 Lãi/(lỗ) từ các tài sản tài chính (tiếp theo)

5.1.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
Chênh lệch tăng	115.281.355.711	99.371.912.557
Chênh lệch giảm	(75.095.969.257)	(104.225.656.947)
	40.185.386.454	(4.853.744.390)

Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL chi tiết lũy kế theo từng loại như sau:

Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND	Ghi nhận vào kết quả hoạt động riêng giữa niên độ trong kỳ VND
FVTPL					
Cổ phiếu niêm yết	844.069.466.952	918.740.295.530	74.670.828.578	19.668.277.800	55.002.550.778
Cổ phiếu chưa niêm yết	15.846.110	5.280.450	(10.565.660)	(10.483.238)	(82.422)
Chứng chỉ quỹ niêm yết	83.042.140.000	118.923.160.000	35.881.020.000	51.181.020.000	(15.300.000.000)
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	3.000.000.000	3.168.585.000	168.585.000	31.365.000	137.220.000
Trái phiếu niêm yết	29.997.216.000	30.239.037.360	241.821.360	59.140.563	182.680.797
Trái phiếu chưa niêm yết	100.000.000.000	100.171.178.082	171.178.082	67.920.822	103.257.260
Chứng chỉ tiền gửi	438.152.719.098	438.212.479.139	59.760.041	-	59.760.041
	1.498.277.388.160	1.609.460.015.561	111.182.627.401	70.997.240.947	40.185.386.454

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.1 *Lãi/(lỗ) từ các tài sản tài chính* (tiếp theo)

5.1.3 *Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay và phải thu*

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	5.295.747.494	17.978.174.644
<i>Cổ tức</i>	5.295.747.494	17.978.174.644
Từ tiền lãi từ các khoản đầu tư HTM	100.765.176.515	88.106.116.477
Từ tiền lãi từ các khoản cho vay và phải thu	18.180.440.949	15.195.367.722
	124.241.364.958	121.279.658.843

5.2 *Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài chính tài chính và chi phí lãi vay của các khoản vay*

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
Chi phí vay hoạt động cho vay ký quỹ	6.521.069.338	-
Trích lập dự phòng tài sản tài chính	-	645.350.000
	6.521.069.338	645.350.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.3 Chi phí hoạt động ngoài các chi phí liên quan đến tài sản tài chính

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
Chi phí hoạt động tự doanh	22.613.819.403	24.051.364.253
Chi phí lương	11.249.503.355	17.216.125.182
Phí quản lý danh mục tài sản tài chính	3.709.778.407	3.556.082.734
Dịch vụ mua ngoài	2.506.318.550	614.428.969
Chi phí thuê hoạt động	847.560.659	203.373.256
Khấu hao TSCĐ	1.735.354.700	1.037.425.907
Phí giao dịch tài sản tài chính tự doanh	717.380.117	442.052.361
Phí lưu ký tài sản tài chính tự doanh	394.742.923	455.892.321
Chi phí khác	1.453.180.692	525.983.523
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	10.458.967.633	14.500.017.906
Chi phí lương	3.194.312.695	6.603.632.287
Dịch vụ mua ngoài	2.148.328.227	2.618.851.908
Chi phí thuê hoạt động	414.721.676	595.752.122
Khấu hao TSCĐ	1.686.311.267	1.565.620.700
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	1.533.311.995	1.677.518.513
Chi phí khác	1.481.981.773	1.438.642.376
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	6.284.237.270	4.621.107.343
Chi phí lương	4.691.622.158	3.412.952.664
Dịch vụ mua ngoài	538.271.987	274.009.173
Chi phí thuê hoạt động	368.616.785	139.419.847
Khấu hao TSCĐ	255.451.504	188.110.818
Vật tư văn phòng	188.050.919	70.084.184
Chi phí khác	242.223.917	536.530.657
	39.357.024.306	43.172.489.502

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái	-	4.461.495
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	198.142.045	141.683.501
Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty con	-	149.767.195.603
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	-	225.000.000
	198.142.045	150.138.340.599

5.5 Chi phí tài chính

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	-	4.075.167
Chi phí lãi vay	98.832.184.188	82.723.243.225
	98.832.184.188	82.727.318.392

5.6 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
Chi phí lương	14.244.383.577	14.088.959.872
Dịch vụ mua ngoài	5.564.249.377	3.247.677.841
Chi phí thuê hoạt động	1.668.376.895	2.815.449.254
Khấu hao TSCĐ	679.805.056	351.508.527
Vật tư văn phòng	701.029.312	495.227.303
Chi phí khác	955.541.880	3.328.530.008
	23.813.386.097	24.327.352.805

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.7 Thuế TNDN

5.7.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ kế toán hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán thuần trước thuế	48.832.076.357	247.973.888.733
Tổng các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	(30.131.673.844)	(170.871.993.804)
Các khoản điều chỉnh tăng	329.236.969	811.544.902
Chi phí không được trừ	329.236.969	811.544.902
Các khoản điều chỉnh giảm	(30.460.910.813)	(171.683.538.706)
Chênh lệch đánh giá lại TSTC FVTPL	(25.165.163.319)	(7.784.568.459)
Thu nhập từ cổ tức	(5.295.747.494)	(163.898.970.247)
Thu nhập chịu thuế (*)	18.700.402.513	77.101.894.929
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN - hiện hành theo thu nhập chịu thuế kỳ này (*)	3.740.080.503	15.420.378.985
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN các năm trước	440.000.000	-
Chi phí thuế TNDN - hiện hành	4.180.080.503	15.420.378.985
Thuế TNDN phải trả/(thu) đầu kỳ	3.200.498.888	(2.715.302.954)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(3.640.498.888)	(4.130.000.000)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	3.740.080.503	8.575.076.031

(*) Chi phí thuế TNDN được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế TNDN của Công ty cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5.7 Thuế TNDN (tiếp theo)

5.7.2 Thuế TNDN hoãn lại

Biến động của thuế TNDN hoãn lại trong kỳ/năm như sau:

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		
Số dư đầu kỳ/năm	1.665.634.460	2.136.564.460
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-	129.070.000
Xóa sổ tài sản tài chính AFS	-	(600.000.000)
Số dư cuối kỳ/năm	1.665.634.460	1.665.634.460
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Số dư đầu kỳ/năm	19.179.371.803	11.965.615.582
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	5.033.032.665	7.213.756.221
Số dư cuối kỳ/năm	24.212.404.468	19.179.371.803

Công ty đã ghi nhận chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng giữa niên độ như sau:

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	-	(129.070.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	5.033.032.665	1.556.913.692
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	5.033.032.665	1.427.843.692

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

6. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Trong kỳ, không có giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ.

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 *Nghệp vụ với các bên liên quan*

Chi tiết của các bên liên quan chính và mối quan hệ như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thiên Việt ("TVAM")	Công ty con của TVS
Công ty Cổ phần Xếp hạng Tín nhiệm Thiên Minh	Công ty liên kết của TVS
Công ty Cổ phần CASSA ("CASSA")	Công ty liên kết của TVS
Công ty Cổ phần Finsight ("Finsight")	Công ty liên kết của TVAM
Công ty Cổ phần Camellia Wealth ("Camellia Wealth")	Công ty con của TVAM
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3 ("FUCTVGF3")	Quỹ đầu tư do TVAM quản lý
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4 ("FUCTVGF4")	Quỹ đầu tư do TVAM quản lý
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5 ("FUCTVGF5")	Quỹ đầu tư do TVAM quản lý
Ban lãnh đạo	Bao gồm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Công ty, công ty con và bên liên quan của các thành viên này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

B09a-CTCK

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư và các giao dịch trong vụ Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(phải trả)			Doanh thu/ (chi phí cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND
		Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	
CTCP Quản lý Quỹ Thiên Việt	Phải trả phí quản lý danh mục	-	(3.708.106.407)	3.708.106.407	(3.708.106.407)
	Phải trả mua tài sản tài chính	-	(338.301.236.582)	338.301.236.582	-
	Phải thu bán tài sản tài chính	-	181.500.547.750	(143.000.502.680)	38.500.045.070
	Phải thu cổ tức	24.960.000.000	-	(24.960.000.000)	-
CTCP Finsight	Phải thu phí môi giới	-	31.657.138	(31.657.138)	-
	Tiền gửi nhà đầu tư	60.682.374	60.273	-	60.742.647
CTCP Camellia Wealth	Phải thu bán tài sản tài chính	218.857.662.400	787.189.025.417	(647.946.338.847)	358.100.348.970
	Phải trả mua tài sản tài chính	-	(639.138.603.899)	639.138.603.899	-
	Phải thu cổ tức	176.000.000	-	(176.000.000)	-
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	Đầu tư ngắn hạn	26.216.500.000	-	-	26.216.500.000
	Phải thu phí giao dịch	-	38.316.052	(37.419.052)	897.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4	Đầu tư ngắn hạn	25.819.640.000	-	-	25.819.640.000
	Phải thu phí giao dịch	-	36.438.703	(35.541.703)	897.000
Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5	Đầu tư ngắn hạn	31.006.000.000	-	-	31.006.000.000
	Phải thu phí giao dịch	-	39.695.512	(39.695.512)	-
CASSA	Vốn góp đầu tư	-	4.500.000.000	-	4.500.000.000
	Vay	-	(100.000.000.000)	-	(100.000.000.000)
	Phải trả lãi vay	-	(195.890.411)	-	(195.890.411)
	Phải trả mua tài sản tài chính	-	(100.583.340.000)	100.583.340.000	-
	Phải thu bán tài sản tài chính	-	100.581.000.000	(100.581.000.000)	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)
7.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và doanh thu/(chi phí) cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(phải trả)			Doanh thu/ (chi phí) cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 VND
		Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	
CTCP Quản lý Quỹ Thiên Việt	Phải thu phí lưu ký và giao dịch	-	52.440.750	(52.440.750)	-
	Phải trả phí quản lý danh mục	-	(7.413.464.565)	7.413.464.565	-
	Phải thu bán tài sản tài chính	-	46.396.778.000	(46.396.778.000)	-
	Phải trả mua tài sản tài chính	-	(185.342.589.900)	185.342.589.900	-
	Phải thu cổ tức	-	157.372.800.000	(132.412.800.000)	24.960.000.000
CTCP Finsight	Mua cổ phiếu ưu đãi cổ tức và hoán lại	-	71.000.000.000	(71.000.000.000)	-
	Phải trả mua tài sản tài chính	-	(800.000.000)	800.000.000	-
	Phải thu bán tài sản tài chính	44.850.431.654	685.435.409.640	(730.285.841.294)	-
	Phải thu phí môi giới	-	97.003.819	(97.003.819)	-
	Tiền gửi nhà đầu tư	60.560.862	121.512	-	60.682.374
CTCP Camellia Wealth	Phải thu cổ tức	-	17.354.395.603	(17.354.395.603)	-
	Phải thu bán tài sản tài chính	2.700.000.000	377.732.206.944	(161.574.544.544)	218.857.862.400
	Phải trả mua tài sản tài chính	-	(198.576.411.110)	198.576.411.110	-
	Phải thu cổ tức	-	176.000.000	-	176.000.000
Quý Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 3	Đầu tư ngắn hạn	13.029.000.000	13.187.500.000	-	26.216.500.000
	Lợi tức	-	1.290.000.000	(1.290.000.000)	1.290.000.000
	Phải thu phí giao dịch	-	137.050.901	(137.050.901)	-
Quý Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 4	Đầu tư ngắn hạn	25.819.640.000	-	-	25.819.640.000
	Lợi tức	-	2.556.400.000	(2.556.400.000)	-
	Phải thu phí giao dịch	-	110.861.666	(110.861.666)	-
Quý Đầu tư Tăng trưởng Thiên Việt 5	Đầu tư ngắn hạn	10.706.000.000	20.300.000.000	-	31.006.000.000
	Phải thu phí giao dịch	-	111.304.202	(111.304.202)	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.2 Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thù lao của từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và tiền lương Tổng Giám đốc cho giai đoạn tài chính sáu tháng như sau:

Chức danh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	
	Tiền lương VND	Thù lao VND	Tiền lương VND	Thù lao VND
Nguyễn Thanh Thảo - Tổng Giám đốc	1.516.000.000	-	1.510.600.000	-

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty chưa phát sinh thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.3 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Tổng Giám đốc của Công ty nhận định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không chịu tác động trọng yếu bởi những khác biệt về sản phẩm hay khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận "Môi giới và dịch vụ khách hàng" tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động môi giới chứng khoán, dịch vụ lưu ký chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và các dịch vụ chứng khoán khác.

Bộ phận "Tư doanh" tạo ra thu nhập và phát sinh chi phí liên quan đến danh mục đầu tư tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS và lỗ suy giảm tài sản tài chính.

Bộ phận "Tư vấn tài chính" tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn chào bán, phát hành chứng khoán.

Bộ phận "Kinh doanh nguồn vốn" tạo ra doanh thu và phát sinh chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư tài sản tài chính HTM và các công cụ nợ ghi nhận là tài sản tài chính FVTPL.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

B09a-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.3 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Tư vấn tài chính VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025					
Tài sản bộ phận	389.379.186.828	1.524.743.098.333	754.000.092	4.218.095.030.966	6.132.971.316.219
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	41.736.078.914	-	372.979.785.615	414.715.864.529
Các tài sản tài chính FVTPL	-	1.040.837.320.980	-	568.622.694.581	1.609.460.015.561
Các khoản đầu tư HTM	-	-	-	3.210.521.957.398	3.210.521.957.398
Các khoản cho vay	365.748.122.076	-	-	-	365.748.122.076
Tài sản tài chính AFS	-	29.129.304.399	-	-	29.129.304.399
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	413.040.394.040	-	-	413.040.394.040
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	-	-	-	-	65.970.593.372
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	299.588.285	-	754.000.092	-	1.053.588.377
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.665.634.460	-	-	-	1.665.634.460
Quỹ hỗ trợ thanh toán và tài sản dài hạn khác	21.665.842.007	-	-	-	21.665.842.007
Tài sản phân bổ	8.950.002.587	9.210.297.861	1.355.794.548	-	19.516.094.996
Tài sản cố định	8.950.002.587	9.210.297.861	1.355.794.548	-	19.516.094.996
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	159.577.989.502
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	-	-	7.510.000.000
Tài sản không phân bổ khác	-	-	-	-	152.067.989.502
Tổng tài sản	398.329.189.415	1.533.953.396.194	2.109.794.640	4.218.095.030.966	6.312.065.400.717
Nợ phải trả bộ phận	166.242.366.737	35.629.045.877	-	3.980.631.231.742	4.182.502.644.356
Vay ngắn hạn	165.641.688.311	-	-	3.962.119.347.443	4.127.761.035.754
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	600.678.426	2.700.000.000	-	-	3.300.678.426
Phải trả người bán ngắn hạn	-	8.716.641.409	-	-	8.716.641.409
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	24.212.404.468	-	-	24.212.404.468
Lãi phải trả cho các hợp đồng vay	-	-	-	18.511.884.299	18.511.884.299
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	55.490.126.093
Tổng nợ phải trả	166.242.366.737	35.629.045.877	-	3.980.631.231.742	4.237.992.770.449
Tài sản thuần	232.086.822.678	1.498.324.350.317	2.109.794.640	237.463.799.224	2.074.072.630.268

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.3 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Tư vấn tài chính VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (*)					
Tài sản bộ phận	453.302.029.944	1.376.763.919.864	12.944.600.092	4.776.677.631.074	6.619.688.180.974
Tiền và các khoản tương đương tiền	904.195.000	97.134.331.018	-	109.438.502.594	207.477.028.612
Các tài sản tài chính FVTPL	-	1.002.884.622.047	-	102.317.862.140	1.105.202.484.187
Các khoản đầu tư HTM	-	-	-	4.503.971.276.452	4.503.971.276.452
Các khoản cho vay	429.131.804.654	-	-	-	429.131.804.654
Tài sản tài chính AFS	-	32.139.304.399	-	-	32.139.304.399
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	219.469.662.400	-	-	219.469.662.400
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	-	25.136.000.000	-	60.949.989.888	86.085.989.888
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	384.162.740	-	12.944.600.092	-	13.328.762.832
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.665.634.460	-	-	-	1.665.634.460
Quỹ hỗ trợ thanh toán và tài sản dài hạn khác	21.216.233.090	-	-	-	21.216.233.090
Tài sản phân bổ	10.814.842.312	8.151.321.405	1.398.913.806	-	20.365.077.523
Tài sản cố định	10.814.842.312	8.151.321.405	1.398.913.806	-	20.365.077.523
Tài sản không phân bổ					151.534.017.484
Tổng tài sản	464.116.872.256	1.384.915.241.269	14.343.513.898	4.776.677.631.074	6.791.587.275.981
Nợ phải trả bộ phận					
Vay ngắn hạn	237.503.925.392	22.286.440.108	-	4.431.774.588.584	4.691.564.954.084
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	236.894.311.775	-	-	4.412.904.178.225	4.649.798.490.000
Phải trả người bán ngắn hạn	609.613.617	-	-	-	609.613.617
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	3.107.068.305	-	-	3.107.068.305
Lãi dự trả cho các hợp đồng vay	-	19.179.371.803	-	-	19.179.371.803
	-	-	-	18.870.410.359	18.870.410.359
Nợ phải trả không phân bổ					51.496.817.753
Tổng nợ phải trả	237.503.925.392	22.286.440.108	-	4.431.774.588.584	4.743.061.771.837
Tài sản thuần	226.612.946.864	1.362.628.801.161	14.343.513.898	344.903.042.490	2.048.525.504.144

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.3 Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

(*) Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại cho phù hợp với cấu trúc của báo cáo tình hình tài chính.

7.4 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày báo cáo, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 VND	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 VND
Đến 1 năm	6.776.169.736	6.730.121.536
Từ 1 - 5 năm	3.707.577.997	5.298.012.265
	10.483.747.733	12.028.133.801

7.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động của Công ty.

Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết như nhận diện rủi ro và đo lường rủi ro, chiến lược đầu tư và giới hạn đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự quản lý rủi ro. Nhân sự quản lý rủi ro đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Tổng Giám đốc xem xét.

Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Tổng Giám đốc.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá chứng khoán.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định, và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, hợp đồng tiền gửi, đầu tư trái phiếu, cho vay và đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty đánh giá lãi suất thị trường hiện nay đang ở mức thấp. Trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025, do áp lực lạm phát và tỷ giá nên Ngân hàng Nhà nước thực hiện các biện pháp bơm/hút tiền linh hoạt và nỗ lực thúc đẩy tín dụng khiến các ngân hàng phải tích cực huy động từ dân cư hơn. Trong bối cảnh có sự cạnh tranh từ các kênh đầu tư khác như bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp đang hồi phục nhất định nên Công ty cho rằng lãi suất tiết kiệm sẽ có xu hướng đi ngang trong ngắn và trung hạn. Do đó, Công ty đánh giá rủi ro lãi suất ở mức tương đối thấp.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đánh giá rủi ro tiền tệ là không đáng kể vì Công ty không có các khoản mục ngoại tệ lớn tại các thời điểm này.

Rủi ro về giá chứng khoán

Chứng khoán thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Chứng khoán thuộc danh mục tài sản tài chính AFS không chịu rủi ro về giá chứng khoán do được ghi nhận tại giá gốc.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, nếu giá các chứng khoán (cổ phiếu, chứng chỉ quỹ) tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 104.083.732.098 Đồng tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: cao hơn/thấp hơn 100.288.404.152 Đồng tương ứng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
 tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Chi tiết về phân loại chất lượng tín dụng toàn bộ tài sản tài chính có liên quan đến rủi ro tín dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 như sau:

	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm VND	Bị suy giảm giá trị VND	Tổng cộng VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	414.433.906.692	-	-	414.433.906.692
Tài sản tài chính FVTPL	568.622.694.581	-	-	568.622.694.581
Các khoản đầu tư HTM	3.210.521.957.398	-	-	3.210.521.957.398
Các khoản cho vay	365.748.122.076	-	-	365.748.122.076
Phải thu bán các tài sản tài chính	413.040.394.040	-	-	413.040.394.040
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	65.970.593.372	-	-	65.970.593.372
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	499.588.377	554.000.000	-	1.053.588.377
Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn	1.417.211.465	-	-	1.417.211.465
Quỹ hỗ trợ thanh toán và tài sản dài hạn khác	21.665.842.007	-	-	21.665.842.007
Phải thu khác	63.128.882	-	-	63.128.882
Tổng cộng	5.061.983.438.890	554.000.000	-	5.062.537.438.890

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

(i) Số dư với tổ chức tín dụng

Số dư với tổ chức tín dụng (ngân hàng và công ty tài chính) bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, CCTG và lãi dự thu.

Tất cả các khoản tiền gửi ngân hàng và CCTG của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Tổng Giám đốc tin nhiệm hoặc nằm trong danh sách được UBCKNN cấp phép thực hiện thanh toán và bù trừ. Số dư với các tổ chức tín dụng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận kinh doanh nguồn vốn theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến số dư với các tổ chức tín dụng là thấp.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có số dư nào với các tổ chức tín dụng nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(ii) Trái phiếu

Trái phiếu thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL của Công ty phần lớn là trái phiếu được phát hành bởi các định chế tài chính. Các đề xuất đầu tư vào các trái phiếu này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty.

Danh mục đầu tư vào trái phiếu được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận kinh doanh nguồn vốn và báo cáo định kỳ cho Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các trái phiếu là thấp.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có trái phiếu nào chiếm trên 15% vốn chủ sở hữu của Công ty.

(iii) Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh

Ứng trước tiền bán chứng khoán được thu hồi từ tiền bán chứng khoán do VSDC thanh toán. Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh được yêu cầu nộp vào đơn vị này.

VSDC là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán. VSDC yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến số dư VSDC là thấp.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có số dư nào với VSDC bị quá hạn mà chưa thu hồi bị suy giảm giá trị.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(iv) Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt và cập nhật thường xuyên bởi bộ phận quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm biến động giá và tính thanh khoản.

Bộ phận Dịch vụ Khách hàng có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 35% (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một cá nhân hoặc một tổ chức là 3% vốn chủ sở hữu của CTCK. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.

(v) Các khoản phải thu

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tin nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty có các khoản phải thu với tổng giá trị là 554 triệu đồng quá hạn dưới 03 tháng, Công ty đánh giá các khoản phải thu này là không bị suy giảm và có thể thu hồi (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: Công ty có một khoản phải thu quá hạn dưới 03 tháng trị giá 2 tỷ đồng và một khoản phải thu quá hạn trên 03 tháng và dưới 06 tháng trị giá 2 tỷ đồng. Các khoản phải thu quá hạn này đã được thu hồi trong tháng 02 năm 2025).

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2025:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	-	414.433.906.692	-	-	-	414.433.906.692
Các tài sản tài chính FVTPL	-	1.040.837.320.980	-	438.212.479.139	130.410.215.442	1.609.460.015.561
Cổ phiếu niêm yết	-	918.740.295.530	-	-	-	918.740.295.530
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	5.280.450	-	-	-	5.280.450
Chứng chỉ quỹ niêm yết	-	118.923.160.000	-	-	-	118.923.160.000
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	-	3.168.585.000	-	-	-	3.168.585.000
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	30.239.037.360	30.239.037.360
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	100.171.178.082	100.171.178.082
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	3.210.521.957.398	438.212.479.139	-	438.212.479.139
Các khoản đầu tư HTM	-	-	365.748.122.076	-	-	365.748.122.076
Các khoản cho vay	-	29.129.304.399	-	-	-	29.129.304.399
Tài sản tài chính AFS	-	-	413.040.394.040	-	-	413.040.394.040
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	65.970.593.372	-	-	65.970.593.372
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	-	-	1.053.588.377	-	-	1.053.588.377
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	-	-	1.417.211.465	-	1.417.211.465
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-	-	-	-
Quỹ hỗ trợ thanh toán và tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	21.665.842.007	21.665.842.007
Phải thu khác	-	-	63.128.882	-	-	63.128.882
	-	1.484.400.532.071	4.056.397.784.145	439.629.690.604	152.076.057.449	6.132.504.064.269
NỢ TÀI CHÍNH						
Vay ngắn hạn	-	-	4.127.761.035.754	-	-	4.127.761.035.754
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	3.300.678.426	-	-	-	3.300.678.426
Phải trả, phải nộp khác	-	1.917.245.612	28.736.933.775	-	-	30.654.179.387
	-	5.217.924.038	4.156.497.969.529	-	-	4.161.715.893.567

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng cộng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH						
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	-	207.395.204.799	-	-	-	207.395.204.799
Các tài sản tài chính FVTPL	-	1.002.884.622.047	-	51.903.137.654	50.414.724.486	1.105.202.484.187
Cổ phiếu niêm yết	-	865.625.213.797	-	-	-	865.625.213.797
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	4.883.250	-	-	-	4.883.250
Chứng chỉ quỹ niêm yết	-	134.223.160.000	-	-	-	134.223.160.000
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	-	3.031.365.000	-	-	-	3.031.365.000
Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	50.414.724.486	50.414.724.486
Các khoản đầu tư HTM	-	-	4.363.971.276.452	140.000.000.000	-	51.903.137.654
Các khoản cho vay	-	-	429.131.804.654	-	-	4.503.971.276.452
Tài sản tài chính AFS	-	32.139.304.399	-	-	-	429.131.804.654
Phải thu bán các tài sản tài chính	-	-	219.469.662.400	-	-	32.139.304.399
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	-	-	86.085.989.888	-	-	219.469.662.400
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	-	-	13.328.762.832	-	-	86.085.989.888
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	-	1.407.211.465	-	13.328.762.832
Quỹ hỗ trợ thanh toán và tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	21.216.233.090	1.407.211.465
Phải thu khác	-	-	1.032.607	-	-	21.216.233.090
	-	-	-	-	-	1.032.607
	-	1.242.419.131.245	5.111.988.528.833	193.310.349.119	71.630.957.576	6.619.348.966.773
NỢ TÀI CHÍNH						
Vay ngắn hạn	-	-	4.649.798.490.000	-	-	4.649.798.490.000
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	609.613.617	-	-	-	609.613.617
Phải trả, phải nộp khác	-	2.119.401.084	21.859.660.359	-	-	23.979.061.443
	-	2.729.014.701	4.671.658.150.359	-	-	4.674.387.165.060

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

B09a-CTCK



7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7.6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Chỉ tiêu an toàn tài chính

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Báo cáo này được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 ("Thông tư 91/2020/TT-BTC"). Thông tư 91/2020/TT-BTC quy định cách tính chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo Thông tư 91/2020/TT-BTC, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 220%.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 286,66% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 235,75%).

8. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính sáu tháng yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 14 tháng 08 năm 2025

Người lập:

Người kiểm soát:

Người duyệt:

Ông Trương Quân Bảo
Người lập

Ông Đỗ Minh Tiến
Giám đốc Khối Tài chính -
Kế toán kiêm Kế toán trưởng



Bà Nguyễn Thanh Thảo
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
THIÊN VIỆT**

Số: 34-25/TS-CV
V/v văn bản cam kết của Công ty Cổ phần
Chứng khoán Thiên Việt

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

SAO Y BẢN CHÍNH

Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt (sau đây gọi là “Công ty”) xin gửi lời chào trân trọng tới quý Ủy Ban.

Về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, Công ty xin cam kết như sau:

- Công ty cam kết đáp ứng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 15 Luật chứng khoán như sau: “Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích”;
- Công ty cam kết không vi phạm quy định về sở hữu chéo;
- Công ty cam kết đảm bảo quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Công ty cam kết thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung đối với số lượng cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán theo quy định của pháp luật.

Công ty xin cam kết và hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thông tin nêu trên.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt xin trân trọng cảm ơn quý Ủy Ban./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Thư ký Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



NGUYỄN TRUNG HÀ



NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ
VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Chi nhánh Đông Hà Nội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2025

VĂN BẢN XÁC NHẬN
về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán

Kính gửi: CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT (Sau đây gọi là Quý khách hàng)

Căn cứ Giấy đề nghị mở tài khoản của Quý khách hàng, chúng tôi – Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, chi nhánh Đông Hà Nội xin thông báo tới Quý khách hàng các thông tin về tài khoản của Quý khách hàng đã được mở tại Ngân hàng chúng tôi như sau:

Khách hàng: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt

Mã số khách hàng (CIF No.): 1473932

Số tài khoản	Tên tài khoản	Loại tiền	Ngày mở	Số dư tài khoản
8603366888	CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT	VND	11/06/2024	0

Ghi chú: Tài khoản phong tỏa kể từ ngày 18/04/2025 để: Thực hiện việc nhận tiền chào bán chứng khoán trong đợt chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 06022025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/02/2025 của Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt.

Ngân hàng chúng tôi xác nhận sẽ thực hiện phong tỏa tài khoản số 8603366888 (Tài khoản VND) và thực hiện giải tỏa tài khoản khi nhận được Văn bản đề nghị của Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt gửi BIDV và Bản sao hợp lệ Thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc thông tin được đăng tải trên website của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán thêm cổ phần ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ của Cổ Phần Chứng Khoán Thiên Việt, theo quy định tại Khoản 9 Điều 41 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Xin trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và hợp tác của Quý khách hàng!

GIAO DỊCH VIÊN

(Ký và ghi rõ họ tên)


Lê Hoàng


ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH
LÃNH ĐẠO PHÒNG
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Thị Ngọc Mai

Chia sẻ cơ hội, Hợp tác thành công
www.bidv.com.vn